**PHẦN II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**I. Lĩnh vực Đào tạo-Sát hạch, Cấp, Đổi giấy phép lái xe**

**1. Đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

- Người có Giấy phép lái xe nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Giấy phép lái xe được đổi trong các trường hợp sau:

+ Giấy phép lái xe bằng giấy bìa đang lưu hành còn thời hạn sử dụng được đổi sang giấy phép lái xe bằng vật liệu PET;

+ Giấy phép lái xe có thời gian thực hiện việc đổi giấy phép lái xe trước khi hết thời hạn sử dụng;

+ Giấy phép lái xe bị hỏng;

+ Người có Giấy phép lái xe hạng E đủ 55 tuổi đối với nam, 50 tuổi đối với nữ được đổi Giấy phép lái xe từ hạng D trở xuống;

+ Năm sinh, họ, tên, tên đệm ghi trên Giấy phép lái xe có sai lệch so với năm sinh, họ, tên, tên đệm trên giấy chứng minh nhân dân.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ, xác minh (nếu Giấy phép lái xe xin đổi không do cơ quan đó cấp) cấp đổi Giấy phép lái xe và cắt góc Giấy phép lái xe cũ (trừ giấy phép lái xe do nước ngoài cấp).

(Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe được chụp ảnh trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Bình Dương và xuất trình bản chính các hồ sơ (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu).

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Kê khai trực tuyến cấp độ 3 theo địa chỉ ( <http://gplx.gov.vn/defaut.aspx>) .

- Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị đổi Giấy phép lái xe theo mẫu;

- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định (trừ người có giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3 và người có nhu cầu tách giấy phép lái xe có thời hạn và không thời hạn);

- Bản sao giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân (đối với người Việt Nam ) hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**  Không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép lái xe.

**8. Phí, lệ phí:**

- Lệ phí cấp GPLX: 135.000 đồng/lần

- Giá cước và chính sách miễn, giảm giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích được ban hành kèm theo Quyết định 1268/QĐ- BĐVN của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam ngày 11/11/2017.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị đổi Giấy phép lái xe.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

**-** Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

***Mẫu:***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE** (1)

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Bình Dương

Tôi là: Quốc tịch

Sinh ngày:…../…../….. Nam, Nữ: ……

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nơi cư trú:

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu): …

cấp ngày …../…../…..

Nơi cấp: Đã học lái xe tại: năm

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng: số:

do: cấp ngày …../…../…..

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:

Lý do:

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;

- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;

- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm *(2).*

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…………, ngày ….. tháng ….. năm 20…..* **NGƯỜI LÀM ĐƠN** *(Ký và ghi rõ họ, tên)* |

**2. Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

Người có Giấy phép lái xe nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ, cấp đổi Giấy phép lái xe và cắt góc Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp; trả hồ sơ đổi Giấy phép lái xe cho người có Giấy phép lái xe.

(Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe được chụp ảnh trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Bình Dương và xuất trình bản chính các hồ sơ (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu).

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị đổi Giấy phép lái xe theo mẫu;

- Bản sao Quyết định thôi phục vụ trong quân đội thời hạn không quá 06 tháng tính từ ngày Thủ trưởng cấp trung đoàn trở lên hoặc quyết định chấm dứt hợp đồng lao động thời gian không quá 06 tháng tính từ ngày cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quốc phòng ký;

- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định trừ trường hợp đổi giấy phép A1, A2, A3;

- Bản sao Giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng; Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh dân dân.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép lái xe.

**8. Phí, lệ phí:**

Lệ phí cấp GPLX: 135.000 đồng/lần.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị đổi Giấy phép lái xe.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Người có giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng khi thôi phục vụ trong quân đội (phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành, nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động trong các doanh nghiệp quốc phòng...);

- Quyết định ra quân tính đến ngày làm thủ tục không quá 06 tháng

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

**-** Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

***Mẫu:***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE** (1)

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Bình Dương

Tôi là: Quốc tịch

Sinh ngày:…../…../….. Nam, Nữ: ……

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nơi cư trú:

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu): …

cấp ngày …../…../…..

Nơi cấp: Đã học lái xe tại: năm

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng: số:

do: cấp ngày …../…../…..

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:

Lý do:

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;

- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;

- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm *(2).*

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…………, ngày ….. tháng ….. năm 20…..* **NGƯỜI LÀM ĐƠN** *(Ký và ghi rõ họ, tên)* |

**3. Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

Người có Giấy phép lái xe nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải Bình Dương tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ, cấp đổi Giấy phép lái xe và cắt góc Giấy phép lái xe do ngành công an cấp; trả hồ sơ đổi Giấy phép lái xe cho người có Giấy phép lái xe.

(Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe được chụp ảnh trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Bình Dương và xuất trình bản chính các hồ sơ (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu).

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

-  ***Hồ sơ đổi Giấy phép lái xe mô tô do ngành công an cấp trước ngày 01/8/1995:***

+ Đơn đề nghị đổi Giấy phép lái xe theo mẫu;

+ Bản sao giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân (đối với người Việt Nam );

+ Hồ sơ gốc (nếu có).

***- Hồ sơ đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp từ ngày 01/8/1995:***

+ Đơn đề nghị đổi Giấy phép lái xe theo mẫu;

+ Bản sao Quyết định ra khỏi ngành (hoặc nghỉ hưu) của cấp có thẩm quyền;

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy lái xe hạng A1, A2, A3;

+ Bản sao Giấy phép lái xe của ngành công an cấp còn thời hạn sử dụng, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân (đối với người Việt Nam ).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép lái xe.

**8. Phí, lệ phí:**

- Lệ phí: 135.000 đồng/lần.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:**Đơn đề nghị đổi Giấy phép lái xe.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Cán bộ, chiến sĩ công an có Giấy phép lái xe do ngành công an cấp sau ngày 31/7/1995 còn thời hạn sử dụng.

- Giấy phép lái xe không quá thời hạn sử dụng theo quy định; không bị tẩy xóa, rách nát; còn đủ các yếu tố cần thiết để đổi giấy phép lái xe hoặc không có sự khác biệt về nhận dạng.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

**-** Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

***Mẫu:***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE** (1)

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Bình Dương

Tôi là: Quốc tịch

Sinh ngày:…../…../….. Nam, Nữ: ……

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nơi cư trú:

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu): …

cấp ngày …../…../…..

Nơi cấp: Đã học lái xe tại: năm

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng: số:

do: cấp ngày …../…../…..

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:

Lý do:

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;

- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;

- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm *(2).*

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…………, ngày ….. tháng ….. năm 20…..* **NGƯỜI LÀM ĐƠN** *(Ký và ghi rõ họ, tên)* |

**4. Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

- Người có Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bình Dương tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ, cấp đổi Giấy phép lái xe và trả hồ sơ đổi Giấy phép lái xe cho người có giấy phép lái xe.

- Trường hợp phát hiện có nghi vấn về giấy phép lái xe nước ngoài, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Đại sứ quán, Lãnh sự quán của quốc gia cấp giấy phép lái xe tại Việt Nam xác minh.

- Trường hợp phát hiện có nghi vấn về hộ chiếu, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh thư ngoại giao, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Bộ ngoại giao, Cục Quản lý Xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an, Phòng quản lý Xuất nhập cảnh thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác minh.

(Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe được chụp ảnh trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Bình Dương và xuất trình bản chính các hồ sơ (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu).

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị đổi Giấy phép lái xe theo mẫu;

- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe;

- Bản sao hộ chiếu ( phần số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam), giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh thư ngoại giao hoặc công vụ do Bộ Ngoại giao Việt Nam cấp hoặc bản sao thẻ cư trú, thẻ lưu trú, thẻ tạm trú, thẻ thường trú, giấy tờ xác minh định cư lâu dài tại Việt Nam đối với người nước ngoài.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép lái xe.

**8. Phí, lệ phí:**

- Lệ phí: 135.000 đồng/lần.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị đổi Giấy phép lái xe.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Người nước ngoài cư trú, làm việc, học tập tại Việt Nam có giấy chứng minh thư ngoại giao giấy chứng minh thư công vụ thẻ cư trú, thẻ lưu trú, thẻ tạm trú, thẻ thường trú với thời gian từ 03 tháng trở lên, có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng.

- Giấy phép lái xe nước ngoài không bị tẩy xóa,rách nát; còn đủ các yếu tố cần thiết để đổi giấy phép lái xe hoặc không có sự khác biệt về nhận dạng.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

**-** Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

***Mẫu:***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE** (1)

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Bình Dương

Tôi là: Quốc tịch

Sinh ngày:…../…../….. Nam, Nữ: ……

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nơi cư trú:

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu): …

cấp ngày …../…../…..

Nơi cấp: Đã học lái xe tại: năm

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng: số:

do: cấp ngày …../…../…..

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:

Lý do:

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;

- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;

- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm *(2).*

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…………, ngày ….. tháng ….. năm 20…..* **NGƯỜI LÀM ĐƠN** *(Ký và ghi rõ họ, tên)* |

*Ghi chú:*

*(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*

*(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.*

***Mẫu:***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM   
Independence- Freedom - Happiness  
--------------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ  
APPLICATION FORM FOR EXCHANGE OF DRIVER’S LICENCE**

(Dùng cho người nước ngoài) - (For Foreigner only)

Kính gửi (To): Sở Giao thông vận tải Bình Dương).  
 (Transport Department Binh Duong)

Tôi là (Full name):

Quốc tịch (Nationality):

Ngày tháng năm sinh (Date of birth):

Hiện cư trú tại (Permanent Address):

Số hộ chiếu (Passport No.):

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): ……… tháng (month) ……… năm (year)…….

Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current Driving Licence No.):

Cơ quan cấp (Issuing Office):

Tại (Place of issue):

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): ….. tháng (month) ….. năm (year)…..

Lý do xin đổi giấy phép lái xe (Purpose of application for new driving licence):

Định cư lâu dài tại Việt Nam/không định cư lâu dài tại Việt Nam (Long time of staying in Viet Nam/Short time of staying in Viet Nam).

Gửi kèm theo đơn gồm có (Documents enclosed as follows):

- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài đã được công chứng (Translation of current foreign driving licence with notation);

- Bản sao hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh) [Copy of passport (included pages: full name, photograph, valid visa)].

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…………, ngày (date ….. tháng (month ….. năm (year)……..* **NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)** *(Ký và ghi rõ họ, tên)**(Signature and Full name)* |

**5. Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

- Người lái xe nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bình Dương tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ, đổi Giấy phép lái xe, giao Giấy phép lái xe mới cho người đổi. Trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Đại sứ quán, Lãnh sự quán của quốc gia cấp giấy phép lái xe tại Việt Nam xác minh.

(Khi đến nhận giấy phép lái xe tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Bình Dương, người lái xe xuất trình bản chính các hồ sơ (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị đổi Giấy phép lái xe theo mẫu;

- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe;

- Bản sao có chứng thực danh sách xuất nhập cảnh của Bộ Công an hoặc bản sao hộ chiếu gồm phần số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam;

- Một ảnh màu cỡ 3x4 cm nền ảnh màu xanh, kiểu chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng quản lý đào tạo và sát hạch cấp Giấy phép lái xe thuộc Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép lái xe.

**8. Phí, lệ phí:**

Lệ phí: 135.000 đồng/lần.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Khách du lịch nước ngoài lái xe đăng ký nước ngoài vào Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

**-** Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

***Mẫu:***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM   
Independence- Freedom - Happiness  
--------------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ  
APPLICATION FORM FOR EXCHANGE OF DRIVER’S LICENCE**

(Dùng cho người nước ngoài) - (For Foreigner only)

Kính gửi (To): Sở Giao thông vận tải Bình Dương  
 (Transport Department Binh Duong)

Tôi là (Full name):

Quốc tịch (Nationality):

Ngày tháng năm sinh (Date of birth):

Hiện cư trú tại (Permanent Address):

Số hộ chiếu (Passport No.):

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): ……… tháng (month) ……… năm (year)…….

Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current Driving Licence No.):

Cơ quan cấp (Issuing Office):

Tại (Place of issue):

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): ….. tháng (month) ….. năm (year)…..

Lý do xin đổi giấy phép lái xe (Purpose of application for new driving licence):

Định cư lâu dài tại Việt Nam/không định cư lâu dài tại Việt Nam (Long time of staying in Viet Nam/Short time of staying in Viet Nam).

Gửi kèm theo đơn gồm có (Documents enclosed as follows):

- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài đã được công chứng (Translation of current foreign driving licence with notation);

- Bản sao hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh) [Copy of passport (included pages: full name, photograph, valid visa)].

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…………, ngày (date ….. tháng (month ….. năm (year)……..* **NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)** *(Ký và ghi rõ họ, tên)**(Signature and Full name)* |

**6. Cấp mới Giấy phép lái xe**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

**-** Cá nhân học lái xe lần đầu, học lái xe nâng hạng nộp hồ sơ dự học, sát hạch để cấp Giấy phép lái xe tại cơ sở được phép đào tạo lái xe.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ sở đào tạo lái xe lập danh sách, báo cáo danh sách người dự học với Sở Giao thông vận tải Bình Dương (địa chỉ: tầng 12A, Tháp A, Trung tâm Hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương).

- Cơ sở đào tạo tổ chức đào tạo theo chương trình quy định; nộp hồ sơ và báo cáo danh sách đề nghị sát hạch với Sở Giao thông vận tải Bình Dương.

- Sở Giao thông vận tải Bình Dương tiếp nhận hồ sơ, báo cáo sát hạch, tổ chức sát hạch lái xe và cấp Giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch.

- Người học lái xe khi đến nộp hồ sơ được cơ sở đào tạo chụp ảnh trực tiếp lưu giữ trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ sở đào tạo lái xe.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

***\* Đối với người dự sát hạch lái xe lần đầu:***

*- Hồ sơ do người học lái xe nộp:*

+ Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp Giấy phép lái xe theo mẫu;

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

+ Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 06 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.

*- Hồ sơ do cơ sở đào tạo lái xe nộp:*

+ Hồ sơ của người học lái xe;

+ Chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo đối với người dự sát hạch lái xe hạng A4, B1, B2 và C;

+ Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch.

*\** ***Đối với người dự sát hạch nâng hạng Giấy phép lái xe lên hạng B1 số, B2, C, D, E và các hạng F:***

*- Hồ sơ do người học nâng hạng Giấy phép lái xe nộp:*

+ Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp Giấy phép lái xe theo mẫu;

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

+ Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 06 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;

+ Bản khai thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn theo mẫu và phải chịu trách nhiệm về nội dung khai trước pháp luật;

+ Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc bằng cấp tương đương trở lên đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe lên hạng D, E (xuất trình bản chính khi kiểm tra hồ sơ dự sát hạch);

+ Bản sao giấy phép lái xe (xuất trình bản chính khi dự sát hạch và nhận giấy phép lái xe);

*- Hồ sơ do cơ sở đào tạo lái xe nộp:*

+ Hồ sơ của người học nâng hạng Giấy phép lái xe;

+ Chứng chỉ sơ cấp nghề hoặc chứng chỉ đào tạo nâng hạng;

+ Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch nâng hạng.

( Người học lái xe khi đến nộp hồ sơ được cơ sở đào tạo chụp ảnh trực tiếp lưu giữ trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe ).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Chậm nhất không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Giấy phép lái xe.

- Thời hạn của Giấy phép lái xe:

+ Giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3 không có thời hạn.   
+ Giấy phép lái xe hạng B1 cấp cho người lái xe có thời hạn đến đủ 55 tuổi đối với nữ và đến đủ 60 tuổi đối với nam; trong trường hợp người lái xe trên 45 tuổi đối với nữ và trên 50 tuổi đối với nam thì giấy phép lái xe được cấp có thời hạn 10 năm, kể từ ngày cấp.   
+ Giấy phép lái xe hạng A4, B2 có thời hạn 10 năm, kể từ ngày cấp.  
+ Giấy phép lái xe hạng C, D, E, FB2, FC, FD, FE có thời hạn 05 năm, kể từ ngày cấp.

**8. Phí, lệ phí:**

**- Lệ phí: 135.000 đ/lần.**

- Phí sát hạch lái xe:

+ Đối với thi sát hạch lái xe mô tô ( hạng xe A1, A2, A3, A4): sát hạch lý thuyết: 40.000đồng/lần; sát hạch thực hành: 50.000đồng/lần

+ Đối với thi sát hạch lái xe ô tô ( hạng xe B1, B2, C, D, E, F): sát hạch lý thuyết: 90.000 đồng/lần; sát hạch trong hình: 300.000 đồng/lần; sát hạch trên đường giao thông công cộng: 60.000 đồng/lần.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp Giấy phép lái xe;

- Bản khai thời gian và số km lái xe an toàn.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc đang làm việc, học tập tại Việt Nam

- Đủ tuổi (tính đến ngày dự sát hạch lái xe), sức khoẻ, trình độ văn hóa theo quy định; đối với người học để nâng hạng giấy phép lái xe, có thể học trước nhưng chỉ được dự sát hạch khi đủ tuổi theo quy định.

- Người học để nâng hạng giấy phép lái xe phải có đủ thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn như sau:   
+ Hạng B1số tự động lên B1: thời gian lái xe từ 01 năm trở lên và 12.000 km lái xe an toàn trở lên;

+ B1 lên B2: thời gian lái xe từ 01 năm trở lên và 12.000 km lái xe an toàn trở lên;   
+ B2 lên C, C lên D, D lên E; các hạng B2, C, D, E lên hạng F tương ứng: thời gian hành nghề 03 năm trở lên và 50.000 km lái xe an toàn trở lên;   
+ B2 lên D, C lên E: thời gian hành nghề 05 năm trở lên và 100.000 km lái xe an toàn trở lên.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

**-** Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

***Mẫu:***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Ảnh màu

3 x 4 cm chụp không quá 6 tháng

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH**

**ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE**

Kính gửi:............................................................

Tôi là: .........................................................Quốc tịch: .......................................

Sinh ngày:……….tháng………năm……….......................................................

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:..........................................................................

Nơi cư trú:..............................................................................................................

.................................................................................................................................

Số chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):................

Cấp ngày……tháng……năm…….., Nơi cấp:.......................................................

Đã có giấy phép lái xe số:......................hạng...............do:................................... .........................................................................cấp ngày...........tháng.......năm.......

Đề nghị cho tôi được học, dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng.....................

Đăng ký tích hợp giấy phép lái xe □

*Xin gửi kèm theo:*

- 01 giấy chứng nhận đủ sức khỏe;

- 02 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm, chụp không quá 06 tháng;

- Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu (đối với người nước ngoài);

- Các tài liệu khác có liên quan gồm:

...............................................................................................................................

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

*..........., ngày.......tháng......năm.....20....*   **NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------------**

**BẢN KHAI**

**THỜI GIAN HÀNH NGHỀ VÀ SỐ KM LÁI XE AN TOÀN**

Tôi là:....................................................................................................

Sinh ngày: ….. / ……. / ……. Nam, Nữ:…….

Nơi cư trú:..............................................................................................................

Có giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân số:.............................

Cấp ngày: ……. / …… / …….. Nơi cấp:...............................................................

Hiện tại tôi có giấy phép lái xe số:........................................ , hạng.......................

do:...................................................................................cấp ngày: ….. / ….. /…..

Từ ngày được cấp giấy phép lái xe đến nay, tôi đã có ….. năm lái xe và có ………… km lái xe an toàn.

Đề nghị …………………………………cho tôi được dự sát hạch nâng hạng lấy giấy phép lái xe hạng …

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………., ngày ….. tháng ….. năm 20…..* **NGƯỜI KHAI** *(Ký và ghi rõ họ, tên)* |

**7. Cấp lại Giấy phép lái xe**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

**- Người lái xe** nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương**.**

**- Cấp lại Giấy phép lái xe áp dụng trong các trường hợp sau:**

**+ Giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng trở lên;**

**+ Giấy phép lái xe bị mất.**

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bình Dương tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; xác minh Giấy phép lái xe (nếu Giấy phép lái xe không do cơ quan đó cấp); xét cấp lại Giấy phép lái xe hoặc yêu cầu sát hạch lại theo quy định để cấp lại Giấy phép lái xe.

( Khi đến thực hiện thủ tục cấp lại giấy phép lái xe được chụp ảnh trực tiếp và xuất trình các bản chính để đối chiếu, trừ các bản chính đã gửi).

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

***- Trường hợp Giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng:***

+ Đơn đề nghị cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu;

+ Bản sao giấy phép lái hết hạn. + Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

+ Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 06 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;

+ Giấy khám sức khoẻ của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;

***- Trường hợp Giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 3 tháng:***

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép lái xe theo mẫu;

+ Hồ sơ gốc phù hợp với Giấy phép lái xe (nếu có);

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp cấp lại giấy phép lái xe không thời hạn các hạng A1, A2, A3;

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân đối với người Việt Nam hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

***- Trường hợp Giấy phép lái xe bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng trở lên, có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, không thuộc trường hợp đang bị cơ quan có thẩm quyền thu giữ:***

+ Đơn đề nghị cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu;

+ Hồ sơ gốc phù hợp với Giấy phép lái xe (nếu có);

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

+ Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 06 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;

+ Giấy khám sức khoẻ của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

**+** Trường hợp được xét cấp lại GPLX: nếu không phát hiện đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý thì sau 02 tháng kể từ ngày nộp đủ hồ sơ theo quy định được cấp lại giấy phép lái xe;

+ Trường hợp phải dự sát hạch lại: không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép lái xe.

**8. Phí, lệ phí:**

- Lệ phí: 135.000 đ/lần.

- Phí sát hạch lái xe:

+ Đối với thi sát hạch lái xe mô tô (hạng A1, A2, A3, A4): sát hạch lý thuyết 40.000đ/lần; sát hạch thực hành 50.000đ/lần.

+ Đối với thi sát hạch lái xe ô tô các hạng (B1, B2, C, D, E, F): sát hạch lý thuyết: 90.000 đồng/lần; sát hạch trong hình: 300.000 đồng/lần; sát hạch trên đường giao thông công cộng: 60.000 đồng/1lần.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép lái xe.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Người có giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng đến dưới 01 năm, kể từ ngày hết hạn, phải sát hạch lại lý thuyết để cấp lại giấy phép lái xe; Từ 01 năm trở lên, kể từ ngày hết hạn, phải sát hạch lại cả lý thuyết và thực hành để cấp lại giấy phép lái xe.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

**-** Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

Kính gửi:Tổng cục ĐBVN (Sở Giao thông vận tải...)

Tôi là:.........................................................................Quốc tịch:.............................

Sinh ngày:.............tháng.........năm ........, Giới tính: Nam (nữ)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ...........................................................................

................................................................................................................................

Nơi cư trú:...............................................................................................................

Số giấy CMND hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):.........................cấp ngày.........tháng........năm.............

Nơi cấp:.......................... Đã học lái xe tại:.........................................năm...........

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:..................số:....................................................

do..................................................................cấp ngày.........tháng...........năm........

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:...........

Lý do:.....................................................................................................................

*Xin gửi kèm theo:*

- 01 giấy chứng nhận sức khoẻ;

- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;

- Hồ sơ gốc lái xe ;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm (2).

*........., ngày.......tháng.......năm 20....*

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

*Ghi chú:*

*(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*

*(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xoá, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị cơ quan quản lý giấy phép lái xe ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.*

**8. Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

**Cá nhân hoặc cơ sở đào tạo** nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bình Dương tiếp nhận hồ sơ cá nhân hoặc danh sách do cơ sở đào tạo lập theo mẫu quy định; tổ chức kiểm tra, đánh giá. Trường hợp cá nhân không đủ điều kiện, Sở trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Sở Giao thông vận tải Bình Dương cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe đối với cá nhân đạt kết quả kiểm tra, đánh giá và vào sổ theo dõi.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-**Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo mẫu;

- Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy trình độ sơ cấp (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

- Giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;

- Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

- 01 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bình Dương.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.

**8. Phí, lệ phí: Không có.**

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị tập huấn, cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Cá nhân phải dự tập huấn và kiểm tra đạt yêu cầu theo quy định.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

***Mẫu:***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**

**GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Bình Dương

Tôi là:....................................................Quốc tịch:...............................................

Sinh ngày:…………..tháng ……………………năm……………………………

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:………...……………………………………

Nơi cư trú:...........................................................................................................

Có giấy chứng minh nhân dân số: ......................cấp ngày…....tháng........năm......

Nơi cấp:..................................................................................................................

Có giấy phép lái xe số: ....................., hạng ...........do:..................................

cấp ngày .......tháng .........năm ......

Đề nghị cho tôi được tham gia tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy

thực hành lái xe hạng..........................................

Xin gửi kèm theo:

- 01 bản sao có chứng thực Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy trình độ sơ cấp;

- 01 bản sao có chứng thực Giấy phép lái xe (còn thời hạn);

- 01 bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;

- 02 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm, chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

*.............., ngày .......tháng......năm 20....*

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**9. Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe**

**1. Trình tự thực hiện :**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

**Cá nhân hoặc cơ sở đào tạo** nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (Cơ sở đào tạo do Sở quản lý).

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bình Dương tiếp nhận hồ sơ cá nhân hoặc hồ sơ, danh sách do cơ sở đào tạo lập. Trường hợp cá nhân không đủ điều kiện, Sở trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Giao thông vận tải Bình Dương cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe và vào sổ theo dõi.

**2. Cách thức thực hiện**

**-**Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo mẫu quy định;

- Giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;

- 01 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bình Dương.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bình Dương.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.

**8. Phí, lệ phí: Không có.**

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:**

Đơn đề nghị tập huấn, cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe .

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Điều kiện giáo viên dạy thực hành

- Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy trình độ sơ cấp;

- Giáo viên dạy lái xe ô tô phải có giấy phép lái xe hạng tương ứng hoặc cao hơn hạng xe đào tạo, nhưng không thấp hơn hạng B2;

- Giáo viên dạy các hạng B1, B2 phải có giấy phép lái xe đủ thời gian từ 03 năm trở lên, kể từ ngày được cấp; giáo viên dạy các hạng C, D, E và F phải có giấy phép lái xe đủ thời gian từ 05 năm trở lên, kể từ ngày được cấp;

- Đã qua tập huấn về nghiệp vụ dạy thực hành lái xe theo chương trình do cơ quan có thẩm quyền ban hành và được cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**

**GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE**

**Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Bình Dương**

Tôi là:....................................................Quốc tịch:...............................................

Sinh ngày:…………..tháng ……………………năm……………………………

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:………...……………………………………

Nơi cư trú:...........................................................................................................

Có giấy chứng minh nhân dân số: ......................cấp ngày…....tháng........năm......

Nơi cấp:..................................................................................................................

Có giấy phép lái xe số: ....................., hạng ...........do:..................................

cấp ngày .......tháng .........năm ......

Đề nghị cho tôi được tham gia tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy

thực hành lái xe hạng..........................................

Xin gửi kèm theo:

- 01 bản sao có chứng thực Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy trình độ sơ cấp;

- 01 bản sao có chứng thực Giấy phép lái xe (còn thời hạn);

- 01 bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;

- 02 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm, chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

- Các tài liệu khác có liên quan gồm:……………………………………. .……………………………………………………………………………………

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

*.............., ngày .......tháng......năm 20....*

NGƯỜI LÀM ĐƠN

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**10. Cấp Giấy phép xe tập lái**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

Cơ sở đào tạo nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải Bình Dương tiếp nhận hồ sơ, tổ chức kiểm tra cấp Giấy phép xe tập lái cho cơ sở đào tạo tại thời điểm kiểm tra cấp giấy phép đào tạo. Trường hợp không cấp Giấy phép, Sở trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện**

**-**Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Danh sách xe đề nghị cấp Giấy phép xe tập lái theo mẫu;

- Hồ sơ xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái gồm: giấy đăng ký xe (bản sao); giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ còn thời hạn (bản sao); giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự còn hiệu lực (bản sao).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy phép đào tạo cho cơ sở đào tạo.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép xe tập lái.

**8. Phí, lệ phí: Không**

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:** Danh sách xe đề nghị cấp Giấy phép xe tập lái.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Là cơ sở đào tạo lái xe do cơ quan có thẩm quyền thành lập;

- Xe tập lái phải đủ tiêu chuẩn theo quy định.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG……………. TRUNG TÂM…………** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**Kính gửi:** Sở Giao thông vận tải Bình Dương.

Trường (Trung tâm)……….. đề nghị Sở Giao thông vận tải Bình Dương xem xét, cấp Giấy phép xe tập lái cho số xe của cơ sở đào tạo theo danh sách dưới đây:

**DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Biển số đăng ký** | **Xe của cơ sở đào tạo** | **Xe hợp đồng** | **Nhãn hiệu** | **Loại xe** | **Số động cơ** | **Số khung** | **Giấy chứng nhận kiểm định ATKT&BVMT** | | **Ghi chú** |
| **Ngày cấp** | **Ngày hết hạn** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: | *……….., ngày ….. tháng…… năm 20….* **HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**11. Cấp lại Giấy phép xe tập lái**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

Khi Giấy phép xe tập lái hết hạn, Cơ sở đào tạo nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải Bình Dương tiếp nhận hồ sơ, tổ chức kiểm tra cấp Giấy phép xe tập lái cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp Giấy phép, Sở trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-**Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Danh sách xe đề nghị cấp Giấy phép xe tập lái theo mẫu;

- Hồ sơ xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái gồm: giấy đăng ký xe (bản sao); giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ còn thời hạn (bản sao); giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự còn hiệu lực (bản sao).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Không quá 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép xe tập lái.

**8. Phí, lệ phí: Không có**

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:** Danh sách xe đề nghị cấp Giấy phép xe tập lái.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Là cơ sở đào tạo lái xe do cơ quan có thẩm quyền thành lập;

- Xe tập lái phải đủ tiêu chuẩn theo quy định.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG……………. TRUNG TÂM…………** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**Kính gửi:** Sở Giao thông vận tải Bình Dương.

Trường (Trung tâm)……….. đề nghị Sở Giao thông vận tải Bình Dương xem xét, cấp Giấy phép xe tập lái cho số xe của cơ sở đào tạo theo danh sách dưới đây:

**DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Biển số đăng ký** | **Xe của cơ sở đào tạo** | **Xe hợp đồng** | **Nhãn hiệu** | | **Loại xe** | **Số động cơ** | **Số khung** | **Giấy chứng nhận kiểm định ATKT&BVMT** | | **Ghi chú** | |
| **Ngày cấp** | **Ngày hết hạn** |
|  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: | | | | | | *……….., ngày ….. tháng…… năm 20….* **HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)** *(Ký tên, đóng dấu)* | | | | | | |

**12. Cấp mới Giấy phép đào tạo lái xe ôtô**

**1. Trình tự thực hiện :**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

Sau khi hoàn thành xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư phương tiện, trang thiết bị dạy lái xe theo tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn của cơ sở đào tạo lái xe ô tô; Tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bình Dương tiếp nhận xem xét hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đủ theo quy định, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải Bình Dương phải hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.

- Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bình Dương chủ trì phối hợp với cơ quan quản lý dạy nghề ở địa phương tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo và lập biên bản và cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đủ điều kiện. Trường hợp không cấp giấy phép, Sở trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-**Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe theo mẫu;

- Quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp của cơ quan có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

- Giấy đăng ký xe (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

d) Cơ quan phối hợp: Cơ quan quản lý dạy nghề tại địa phương.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép đào tạo lái xe ô tô.

**8. Phí, lệ phí: Không có.**

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính: Báo cáo đề nghị cấp Giấy phép đào tạo lái xe.**

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Là cơ sở đào tạo lái xe do cơ quan có thẩm quyền thành lập,có chức năng đào tạo lái xe;

- Cơ sở đào tạo lái xe phải phù hợp với quy hoạch cơ sở đào tạo lái xe được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt và đáp ứng các điều kiện tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn của cơ sở đào tạo lái xe theo quy định.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

*Mẫu:*

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**CƠ SỞ ĐÀO TẠO** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE**

**I - GIỚI THIỆU CHUNG**

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc), các phòng ban.....

Địa chỉ liên lạc:............................................................................................

Điện thoại:.............................. Fax:.............................................................

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:

3. Quyết định thành lập số, ngày, của...

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo /năm.

**II - BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE**

1. Đào tạo lái xe từ năm.......... loại xe (xe con, xe tải...tấn, xe khách, xe kéo rơ moóc...) theo văn bản số...........ngày ... tháng.......năm 20....của................

Từ đầu đến nay đã đào tạo được.................. học sinh, lái xe loại................

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại...., thời gian đào tạo....tháng (đối với từng loại, số học sinh mỗi loại).

*(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)*

3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m2), đủ hay thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: cabin, mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp ... (đối chiếu với quy định để báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị

kiểm tra (thống kê và trình bày hiện vật).

5. Đội ngũ giáo viên:

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:..........

- Số giáo lượng viên dạy thực hành:..........

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH**

**(hoặc LÝ THUYẾT) LÁI XE**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Họ và tên** | **Ngày**  **tháng năm** s**inh** | **Số**  **Chứng minh nhân dân** | **Đơn vị công tác** | **Hình thức tuyển dụng** | | **Trình độ** | | | **Hạng**  **Giấy phép lái xe** | **Ngày**  **trúng**  **tuyển** | **Thâm niên dạy lái** | **Ghi chú** |
| **Biên chế** | **Hợp đồng**  (thời hạn) | **Văn hoá** | **Chuyên**  **môn** | **Sư phạm** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

6. Xe tập lái: Số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học sinh tập.

- Chủng loại: Số xe thông dụng; số xe kiểu cũ.

- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %); tỉ lệ đổi mới.

- Thiết bị dạy lái trên xe.

- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép xe tập lái.

**DANH SÁCH XE TẬP LÁI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Số đăng ký xe | Mác xe | Hạng xe | Năm  sản xuất | Chủ sở hữu/hợp đồng | Hệ thống phanh phụ (có, không) | Giấy phép xe tập lái (có, không) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |  |  |

Ghi chú: Danh sách sắp xếp thứ tự các hạng B, C, D, E, F gửi kèm bản photocopy có chứng thực hoặc công chứng giấy đăng ký từng xe.

7. Sân tập lái: diện tích: ……........m2

- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.

- Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung, đề nghị.

**HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)**

*(Ký tên, đóng dấu*

**13. Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ôtô**

**1. Trình tự thực hiện :**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Giấy phép đào tạo lái xe ô tô được cấp lại khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo, bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan tới nội dung khác thì cơ sở đào tạo lái xe ô tô lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**b) Giải quyết TTHC:**

- Sở Giao thông vận tải Bình Dương tiếp nhận, xem xét hồ sơ.

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bình Dương phối hợp với cơ quan quản lý dạy nghề tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo và lập biên bản.

- Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, nếu đủ điều kiện, Sở Giao thông vận tải Bình Dương cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp giấy phép, Sở trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-**Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo hồ sơ gồm:

+ Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe theo mẫu;

+ Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Giấy đăng ký xe (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

- Trường hợp cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan tới nội dung khác hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô và nêu rõ lý do hỏng, mất, nội dung cần thay đổi.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

d) Cơ quan phối hợp: Cơ quan quản lý dạy nghề tại địa phương.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép đào tạo lái xe ô tô.

**8. Phí, lệ phí: Không có.**

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:** Báo cáo đề nghị cấp Giấy phép đào tạo lái xe.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

*Mẫu:*

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**CƠ SỞ ĐÀO TẠO** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE**

**I - GIỚI THIỆU CHUNG**

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc), các phòng ban.....

Địa chỉ liên lạc:............................................................................................

Điện thoại:.............................. Fax:.............................................................

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:

3. Quyết định thành lập số, ngày, của...

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo /năm.

**II - BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE**

1. Đào tạo lái xe từ năm.......... loại xe (xe con, xe tải...tấn, xe khách, xe kéo rơ moóc...) theo văn bản số...........ngày ... tháng.......năm 20....của................

Từ đầu đến nay đã đào tạo được.................. học sinh, lái xe loại................

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại...., thời gian đào tạo....tháng (đối với từng loại, số học sinh mỗi loại).

*(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)*

3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m2), đủ hay thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: cabin, mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp ... (đối chiếu với quy định để báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị

kiểm tra (thống kê và trình bày hiện vật).

5. Đội ngũ giáo viên:

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:..........

- Số giáo lượng viên dạy thực hành:..........

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH**

**(hoặc LÝ THUYẾT) LÁI XE**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Họ và tên** | **Ngày**  **tháng năm** s**inh** | **Số**  **Chứng minh nhân dân** | **Đơn vị công tác** | **Hình thức tuyển dụng** | | **Trình độ** | | | **Hạng**  **Giấy phép lái xe** | **Ngày**  **trúng**  **tuyển** | **Thâm niên dạy lái** | **Ghi chú** |
| **Biên chế** | **Hợp đồng**  (thời hạn) | **Văn hoá** | **Chuyên**  **môn** | **Sư phạm** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

6. Xe tập lái: Số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học sinh tập.

- Chủng loại: Số xe thông dụng; số xe kiểu cũ.

- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %); tỉ lệ đổi mới.

- Thiết bị dạy lái trên xe.

- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép xe tập lái.

**DANH SÁCH XE TẬP LÁI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Số đăng ký xe | Mác xe | Hạng xe | Năm  sản xuất | Chủ sở hữu/hợp đồng | Hệ thống phanh phụ (có, không) | Giấy phép xe tập lái (có, không) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |  |  |

Ghi chú: Danh sách sắp xếp thứ tự các hạng B, C, D, E, F gửi kèm bản photocopy có chứng thực hoặc công chứng giấy đăng ký từng xe.

7. Sân tập lái: diện tích: ……........m2

- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.

- Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung, đề nghị.

**HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**14. Cấp mới Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị Cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.   
b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bình Dương tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận. Trường hợp không cấp, Sở trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-**Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy phép xây dựng (Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể, hồ sơ thiết kế kích thước hình sát hạch, loại xe cơ giới dùng để sát hạch.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bình Dương.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:**  Không có.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Điều kiện chung của trung tâm sát hạch lái xe

+ Được thành lập theo quy định của pháp luật;

+ Trung tâm sát hạch lái xe loại 3 được xây dựng phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Điều kiện về cơ sở vật chất

+ Điều kiện chung

\* Diện tích trung tâm sát hạch lái xe: Trung tâm loại 3 có diện tích không nhỏ hơn 4.000 m2;

\* Trung tâm phải có đủ phương tiện, thiết bị đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn cháy nổ;

\* Xe cơ giới dùng để sát hạch:

Số lượng: Sát hạch lái xe trong hình hạng A1 tối thiểu 02 xe và các hạng khác tối thiểu mỗi hạng 01 xe.

Xe sát hạch lái xe trong hình thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân có trung tâm sát hạch.

\* Thiết bị sát hạch lý thuyết: Tối thiểu 02 máy chủ (server); tối thiểu 10 máy trạm đối với trung tâm sát hạch lái xe loại 3;

\* Thiết bị sát hạch thực hành lái xe trong hình: Tối thiểu 02 máy tính cài đặt phần mềm điều hành và quản lý sát hạch đối với mỗi loại trung tâm sát hạch;

+ Điều kiện kỹ thuật

Trung tâm sát hạch phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ do Bộ Giao thông vận tải ban hành gồm: Làn đường, đèn tín hiệu giao thông, hệ thống báo hiệu đường bộ, vạch giới hạn, vỉa hè hình sát hạch, cọc chuẩn và hình các bài sát hạch trong sân sát hạch; xe cơ giới dùng để sát hạch; thiết bị sát hạch lý thuyết; thiết bị sát hạch thực hành lái xe trong hình; thiết bị sát hạch thực hành lái xe trên đường; nhà điều hành và công trình phụ trợ khác.

1. **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**15. Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động đến:

- Tổng cục Đường bộ Việt Nam đối với trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2;

- Sở Giao thông vận tải đối với trung tâm sát hạch lái xe loại 3.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: trong thời gian không quá 10 ngày làm việc, kề từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Tổng cục Đường bộ Việt Nam phối hợp với Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động; Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp lại, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận: trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận cho trung tâm sát hạch. Trường hợp không cấp lại, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-**Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động;

- Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận và nêu rõ lý do hỏng, mất hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe:

Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Tổng cục Đường bộ Việt Nam phối hợp với Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động; Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp lại, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận:

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận cho trung tâm sát hạch. Trường hợp không cấp lại, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Đường bộ Việt Nam; Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Tổng cục Đường bộ Việt Nam; Sở Giao thông vận tải Bình Dương.

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải Bình Dương đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:** Không có.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

a) Đối với trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2:

- Điều kiện chung của trung tâm sát hạch lái xe

+ Được thành lập theo quy định của pháp luật;

+ Trung tâm sát hạch lái xe loại 1 và loại 2 được xây dựng phù hợp với quy hoạch mạng lưới trung tâm sát hạch của Bộ Giao thông vận tải.

- Điều kiện về cơ sở vật chất

+ Điều kiện chung

\* Diện tích trung tâm sát hạch lái xe: Trung tâm loại 1 có diện tích không nhỏ hơn 35.000 m2; trung tâm loại 2 có diện tích không nhỏ hơn 20.000 m2;

\* Trung tâm phải có đủ phương tiện, thiết bị đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn cháy nổ;

\* Xe cơ giới dùng để sát hạch:

Số lượng: Sát hạch lái xe trong hình hạng A1, B1, B2 và C tối thiểu mỗi hạng 02 xe và các hạng khác tối thiểu mỗi hạng 01 xe; sát hạch lái xe trên đường tối thiểu mỗi hạng 01 xe.

Xe sát hạch lái xe trong hình thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân có trung tâm sát hạch; có giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện xe cơ giới đường bộ còn giá trị sử dụng; có hệ thống phanh phụ được lắp đặt theo quy định. Riêng xe sát hạch lái xe hạng FC có thể sử dụng xe hợp đồng với thời hạn và số lượng phù hợp với nhu cầu sát hạch.

Xe sát hạch lái xe trên đường phải đảm bảo các điều kiện tham gia giao thông theo quy định của Luật giao thông đường bộ; có hệ thống phanh phụ bố trí bên ghế ngồi của sát hạch viên, kết cấu chắc chắn, thuận tiện, an toàn, bảo đảm hiệu quả phanh trong quá trình sử dụng; có thể sử dụng xe hợp đồng thời hạn từ 01 năm trở lên với số lượng không vượt quá 50% số xe sở hữu cùng hạng tương ứng của tổ chức, cá nhân có trung tâm sát hạch; có gắn 02 biển “SÁT HẠCH”;

\* Thiết bị sát hạch lý thuyết: Tối thiểu 02 máy chủ (server); tối thiểu 20 máy trạm đối với trung tâm sát hạch lái xe loại 1 hoặc loại 2;

\* Thiết bị sát hạch thực hành lái xe trong hình: Tối thiểu 02 máy tính cài đặt phần mềm điều hành và quản lý sát hạch đối với mỗi loại trung tâm sát hạch;

\* Thiết bị sát hạch thực hành lái xe trên đường: Có ít nhất 02 máy tính cài đặt phần mềm điều hành và quản lý sát hạch, 01 máy tính làm chức năng máy chủ và điều hành có đường thuê bao riêng và địa chỉ IP tĩnh.

+ Điều kiện kỹ thuật

Trung tâm sát hạch phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ do Bộ Giao thông vận tải ban hành gồm: Làn đường, đèn tín hiệu giao thông, hệ thống báo hiệu đường bộ, vạch giới hạn, vỉa hè hình sát hạch, cọc chuẩn và hình các bài sát hạch trong sân sát hạch; xe cơ giới dùng để sát hạch; thiết bị sát hạch lý thuyết; thiết bị sát hạch thực hành lái xe trong hình; thiết bị sát hạch thực hành lái xe trên đường; nhà điều hành và công trình phụ trợ khác.

b) Đối với trung tâm sát hạch lái xe loại 3:

- Điều kiện chung của trung tâm sát hạch lái xe

+ Được thành lập theo quy định của pháp luật;

+ Trung tâm sát hạch lái xe loại 3 được xây dựng phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Điều kiện về cơ sở vật chất

+ Điều kiện chung

\* Diện tích trung tâm sát hạch lái xe: Trung tâm loại 3 có diện tích không nhỏ hơn 4.000 m2;

\* Trung tâm phải có đủ phương tiện, thiết bị đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn cháy nổ;

\* Xe cơ giới dùng để sát hạch:

Số lượng: Sát hạch lái xe trong hình hạng A1 tối thiểu 02 xe và các hạng khác tối thiểu mỗi hạng 01 xe.

Xe sát hạch lái xe trong hình thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân có trung tâm sát hạch.

\* Thiết bị sát hạch lý thuyết: Tối thiểu 02 máy chủ (server); tối thiểu 10 máy trạm đối với trung tâm sát hạch lái xe loại 3;

\* Thiết bị sát hạch thực hành lái xe trong hình: Tối thiểu 02 máy tính cài đặt phần mềm điều hành và quản lý sát hạch đối với mỗi loại trung tâm sát hạch;

+ Điều kiện kỹ thuật

Trung tâm sát hạch phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ do Bộ Giao thông vận tải ban hành gồm: Làn đường, đèn tín hiệu giao thông, hệ thống báo hiệu đường bộ, vạch giới hạn, vỉa hè hình sát hạch, cọc chuẩn và hình các bài sát hạch trong sân sát hạch; xe cơ giới dùng để sát hạch; thiết bị sát hạch lý thuyết; thiết bị sát hạch thực hành lái xe trong hình; thiết bị sát hạch thực hành lái xe trên đường; nhà điều hành và công trình phụ trợ khác.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**16. Cấp Giấy phép lái xe quốc tế**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bình Dương tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. trường hợp đơn đề nghị không đúng theo quy định thì hướng dẫn thực hiện ngay khi tiếp nhận;

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp Giấy phép lái xe quốc tế Sở Giao thông vận tải Bình Dương thực hiện việc cấp Giấy phép lái xe quốc tế cho cá nhân; trường hợp không cấp thì Sở có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lái xe quốc tế theo mẫu;

- Bản chính giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp, hộ chiếu, thẻ thường trú (đối với người nước ngoài) còn giá trị để xuất trình.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép lái xe quốc tế.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép lái xe quốc tế theo mẫu.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Đối tượng được cấp Giấy phép lái xe quốc tế: Người Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú tại Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp bằng vật liệu PET. còn giá trị sử dụng.

- Trường hợp Giấy phép lái xe quốc gia bị tẩy xóa, hư hỏng không còn đủ các thông tin cần thiết hoặc có sự khác biệt về nhận dạng; Giấy phép lái xe quốc gia không do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định thì sẽ không được cấp Giấy phép lái xe quốc tế.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 07/6/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế.

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness  
---------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ   
APPLICATION FORM FOR ISSUANCE OF INTERNATIONAL DRIVING PERMIT**

Kính gửi (To): Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải …………)  
 (Directorate for Roads of Viet Nam (Transport Department ……..)

Tôi là (Full name):...............................................................................................

Quốc tịch (Nationality):.......................................................................................

Ngày tháng năm sinh (Date of birth):......................................................................

Hiện thường trú tại (Place of normal residence):....................................................

Số hộ chiếu (Passport No.):.....................................................................................

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): ……… tháng (month) …. năm (year) ……

Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current Driving Licence No.):......

Cơ quan cấp (Issuing Office):.................................................................................

Tại (Place of issue):.................................................................................................

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): …… tháng (month) …. năm (year) …….

Có giá trị đến (Valid until): ngày (date): ……. tháng (month) …. năm (year) …

Lý do xin cấp giấy phép lái xe (Purpose of application for International Driving Permit):

.................................................................................................................................

Gửi kèm theo đơn gồm có (Documents enclosed as follows):

- 01 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm, nền mầu trắng (01 colour photograph 3 x 4 cm, white panel).

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.  
I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *…………, ngày (date) ... tháng (month) … năm (year) …*  **NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)**  *(Ký và ghi rõ họ tên)*  *(Signature and Full name)*  **17. Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế**  **1. Trình tự thực hiện:**  a) Nộp hồ sơ TTHC:  Khi Giấy phép bị mất hoặc hư hỏng, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.  b) Giải quyết TTHC:  - Sở Giao thông vận tải Bình Dương tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp đơn đề nghị không đúng theo quy định thì hướng dẫn thực hiện ngay khi tiếp nhận;  - Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế, Sở Giao thông vận tải Bình Dương thực hiện việc cấp Giấy phép lái xe quốc tế cho cá nhân; trường hợp không cấp thì phải trả lời và nêu rõ lý do.  **2. Cách thức thực hiện:**  **-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;  **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**  a) Thành phần hồ sơ:  - Đơn đề nghị cấp Giấy phép lái xe quốc tế theo mẫu;  - Bản chính giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp, hộ chiếu, thẻ thường trú (đối với người nước ngoài) còn giá trị để xuất trình.  b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.  **4. Thời hạn giải quyết:** Không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.  **5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.  **6. Cơ quan thực hiện TTHC:**  a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;  d) Cơ quan phối hợp: Không có.  **7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép lái xe quốc tế.  **8. Phí, lệ phí:** Không có.  **9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép lái xe quốc tế theo mẫu.  **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**  - Đối tượng được cấp Giấy phép lái xe quốc tế: Người Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú tại Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp bằng vật liệu PET. còn giá trị sử dụng.  - Trường hợp Giấy phép lái xe quốc gia bị tẩy xóa, hư hỏng không còn đủ các thông tin cần thiết hoặc có sự khác biệt về nhận dạng; Giấy phép lái xe quốc gia không do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định thì sẽ không được cấp Giấy phép lái xe quốc tế.  **11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**  Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 07/6/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế.  *Mẫu:*  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence - Freedom - Happiness ---------------**  **ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ  APPLICATION FORM FOR ISSUANCE OF INTERNATIONAL DRIVING PERMIT**  Kính gửi (To): Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải …………..) (Directorate for Roads of Viet Nam (Transport Department ……..)  Tôi là (Fullname):................................................................................................  Quốc tịch(Nationality):.......................................................................................  Ngày tháng năm sinh (Date ofbirth):..................................................................  Hiện thường trú tại (Place of normal residence):.................................................  Số hộ chiếu Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): ……… tháng (month) …. năm(year) …..  Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current Driving LicenceNo.):....  Cơ quan cấp (Issuing Office):.............................................................................  Tại (Place of issue):...........................................................................................  Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): …… tháng (month) …. năm(year) ……  Có giá trị đến (Valid until): ngày (date): ……. tháng (month) …. năm (year)  Lý do xin cấp giấy phép lái xe (Purpose of application for International Driving Permit):................................................................................................................  Gửi kèm theo đơn gồm có (Documents enclosed as follows):  - 01 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm, nền mầu trắng (01 colour photograph 3 x 4 cm, white panel).  Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật. I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.   |  |  | | --- | --- | |  | *…………, ngày (date) ... tháng (month) … năm (year) …* **NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)** *(Ký và ghi rõ họ tên)* *(Signature and Full name)* | |

**II. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ (39 TTHC)**

**18. Cấp phù hiệu xe nội bộ**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp, hợp tác xã có văn bản đề nghị cấp phù hiệu xe nội bộ nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị có xe nội bộ. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đúng hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị có xe nội bộ. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

- Kê khai trực tuyến cấp độ 4 theo địa chỉ ( http://qlvt.mt.gov.vn).

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp), Giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Phù hiệu xe nội bộ.

**8. Phí, lệ phí:** không có.

- Giá cước và chính sách miễn, giảm giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích được ban hành kèm theo Quyết định 1268/QĐ- BĐVN của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam ngày 11/11/2017.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Không có.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị vận tải:...............** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.............. /.............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU**

Kính gửi:..........(Sở Giao thông vận tải)...............

1. Tên đơn vị vận tải:..............................................................................................

2. Địa chỉ:................................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):.............................................................................................

Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:……………………………………

Đề nghị được cấp: (1)..............................................................................................

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Biển kiểm soát | Sức chứa | Nhãn hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Tuyến cố định (Hợp đồng, du lịch, taxi, xe tải…) |
| 1  2  .. |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện đơn vị vận tải** (Ký tên, đóng dấu) |

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu đơn vị xin cấp.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Sở GTVT:..(1)....** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.............. /......... | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG CỦA XE Ô TÔ THAM GIA**

**KINH DOANH VẬN TẢI**

Kính gửi: Sở GTVT..(2)...............................................

Sở GTVT …(1). đề nghị Sở GTVT … (2) xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải như sau:

1.Tên doanh nghiệp/ hợp tác xã.............................................................................

2. Trụ sở:.................................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):............................................................................................

4. Giấy phép kinh doanh vận tải số:........ do.......................................................... cấp ngày......... tháng......... năm...................

Đề nghị Sở GTVT …(2)…xác nhận xe ô tô mang biển số …thuộc sở hữu (quyền sử dụng hợp pháp) của.....(tên doanh nghiệp/HTX)....chưa được cấp Phù hiệu **(hoặc đã trả lại phù hiệu)** để chuyển đến hoạt động kinh doanh vận tải do Sở GTVT...(1)....quản lý.

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của Sở Giao thông vận tải**(2) *Ngày..... tháng...... năm...... (Ký tên, đóng dấu)* | **Sở Giao thông vận tải (1)** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Ghi tên Sở GTVT địa phương nơi phương tiện cấp phù hiệu;

(2) Ghi tên Sở GTVT nơi phương tiện chuyển đến.

**19. Cấp lại phù hiệu xe nội bộ**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Trước khi phù hiệu hết hiệu lực tối thiểu 10 ngày, phù hiệu bị mất, hỏng, doanh nghiệp, hợp tác xã có văn bản đề nghị cấp lại phù hiệu xe nội bộ đến Sở Giao thông vận tải tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị có xe nội bộ. Trường hợp từ chối không cấp lại, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đúng hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị có xe nội bộ. Trường hợp từ chối không cấp lại, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp lại phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

- Kê khai trực tuyến cấp độ 4 theo địa chỉ ( http://qlvt.mt.gov.vn).

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp), Giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Phù hiệu xe nội bộ.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

- Giá cước và chính sách miễn, giảm giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích được ban hành kèm theo Quyết định 1268/QĐ- BĐVN của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam ngày 11/11/2017.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Không có.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị vận tải:............** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.............. /.............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU**

Kính gửi:..........(Sở Giao thông vận tải)...............

1. Tên đơn vị vận tải:..............................................................................................

2. Địa chỉ:................................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):.............................................................................................

Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:……………………………………

Đề nghị được cấp: (1)..............................................................................................

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Biển kiểm soát | Sức chứa | Nhãn hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Tuyến cố định (hợp đồng, du lịch, taxi, xe tải…) |
| 1  2  .. |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện đơn vị vận tải** (Ký tên, đóng dấu) |

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu đơn vị xin cấp.

*Mẫu***:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Sở GTVT:..(1)....** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.............. /................. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG CỦA XE Ô TÔ THAM GIA**

**KINH DOANH VẬN TẢI**

Kính gửi: Sở GTVT..(2)...............................................

Sở GTVT …(1). đề nghị Sở GTVT … (2) xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải như sau:

1.Tên doanh nghiệp/ hợp tác xã.............................................................................

2. Trụ sở:.................................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):............................................................................................

4. Giấy phép kinh doanh vận tải số:........ do.......................................................... cấp ngày......... tháng......... năm...................

Đề nghị Sở GTVT …(2)…xác nhận xe ô tô mang biển số …thuộc sở hữu (quyền sử dụng hợp pháp) của.....(tên doanh nghiệp/HTX)....chưa được cấp Phù hiệu **(hoặc đã trả lại phù hiệu)** để chuyển đến hoạt động kinh doanh vận tải do Sở GTVT...(1)....quản lý.

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của Sở Giao thông vận tải (2)** *Ngày..... tháng...... năm...... (Ký tên, đóng dấu)* | **Sở Giao thông vận tải (1)** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Ghi tên Sở GTVT địa phương nơi phương tiện cấp phù hiệu;

(2) Ghi tên Sở GTVT nơi phương tiện chuyển đến.

**20. Cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản (gửi kèm theo 01 bộ hồ sơ gồm: 02 bảng kê thông tin và trang thiết bị của phương tiện theo quy, bảng kê theo mẫu; 02 bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; Giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa các thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải. Đối với những phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính thì Sở Giao thông vận tải nơi nhận hồ sơ phải lấy ý kiến xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký theo quy định) gửi Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch nơi đơn vị kinh doanh đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh để lấy ý kiến xác nhận;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch tổ chức kiểm tra phương tiện (kiểm tra tại đơn vị kinh doanh vận tải) và có văn bản trả lời. Hết thời gian quy định trên mà không có văn bản trả lời, coi như Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch đã đồng ý cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải;

- Trong thời hạn tối đa là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến, Sở Giao thông vận tải tổ chức cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch. Trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản cho đơn vị kinh doanh và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

- Kê khai trực tuyến cấp độ 4 theo địa chỉ ( http://qlvt.mt.gov.vn).

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch theo mẫu;

- 02 bảng kê thông tin và trang thiết bị của phương tiện quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL, Bảng kê theo mẫu;

- 02 bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; Giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa các thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải; ý kiến xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký (đối với những phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính);

- Cung cấp tên Trang thông tin điện tử của đơn vị kinh doanh vận tải, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào thiết bị giám sát hành trình của các xe đề nghị cấp biển hiệu;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe hoặc Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc Thẻ thuyết minh viên du lịch (đối với trường hợp nhân viên phục vụ trên xe có Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc thuyết minh viên); Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ vận tải của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn tối đa là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến, Sở Giao thông vận tải tổ chức cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch, Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

**-** Biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch;

- Biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch có giá trị theo thời hạn có hiệu lực của Giấy phép kinh doanh vận tải và không quá niên hạn sử dụng của phương tiện.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

- Giá cước và chính sách miễn, giảm giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích được ban hành kèm theo Quyết định 1268/QĐ- BĐVN của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam ngày 11/11/2017.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch;

- Bảng kê.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:**

**-** Xe ô tô vận tải khách du lịch phải bảo đảm nội thất và tiện nghi như sau:

+ Xe ô tô dưới 09 chỗ phải có các trang thiết bị bao gồm: điều hòa nhiệt độ, thùng chứa đồ uống, dụng cụ y tế sơ cấp cứu, túi thuốc dự phòng, bình chữa cháy, dụng cụ thoáthiểm, tên và số điện thoại của chủ phương tiện tại vị trí phía sau ghế của lái xe;

+ Xe ô tô từ 09 chỗ đến dưới 24 chỗ, ngoài các quy định tại Điểm a Khoản này còn phải trang bị thêm: rèm cửa chống nắng, bảng hướng dẫn an toàn, thùng đựng rác;

+ Xe ô tô từ 24 chỗ trở lên (trừ ô tô chuyên dụng caravan), ngoài các quy định tại Điểm b Khoản này còn phải trang bị thêm micro, ti vi, nơi cất giữ hành lý cho khách du lịch; có trang thiết bị hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật theo quy định.

+ Xe ô tô vận tải khách du lịch có niên hạn sử dụng không quá 15 năm; xe ô tô chuyển đổi công năng không được hoạt động kinh doanh vận tải khách du lịch.

- Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

+ Phải đáp ứng các quy định của pháp luật đối với lái xe và phải được tập huấn nghiệp vụ du lịch;

+ Phải thực hiện khám sức khỏe định kỳ theo quy định của Bộ Y tế.

+ Nhân viên phục vụ trên xe ô tô vận tải khách du lịch phải được tập huấn nghiệp vụ du lịch (trừ trường hợp nhân viên phục vụ trên xe có Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc thuyết minh viên).

- Đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch:

+ Có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, trong đó có loại hình kinh doanh vận tải khách du lịch theo quy định.

+ Có biện pháp bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe và tài sản của khách du lịch trong quá trình vận chuyển; mua bảo hiểm hành khách cho khách du lịch theo phương tiện vận chuyển.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư số 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25/5/2015 liên tịch giữa Bộ GTVT và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vận tải khách du lịch bằng xe ô tô và cấp biển hiệu cho xe ô tô vận tải khách du lịch.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Số:……./……………. *……,ngày…….tháng……..năm*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ   
CẤP BIỂN HIỆU “XE VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH”**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải …………………………………………………..

Tên đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch:.......................................................

Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.............................................................................

Trụ sở:.................................................................................................................

Trang thông tin điện tử...........................................................................................

Tên đăng nhập ………………………………….. Mật khẩu truy cập....................

Số điện thoại: ………………………..Fax: …………………… Email.................

Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô số...... do... .cấp ngày…../…../.....

Lĩnh vực kinh doanh:...............................................................................................

Phương tiện đề nghị cấp biển hiệu: ..........................................  xe (danh sách xe kèm theo)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên hiệu xe | Màu sơn | Biển kiểm soát xe | Số khung | Số máy | Số chỗngồi | Năm  SX |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |

Các giấy tờ liên quan kèm theo (Kê khai theo quy định tại Điều 8 của Thông tư liên tịch này):

1…

2…

…..

Lý do đề nghị: (cấp mới, cấp lại, cấp đổi do mất hoặc hỏng).

Đơn vị kinh doanh cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

Nơi nhận: **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

- Như trên; (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

- Lưu: VT.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Số:……./……………. *……,ngày…….tháng……..năm…….*

**BẢNG KÊ THÔNG TIN VÀ TRANG THIẾT BỊ CỦA PHƯƠNG TIỆN**

Tên đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch:...................................................

Tên giao dịch quốc tế (nếu có)..............................................................................

Trụ sở:.................................................................................................................

Số điện thoại: ………………………………… (Fax):...........................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại xe** | **Biểnsố** | **Màusơn** | **Tên hiệu xe** | **Số**  **khung** | **Số máy** | **Năm**  **SX** | **Thông tin và trang thiết bị** | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | |
| Dưới 9 chỗ | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
| Từ 9 đến dưới 24 chỗ | ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
| Trên 24 chỗ | ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |

(1): Điều hòa nhiệt độ;

(2): Thùng chứa đồ uống;

(3): Dụng cụ y tế sơ cấp cứu;

(4): Túi thuốc dự phòng;

(5): Bình chữa cháy;

(6): Dụng cụ thoát hiểm;

(7): Tên và số điện thoại của chủ phương tiện tại vị trí phía sau ghế của người lái xe;

(8): Rèm cửa chống nắng;

(9): Bảng hướng dẫn an toàn;

(10): Thùng đựng rác;

(11): Micro;

(12): Ti vi;

(13): Nơi cất giữ hành lý cho khách du lịch;

(14): Trang thiết bị hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật theo quy định.

*Ghi chú: Đơn vị kinh doanh vận tải lập danh sách xe theo loại xe và đánh dấu (x) vào các thông tin, trang thiết bị có trên xe.*

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

**Nơi nhận: NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

- Như trên; (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

- Sở GTVT….;

- Sở VHTTDL(Sở Du lịch);

**21. Cấp lại biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đối với biển hiệu hết hiệu lực, đơn vị kinh doanh vận tải đề nghị cấp lại trước khi hết hiệu lực tối thiểu 10 ngày, nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản (gửi kèm theo 01 bộ hồ sơ gồm: 02 bảng kê thông tin và trang thiết bị của phương tiện theo quy, bảng kê theo mẫu; 02 bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; Giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa các thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải. Đối với những phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính thì Sở Giao thông vận tải nơi nhận hồ sơ phải lấy ý kiến xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký theo quy định) gửi Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch nơi đơn vị kinh doanh đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh để lấy ý kiến xác nhận;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch tổ chức kiểm tra phương tiện (kiểm tra tại đơn vị kinh doanh vận tải) và có văn bản trả lời. Hết thời gian quy định trên mà không có văn bản trả lời, coi như Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch đã đồng ý cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải;

- Trong thời hạn tối đa là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến, Sở Giao thông vận tải tổ chức cấp lại biển hiệu xe vận tải khách du lịch. Trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản cho đơn vị kinh doanh và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

- Kê khai trực tuyến cấp độ 4 theo địa chỉ ( http://qlvt.mt.gov.vn).

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch theo mẫu;

- 02 bảng kê thông tin và trang thiết bị của phương tiện quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL, Bảng kê theo mẫu;

- 02 bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; Giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa các thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải; ý kiến xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký (đối với những phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính);

- Cung cấp tên Trang thông tin điện tử của đơn vị kinh doanh vận tải, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào thiết bị giám sát hành trình của các xe đề nghị cấp biển hiệu;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe hoặc Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc Thẻ thuyết minh viên du lịch (đối với trường hợp nhân viên phục vụ trên xe có Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc thuyết minh viên); Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ vận tải của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn tối đa là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến, Sở Giao thông vận tải tổ chức cấp lại biển hiệu xe vận tải khách du lịch.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch, Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

- Giá cước và chính sách miễn, giảm giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích được ban hành kèm theo Quyết định 1268/QĐ- BĐVN của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam ngày 11/11/2017.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch;

- Bảng kê.

**10. Yêu cầu điều kiện TTHC:**

**-** Xe ô tô vận tải khách du lịch phải bảo đảm nội thất và tiện nghi như sau:

+ Xe ô tô dưới 09 chỗ phải có các trang thiết bị bao gồm: điều hòa nhiệt độ, thùng chứa đồ uống, dụng cụ y tế sơ cấp cứu, túi thuốc dự phòng, bình chữa cháy, dụng cụ thoáthiểm, tên và số điện thoại của chủ phương tiện tại vị trí phía sau ghế của lái xe;

+ Xe ô tô từ 09 chỗ đến dưới 24 chỗ, ngoài các quy định tại Điểm a Khoản này còn phải trang bị thêm: rèm cửa chống nắng, bảng hướng dẫn an toàn, thùng đựng rác;

+ Xe ô tô từ 24 chỗ trở lên (trừ ô tô chuyên dụng caravan), ngoài các quy định tại Điểm b Khoản này còn phải trang bị thêm micro, ti vi, nơi cất giữ hành lý cho khách du lịch; có trang thiết bị hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật theo quy định.

+ Xe ô tô vận tải khách du lịch có niên hạn sử dụng không quá 15 năm; xe ô tô chuyển đổi công năng không được hoạt động kinh doanh vận tải khách du lịch.

- Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

+ Phải đáp ứng các quy định của pháp luật đối với lái xe và phải được tập huấn nghiệp vụ du lịch;

+ Phải thực hiện khám sức khỏe định kỳ theo quy định của Bộ Y tế.

+ Nhân viên phục vụ trên xe ô tô vận tải khách du lịch phải được tập huấn nghiệp vụ du lịch (trừ trường hợp nhân viên phục vụ trên xe có Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc thuyết minh viên).

- Đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch:

+ Có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, trong đó có loại hình kinh doanh vận tải khách du lịch theo quy định.

+ Có biện pháp bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe và tài sản của khách du lịch trong quá trình vận chuyển; mua bảo hiểm hành khách cho khách du lịch theo phương tiện vận chuyển.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư số 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25/5/2015 liên tịch giữa Bộ GTVT và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vận tải khách du lịch bằng xe ô tô và cấp biển hiệu cho xe ô tô vận tải khách du lịch.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Số:……./…………….  *…,ngày…….tháng……..năm*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ   
CẤP BIỂN HIỆU “XE VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH”**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải …………………………………………………..

Tên đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch:..........................................................

Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.................................................................................

Trụ sở:.......................................................................................................................

Trang thông tin điện tử............................................................................................

Tên đăng nhập ………………………………….. Mật khẩu truy cập....................

Số điện thoại: ……………………..Fax: …………………… Email..................

Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô số...... do... .cấp ngày…../…../.....

Lĩnh vực kinh doanh:..............................................................................................

Phương tiện đề nghị cấp biển hiệu: ..........................................  xe (danh sách xe kèm theo)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên hiệu xe | Màu sơn | Biển kiểm soát xe | Số khung | Số máy | Số chỗngồi | Năm  SX |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |

Các giấy tờ liên quan kèm theo (Kê khai theo quy định tại Điều 8 của Thông tư liên tịch này):

1…

2…

…..

Lý do đề nghị: (cấp mới, cấp lại, cấp đổi do mất hoặc hỏng).

Đơn vị kinh doanh cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

Nơi nhận: **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

|  |
| --- |
|  |

- Như trên; (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

- Lưu: VT.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Số:……./……………. *……,ngày…….tháng……..năm…….*

**BẢNG KÊ THÔNG TIN VÀ TRANG THIẾT BỊ CỦA PHƯƠNG TIỆN**

Tên đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch:........................................................

Tên giao dịch quốc tế (nếu có)...............................................................................

Trụ sở:..................................................................................................................

Số điện thoại: ………………………………… (Fax):...........................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại xe** | **Biểnsố** | **Màusơn** | **Tên hiệu xe** | **Số**  **khung** | **Số máy** | **Năm**  **SX** | **Thông tin và trang thiết bị** | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) |
| Dưới 9 chỗ | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Từ 9 đến dưới 24 chỗ | ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Trên 24 chỗ | ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

(1): Điều hòa nhiệt độ;

(2): Thùng chứa đồ uống;

(3): Dụng cụ y tế sơ cấp cứu;

(4): Túi thuốc dự phòng;

(5): Bình chữa cháy;

(6): Dụng cụ thoát hiểm;

(7): Tên và số điện thoại của chủ phương tiện tại vị trí phía sau ghế của người lái xe;

(8): Rèm cửa chống nắng;

(9): Bảng hướng dẫn an toàn;

(10): Thùng đựng rác;

(11): Micro;

(12): Ti vi;

(13): Nơi cất giữ hành lý cho khách du lịch;

(14): Trang thiết bị hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật theo quy định.

*Ghi chú: Đơn vị kinh doanh vận tải lập danh sách xe theo loại xe và đánh dấu (x) vào các thông tin, trang thiết bị có trên xe.*

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

**Nơi nhận: NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

- Như trên; (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

- Sở GTVT….;

- Sở VHTTDL(Sở Du lịch);

**22. Cấp đổi biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Trong thời gian sử dụng, nếu biển hiệu bị mất hoặc hỏng không sử dụng được, đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch, Sở Giao thông vận tải tổ chức cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch. Trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản cho đơn vị kinh doanh và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

- Kê khai trực tuyến cấp độ 4 theo địa chỉ ( http://qlvt.mt.gov.vn).

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch theo mẫu;

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn tối đa là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

**-** Biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch;

- Thời hạn sử dụng biển hiệu cấp đổi tính theo thời hạn còn lại của biển hiệu đã bị mất hoặc hỏng.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

- Giá cước và chính sách miễn, giảm giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích được ban hành kèm theo Quyết định 1268/QĐ- BĐVN của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam ngày 11/11/2017.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư số 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25/5/2015 liên tịch giữa Bộ GTVT và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vận tải khách du lịch bằng xe ô tô và cấp biển hiệu cho xe ô tô vận tải khách du lịch.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Số:……./…………….  *…,ngày…….tháng……..năm*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ   
CẤP BIỂN HIỆU “XE VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH”**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải …………………………………………

Tên đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch:.......................................................

Tên giao dịch quốc tế (nếu có):...............................................................................

Trụ sở:...................................................................................................................

Trang thông tin điện tử............................................................................................

Tên đăng nhập ………………………………….. Mật khẩu truy cập...................

Số điện thoại: ………………………..Fax: …………………Email....................

Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô số.. do... .cấp ngày.../…../……….

Lĩnh vực kinh doanh:...............................................................................................

Phương tiện đề nghị cấp biển hiệu: ..........................................  xe (danh sách xe kèm theo)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên hiệu xe | Màu sơn | Biển kiểm soát xe | Số khung | Số máy | Số chỗngồi | Năm SX |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |

Các giấy tờ liên quan kèm theo (Kê khai theo quy định tại Điều 8 của Thông tư liên tịch này):

1…

2…

Lý do đề nghị: (cấp mới, cấp lại, cấp đổi do mất hoặc hỏng).

Đơn vị kinh doanh cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

Nơi nhận: **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

|  |
| --- |
|  |

- Như trên; (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

- Lưu: VT.

**23. Cấp phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp, hợp tác xã có văn bản đề nghị cấp phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đúng hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

- Kê khai trực tuyến cấp độ 4 theo địa chỉ ( http://qlvt.mt.gov.vn).

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải. Đối với những phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính thì phải có xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký theo mẫu.

- Cung cấp tên Trang thông tin điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào thiết bị giám sát hành trình của các xe đề nghị cấp phù hiệu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

Phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; xe nội bộ; xe trung chuyển.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

- Giá cước và chính sách miễn, giảm giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích được ban hành kèm theo Quyết định 1268/QĐ- BĐVN của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam ngày 11/11/2017.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Không có.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô tham gia khai thác trên tuyến khi có văn bản chấp thuận khai thác tuyến; chấp thuận điều chỉnh tần suất chạy xe; thông báo thay xe, bổ sung xe nhưng không làm tăng tần suất chạy xe của doanh nghiệp, hợp tác xã;

- Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô tham gia khai thác trên tuyến khi có văn bản công bố tuyến, chấp thuận bổ sung, thay thế xe.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị vận tải:...........** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.............. /.............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU**

Kính gửi:..........(Sở Giao thông vận tải)...............

1. Tên đơn vị vận tải:..............................................................................................

2. Địa chỉ:................................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):.............................................................................................

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô......... ngày.....tháng....năm...., nơi cấp .............................................

Số lượng phù hiệu chạy xe nộp lại:……………………………………

Đề nghị được cấp: (1)..............................................................................................

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Biển kiểm soát | Sức chứa | Nhãn hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Tuyến cố định (hợp đồng, du lịch, taxi, xe tải…) |
| 1  2  .. |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện đơn vị vận tải** (Ký tên, đóng dấu) |

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu đơn vị xin cấp.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Sở GTVT:..(1)....** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.............. /................. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG CỦA XE Ô TÔ THAM GIA**

**KINH DOANH VẬN TẢI**

Kính gửi: Sở GTVT..(2)...............................................

Sở GTVT …(1). đề nghị Sở GTVT … (2) xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải như sau:

1.Tên doanh nghiệp/ hợp tác xã.............................................................................

2. Trụ sở:.................................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):............................................................................................

4. Giấy phép kinh doanh vận tải số:........ do.......................................................... cấp ngày......... tháng......... năm...................

Đề nghị Sở GTVT …(2)…xác nhận xe ô tô mang biển số …thuộc sở hữu (quyền sử dụng hợp pháp) của.....(tên doanh nghiệp/HTX)....chưa được cấp Phù hiệu **(hoặc đã trả lại phù hiệu)** để chuyển đến hoạt động kinh doanh vận tải do Sở GTVT...(1)....quản lý.

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của Sở Giao thông vận tải**(2) *Ngày..... tháng...... năm...... (Ký tên, đóng dấu)* | **Sở Giao thông vận tải (1)** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Ghi tên Sở GTVT địa phương nơi phương tiện cấp phù hiệu, biển hiệu;

(2) Ghi tên Sở GTVT nơi phương tiện chuyển đến.

**24. Cấp lại phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo,** **xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

  Trước khi phù hiệu hết hiệu lực tối thiểu 10 ngày, phù hiệu bị mất, hỏng, doanh nghiệp, hợp tác xã có văn bản đề nghị cấp lại phù hiệu đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp lại, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đúng hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp lại, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp lại phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

- Kê khai trực tuyến cấp độ 4 theo địa chỉ ( http://qlvt.mt.gov.vn).

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải. Đối với những phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính thì phải có xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký theo mẫu.

- Cung cấp tên Trang thông tin điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào thiết bị giám sát hành trình của các xe đề nghị cấp phù hiệu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

Phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

- Giá cước và chính sách miễn, giảm giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích được ban hành kèm theo Quyết định 1268/QĐ- BĐVN của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam ngày 11/11/2017.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Không có.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô tham gia khai thác trên tuyến khi có văn bản chấp thuận khai thác tuyến; chấp thuận điều chỉnh tần suất chạy xe; thông báo thay xe, bổ sung xe nhưng không làm tăng tần suất chạy xe của doanh nghiệp, hợp tác xã;

- Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô tham gia khai thác trên tuyến khi có văn bản công bố tuyến, chấp thuận bổ sung, thay thế xe.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị vận tải:...........** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.............. /.............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU**

Kính gửi:..........(Sở Giao thông vận tải)...............

1. Tên đơn vị vận tải:..............................................................................................

2. Địa chỉ:................................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):.............................................................................................

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô......... ngày.....tháng....năm...., nơi cấp .............................................

Số lượng phù hiệu chạy xe nộp lại:……………………………………

Đề nghị được cấp: (1)..............................................................................................

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Biển kiểm soát | Sức chứa | Nhãn hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Tuyến cố định (hợp đồng, du lịch, taxi, xe tải…) |
| 1  2  .. |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện đơn vị vận tải** (Ký tên, đóng dấu) |

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu đơn vị xin cấp.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Sở GTVT:..(1)....** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.............. /................. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG CỦA XE Ô TÔ THAM GIA**

**KINH DOANH VẬN TẢI**

Kính gửi: Sở GTVT..(2)...............................................

Sở GTVT …(1). đề nghị Sở GTVT … (2) xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải như sau:

1.Tên doanh nghiệp/ hợp tác xã.............................................................................

2. Trụ sở:.................................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):............................................................................................

4. Giấy phép kinh doanh vận tải số:........ do.......................................................... cấp ngày......... tháng......... năm...................

Đề nghị Sở GTVT …(2)…xác nhận xe ô tô mang biển số …thuộc sở hữu (quyền sử dụng hợp pháp) của.....(tên doanh nghiệp/HTX)....chưa được cấp Phù hiệu **(hoặc đã trả lại phù hiệu)** để chuyển đến hoạt động kinh doanh vận tải do Sở GTVT...(1)....quản lý.

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của Sở Giao thông vận tải**(2) *Ngày..... tháng...... năm...... (Ký tên, đóng dấu)* | **Sở Giao thông vận tải (1)** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Ghi tên Sở GTVT địa phương nơi phương tiện cấp phù hiệu, biển hiệu;

(2) Ghi tên Sở GTVT nơi phương tiện chuyển đến.

**25. Cấp phù hiệu xe trung chuyển**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

  Doanh nghiệp, hợp tác xã có văn bản đề nghị cấp phù hiệu xe trung chuyển nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đúng hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải, đơn vị có xe nội bộ. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

- Kê khai trực tuyến cấp độ 4 theo địa chỉ ( http://qlvt.mt.gov.vn).

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Phù hiệu xe trung chuyển .

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

- Giá cước và chính sách miễn, giảm giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích được ban hành kèm theo Quyết định 1268/QĐ- BĐVN của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam ngày 11/11/2017.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Giấy đề nghị cấp phù hiệu.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

- Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị vận tải:............** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.............. /.............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU**

Kính gửi:..........(Sở Giao thông vận tải)...............

1. Tên đơn vị vận tải:..............................................................................................

2. Địa chỉ:................................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):.............................................................................................

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô......... ngày.....tháng....năm...., nơi cấp .............................................

Số lượng phù hiệu chạy xe nộp lại:……………………………………

Đề nghị được cấp: (1)..............................................................................................

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Biển kiểm soát | Sức chứa | Nhãn hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Tuyến cố định (hợp đồng, du lịch, taxi, xe tải…) |
| 1  2  .. |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện đơn vị vận tải** (Ký tên, đóng dấu) |

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu đơn vị xin cấp.

**26. Cấp lại phù hiệu xe trung chuyển**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Trước khi phù hiệu hết hiệu lực tối thiểu 10 ngày, phù hiệu bị mất, hỏng, doanh nghiệp, hợp tác xã có văn bản đề nghị cấp phù hiệu xe trung chuyển và nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp lại, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đúng hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp lại, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp lại phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

- Kê khai trực tuyến cấp độ 4 theo địa chỉ ( http://qlvt.mt.gov.vn).

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại phù hiệu theo mẫu;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Phù hiệu xe trung chuyển .

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

- Giá cước và chính sách miễn, giảm giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích được ban hành kèm theo Quyết định 1268/QĐ- BĐVN của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam ngày 11/11/2017.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Giấy đề nghị cấp lại phù hiệu

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

- Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị vận tải:...............** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.............. /.............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI PHÙ HIỆU**

Kính gửi:..........(Sở Giao thông vận tải)...............

1. Tên đơn vị vận tải:..............................................................................................

2. Địa chỉ:................................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):.............................................................................................

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô......... ngày.....tháng....năm...., nơi cấp .............................................

Số lượng phù hiệu chạy xe nộp lại:……………………………………

Đề nghị được cấp: (1)..............................................................................................

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Biển kiểm soát | Sức chứa | Nhãn hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Tuyến cố định (hợp đồng, du lịch, taxi, xe tải…) |
| 1  2  .. |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện đơn vị vận tải** (Ký tên, đóng dấu) |

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu đơn vị xin cấp.

**27. Lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách theo tuyến cố định**

**1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới Sở Giao thông vận tải nhưng phải đảm bảo Sở Giao thông vận tải nhận được Hồ sơ lựa chọn trước khi hết hạn nộp Hồ sơ.

**Bước 2:** Trường hợp Hồ sơ của đơn vị đăng ký tham gia lựa chọn được gửi đến Sở Giao thông vận tải sau khi hết hạn nộp Hồ sơ thì được coi là không hợp lệ và không được tham gia lựa chọn;Trường hợp đơn vị đăng ký tham gia lựa chọn muốn sửa đổi hoặc rút Hồ sơ không tham gia phải được thực hiện trước khi hết hạn nộp Hồ sơ và bằng văn bản gửi tới Sở Giao thông vận tải.

**Bước 3:** Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và quản lý các Hồ sơ đã nộp theo chế độ quản lý Hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả lựa chọn đơn vị khai thác; trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong Hồ sơ của đơn vị tham gia lựa chọn cho các cá nhân, tổ chức khác, trừ các thông tin được công khai khi mở Hồ sơ.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đăng ký lựa chọn (Mẫu số 1).

2. Giấy ủy quyền (Mẫu số 2).

3. Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định.

4. Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng ô tô (Mẫu số 3).

5. Bảng kê phương tiện vận tải hành khách (Mẫu số 4).

6. Bảng đăng ký phương tiện huy động thực hiện giờ xe xuất bến (Mẫu số 5).

7. Kế hoạch bảo dưỡng phương tiện.

7.1. Kế hoạch bảo dưỡng phương tiện.

7.2. Kê khai năng lực bảo dưỡng phương tiện (Mẫu số 6).

8. Đăng ký lao động huy động thực hiện giờ chạy xe (Mẫu số 7).

9. Bảng kê chất lượng dịch vụ.

10. Đảm bảo an toàn giao thông.

10.1. Kế hoạch bảo đảm an toàn giao thông (Mẫu số 8).

10.2. Quy trình bảo đảm an toàn giao thông (Mẫu số 9).

11. Bảng kê đánh giá kỹ thuật (Mẫu số 10).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

a. Thời gian công bố Kế hoạch lựa chọn không quá 02 ngày làm việc, kể từ thời điểm Sở Giao thông vận tải hai đầu tuyến kết thúc việc công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử và thông báo bằng văn bản cho các đơn vị tham gia lựa chọn theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT đã được bổ sung, sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT.

b. Thời gian hết hạn nộp Hồ sơ lựa chọn là 10 ngày làm việc, kể từ ngày công bố Kế hoạch lựa chọn.

c. Thời gian tổ chức mở Hồ sơ lựa chọn là 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận Hồ sơ.

d. Thời gian đánh giá Hồ sơ lựa chọn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức mở Hồ sơ.

e. Thời gian ra Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình phê duyệt kết quả lựa chọn.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

a. Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách cố định, Sở Giao thông vận tải đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn lên Trang Thông tin điện tử của Sở, đồng thời gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn tới các đơn vị tham gia lựa chọn (bao gồm cả đơn vị được lựa chọn và đơn vị không được lựa chọn).

b. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn bao gồm:

- Tên đơn vị tham gia lựa chọn được lựa chọn;

- Giờ xe xuất bến được khai thác;

-Tuyến vận tải hành khách cố định được khai thác;

-Thời hạn khai thác tuyến vận tải hành khác cố định;

- Các nội dung cần lưu ý (nếu có);

- Danh sách đơn vị tham gia lựa chọn không được lựa chọn và tóm tắt lý do không được lựa chọn của từng đơn vị.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Giấy đăng ký khai thác tuyến;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô;

- Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:**

Doanh nghiệp, hợp tác xã có Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô được lựa chọn đăng ký khai thác tuyến theo quy hoạch mạng lưới tuyến.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Thông tư số 92/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quy trình lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô.

**Mẫu số 1**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên đơn vị... ------- | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  --------------- |
|  | *……., ngày ….. tháng ….. năm …..* |

ĐƠN ĐĂNG KÝ LỰA CHỌN*(1)*

Kính gửi: \_\_\_\_\_\_\_\_\_*[Ghi tên Sở GTVT tổ chức lựa chọn]*

(sau đây gọi là cơ quan tổ chức lựa chọn)

Sau khi nghiên cứu biểu đồ chạy xe công bố trên Trang Thông tin điện tử của Sở GTVT:…………….., đơn vị: …………..*(Ghi tên đơn vị đăng ký lựa chọn)*, đăng ký khai thác vận tải hành khách tuyến cố định bằng xe ô tô tại các giờ xe xuất bến ………….. *(Ghi các giờ xe xuất bến đăng ký khai thác)*.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ đăng ký lựa chọn này với tư cách là đơn vị đăng ký lựa chọn chính.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không trong thời gian bị cấm khai thác vận tải hành khách tuyến cố định.

4. Những thông tin kê khai trong Hồ sơ đăng ký lựa chọn là trung thực và không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông đồng khi tham dự lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách cố định này.

5. Thực hiện đúng các đề xuất về kỹ thuật và phương án tổ chức đưa ra trong Hồ sơ đăng ký lựa chọn trong suốt quá trình khai thác tuyến vận tải hành khách cố định.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện hợp pháp của đơn vị đăng ký lựa chọn**(2) *(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)* |

Ghi chú:

(1) Đơn vị tham gia lựa chọn lưu ý ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của cơ quan tổ chức lựa chọn, đơn vị đăng ký lựa chọn, được đại diện hợp pháp của đơn vị đăng ký lựa chọn ký tên, đóng dấu.

(2) Trường hợp đại diện theo pháp luật của đơn vị ủy quyền cho cấp dưới ký đơn đăng ký lựa chọn thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn đăng ký lựa chọn thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2). Nếu được xếp hạng thứ nhất trong danh sách các đơn vị đăng ký lựa chọn, trước khi ra quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn, đơn vị phải trình cơ quan lựa chọn bản sao có chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì Đơn vị tham gia lựa chọn bị coi là gian lận và Hồ sơ lựa chọn được coi là không hợp lệ.

**Mẫu số 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị... -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |

**GIẤY ỦY QUYỀN**1

Hôm nay, ngày ….. tháng .... năm ……... tại …….

Tôi là ……… *(Ghi tên, số GCMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của đơn vị)*, là người đại diện theo pháp luật của …………. *(Ghi tên đơn vị)* có địa chỉ tại ………. *(Ghi địa chỉ của đơn vị)* bằng văn bản này ủy quyền cho ………… *(Ghi tên, số GCMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền)* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự lựa chọn đơn vị khai thác trên tuyến vận tải hành khách cố định ……………… *(Ghi tên tuyến vận tải hành khách cố định tổ chức lựa chọn)* do ………….. *(Ghi tên cơ quan tổ chức lựa chọn)* tổ chức:

*[-Ký đơn đăng ký lựa chọn;*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với cơ quan tổ chức lựa chọn trong quá trình tham gia lựa chọn, kể cả văn bản giải trình, làm rõ Hồ sơ lựa chọn; ký văn bản sửa đổi, thay thế, rút Hồ sơ lựa chọn;*

*- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp đơn vị có kiến nghị;*

*- Ký kết hợp đồng với các bến xe nếu được lựa chọn.]2*

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ……………. *(Ghi tên đơn vị)*…………….. *(Ghi tên người đại diện theo pháp luật của đơn vị)* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ……………. *(Ghi tên người được ủy quyền)* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ….. đến ngày ….. 3. Giấy ủy quyền này được lập thành ….. bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ….. bản, người được ủy quyền giữ ….. bản.

|  |  |
| --- | --- |
| **Người được ủy quyền** *[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]* | **Người ủy quyền** *[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của đơn vị, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1 Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho cơ quan tổ chức lựa chọn cùng với đơn đăng ký lựa chọn. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của đơn vị cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của đơn vị để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của đơn vị thực hiện một, một số hoặc hay toàn bộ các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của đơn vị hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

2 Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

3 Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia lựa chọn.

**Mẫu số 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị... -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
|  | *………, ngày ….. tháng ….. năm …….* |

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ**

**I. Đặc điểm tuyến:**

Mã số tuyến:

Tên tuyến: ………………....đi.................................................................... và ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyển: ……………………………… km.

Hành trình:

**II. Biểu đồ chạy xe:**

1. Số chuyến (nốt (tài)) …………………. trong ngày, tuần, tháng.

2. Giờ xuất bến:

***a) Chiều đi: xuất bến tại:***

Nốt (tài) 1 xuất bến lúc...... giờ.... phút, vào các ngày

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc….. giờ.....phút, vào các ngày

-

***b) Chiều về: xuất bến tại:*** …………………………….

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc...... giờ.... phút, vào các ngày

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc….. giờ.....phút, vào các ngày

- …

3. Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe ……… giờ...phút.

4. Tốc độ lữ hành: km/h.

5. Lịch trình chạy xe:

***a) Chiều đi: xuất bến tại: .......................................***

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến: ………………….

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến | Thời gian dừng (phút) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến: ……………………..

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến | Thời gian dừng (phút) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

***b) Chiều về: xuất bến tại:……………….***

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến: ……………………

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến | Thời gian dừng (phút) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến: ……………………

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến | Thời gian dừng (phút) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

**III. Đoàn phương tiện:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nhãn hiệu xe** | **Năm sản xuất** | **Sức chứa** | **Tiêu chuẩn khí thải** | **Số lượng (chiếc)** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 | … | … | … | … | … |
|  | Tổng cộng |  |  |  |  |

**IV. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ trên xe:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Nốt (tài) | Số lượng lái xe | Số lượng nhân viên phục vụ | Ghi chú |
| 1 | Nốt (tài) 1 |  |  |  |
| 2 | Nốt (tài) 2 |  |  |  |
|  | … |  |  |  |

**V. Giá vé và cước hành lý:**

1. Giá vé:

a) Giá vé suốt tuyến: …………… đồng/HK.

b) Giá vé chặng (nếu có):

- Chặng 1 (từ ……. đến …….): ………..đồng/HK.

- Chặng 1 (từ ……. đến …….): ………..đồng/HK.

- Chặng ……………..

2. Giá cước hành lý:

a) Hành lý được miễn cước: ………………………..….kg.

b) Hành lý vượt quá mức miễn cước: ………………đ/kg.

3. Hình thức bán vé

a) Bán vé tại quầy ở bến xe: ……………………………….

b) Bán vé tại đại lý: ……………………… (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại)...

c) Bán vé qua mạng: ……………… (địa chỉ trang web).

**VI. Xe trung chuyển (nếu có):**

- Loại xe: ………………, sức chứa: ……………., năm sản xuất

- Số lượng xe: …………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……., ngày …… tháng.... năm …….* **Đại diện hợp pháp của đơn vị** (Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu) |

**Mẫu số 4**

**BẢNG KÊ KHAI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH**

Tổng số lượng phương tiện vận tải hành khách của đơn vị: ………………..xe.

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Biển số xe** | **Mác xe** | **Năm sản xuất** | **Sức chứa (hoặc số ghế) của xe** | **Lắp đặt TBGSHT**  **Lắp đặt TBGSHT** | | **Ghi chú** |
| Có | Chưa |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:*** Đơn vị nộp các tài liệu chứng minh kèm theo:

- Bản sao có chứng thực Giấy đăng ký xe ô tô;

- Giấy tờ chứng minh quyền quản lý, sử dụng hợp pháp (nếu phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị);

- Tên và tài khoản truy cập dữ liệu thiết bị GSHT của xe.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……., ngày …… tháng.... năm …….* **Đại diện hợp pháp của đơn vị** (Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu) |

**Mẫu số 5**

**BẢNG ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN HUY ĐỘNG THỰC HIỆN   
GIỜ CHẠY XE**

1. Số lượng phương tiện huy động thực hiện giờ xe xuất bến (nốt xe): ……………… xe.

2. Danh sách xe đăng ký:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Biển số xe** | **Mác xe** | **Năm sản xuất** | **Loại ghế ngồi**  **Loại ghế ngồi** | | **Các trang thiết bị khác trên xe (1)**  **Các trang thiết bị khác trên xe (1)**  **Các trang thiết bị khác trên xe (1)**  **Các trang thiết bị khác trên xe (1)**  **Các trang thiết bị khác trên xe (1)** | | | | |
| **Ghế có tựa lưng điều chỉnh hoặc giường nằm** | **Ghế có tựa lưng cố định** | **Điều hòa nhiệt độ** | **Wifi** | **Video** | **Công cụ hỗ trợ người khuyết tật** | **Dụng cụ che nắng** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

3. Thời gian sử dụng bình quân của các phương tiện huy động thực hiện giờ xe xuất bến (nốt xe)(2):……………….. năm.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……., ngày …… tháng.... năm …….* **Đại diện hợp pháp của đơn vị** (Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu) |

**Ghi chú:**

(1): Nếu có nội dung này các đơn vị điền vào bảng, nếu không có để trống.

(2): Thời gian sử dụng bình quân của phương tiện: Là tổng số năm của từng phương tiện tính từ năm phương tiện được sản xuất đến năm hiện tại chia cho số lượng phương tiện.

**Mẫu số 6**

**NĂNG LỰC BẢO DƯỠNG PHƯƠNG TIỆN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Trực tiếp của đơn vị** | **Đơn vị thuê đơn vị khác thực hiện dịch vụ bảo dưỡng** | **Đơn vị giao cho lái xe, chủ xe tự bảo dưỡng** | **Ghi chú** |
| 1 | Năng lực bảo dưỡng phương tiện |  |  |  |  |

**Ghi chú:**

- Đối với đơn vị trực tiếp bảo dưỡng phương tiện cần kê khai chi tiết quy mô nhà xưởng, các loại trang thiết bị phục vụ công tác bảo dưỡng kèm theo tài liệu chứng minh.

- Đối với trường hợp thuê đơn vị khác thực hiện dịch vụ bảo dưỡng: đơn vị cung cấp hợp đồng thuê bảo dưỡng kèm theo.

- Đối với trường hợp đơn vị giao cho lái xe, chủ xe tự bảo dưỡng: đơn vị cung cấp biên bản giao hoặc các tài liệu chứng minh khác kèm theo.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……., ngày …… tháng.... năm …….* **Đại diện hợp pháp của đơn vị** (Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu) |

**Mẫu số 7**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị... -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
|  | *…………., ngày ….. tháng ….. năm …….* |

**ĐĂNG KÝ LAO ĐỘNG HUY ĐỘNG THỰC HIỆN GIỜ CHẠY XE**

**1. Tổng số lao động:**

- Số lái xe: ……………. người

- Số nhân viên phục vụ:……………..người

**2. Danh sách lái xe cụ thể được thể hiện trong bảng sau:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lái xe** | **Số năm thâm niên** | **Số năm làm việc tại đơn vị** | **Tập huấn**  **Tập huấn** | |
| **Có chứng chỉ tập huấn còn thời hạn** | **Không có chứng chỉ tập huấn hoặc có nhưng hết thời hạn** |
| 1 | ………… |  |  |  |  |
| 2 | ………… |  |  |  |  |
| …. | ………… |  |  |  |  |
| .... | ………… |  |  |  |  |

**- Số năm thâm niên bình quân của các lái xe bố trí hoạt động cho giờ chạy xe đang** *phù hợp với loại xe được bố trí hoạt động cho giờ xe đang xét đến thời điểm hiện tại của từng lái* **xét:.... Năm** *(Thâm niên bình quân của lái xe: được xác định bằng tổng số năm từ khi có GPLX xe chia cho số lái xe được đơn vị bố trí hoạt động cho giờ chạy xe đang xét).*

**- Số năm làm việc bình quân tại đơn vị của các lái xe bố trí hoạt động cho giờ xe xuất bến đang xét: ….. năm** *(Thời gian làm việc bình quân của lái xe tại đơn vị: được xác định bằng tổng số tháng đơn vị đóng bảo hiểm xã hội cho từng lái xe chia cho số lái xe được đơn vị bố trí hoạt động cho giờ chạy xe đang xét (trừ các lái xe đã nghỉ hưu theo chế độ nhưng vẫn tiếp tục hành nghề theo hợp đồng lao động đã ký với đơn vị tham gia lựa chọn để điều khiển loại xe từ 10 đến 30 chỗ ngồi).*

**3. Danh sách nhân viên phục vụ cụ thể được thể hiện trong bảng sau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nhân viên phục vụ** | **Ghi chú** |
| 1 | ………………………… |  |
| 2 | ………………………… |  |
| … | ………………………… |  |
| … | ………………………… |  |

**Ghi chú:**

Đơn vị nộp các tài liệu chứng minh kèm theo:

- Lái xe: Hợp đồng lao động; Bản sao Giấy phép lái xe; Sổ bảo hiểm xã hội của lái xe.

- Nhân viên phục vụ: Hợp đồng lao động.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……., ngày …… tháng.... năm …….* **Đại diện hợp pháp của đơn vị**(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu) |

**Mẫu số 8**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị... -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ………/…………. | *…………., ngày ….. tháng ….. năm …….* |

**KẾ HOẠCH BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG**

**I. Tổ chức đảm bảo an toàn giao thông của đơn vị vận tải**

1. Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban.

2. Người phụ trách bộ phận an toàn: họ tên, trình độ, chuyên ngành.

3. Tổ chức bộ phận theo dõi an toàn giao thông của đơn vị vận tải.

4. Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

5. Công tác tuyển dụng, ký kết hợp đồng lao động, khám sức khỏe cho lái xe.

**II. Kế hoạch tổ chức vận tải an toàn**

1. Đối với hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định:

- Kế hoạch đảm bảo an toàn phương tiện: tổng số phương tiện, số xe vận doanh bình quân, kế hoạch bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa phương tiện, nội dung kiểm tra kỹ thuật an toàn phương tiện trước khi đưa xe ra hoạt động hàng ngày (bao gồm kiểm tra trạng thái hoạt động của thiết bị giám sát hành trình xe).

- Lịch trình vận tải cho các chuyến xe trong một chu kỳ vận tải (một vòng xe chạy, bao gồm thời gian dừng đón, trả khách và thời gian dừng nghỉ bắt buộc) trên các tuyến đảm bảo không chạy quá tốc độ.

- Kế hoạch tổ chức lao động cho lái xe và nhân viên phục vụ: tổng số lái xe có giấy phép lái xe đúng quy định, số lái xe bình quân đủ điều kiện làm việc; số giờ lái xe làm việc trong ngày (24 tiếng)/số giờ xe hoạt động trên tuyến trong ngày (24 tiếng).

- Các nội dung đảm bảo an toàn giao thông khác.

**III. Tuyên truyền, giáo dục về an toàn giao thông**

Kế hoạch tổ chức tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông và giáo dục đạo đức nghề nghiệp, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ lái xe, nhân viên phục vụ (nếu có).

**IV. Kiểm tra, giám sát về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông**

1. Theo dõi, giám sát việc thực hiện quy định về trật tự, an toàn giao thông của lái xe thông qua thiết bị GSHT của xe ô tô:

- Xây dựng phương pháp và biểu mẫu thống kê số lần vi phạm theo các tiêu chí về hành trình, vận tốc, thời gian lái xe liên tục, dừng đỗ không đúng quy định;

- Thủ tục, phương tiện, cách thức cảnh báo cho lái xe trong khi đang điều khiển phương tiện;

- Biện pháp xử lý, khắc phục hậu quả khi xảy ra tai nạn giao thông đối với phương tiện của đơn vị.

2. Thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm các quy định về trật tự, an toàn giao thông của lái xe và nhân viên phục vụ trên xe (nếu có).

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……., ngày …… tháng.... năm …….* **Đại diện hợp pháp của đơn vị** (Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu) |

**Mẫu số 9**

**QUY TRÌNH BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước** | **Nội dung** | **Tổ chức, cá nhân thực hiện** | **Thời điểm thực hiện** |
| **1** | - Tập hợp, phân tích các dữ liệu về hoạt động của từng phương tiện trong quá trình thực hiện nhiệm vụ vận chuyển của lần gần nhất thông qua thiết bị giám sát hành trình (đối với các phương tiện lắp đặt thiết bị GSHT) và qua các biện pháp quản lý khác của đơn vị, từ đó đánh giá ưu, nhược điểm của lái xe trong lần thực hiện nhiệm vụ vận chuyển gần nhất;  - Tiếp nhận và xử lý các đề xuất, phản ánh của lái xe về các vấn đề liên quan đến ATGT. | Bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT (đối với các đơn vị VT bắt buộc phải có) hoặc cán bộ được phân công theo dõi ATGT tại các đơn vị VT khác;  (Sau đây gọi là: Bộ phận (cán bộ) quản lý các điều kiện về ATGT). | Trước khi giao nhiệm vụ vận chuyển mới cho lái xe. |
| - Tập hợp các yêu cầu vận chuyển của khách hàng, tìm hiểu và nắm bắt các điều kiện, đặc điểm về hàng hóa, hành khách, tuyến đường, thời tiết, thời gian vận chuyển...;  - Bố trí xe và lái xe thực hiện nhiệm vụ vận chuyển (đảm bảo thời gian làm việc của lái xe theo đúng quy định). | Bộ phận kế hoạch, điều độ (hoặc cán bộ tiếp nhận yêu cầu vận chuyển của khách hàng). | Trước khi giao nhiệm vụ vận chuyển mới cho lái xe. |
| **2** | Bộ phận (cán bộ) quản lý các điều kiện về ATGT và Bộ phận kế hoạch, điều độ (hoặc cán bộ tiếp nhận yêu cầu vận chuyển của khách hàng) chuyển các thông tin tại bước 1 cho cán bộ được lãnh đạo phân công trực tiếp giao nhiệm vụ vận chuyển cho lái xe. | Bộ phận (cán bộ) quản lý các điều kiện về ATGT và Bộ phận kế hoạch, điều độ (hoặc cán bộ tiếp nhận yêu cầu vận chuyển của khách hàng). | Trước khi giao nhiệm vụ vận chuyển mới cho lái xe. |
| **3** | Giao nhiệm vụ vận chuyển cho lái xe:  - Kiểm tra Giấy phép lái xe; Giấy chứng nhận kiểm định; đăng ký xe; Lệnh vận chuyển (đối với vận chuyển khách theo tuyến cố định, xe buýt);  - Giao cho lái xe các giấy tờ khác phải mang theo như: Hợp đồng vận tải, giấy vận tải …;  - Thông báo cho lái xe những ưu, nhược điểm của lái xe trong lần thực hiện nhiệm vụ vận chuyển gần nhất.  - Thông báo cho lái xe các yêu cầu vận chuyển của khách hàng, các điều kiện, đặc điểm về hàng hóa, hành khách, tuyến đường, thời tiết, thời gian vận chuyển ...;  - Kiểm tra nồng độ cồn đối với lái xe (nếu có thiết bị);  - Ghi chép vào Sổ giao nhiệm vụ cho lái xe (theo mẫu số 1), lái xe ký xác nhận. | Cán bộ được lãnh đạo phân công và lái xe. | Trước khi thực hiện nhiệm vụ vận chuyển. |
| **4** | Kiểm tra tình trạng an toàn kỹ thuật của phương tiện:  - Xác nhận lái xe qua thiết bị GSHT (đối với xe có lắp đặt) và kiểm tra tình trạng sẵn sàng hoạt động của thiết bị GSHT;  - Kiểm tra nước làm mát, dầu động cơ, bình điện, các dây cu roa;  - Kiểm tra hệ thống lái;  - Kiểm tra các bánh xe (độ chặt của bu lông bánh xe, tình trạng và áp suất của lốp);  - Khởi động phương tiện và kiểm tra hoạt động của gạt nước, còi và các loại đèn;  - Kiểm tra hoạt động của hệ thống phanh (thắng);  - Ghi chép kết quả kiểm tra vào biểu Kết quả kiểm tra an toàn kỹ thuật (theo Mẫu số 2), ký xác nhận và chuyển biểu mẫu cho cán bộ được lãnh đạo phân công. | Lái xe được giao nhiệm vụ vận chuyển. | Sau khi được giao nhiệm vụ và trước khi cho xe khởi hành. |
| **5** | Cán bộ thuộc bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT tiếp nhận biểu Kết quả kiểm tra an toàn kỹ thuật từ các lái xe và ký xác nhận:  - Nếu tất cả các nội dung kiểm tra đều đạt yêu cầu, xe được phép thực hiện nhiệm vụ vận chuyển;  - Nếu có nội dung không đảm bảo yêu cầu, thì tùy theo mức độ sẽ cho sửa chữa, khắc phục ngay hoặc dừng xe đưa vào sửa chữa, đồng thời thông báo cho bộ phận điều độ bố trí xe khác thay thế;  - Tập hợp, lưu trữ vào Hồ sơ theo dõi an toàn của từng phương tiện. | Cán bộ thuộc bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT (đối với các đơn vị có bộ phận ATGT) hoặc cán bộ được lãnh đạo phân công. | Trước khi xe khởi hành thực hiện nhiệm vụ vận chuyển. |
| **6** | - Theo dõi quá trình hoạt động của phương tiện khi thực hiện nhiệm vụ vận chuyển qua thiết bị GSHT, nhắc nhở lái xe khi phát hiện chạy quá tốc độ và các nguy cơ gây mất ATGT (áp dụng cho các phương tiện có lắp đặt thiết bị GSHT);  - Thống kê các lỗi vi phạm về tốc độ xe chạy, báo cáo Lãnh đạo đơn vị xử lý;  - Tổng hợp các sự cố mất an toàn giao thông trong quá trình xe hoạt động kinh doanh vận tải trên đường. Đưa ra phương án xử lý khi xảy ra các sự cố gây mất an toàn giao thông. | Bộ phận (cán bộ) quản lý các điều kiện về ATGT. | Khi xe đang hoạt động trên đường. |
| **7** | - Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn giao thông trong quá trình điều khiển phương tiện vận chuyển hành khách và hàng hóa;  - Báo cáo ngay thời gian, địa điểm và nguyên nhân khi xảy ra sự cố mất an toàn giao thông để đơn vị có biện pháp xử lý. | Lái xe. | Khi xe đang hoạt động trên đường. |
| **8** | - Thống kê số vụ, nguyên nhân, mức độ TNGT đã xảy ra của từng lái xe (nếu có);  - Xây dựng và thực hiện phương án xử lý khi xảy ra sự cố gây mất an toàn giao thông trong quá trình kinh doanh vận tải;  - Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm đối với các tai nạn giao thông xảy ra trong quá trình kinh doanh vận tải. | Bộ phận (cán bộ) quản lý các điều kiện về ATGT. | Theo tháng, quý, năm. |
| **9** | - Thống kê quãng đường đã thực hiện được;  - Trên cơ sở thống kê quãng đường xe đã thực hiện, căn cứ vào chế độ bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện để thực hiện bảo dưỡng phương tiện theo đúng kỳ cấp;  - Thống kê và theo dõi kết quả bảo dưỡng, sửa chữa của từng phương tiện. | Bộ phận (cán bộ) quản lý các điều kiện về ATGT. | Sau khi kết thúc hành trình. |

**Mẫu số 10**

**BẢNG KÊ ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung kỹ thuật** | **Chỉ tiêu** | **Cách ghi** | **Ghi chú** |
| **I** | **Phương tiện vận chuyển** |  |  |  |
| ***1.1*** | ***Thời gian sử dụng bình quân của các phương tiện huy động thực hiện giờ xe xuất bến (nốt xe) đang xét*** |  | Ghi số năm |  |
| ***1.2*** | ***Loại ghế ngồi*** |  |  |  |
| a | Ghế có tựa lưng điều chỉnh hoặc giường nằm |  | Đánh dấu vào loại ghế của phương tiện |  |
| b | Ghế có tựa lưng cố định |  |  |
| ***1.3*** | ***Các trang bị khác trên xe*** |  |  |  |
| a | Điều hòa nhiệt độ |  | Có/không |  |
| b | Wifi |  |  |
| c | Video |  |  |
| d | Công cụ hỗ trợ người khuyết tật |  |  |
| e | Dụng cụ che nắng |  |  |
| **II** | **Năng lực bảo dưỡng phương tiện** |  |  |  |
| ***2.1*** | ***Trực tiếp của đơn vị*** |  | Đánh dấu vào phương án đề xuất |  |
| ***2.2*** | ***Đơn vị thuê đơn vị khác thực hiện dịch vụ bảo dưỡng*** |  |  |
| ***2.3*** | ***Đơn vị giao cho lái xe, chủ xe tự bảo dưỡng*** |  |  |
| **III** | **Lái xe** |  |  |  |
| ***3.1*** | ***Số năm thâm niên bình quân của các lái xe bố trí hoạt động cho giờ xe xuất bến đang xét*** |  | Ghi số năm |  |
| ***3.2*** | ***Số năm làm việc bình quân tại đơn vị của các lái xe bố trí hoạt động cho giờ xe xuất bến đang xét*** |  | Ghi số năm |  |
| 3.3 | Tất cả các lái xe bố trí hoạt động cho giờ xe xuất bến đang xét đều có chứng chỉ tập huấn còn thời hạn |  | Có/không |  |
| **IV** | **Chất lượng dịch vụ vận tải** |  |  |  |
| ***4.1*** | ***Đón trả khách*** |  |  |  |
| a | Chạy suốt không đón trả khách dọc đường |  | Đánh dấu vào phương án đề xuất |  |
| b | Có đón, trả khách tại các điểm dừng đón trả khách đã được cơ quan có thẩm quyền công bố |  |  |
| c | Có đón, trả khách tại các điểm dừng đón trả khách không được cơ quan có thẩm quyền công bố |  |  |
| ***4.2*** | ***Hành trình chạy xe*** |  |  |  |
| a | Hành trình chạy xe đúng theo tuyến đã được cơ quan có thẩm quyền công bố |  | Đánh dấu vào phương án đề xuất |  |
| b | Hành trình chạy xe không đúng theo tuyến đã được cơ quan có thẩm quyền công bố |  |  |
| ***4.3*** | ***Điểm dừng nghỉ dọc hành trình***  (Áp dụng đối với các tuyến có thời gian thực hiện hành trình từ 04 tiếng trở lên) |  |  |  |
| a | Vào trạm dừng, nghỉ đã được cơ quan quản lý công bố và có ký hợp đồng phục vụ |  | Đánh dấu vào phương án đề xuất |  |
| b | Vào điểm dừng nghỉ có ký hợp đồng phục vụ và cam kết chất lượng phục vụ |  |  |
| c | Không dừng nghỉ hoặc có vào điểm dừng nghỉ nhưng không ký hợp đồng phục vụ |  |  |
| ***4.4*** | ***Quyền lợi của hành khách*** |  |  |  |
| a | Có quy định và cam kết thực hiện bồi thường cho hành khách theo quy định của pháp luật khi hành khách hoàn trả vé trước giờ xe xuất bến |  | Đánh dấu vào phương án đề xuất |  |
|  | Có quy định và cam kết thực hiện bồi thường có lợi hơn cho hành khách so với mức quy định của pháp luật khi hành khách hoàn trả vé trước giờ xe xuất bến. |  |  |
|  | Có quy định và cam kết thực hiện bồi thường cho hành khách theo đúng quy định của pháp luật khi hành khách hoàn trả vé trước giờ xe xuất bến |  |  |
|  | Không có quy định và cam kết thực hiện bồi thường cho hành khách khi hành khách hoàn trả vé trước giờ xe xuất bến |  |  |
| b | Có quy định và cam kết thực hiện các quy định khác có lợi cho hành khách ngoài các quy định của pháp luật |  | Có/Không |  |

**\* Ghi chú:** Hướng dẫn cụ thể các xác định một số chỉ tiêu

**1. Đối với phương tiện**

Thời gian sử dụng bình quân của phương tiện: Là tổng số năm của từng phương tiện tính từ năm phương tiện được sản xuất đến năm hiện tại chia cho số lượng phương tiện.

**2. Đối với lái xe**

**2.1.** Thâm niên bình quân của lái xe: được xác định bằng tổng số năm từ khi có GPLX phù hợp với loại xe được bố trí hoạt động cho giờ xe đang xét đến thời điểm hiện tại của từng lái xe chia cho số lái xe được đơn vị bố trí hoạt động cho giờ xe xuất bến đang xét.

**2.2.** Thời gian làm việc bình quân của lái xe tại đơn vị: được xác định bằng tổng số tháng đơn vị đóng bảo hiểm xã hội cho từng lái xe chia cho số lái xe được đơn vị bố trí hoạt động cho giờ xe xuất bến đang xét (trừ các lái xe đã nghỉ hưu theo chế độ nhưng vẫn tiếp tục hành nghề theo hợp đồng, lao động đã ký với đơn vị vận tải để điều khiển loại xe từ 10 đến 30 chỗ ngồi).

**28. Công bố đưa bến xe khách vào khai thác**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Sau khi hoàn thành việc xây dựng, đơn vị khai thác bến xe nộp hồ sơ đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác và nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra theo các tiêu chí phân loại bến xe khách và lập biên bản kiểm tra.

- Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu bến xe khách không đáp ứng đúng các tiêu chí thì phải ghi rõ các nội dung không đạt trong biên bản kiểm tra và phải thông báo ngay cho đơn vị khai thác bến xe; nếu bến xe khách đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe khách mà đơn vị khai thác bến xe đề nghị thì chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông vận tải quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác theo mẫu;

- Văn bản chấp thuận đấu nối đường ra, vào bến xe khách với đường bộ của cơ quan có thẩm quyền;

- Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể bến xe khách;

- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền và biên bản nghiệm thu xây dựng;

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của bến xe khách theo mẫu;

- Quy chế quản lý khai thác bến xe khách do đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách ban hành.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4.** **Thời hạn giải quyết:** chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

**5.** **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6.** **Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có**.**

**7.** **Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác.

- Thời hạn của Quyết định: 5 năm, kể từ ngày ký.

**8.** **Phí, lệ phí:** Không có.

**9.** **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Văn bản đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác;

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của bến xe khách.

**10.** **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác bến xe khách phải là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.

**11.** **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách;

- Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT

ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng bộ GTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách.*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| Số: ........ /.......... | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *..................., ngày tháng năm* |

# *GIẤY ĐỀ NGHỊ*

# *CÔNG BỐ ĐƯA BẾN XE KHÁCH VÀO KHAI THÁC*

Kính gửi:.......................... (1)............................................................

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):.........................................................

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.................................................................

3. Trụ sở: ..................................................................................................

4. Số điện thoại (Fax):............................................................................

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.........do.............cấp ngày .... ....tháng........ năm ...........

Đề nghị kiểm tra để đưa bến xe khách……(3)…………………Cụ thể như sau:

- Tên: (3)..........................................................................................

- Địa chỉ:(4).......................................................................................

- Tổng diện tích đất: (5)………………………… …………………….

Sau khi xem xét và đối chiếu với các quy định tại QCVN 45: 2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thật quốc gia về Bến xe khách, chúng tôi đề nghị ….(1)….công bố Bến xe khách….(3)…. đạt quy chuẩn Bến xe loại:..........(6)… và được đưa vào khai thác.

….(2)…. cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu… | **Đại diện đơn vị**  (Ký tên, đóng dấu) |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.

(2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách

(3) Ghi tên bến xe khách

(4) Ghi tên vị trí, lý trình, địa chỉ của bến xe khách

(5) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây dựng bến xe khách

(6) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| .........(2)........ **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ....../....... | *......, ngày     tháng     năm* |

**BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN VỚI CÁC CÔNG TRÌNH CỦA BẾN XE KHÁCH**

Kính gửi:.............................(1).............................

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):..............................................................................

2. Trụ sở:..........................................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):......................................................................................................

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn với các hạng mục công trình của Bến xe khách............(3)............ như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí phân loại** | **Đơn vị tính** | **Quy định kỹ thuật của Bến xe khách loại ....(4)....** | **Theo thực tế** |
| 1 | Tổng diện tích (tối thiểu) | m2 |  |  |
| 2 | Số vị trí đón khách (tối thiểu) | vị trí |  |  |
| 3 | Số vị trí trả khách (tối thiểu) | vị trí |  |  |
| 4 | Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu) | m2 |  |  |
| 5 | Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác | m2 |  |  |
| 6 | Diện tích phòng chờ cho hành khách (tối thiểu) | m2 |  |  |
| 7 | Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách | chỗ |  |  |
| 8 | Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu) |  |  |  |
| 9 | Diện tích khu vực làm việc |  |  |  |
| 10 | Diện tích văn phòng dành cho Công an, Y tế, Thanh tra giao thông |  |  |  |
| 11 | Diện tích khu vệ sinh |  |  |  |
| 12 | Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ |  |  |  |
| 13 | Đường xe ra; vào bến |  |  |  |
| 14 | Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách. |  |  |  |
| 15 | Mặt sân bến |  |  |  |
| 16 | Hệ thống cung cấp thông tin |  |  |  |
| 17 | Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến |  |  |  |

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu... | **Đại diện đơn vị** (Ký tên, đóng dấu) |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.

(2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách

(3) Ghi tên bến xe

(4) Ghi loại bến xe đề nghị công bố

**29. Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh, khai thác bến xe khách nộp hồ sơ đề nghị tiếp tục công bố đưa bến xe khách vào khai thác và nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Bến xe khách phải được đề nghị công bố lại trong các trường hợp:

+ Sau khi cải tạo cơ sở vật chất dẫn đến thay đổi các tiêu chí làm ảnh hưởng đến các điều kiện phân loại bến xe khách;

+ Trước khi hết hạn được phép khai thác 60 ngày (thời hạn quy định tại quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác).

b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra theo các tiêu chí phân loại bến xe khách và lập biên bản kiểm tra.

- Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu bến xe khách không đáp ứng đúng các tiêu chí thì phải ghi rõ các nội dung không đạt trong biên bản kiểm tra và phải thông báo ngay cho đơn vị khai thác bến xe; nếu bến xe khách đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe khách mà đơn vị khai thác bến xe đề nghị thì chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông vận tải quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác**.**

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

 - Văn bản đề nghị công bố lại bến xe khách theo mẫu;

- Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể các công trình xây dựng, cải tạo bến xe khách (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);

- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);

- Biện bản nghiệm thu các công trình xây dựng, cải tạo (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn này với các công trình của bến xe khách (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4.** **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

**5.** **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6.** **Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7.** **Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

Quyết định. Thời hạn của Quyết định là 5 năm.

**8**. **Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:** Văn bản đề nghị công bố lại bến xe khách.

**10.** **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác bến xe khách phải là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.

**11.** **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách;

- Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 49/2013/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| ………(2)……….. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| Số: ........ /.......... | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *..................., ngày tháng năm* |

# *GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ LẠI BẾN XE KHÁCH*

Kính gửi:.......................... (1)...............................

1. Đơn vị khai thác bến xe khách:…….(2):...............................................

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.............................................................

3. Trụ sở: .................................................................................................

4. Số điện thoại (Fax):..............................................................................

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.........do....................cấp ngày .... ....tháng........ năm ...........

Đơn vị hiện đang quản lý, khai thác ..(3)…. …Theo Quyết định công bố đưa Bến xe khách vào khai thác số…. ngày…. tháng…năm…của ….(1)….. Thời gian được phép khai thác đến ngày… tháng…. năm…..

Sau khi xem xét các quy định tại QCVN 45:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thật Quốc gia về Bến xe khách, chúng tôi đề nghị ….(1)….tiếp tục công bố đưa Bến xe khách…….(3)…. đạt loại: ......(4):........vào khai thác.

….(2)…. cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu… | **Đại diện đơn vị**  (Ký tên, đóng dấu) |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách

(2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách

(3) Ghi tên bến xe khách

(4) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố

**30. Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh bến xe hàng gửi hồ sơ đề nghị công bố đưa bến xe hàng vào khai thác và nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến đơn vị kinh doanh bến xe hàng trong thời gian tối đa không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- Chậm nhất trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị công bố đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, lập biên bản kiểm tra theo các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 57 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT và ra quyết định công bố đưa bến xe hàng vào khai thác.

- Trường hợp bến xe không đáp ứng các tiêu chí yêu cầu kỹ thuật bến xe hàng thì cơ quan kiểm tra phải ghi rõ nội dung không đáp ứng và thông báo bằng văn bản với đơn vị khai thác bến xe hàng trong thời gian tối đa không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị công bố đưa bến xe hàng vào khai thác theo mẫu;

- Sơ đồ mặt bằng tổng thể bến xe hàng.

- Biên bản nghiệm thu các tiêu chí theo yêu cầu kỹ thuật bến xe hàng theo quy định.

- Văn bản chấp thuận đấu nối đường ra vào bến xe hàng của cơ quan có thẩm quyền.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

Chậm nhất trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị công bố đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, lập biên bản kiểm tra và ra quyết định công bố đưa bến xe hàng vào khai thác.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Quyết định công bố.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Giấy đề nghị công bố đưa bến xe hàng vào khai thác

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:**

Bến xe hàng phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí** | **Đơn vị tính** | **Yêu cầu** |
| 1 | Tổng diện tích (tối thiểu) | m2 | 2.000 |
| 2 | Diện tích kho hàng kín tối thiểu | m2 | Theo yêu cầu |
| 3 | Trang thiết bị bốc, xếp bằng cơ giới |  | Có |
| 4 | Diện tích đỗ xe (tối thiểu) | m2 | 800 |
| 5 | Văn phòng làm việc và các công trình phụ trợ (tối thiểu) |  | 2 – 4 % Tổng diện tích bến |
| 6 | Đường xe ra, vào |  | Riêng biệt hoặc chung |
| 7 | Hệ thống thoát nước |  | Có hệ thống tiêu thoát nước bảo đảm không ứ đọng nước |
| 8 | Hệ thống cứu hoả |  | Theo quy định của cơ quan phòng cháy, chữa cháy |

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên doanh nghiệp, HTX:...... -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:........ /.......... | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ ĐƯA…….(tên bến xe hàng)……vào khai thác**

Kính gửi: Sở GTVT…….

1. Tên đơn vị:........................................................................................................

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.........................................................................

3. Trụ sở:...............................................................................................................

4. Số điện thoại (Fax):...........................................................................................

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số.............. do............................cấp ngày........tháng........ năm...........

6. Sau khi xem xét và đối chiếu với các tiêu chí kỹ thuật bến xe hàng quy định tại Thông tư số …/2014/TT-BGTVT ngày … tháng … năm 2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, chúng tôi đề nghị Sở GTVT…….kiểm tra, xác nhận và công bố đưa……(tên bến xe hàng)…… thuộc tỉnh:........................... vào khai thác. Cụ thể như sau:

- Tên bến xe:...........................................................................................................

- Địa chỉ:(1)............................................................................................................

- Tổng diện tích đất: (2)…………………………………………………………..

….(tên đơn vị)…. cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu… | **Đại diện Doanh nghiệp, Hợp tác xã** (Ký tên, đóng dấu) |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Ghi địa danh, lý trình, địa chỉ của bến xe hàng.

(2) Ghi theo giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng

**31. Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp, hợp tác xã gửi hồ sơ đề nghị đăng ký khai thác tuyến đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ đăng ký khai thác tuyến và công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử của Sở các thông tin về: tên doanh nghiệp, hợp tác xã, tuyến, giờ xe chạy và thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải phải kiểm tra hồ sơ và trong thời hạn 02 ngày làm việc tiếp theo phải công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử của Sở việc doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký khai thác tuyến thành công hoặc không thành công. Trường hợp đăng ký khai thác tuyến không thành công, Sở Giao thông vận tải phải thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp, hợp tác xã và nêu rõ lý do. Các thông tin liên quan đến đăng ký khai thác tuyến phải được Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ gửi cho Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia biết để đồng thời công bố trên Trang Thông tin điện tử.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký đầu tiên mà có từ 02 doanh nghiệp, hợp tác xã trở lên (tính cho cả hai đầu tuyến) đăng ký khai thác trùng tuyến và giờ xe chạy thì trong thời hạn 02 ngày làm việc tiếp theo, Sở Giao thông vận tải hai đầu tuyến phải công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử và thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp, hợp tác xã biết việc tổ chức lựa chọn doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác tuyến theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến theo mẫu;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô theo mẫu;

- Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đứng theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Văn bản đăng ký khai thác tuyến thành công được công bố.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Giấy đăng ký khai thác tuyến;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô;

- Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:**

Doanh nghiệp, hợp tác xã có Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô được lựa chọn đăng ký khai thác tuyến theo quy hoạch mạng lưới tuyến

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số [63/2014/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=63/2014/TT-BGTVT&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

- Thông tư số [60/2015/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=60/2015/TT-BGTVT&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi một số điều của Thông tư số [63/2014/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=63/2014/TT-BGTVT&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) quy định về tổ chức quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên doanh nghiệp, HTX:**...................... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: .............. /............. | ..........., ngày ...... tháng ...... năm ..... |

**GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải ……………….

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã: ………………………………………………

2. Địa chỉ: ………………………………………………………………………

3. Số điện thoại (Fax): …………………………………………………………

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: ........... do …*(tên cơ quan cấp)*................. cấp ngày ........./...../...........

5. Đăng ký..........(1)..................tuyến: Mã số tuyến: …………………………

Nơi đi:........................................Nơi đến:...........................................................(2)

Bến xe đi:..................................... Bến xe đến:.................................................. (3)

Giờ xe xuất bến tại bến xe đi: …….. giờ.... phút, vào các ngày..............................

Giờ xe xuất bến tại bến xe đến:…….giờ.... phút, vào các ngày..............................

Số chuyến xe trong ngày/tuần/tháng:……………………………………………

Cự ly vận chuyển: .................km.

Hành trình chạy xe:.................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện doanh nghiệp, HTX** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).

(2) Ghi tên địa danh tỉnh đi, tỉnh đến.

(3) Ghi tên bến xe nơi đi và tên bến xe nơi đến.

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị KD vận tải:........** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.............. /.............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**PHƯƠNG ÁN  
KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

**I. Tổ chức quản lý hoạt động vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải**

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban.

- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ, chuyên ngành.

- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (chỉ áp dụng đối với đơn vị vận tải đăng ký kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).

- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

- Các nội dung quản lý khác.

**II. Phương án kinh doanh của đơn vị vận tải**

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.

a. Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt.

- Tuyến khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.

- Phạm vi hoạt động của tuyến (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)

- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.

- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe hợp đồng và xe du lịch.

- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km).

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.

- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

c. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi:

- Màu sơn xe của đơn vị.

- Vị trí gắn hộp đèn xe taxi, nội dung thông tin ghi phía ngoài xe: Số điện thoại, tên đơn vị vận tải.

- Hệ thống điều hành: địa chỉ trung tâm điều hành, số lượng nhân viên điều hành, trang thiết bị liên lạc.

- Lái xe taxi: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.

- Đồng phục của lái xe.

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải, vận tải hàng hóa thông thường…).

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Lái xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải** *(Ký tên, đóng dấu)* |

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên doanh nghiệp, HTX:.........** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.............. /.............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI  
TRÊN TUYẾN CỐ ĐỊNH**

Kính gửi: Sở GTVT...............

1. Tên doanh nghiệp, HTX:.....................................................................................

2. Địa chỉ:..........................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):.......................................................................................

4. Đơn vị đã đăng ký và được công nhận là đơn vị đạt Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hạng…… theo mức chất lượng dịch vụ vận tải do Bộ Giao thông vận tải quy định, (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương hạng …..của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

5. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:

Tỉnh đi............ tỉnh đến.........; Bến đi........... Bến đến............. như sau:

a) Đạt chất lượng dịch vụ loại……(sao) theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ GTVT ban hành (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương loại ….. (sao) của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

b) Các dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình gồm:…..

c) Số điện thoại đường dây nóng của đơn vị:................

Đơn vị kinh doanh cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu. | **Đại diện doanh nghiệp, HTX** *(Ký tên, đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Ghi chú:** Trường hợp trên tuyến có nhiều mức chất lượng dịch vụ khác nhau thì đơn vị vận tải đăng ký từng mức theo các nội dung tại mục 5.

**32.** **Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trước khi xây dựng: Đơn vị đầu tư, xây dựng trạm dừng nghỉ gửi văn bản đề nghị chấp thuận vị trí xây dựng đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Sau khi hoàn thành việc xây dựng, đơn vị kinh doanh khai thác trạm dừng nghỉ nộp hồ sơ đề nghị công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra. Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì các tiêu chí không đạt yêu cầu, phải được ghi rõ trong biên bản kiểm tra và được thông báo ngay cho đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ.

- Sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác theo mẫu;

- Văn bản chấp thuận đấu nối đường ra, vào trạm dừng nghỉ với đường giao thông của cơ quan có thẩm quyền;

- Sơ đồ mặt bằng tổng thể, thiết kế kỹ thuật trạm dừng nghỉ;

- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền;

- Biên bản nghiệm thu xây dựng;

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn với các công trình của trạm dừng nghỉ theo mẫu;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị kinh doanh khai thác trạm dừng nghỉ;

- Quy chế quản lý khai thác do trạm dừng nghỉ ban hành.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4.** **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

**5.** **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6.** **Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7.** **Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác;

- Thời hạn của Quyết định: 03 năm.

**8.** **Phí, lệ phí:** Không có.

**9.** **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Giấy đề nghị công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác.

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn với các công trình của trạm dừng nghỉ.

**10.** **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ phải là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.

**11.** **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| ………(2)……….. | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ........ /.......... | *…….,ngày…..tháng ….. năm……* |

# *GIẤY ĐỀ NGHỊ*

# *CÔNG BỐ ĐƯA TRẠM DỪNG NGHỈ VÀO KHAI THÁC*

Kính gửi:.......................... (1)...............................

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ: (2):.......................................................

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.................................................................

3. Trụ sở: ......................................................................................................

4. Số điện thoại (Fax):...................................................................................

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....................do....................cấp ngày .... ....tháng........ năm …..

Đề nghị kiểm tra để đưa trạm dừng nghỉ ……(3)………………… thuộc tỉnh:(4)......................... vào khai thác. Cụ thể như sau:

- Tên: (3)......................................................................................................

- Địa chỉ:(5)..................................................................................................

- Tổng diện tích đất: (6)……………………………………………………

Sau khi xem xét và đối chiếu với các tiêu chí quy định tại QCVN 43:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thật Quốc gia Trạm dừng nghỉ đường bộ, chúng tôi đề nghị ….(1)….công bố đưa Trạm dừng nghỉ….(3)…. đạt loại:..........(7):........... và được đưa vào khai thác.

….(2)…. cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu… | **Đại diện đơn vị**  (Ký tên, đóng dấu) |

***Hướng dẫn ghi:***

*(1) Gửi Sở Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)*

*(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ*

*(3) Ghi tên trạm dừng nghỉ*

*(4) Ghi tên tỉnh*

*(5) Ghi lý trình, địa chỉ của trạm dừng nghỉ*

*(6) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây trạm dừng nghỉ*

*(7) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố.*

|  |  |
| --- | --- |
| *Mẫu:*  ………(2)……….. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| Số: ........ /.......... | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *..................., ngày tháng năm* |

# *BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN*

# *VỚI CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TRẠM DỪNG NGHỈ*

Kính gửi:.......................... (1)...............................

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ: (2):.................................................

2. Trụ sở:.................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):.............................................................................

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn với các hạng mục công trình của trạm dừng nghỉ ……(3)……..như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí phân loại** | **Đơn vị tính** | **Theo quy định kỹ thuật của TDN loại …(4)…** | **Theo thực tế** |
| 1 | Tổng diện tích mặt bằng trạm (tối thiểu) | M2 |  |  |
| 2 | Bãi đỗ xe (diện tích tối thiểu) | M2 |  |  |
| 3 | Đường xe ra, vào |  |  |  |
| 4 | Khu kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện |  |  |  |
| 5 | Trạm cấp nhiên liệu |  |  |  |
| 6 | Mặt sân khu vực bãi đỗ xe |  |  |  |
| 7 | Khu vệ sinh | M2 |  |  |
| 8 | Phòng nghỉ tạm thời cho lái xe | M2 |  |  |
| 9 | Không gian nghỉ ngơi (Khu vực có mái che và khu vực trồng cây xanh có ghế ngồi) | M2 |  |  |
| 10 | Nơi cung cấp thông tin |  |  |  |
| 11 | Khu phục vụ ăn uống, giải khát |  |  |  |
| 12 | Khu vực giới thiệu và bán hàng hóa |  |  |  |

….(2)…. cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu… | **Đại diện đơn vị**  (Ký tên, đóng dấu) |

***Hướng dẫn ghi:***

*(1) Gửi Sở Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)*

*(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ*

*(3) Ghi tên trạm dừng nghỉ*

*(4) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố*

**33. Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trước khi hết hạn được phép kinh doanh trước 60 ngày (theo thời hạn quy định tại quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác), đơn vị kinh doanh, khai thác trạm dừng nghỉ nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra. Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì các tiêu chí không đạt yêu cầu, phải được ghi rõ trong biên bản kiểm tra và được thông báo ngay cho đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ.

- Sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công bố tiếp tục đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác theo mẫu;

- Sơ đồ mặt bằng tổng thể, thiết kế kỹ thuật các công trình xây dựng, cải tạo trạm dừng nghỉ (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);

- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);

- Biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng, cải tạo (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn với các công trình của trạm dừng nghỉ (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);

- Báo cáo kết quả hoạt động theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4.** **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

**5.** **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7.** **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Quyết định.

**8**. **Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:**

- Giấy đề nghị tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác;

- Báo cáo kết quả hoạt động.

**10.** **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ phải là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.

**11.** **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| ………(2)……….. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| Số: ........ /.......... | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *..................., ngày tháng năm* |

# *GIẤY ĐỀ NGHỊ*

# *TIẾP TỤC CÔNG BỐ ĐƯA TRẠM DỪNG NGHỈ VÀO KHAI THÁC*

Kính gửi:.......................... (1)...............................

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ:…….(2):........................................

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):...........................................................

3. Trụ sở: ................................................................................................

4. Số điện thoại (Fax):..................................................................................

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số......... do....................cấp ngày .... ....tháng........ năm ...........

Đơn vị hiện đang quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ: ..(3)…. …theo quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác số…. ngày…. tháng…năm…của ….(1)….. thời gian được phép khai thác đến ngày… tháng…. năm…..

Sau khi xem xét các quy định tại QCVN 43:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thật Quốc gia Trạm dừng nghỉ đường bộ, chúng tôi đề nghị ….(1)….tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ…….(3)…. đạt loại: ......(4):....... vào khai thác.

….(2)…. cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu… | **Đại diện đơn vị**  (Ký tên, đóng dấu) |

***Hướng dẫn ghi:***

*(1) Gửi Sở GTVT, Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)*

*(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ*

*(3) Ghi tên Trạm dừng nghỉ*

*(4) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố*

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| ………(2)…….. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ……./……. | *……….., ngày tháng năm* |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Kính gửi: ……….. (1) …………………..

………. (2) hiện đang quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ ..(3).... theo Quyết định số.... ngày.... tháng...năm... của ….. (1) ….. thời gian được phép khai thác từ ngày ….. tháng ….. năm ….. đến ngày... tháng.... năm ....

………. (2).... Báo cáo kết quả hoạt động trong khoảng thời gian trên với các nội dung sau:

**I. Kết quả kinh doanh khai thác.**

1. Tổng số phương tiện vào trạm: ………………… (lượt xe)

Trong đó:

- Xe con: (lượt xe)

- Xe Khách trên 30 ghế: (lượt xe)

- Xe Khách dưới 30 ghế: (lượt xe)

- Xe tải: ……….. (lượt xe)

2. Tổng số khách vào trạm: ………………….. (lượt khách)

3. Bình quân mỗi ngày có: ………. lượt xe và ………….. lượt khách vào trạm.

Trong đó có: ………. xe con; ………..xe khách trên 30 ghế; ………. xe khách dưới 30 ghế và .......... xe tải.

**II. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của trạm dừng nghỉ:**

(Báo cáo về tình trạng hiện tại, việc duy trì, bổ sung, cải tạo, nâng cấp các công trình, trang thiết bị của trạm và đối chiếu với các tiêu chí tương ứng của quy chuẩn QCVN 43:2012/BGTVT)

**III. Việc thực hiện các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ và các quy định pháp luật liên quan khác:**

**IV. Các vi phạm trong quá trình hoạt động (nếu có):**

(Kết luận của các đoàn thanh tra, kiểm tra về các vi phạm của trạm dừng nghỉ; số lần và mức xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền đối với trạm. Các biện pháp và kết quả khắc phục của đơn vị khai thác trạm với các vi phạm trên).

**V. Kiến nghị, khiếu nại của người sử dụng trạm (nếu có):**

(Báo cáo từng trường hợp và biện pháp, kết quả giải quyết của đơn vị khai thác trạm)

**VI. Các kiến nghị của đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ý kiến của Sở GTVT địa phương** (Ký tên, đóng dấu) | **Đại diện đơn vị khai thác trạm** (Ký tên, đóng dấu) |

***Hướng dẫn ghi:***

*(1) Gửi Sở GTVT, Tổng cục ĐBVN (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)*

*(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ*

*(3) Ghi tên trạm dừng nghỉ*

*(4) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố*

**34. Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan cấp Giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra; trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép thông báo trực tiếp ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo bằng văn bản chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan cấp Giấy phép ra văn bản chấp thuận doanh nghiệp, hợp tác xã vào khai thác và xác nhận vào hợp đồng đối tác; trường hợp từ chối không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia theo mẫu;

- Giấy đăng ký phương tiện hoạt động trên tuyến (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia theo mẫu;

- Hợp đồng đối tác giữa doanh nghiệp, hợp tác xã với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép thông báo trực tiếp ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo bằng văn bản chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan cấp Giấy phép ra văn bản chấp thuận.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải nơi có bến xe đi hoặc đến của tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia;

1. Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải nơi có bến xe đi hoặc đến của tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Văn bản chấp thuận.

**8. Phí và lệ phí:** không có

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

**-** Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam – Lào - Campuchia.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và CHXHCN Việt Nam về vận tải đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị kinh doanh vận tải Số:…………/……………** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
|  | *…………, ngày…… tháng…. năm……..* |

**GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH LIÊN VẬN QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM - LÀO - CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải……….

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại:.........................………… số Fax:

4. Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia như sau:

Tỉnh/thành phố đi: …………………………………Tỉnh/thành phố đến:

Bến đi:……………………….Bến đến:

Cự ly vận chuyển:………………….. km

Hành trình chạy xe:

5. Danh sách xe khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Biển kiểm soát | Tên chủ sở hữu | Mác xe | Trọng tải | Năm sản xuất |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

6. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách liên vận quốc tế bằng xe ô tô theo tuyến cố định;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định, ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Thủ trưởng đơn vị** *(Ký tên, đóng dấu)* |

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị kinh doanh vận tải  -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |

**PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH LIÊN VẬN QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM - LÀO - CAMPUCHIA**

**1. Đặc điểm tuyến:**

Tên tuyến: …………………..đi ……………………………………và ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyển: …………………………km.

Lộ trình:

**2. Biểu đồ chạy xe:**

Số chuyến tài (nốt) trong .... ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:………………………………………………………

Hàng ngày có…………………. nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc……………. giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc …………… giờ.

+ ……………………….

b) Tại bến lượt về: bến xe: ......................................................................................

Hàng ngày có ............. nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc ……………giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc…………… giờ.

+ ………………………

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe .... giờ.

d) Tốc độ lữ hành: ……….km/giờ.

e) Thời gian dừng nghỉ dọc đường:……………….. phút.

**3. Các điểm dừng nghỉ trên đường:**

a) Lượt đi từ Bến xe:…………………………đến Bến xe:………………………

*(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).*

- Điểm dừng thứ nhất:

- Điểm dừng thứ hai:

- Điểm dừng thứ ba:

b) Lượt về từ Bến xe …………………………………đến Bến xe:

*(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).*

- Điểm dừng thứ nhất:

- Điểm dừng thứ hai:

- Điểm dừng thứ ba:

c) Thời gian dừng, nghỉ từ …………đến……………… phút/điểm.

**4. Phương tiện bố trí trên tuyến**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Biển số xe | Trọng tải (ghế) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Ghi chú |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |

**5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe**

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.

- Có đủ điều kiện về sức khoẻ, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.

- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

-……………………………………………………………………………………

-……………………………………………………………………………………

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

-……………………………………………………………………………………

**6. Các dịch vụ khác**

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

**7. Giá vé**

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: ………………………………đồng/HK.

- Giá vé chặng (nếu có): ………………………….đồng/HK.

|  |  |
| --- | --- |
| **Giá vé** | **đồng/HK** |
| Trong đó:  - Giá vé (\*) | đồng/HK |
| - Chi phí các bữa ăn chính | đồng/HK |
| - Chi phí các bữa ăn phụ | đồng/HK |
| - Phục vụ khác: khăn, nước ... | đồng/HK |

(\*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm HK, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:………………………………………………………

- Bán vé tại đại lý:……………………………… (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).

- Bán vé qua mạng: …………………………………………………………… (địa chỉ trang Web).

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Thủ trưởng đơn vị** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**35. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Hồ sơ nộp đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (nếu cần); viết giấy hẹn kiểm tra xe máy chuyên dùng và trả kết quả đăng ký xe máy chuyên dùng.

- Sở Giao thông vận tải tiến hành kiểm tra xe máy chuyên dùng tại địa điểm đã thỏa thuận với chủ sở hữu. Nội dung kiểm tra xe máy chuyên dùng theo quy định.

- Sở Giao thông vận tải làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a)Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai cấp đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu (bản chính);

- Chứng từ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (1);

- Chứng từ nguồn gốc xe máy chuyên dùng (2);

- Trường hợp chủ sở hữu mất một trong những giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng thì phải nộp thêm bản cam đoan theo mẫu (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý Vận tải và Phương tiện thuộc Sở Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số.

**8. Phí và lệ phí:** Lệ phí cấp đăng ký, biển số: 200.000 đồng/lần cấp/phương tiện.

**9. Tên mẫu đơn:**

**-** Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Tờ cam đoan về hồ sơ xe máy chuyên dùng.

**10. Yêu cầu thực hiện TTHC:**

Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được uỷ quyền thì phải có giấy uỷ quyền của của sở hữu theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

- Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/5/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

***Ghi chú:***

*(1)**Chứng từ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng là một trong những chứng từ sau:*

*- Quyết định hoặc hợp đồng mua bán kèm hoá đơn theo quy định của Bộ Tài chính (bản chính);*

*- Giấy bán, cho, tặng theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ(bản chính hoặc bản sao có chứng thực);*

*- Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có công chứng);*

*- Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu (bản chính);*

*- Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);*

*- Văn bản phát mại theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);*

*- Lệnh xuất hàng của Cục Dự trữ quốc gia. Trường hợp lệnh xuất hàng gồm nhiều xe máy chuyên dùng thì mỗi xe phải có một bản sao có chứng thực.*

*Trường hợp mua bán hoặc cho, tặng qua nhiều người, khi làm thủ tục đăng ký, chỉ cần chứng từ mua bán, cho, tặng lần cuối cùng.*

*(2) Chứng từ nguồn gốc xe máy chuyên dùng:*

*- Đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước, chứng từ nguồn gốc là phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của cơ sở sản xuất (bản chính;*

*- Đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu, chứng từ nguồn gốc là tờ khai hàng hoá nhập khẩu theo mẫu quy định của Bộ Tài chính (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);*

*- Đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo, ngoài chứng từ quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này phải có thêm biên bản nghiệm thu xuất xưởng của cơ sở được phép cải tạo. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có chứng từ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai xoá sổ đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư này (các loại giấy tờ nêu trên là bản chính);*

*- Đối với xe máy chuyên dùng không có nguồn gốc hợp pháp đã được cơ quan có thẩm quyền xử lý phải có quyết định xử lý theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).*

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:…………………….......... Số CMND hoặc hộ chiếu:.......................

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp:………………………………

Địa chỉ thường trú:……………………………………...……………………………

Tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....................Số CMND hoặc hộ chiếu:……….……

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp:..........……………………..…

Địa chỉ thường trú:...……………………………...………………………………

Loại xe máy chuyên dùng:…………...........................Màu sơn:……………………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):………………… ……Công suất: ...………………………

Nước sản xuất:…………………………………Năm sản suất:…….……………….

Số động cơ:…………………………………….Số khung:…….……………………

Kích thước bao (dài x rộng x cao): …………………....Trọng lượng:………………

Giấy tờ kèm theo, gồm có:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Số của giấy tờ | Trích yếu nội dung | Nơi cấp giấy tờ | Ngày cấp | Số trang |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải …………..……………xét cấp đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

… , ngày......tháng…… năm………

Người khai ký tên

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

*(Dán trà số động cơ) (Dán trà số khung)*

*\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

- Đăng ký lần đầu - Mất chứng từ gốc

- **Số biển số cũ:** (nếu có):………………...**Biển số đề nghị cấp:** ……….…………

Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

*\*Ghi chú: - Đánh dấu "x" vào các ô tương ứng;*

*- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;*

*- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.*

*Mẫu:*

Tên Sở GTVT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ CAM ĐOAN VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:…………………………………………………………………

Địa chỉ thường trú:………………………………………………………………

Số CMND hoặc số hộ chiếu:………………….…………………………….......

Ngày cấp:…………………………………..Nơi cấp………………………

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:……….................................Màu sơn………………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):……………………………… Công suất ...……………

Nước sản xuất:…………………………………………Năm sản xuất…….……

Số động cơ:…………………………………………….Số khung…….………

Kích thước bao (dài x rộng x cao):...………………......Trọng lượng……………

Đúng hay không đúng với tờ khai cấp đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng:…

Hồ sơ xin cấp đăng ký, biển số của tôi thiếu các loại giấy tờ sau:

1. Mất Chứng từ nguồn gốc hoặc mất Giấy chứng nhận đăng ký

Lý do……………

2. Mất các loại giấy tờ có trong hồ sơ như sau:

+…………………………………………………………………..

+…………………………………………………………………..

+…………………………………………………………………..

Lý do:………………………………………………………………

Xin cam đoan lời khai trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai báo.

……, ngày......tháng…… năm……

Chủ phương tiện

( ký, ghi rõ họ tên)

*\* Ghi chú:*

*Bản cam đoan được lập thành 02 bản: Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng giữ 01 bản: Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ cấp đăng ký 01 bản.*

**36. Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ và làm thủ tục di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu. Trường hợp không cấp phiếu di chuyển phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu (bản chính);

- Một trong các chứng từ xác định quyền chủ sở hữu xe máy chuyên dùng sau đây:

+ Quyết định hoặc hợp đồng mua bán kèm hoá đơn theo quy định của Bộ Tài chính (bản chính);

+ Giấy bán, cho, tặng theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

+ Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có công chứng).

- Trường hợp di chuyển không thay đổi chủ sở hữu, trong hồ sơ di chuyển không phải nộp chứng từ xác định quyền sở hữu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý Vận tải và Phương tiện thuộc Sở Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng.

**8. Phí và lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn:**

Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng.

**10. Yêu cầu thực hiện TTHC:**

**-** Người làm thủ tục di chuyển đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được chủ sở hữu uỷ quyền phải có giấy uỷ quyền theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI DI CHUYỂN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:………..………..............Số CMND hoặc hộ chiếu........

Ngày cấp:……………………………...............Nơi cấp...……...…………

Địa chỉ thường trú:……………………………....................................

Họ và tên đồng sở hữu (nếu có):……………………………………………

Địa chỉ thường trú:.............................................Số CMND hoặc hộ chiếu...........

Ngày cấp:……………………………………....Nơi cấp……………………

Hiện đã mua, được cho, tặng hoặc thừa kế chiếc xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:..……..............................Màu sơn…………………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):.……………………………Công suất ...……………

Nước sản xuất:.…………………………………… Năm sản xuất……………

Số động cơ:.………………………………………. Số khung…………………

Kích thước bao (dài x rộng x cao):..…...………......Trọng lượng……………

Biển số đăng ký :………………Ngày cấp……………Cơ quan cấp............

Nơi cấp…………………………………………………………………………

Nay tôi xin được di chuyển xe máy chuyên dùng nói trên đến Sở Giao thông vận tải........để được tiếp tục đăng ký.

….., ngày…..tháng…….năm……

Người khai ký tên

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải nơi chuyển đi:**

Đã di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng Biển đăng ký:……………

đến Sở Giao thông vận tải:.....................................

Ngày........tháng........năm..........

Cán bộ làm thủ tục Trưởng Phòng duyệt Giám đốc Sở GTVT

(Ký, ghi rõ họ và tên) (ký, ghi rõ họ và tên) (ký tên, đóng dấu)

*\* Ghi chú: Tờ khai lập thành 02 bản: - 01 Cho chủ sở hữu kèm hồ sơ;*

*- 01 Lưu tại Sở GTVT nơi di chuyển đi.*

**37. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng di chuyển đến**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Hồ sơ nộp đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ xe máy chuyên dùng di chuyển đến và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (nếu cần); viết giấy hẹn kiểm tra xe máy chuyên dùng (đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu).

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra xe máy chuyên dùng và cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a)Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu (bản chính);

- Hồ sơ di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng bao gồm toàn bộ giấy tờ đã kê trên Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng. Trường hợp mất một trong những giấy tờ đã kê trong Phiếu di chuyển thì phải nộp thêm bản cam đoan (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý Vận tải và Phương tiện thuộc Sở Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số.

**8. Phí và lệ phí:**

Lệ phí cấp đăng ký, biển số: 200.000 đồng/lần cấp/phương tiện.

**9. Tên mẫu đơn:**

**-** Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Tờ cam đoan về hồ sơ xe máy chuyên dùng.

**10. Yêu cầu thực hiện TTHC:**

Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được uỷ quyền thì phải có giấy uỷ quyền của của sở hữu theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

- Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/5/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:…………………….......... Số CMND hoặc hộ chiếu:...............

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp:…………………………………

Địa chỉ thường trú:…………………………………...………………………………

Tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....................Số CMND hoặc hộ chiếu:……………

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp:..........…………………………

Địa chỉ thường trú:...……………………………...…………………………………

Loại xe máy chuyên dùng:…………...........................Màu sơn:……………………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):………………… ……Công suất: ...………………………

Nước sản xuất:…………………………………Năm sản xuất:…….………………

Số động cơ:…………………………………….Số khung:…….……………………

Kích thước bao (dài x rộng x cao): …………………....Trọng lượng:………………

Giấy tờ kèm theo, gồm có:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Số của giấy tờ | Trích yếu nội dung | Nơi cấp giấy tờ | Ngày cấp | Số trang |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải ………………xét cấp đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên

… , ngày......tháng…… năm………

Người khai ký tên

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

*(Dán trà số động cơ) (Dán trà số khung)*

*\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

- Đăng ký lần đầu - Mất chứng từ gốc

- **Số biển số cũ:** (nếu có):………………...**Biển số đề nghị cấp:** ……….…………

Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

*Mẫu:*

Tên Sở GTVT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ CAM ĐOAN VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:…………………………………………………………

Địa chỉ thường trú:……………………………………………………

Số CMND hoặc số hộ chiếu:………………….…………………………

Ngày cấp:…………………………………..Nơi cấp……………………

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:……….................................Màu sơn…………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):……………………………… Công suất ...……

Nước sản xuất:…………………………………………Năm sản xuất…….…

Số động cơ:…………………………………………….Số khung…….……

Kích thước bao (dài x rộng x cao):...………………......Trọng lượng…………

Đúng hay không đúng với tờ khai cấp đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng:…

Hồ sơ xin cấp đăng ký, biển số của tôi thiếu các loại giấy tờ sau:

1. Mất Chứng từ nguồn gốc hoặc mất Giấy chứng nhận đăng ký

Lý do……………

2. Mất các loại giấy tờ có trong hồ sơ như sau:

+…………………………………………………………………..

+…………………………………………………………………..

+…………………………………………………………………..

Lý do:………………………………………………………

Xin cam đoan lời khai trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai báo.

……, ngày......tháng…… năm……

Chủ phương tiện

( ký, ghi rõ họ tên)

*\* Ghi chú:*

*Bản cam đoan được lập thành 02 bản: Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng giữ 01 bản: Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ cấp đăng ký 01 bản.*

**38. Sang tên đăng ký xe máy chuyên dùng cho tổ chức, cá nhân do cùng một Sở Giao thông vận tải quản lý**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Hồ sơ nộp đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (nếu cần); viết giấy hẹn trả kết quả; làm thủ tục sang tên chủ sở hữu cho chủ phương tiện. Trường hợp không chấp thuận sang tên phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu (bản chính);

- Một trong các chứng từ xác định quyền sở hữu sau đây:

+ Quyết định hoặc hợp đồng mua bán kèm hoá đơn theo quy định của Bộ Tài chính (bản chính);

+ Giấy bán, cho, tặng theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ(bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

+ Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có công chứng).

- Trường hợp thiếu một trong những giấy tờ trong hồ sơ sang tên đăng ký thì phải nộp thêm tờ cam đoan (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý Vận tải và Phương tiện thuộc Sở Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC**:

Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số.

**8. Phí và lệ phí:**

Lệ phí cấp đăng ký, biển số: 200.000 đồng/lần cấp/phương tiện.

**9. Tên mẫu đơn:**

**-** Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Tờ cam đoan về hồ sơ đăng ký xe máy chuyên dùng.

**10. Yêu cầu thực hiện TTHC:**

Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được chủ sở hữu uỷ quyền phải có giấy uỷ quyền theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

- Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/5/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:…………………….......... Số CMND hoặc hộ chiếu:...............

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp:……………………

Địa chỉ thường trú:……………………………………...……………

Tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....................Số CMND hoặc hộ chiếu:………

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp:..........…………………

Địa chỉ thường trú:...……………………………...………………………………

Loại xe máy chuyên dùng:…………...........................Màu sơn:……………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):………………… ……Công suất: ...……………

Nước sản xuất:…………………………………Năm sản xuất:…….……

Số động cơ:…………………………………….Số khung:…….…………

Kích thước bao (dài x rộng x cao): …………………....Trọng lượng:………

Giấy tờ kèm theo, gồm có:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Số của giấy tờ | Trích yếu nội dung | Nơi cấp giấy tờ | Ngày cấp | Số trang |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải …….……………xét cấp đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên

… , ngày......tháng…… năm………

Người khai ký tên

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

*(Dán trà số động cơ) (Dán trà số khung)*

*\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

- Đăng ký lần đầu - Mất chứng từ gốc

- **Số biển số cũ:** (nếu có):………………...**Biển số đề nghị cấp:** ……….…………

Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

*Mẫu:*

Tên Sở GTVT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ CAM ĐOAN VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:…………………………………………………………

Địa chỉ thường trú:……………………………………………………

Số CMND hoặc số hộ chiếu:………………….……………………………..

Ngày cấp:…………………………………..Nơi cấp……………………

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:……….................................Màu sơn…………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):……………………………… Công suất ...………

Nước sản xuất:…………………………………………Năm sản xuất…….…

Số động cơ:…………………………………………….Số khung…….……

Kích thước bao (dài x rộng x cao):...………………......Trọng lượng…………

Đúng hay không đúng với tờ khai cấp đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng:…

Hồ sơ xin cấp đăng ký, biển số của tôi thiếu các loại giấy tờ sau:

1. Mất Chứng từ nguồn gốc hoặc mất Giấy chứng nhận đăng ký

Lý do……………

2. Mất các loại giấy tờ có trong hồ sơ như sau:

+………………………………………………………………….. +………………………………………………………………….. +…………………………………………………………………..

Lý do:………………………………………………………………

Xin cam đoan lời khai trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai báo.

……, ngày......tháng…… năm……

Chủ phương tiện

( ký, ghi rõ họ tên)

*\* Ghi chú:*

*Bản cam đoan được lập thành 02 bản: Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng giữ 01 bản: Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ cấp đăng ký 01 bản.*

**39. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Hồ sơ nộp đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (nếu cần); viết giấy hẹn kiểm tra xe máy chuyên dùng và trả kết quả đăng ký xe máy chuyên dùng.

- Sở Giao thông vận tải tiến hành kiểm tra xe máy chuyên dùng tại địa điểm đã thỏa thuận với chủ sở hữu. Nội dung kiểm tra xe máy chuyên dùng theo quy định.

- Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a)Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng có thời hạn theo mẫu (bản chính);

- Bản sao có chứng thực Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của chủ dự án nước ngoài đầu tư tại Việt Nam;

- Chứng từ nguồn gốc xe máy chuyên dùng:

+ Đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước, chứng từ nguồn gốc là phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của cơ sở sản xuất (bản chính);hoặc  
+ Đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu, chứng từ nguồn gốc là tờ khai hàng hoá nhập khẩu theo mẫu quy định của Bộ Tài chính (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).Trường hợp không có chứng từ nguồn gốc xe máy chuyên dùng chủ sở hữu phải nộp thêm bản cam đoan (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý Vận tải và Phương tiện thuộc Sở Giao thông vận.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng và biển số.

**8. Phí và lệ phí:**

Lệ phí cấp đăng ký, biển số: 200.000 đồng/lần cấp/phương tiện.

**9. Tên mẫu đơn:**

**-** Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng có thời hạn;

- Tờ cam đoan về hồ sơ xe máy chuyên dùng.

**10. Yêu cầu thực hiện TTHC:**

Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được uỷ quyền thì phải có Giấy uỷ quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

- Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/5/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ**

**XE MÁY CHUYÊN DÙNG CÓ THỜI HẠN**

Tên chủ sở hữu:…………………….................................................................

Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư số:..................................................

Ngày cấp:………………………..........Cơ quan cấp………………………

Thời hạn thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam:.................................................

Trụ sở giao dịch:..…………………………...…………………….....

Loại xe máy chuyên dùng:...….........................Màu sơn………………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):…………………..……Công suất …………………

Nước sản xuất:..………………………………Năm sản xuất…….………

Số động cơ:..………………………………….Số khung…….………

Kích thước bao (dài x rộng x cao):.…………..Trọng lượng……………

Giấy tờ kèm theo, gồm có:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Số của giấy tờ | Trích yếu nội dung | Nơi cấp giấy tờ | Ngày cấp | Số trang |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải …………..……xét cấp đăng ký, biển số có thời hạn cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

*…, ngày......tháng…… năm………*

Thủ trưởng đơn vị

(ký tên, đóng dấu)

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

*(Dán trà số động cơ) (Dán trà số khung)*

*\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

**Biển số đề nghị cấp:** ……….………………

Giấy chứng nhận đăng ký có giá trị đến:........................................

Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

*Mẫu:*

Tên Sở GTVT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ CAM ĐOAN VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:………………………………………………………

Địa chỉ thường trú:……………………………………………………

Số CMND hoặc số hộ chiếu:………………….……………………………...

Ngày cấp:…………………………………..Nơi cấp……………………

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:……….................................Màu sơn……………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):……………………………… Công suất ...……

Nước sản xuất:…………………………………………Năm sản xuất…….…

Số động cơ:…………………………………………….Số khung…….…

Kích thước bao (dài x rộng x cao):...………………......Trọng lượng……

Đúng hay không đúng với tờ khai cấp đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng:…

Hồ sơ xin cấp đăng ký, biển số của tôi thiếu các loại giấy tờ sau:

1. Mất Chứng từ nguồn gốc hoặc mất Giấy chứng nhận đăng ký

Lý do……………

2. Mất các loại giấy tờ có trong hồ sơ như sau:

+…………………………………………………………………..

+…………………………………………………………………..

+…………………………………………………………………..

Lý do:…………………………………………………………………

Xin cam đoan lời khai trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai báo.

……, ngày......tháng…… năm……

Chủ phương tiện

( ký, ghi rõ họ tên)

*\* Ghi chú:*

*Bản cam đoan được lập thành 02 bản: Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng giữ 01 bản: Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ cấp đăng ký 01 bản.*

**40. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Hồ sơ nộp đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ và làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ phương tiện.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai cấp lại đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng theo mẫu (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Sau 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, nếu không có tranh chấp, Sở Giao thông vận tải cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biển số cho chủ sở hữu.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý Vận tải và Phương tiện thuộc Sở Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC**:

Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng hoặc biển số.

**8. Phí và lệ phí:**

Lệ phí cấp đăng ký, biển số:

- Cấp lại giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần cấp/phương tiện.

- Cấp lại giấy đăng ký không kèm biển số: 50.000 đồng/lần cấp/phương tiện.

**9. Tên mẫu đơn:** Tờ khai đổi, cấp lại đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng.

**10. Yêu cầu thực hiện TTHC:**

Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được chủ sở hữu uỷ quyền phải có Giấy uỷ quyền theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có Giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

- Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/5/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

*Mẫu:*  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**

**ĐỔI, CẤP LẠI ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:………………….…......Số giấy CMND hoặc hộ chiếu......

Ngày cấp:……………………………..............Nơi cấp………

Địa chỉ thường trú:……………………………………...…

Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):..............................Số CMND hoặc hộ chiếu

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp..........………………

Địa chỉ thường trú:...……………………………...……………………

Loại xe máy chuyên dùng:…………............................Màu sơn………………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):…………………………..……Công suất ...…………

Nước sản xuất:………………………………………...Năm sản xuất…….…

Số động cơ:...………………………………………….Số khung…….………

Kích thước bao (dài x rộng x cao):……….…………..Trọng lượng…………

Chiếc xe máy chuyên dùng này đã được Sở Giao thông vận tải............... cấp đăng ký, biển số ngày.....tháng ......năm.......

Biển số đã đăng ký:

Lý do xin đổi, cấp lại:...........................................................................

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đề nghị Sở Giao thông vận tải ………………xét cấp .......................... cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên

…ngày tháng…… năm………

Người khai ký tên

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải :**

*(Dán trà số động cơ) (Dán trà số khung)*

*\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

- **Cấp theo Số biển số cũ:** ......................cấp đổi cấp lại ngày…..tháng.....năm....

Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc Sở GTVT

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

*\*Ghi chú:*

*- Đánh dấu "x" vào các ô tương ứng; Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính.*

*- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.*

**41. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Hồ sơ nộp đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (nếu cần); viết giấy hẹn trả kết quả.

- Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

Tờ khai đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng theo mẫu(bản chính);

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý Vận tải và Phương tiện thuộc Sở Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng.

**8. Phí và lệ phí:**

Lệ phí cấp đăng ký, biển số: 70.000 đồng/lần cấp/phương tiện.

**9. Tên mẫu đơn:** Tờ khai cấp đăng ký xe máy chuyên dùng tạm thời.

**10. Yêu cầu thực hiện TTHC:**

Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được chủ sở hữu uỷ quyền phải có Giấy uỷ quyền theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

- Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/5/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**

**ĐĂNG KÝ TẠM THỜI XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:……………...............Số CMND hoặc hộ chiếu......

Ngày cấp:…………………………………..Nơi cấp....……………

Địa chỉ thường trú:……………………………………...…………

Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):…………......Số CMND hoặc hộ chiếu

Ngày cấp:………………………………….....Nơi cấp……………………

Địa chỉ thường trú:...……………………………...……………

Loại xe máy chuyên dùng:……….................................Màu sơn………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):………………………………...Công suất ...………

Nước sản xuất:…………………………………………Năm sản xuất…

Số động cơ:…………………………………………….Số khung…….…

Kích thước bao (dài x rộng x cao):………………….... Trọng lượng……

Giấy tờ kèm theo, gồm có:

+………………………………………………………………………

+…………………………………………………………………………

+……………………………………………………………………

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

……, ngày.....tháng…… năm………

Người khai ký

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

Số đăng ký tạm thời:………………………

Cấp ngày……tháng…..năm……….

Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc Sở GTVT

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

*\* Ghi chú: Tờ khai lập thành 02 bản:*

*- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng kèm theo hồ sơ 01 bản;*

*- Lưu Sở Giao thông vận tải 01 bản.*

**42 Đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân có xe máy chuyên dùng đã cải tạo, thay đổi màu sơn hoặc Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biển số bị hỏng nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (nếu cần); viết giấy hẹn trả kết quả.

- Sở Giao thông vận tải cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai đổi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng theo mẫu (bản chính);

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp (bản chính);

- Biển số xe máy chuyên dùng (trường hợp biển số bị hỏng).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

**-** 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý Vận tải và Phương tiện thuộc Sở Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC**:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số.

**8. Phí và lệ phí:**

- Lệ phí đổi giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần cấp/phương tiện.

- Lệ phí đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần cấp/phương tiện.

**9. Tên mẫu đơn:** Tờ khai đổi, cấp lại đăng ký biển số xe máy chuyên dùng.

**10. Yêu cầu thực hiện TTHC:**

Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được chủ sở hữu uỷ quyền phải có Giấy uỷ quyền theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

- Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/5/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**

**ĐỔI, CẤP LẠI ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:………………….…......Số giấy CMND hoặc hộ chiếu.....

Ngày cấp:……………………………..............Nơi cấp………………………

Địa chỉ thường trú:……………………………………...……………

Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.........................Số CMND hoặc hộ chiếu

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp..........…………………….

Địa chỉ thường trú:...……………………………...…………………………

Loại xe máy chuyên dùng:…………............................Màu sơn…………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):…………………………..……Công suất ...…………

Nước sản xuất:………………………………………...Năm sản xuất…….……

Số động cơ:...………………………………………….Số khung…….……

Kích thước bao (dài x rộng x cao):……….…………..Trọng lượng…………

Chiếc xe máy chuyên dùng này đã được Sở Giao thông vận tải..............

cấp đăng ký, biển số ngày.....tháng ......năm.......

Biển số đã đăng ký:

Lý do xin đổi, cấp lại:...........................................................................

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải ………………xét cấp .......................... cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên

…ngày tháng…… năm………

Người khai ký tên

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải :**

*(Dán trà số động cơ) (Dán trà số khung)*

*\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

- **Cấp theo Số biển số cũ:** .........................cấp đổi cấp lại ngày....tháng......năm.....

Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc Sở GTVT

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

**43 . Xóa sổ đăng ký xe máy chuyên dùng**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Hồ sơ nộp đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ,thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số; xoá số đăng ký và xác nhận vào tờ khai của chủ sở hữu xe máy chuyên dùng.

**2. Cách thức thực hiện**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a)Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai xoá sổ đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu (bản chính);

- Nộp giấy chứng nhận đăng ký và biển số (trừ trường hợp bị mất).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý Vận tải và Phương tiện thuộc Sở Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

Tờ khai xoá số đăng ký xe máy chuyên dùng (bản chính) có xác nhận của Sở Giao thông vận tải.

**8. Phí và lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn:** Tờ khai xóa sổ đăng ký xe máy chuyên dùng;

**10. Yêu cầu thực hiện TTHC:**

Người làm thủ tục xoá sổ đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được uỷ quyền thì phải có Giấy uỷ quyền của của sở hữu theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ.

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**

**XOÁ SỔ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:………….........Số giấy CMND hoặc hộ chiếu................

Ngày cấp:…………… ……...........Nơi cấp…………………………

Địa chỉ thường trú:………………. ………...……………………………

Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):……….....Số CMND, hoặc hộ chiếu……

Ngày cấp:……………………….............Nơi cấp:………..........…………

Địa chỉ thường trú:...………………...………………………………

Loại xe máy chuyên dùng:...................... Màu sơn………………………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):………………... Công suất ...……………………………

Nước sản xuất:...……………………… Năm sản xuất…….…………………….

Số động cơ:…………………………….Số khung…….…………………………

Kích thước bao (dài x rộng x cao):………….....Trọng lượng………………

Hiện đã có giấy chứng nhận đang ký, biển số là:…..........……….................

Do Sở Giao thông vận tải………………….cấp ngày…..tháng………năm…….

Lý do xin xoá sổ đăng ký:…………………………………………

……………………………………………………………………

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị………………….. xoá sổ đăng ký xe máy chuyên dùng đã khai trên.

……, ngày.....tháng…… năm………

Người khai ký

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

Số biển số:……….Ngày cấp………Số đăng ký quản lý………Ngày xoá sổ:…/../…

Đã thu hồi giấy chứng nhận đăng ký và biển số ngày……./……./……….

Lưu hồ sơ xoá sổ đăng ký tại Sở Giao thông vận tải.

**Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

*Ghi chú:Tờ khai lập thành 03 bản: - Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng 02 bản; Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ xoá sổ 01 bản.*

**44. Cấp giấy phép liên vận Việt Nam – Campuchia**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

 - Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, sửa đổi, Sở GTVT thông báo trực tiếp (đối với hồ sơ nộp trực tiếp) hoặc bằng văn bản các nội dung cần bổ sung, sửa đổi đến tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép trong thời gian tối đa không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở GTVT cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia; trường hợp từ chối không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện**:

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

- Kê khai trực tuyến cấp độ 4 theo địa chỉ ( http://qlvt.mt.gov.vn).

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đối với phương tiện phi thương mại

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt Nam – Campuchia theo mẫu;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu: Giấy đăng ký phương tiện, trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo hợp đồng của tổ chức, cá nhân với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (trừ xe do người ngoại quốc tự lái).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép liên vận Việt Nam – Campuchia.

**8. Phí, lệ phí:** không có.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị cấp giấy phép vận tải liên vận cho phương tiện qua lại biên giới Việt Nam – Campuchia.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

**-** Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thi hành một số điều của Hiệp định thư và Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia.

- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
| Tên đơn vị/cá nhân đề nghị cấp giấy phép | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT NAM - CAMPUCHIA**

Kính gửi: ……………………………….

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):.............................................................................................

2. Địa chỉ:.........................................................................................................................

3. Số điện thoại: ………………………. Số Fax:.....................................................................

4. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Biển số xe | Trọng tải (ghế) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp phép | Cửa khẩu xuất - nhập |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | …...., ngày   tháng   năm **Đại diện đơn vị hoặc cá nhân** *(Ký tên, đóng dấu (nếu có))* |

**45. Gia hạn giấy phép liên vận Campuchia – Việt Nam cho phương tiện của Campuchia tại Việt Nam**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải trả lời việc gia hạn. Trường hợp không gia hạn phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do ngay trong ngày nhận hồ sơ.

**2. Cách thức thực hiện**:

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

- Kê khai trực tuyến cấp độ 4 theo địa chỉ ( http://qlvt.mt.gov.vn).

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn theo mẫu;

- Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam (bản chính);

- Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi phương tiện đang lưu trú;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi phương tiện đang lưu trú;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

**-** Giấy phép liên vận được gia hạn.

-Thời hạn gia hạn: Được gia hạn và mỗi lần gia hạn không quá 10 ngày kể từ ngày hết hạn lưu trú.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính**:

- Đơn đề nghị gia hạn.

**10.Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

**-** Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thi hành một số điều của Hiệp định thư và Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia.

***Mẫu:***

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CAMPUCHIA - VIỆT NAM  
APPLICATION FOR EXTENDING OF CAMBODIA-VIET NAM  
CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT**

Kính gửi *(To)*: ……………………………………………..

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): *Name (organization or individual)* ..................................

2. Địa chỉ: *(Address)* ..................................................................................................

3. Số điện thoại: *(Tel No.)* …………………… Số Fax: *(Fax No.)*: ………………

Ngày cấp *(Date of issue)* ………………….. Cơ quan cấp *(Issuing Authority)* ………

4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải ……………….. gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of …..…….. to extend the validity of Cambodia - Viet Nam Cross-Border Transport Permit(s) for the following vehicle(s):*

- Biển số xe xin gia hạn *(Registration No.)*: .....................................................................

- Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam số: .... Ngày cấp ... Nơi cấp: …………….

Có giá trị đến: …………………………..

*Cambodia - Viet Nam Cross-Border Transport Permit No.:.... Date of issue …… Issuing Authority... Date of expiry ……..*

- Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam: ngày ……… tháng ………. năm ……….  
*Date of entry into Viet Nam: …….. month ……… year ………….*

- Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm (lựa chọn 1 trong 2 nội dung sau để khai):  
*Proposed extended duration (choose one of the two following options):*

+ Gia hạn Giấy phép liên vận: *......ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...*

*Extension for: ………….days, from date …… month….. year …… to date …… month ... year ……*

+ Gia hạn chuyến đi: ……….ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm …

*Extension for Journey: ….. days, from date ... month ... year ... to date .....month... year...*

5. Lý do đề nghị gia hạn *(The reasons for extension)*:

.........................................................................................................................................

6. Chúng tôi xin cam kết *(We commit)*:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam cho phương tiện và các văn bản kèm theo *(To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the application for extending Cambodia-Viet Nam Cross-Border Transport Permit for vehicles and the attached documents)*.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Campuchia và Việt Nam. *(To comply strictly with all provisions of Vietnamese Laws as well as the provisions of the Protocol implementation of the Road Transport Agreement Cambodia and Viet Nam)*.

|  |  |
| --- | --- |
|  | …., ngày *(date)* ….. tháng *(month)* ……. năm *(year)*.... Đại diện đơn vị (Representative of the Company) *Ký tên*/*Signature* *Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền (Driver, vehicle owner or authorized person).* |

**46. Chấp thuận khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC :

- Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan quản lý tuyến kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung phải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ quan quản lý tuyến ra văn bản chấp thuận doanh nghiệp, hợp tác xã vào khai thác.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc theo mẫu;

- Danh sách xe kèm theo giấy đăng ký xe (bản sao chụp);

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:**

- Chấp thuận khai thác vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam – Trung Quốc.

- Thời hạn khai thác tuyến: 05 năm.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:**

- Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Doanh nghiệp, hợp tác xã có đủ điều kiện theo quy định hiện hành được đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 22 tháng 11 năm 1994, Nghị định thư về việc sửa đổi Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 11 tháng 10 năm 2011 (sau đây gọi tắt là Hiệp định);

- Nghị định thư giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về việc thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 11 tháng 10 năm 2011 (sau đây gọi tắt là Nghị định thư);

- Thỏa thuận giữa Bộ Giao thông vận tải nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Giao thông vận tải nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về xây dựng chế độ giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ký ngày 30 tháng 5 năm 2012;

- Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29/6/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHND Trung Hoa.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên doanh nghiệp, HTX:** ……… Số: ……../……… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *…….., ngày tháng năm* |

**GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC VẬN TẢI HÀNH KHÁCH   
ĐỊNH KỲ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC**

**Kính gửi:** ………………………..

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại: …………………………..số Fax:

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: ………..ngày……/……/……. cơ quan cấp …….

5. Đăng ký khai thác vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc như sau:

Tỉnh/thành phố đi: …………….Tỉnh/thành phố đến: ……………………………………….

Bến đi: ……….............………..Bến đến: …………………………………………………….

Cự ly vận chuyển: …….km

Hành trình chạy xe:

Điểm dừng đỗ trên đường:

6. Danh sách xe:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Biển kiểm soát xe | Tên đăng ký sở hữu xe | Loại xe | Số ghế | Năm sản xuất | Cửa khẩu xuất - nhập |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |

7. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Hiệp định, Nghị định thư sửa đổi Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ Việt - Trung.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện doanh nghiệp, HTX** *(Ký tên, đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
| *Mẫu:* **Tên Doanh nghiệp, HTX:** ……… Số: …….…… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH   
ĐỊNH KỲ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC**

**1. Đặc điểm tuyến:**

Tên tuyến: …………………………………………đi và ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyển:……………..km.

Lộ trình:

**2. Biểu đồ chạy xe:**

Số chuyến tài (nốt) trong .......…ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:

Hàng ngày có……nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc ….. giờ

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc ….. giờ

+ ……..

b) Tại bến lượt về: bến xe:

Hàng ngày có…..nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc ….. giờ

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc ….. giờ

+ ……..

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe ... giờ.

d) Tốc độ lữ hành: ……..km/giờ

e) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: ………phút

**3. Các trạm dừng nghỉ trên đường:**

a) Lượt đi từ Bến xe: ………………………..đến Bến xe:

*(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).*

- Điểm dừng thứ nhất

- Điểm dừng thứ hai

- Điểm dừng thứ ba:

b) Lượt về từ Bến xe: ………………………….đến Bến xe:

*(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).*

- Điểm dừng thứ nhất

- Điểm dừng thứ hai

- Điểm dừng thứ ba:

c) Thời gian dừng, nghỉ từ …….đến ……..phút/điểm

**4. Phương tiện bố trí trên tuyến**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Biển số xe | Trọng tải (ghế) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Ghi chú |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |

**5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe**

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có giấy phép lái xe phù hợp với xe điều khiển

- Có đủ điều kiện về sức khoẻ, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ

- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên

-

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

- Có đủ điều kiện về sức khoẻ.

- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị

- Nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên

-

**6. Các dịch vụ khác**

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

**7. Giá vé**

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: ………………đồng/HK

- Giá vé chặng (nếu có):……………đồng/HK

|  |  |
| --- | --- |
| **Giá vé** | **đồng/HK** |
| Trong đó: |  |
| - Giá vé (\*) | đồng/HK |
| - Chi phí các bữa ăn chính | đồng/HK |
| - Chi phí các bữa ăn phụ | đồng/HK |
| - Phục vụ khác: khăn, nước … | đồng/HK |

(\*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm HK, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:

- Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).

- Bán vé qua mạng: (địa chỉ trang Web)

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của Sở GTVT** | **Đại diện doanh nghiệp, HTX** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**47. Chấp thuận bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC :

- Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan quản lý tuyến kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung phải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ quan quản lý tuyến ra văn bản chấp thuận bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc theo mẫu;

- Danh sách xe kèm theo giấy đăng ký xe (bản sao chụp);

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:**

Chấp thuận bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:**

Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 22 tháng 11 năm 1994, Nghị định thư về việc sửa đổi Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 11 tháng 10 năm 2011 (sau đây gọi tắt là Hiệp định);

- Nghị định thư giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về việc thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 11 tháng 10 năm 2011 (sau đây gọi tắt là Nghị định thư);

- Thỏa thuận giữa Bộ Giao thông vận tải nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Giao thông vận tải nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về xây dựng chế độ giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ký ngày 30 tháng 5 năm 2012;

- Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29/6/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHND Trung Hoa.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên doanh nghiệp, HTX:** ……… Số: ……../……… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *…….., ngày tháng năm* |

**GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC VẬN TẢI HÀNH KHÁCH   
ĐỊNH KỲ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC**

**Kính gửi:** ………………………..

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại: …………………………..số Fax:

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: ………..ngày……/……/……. cơ quan cấp …….

5. Đăng ký khai thác vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc như sau:

Tỉnh/thành phố đi: …………….Tỉnh/thành phố đến: …………..

Bến đi: ……….............………..Bến đến: ……………..

Cự ly vận chuyển: …….km

Hành trình chạy xe:

Điểm dừng đỗ trên đường:

6. Danh sách xe:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Biển kiểm soát xe | Tên đăng ký sở hữu xe | Loại xe | Số ghế | Năm sản xuất | Cửa khẩu xuất - nhập |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |

7. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Hiệp định, Nghị định thư sửa đổi Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ Việt - Trung.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện doanh nghiệp, HTX** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**48. Gia hạn Giấy phép liên vận Việt – Lào** **và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ:

 Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt cho phương tiện của Lào, việc gia hạn được thực hiện tại mục gia hạn trong Giấy phép liên vận Lào - Việt; trường hợp không gia hạn phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do ngay trong ngày nhận hồ sơ.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

- Kê khai trực tuyến cấp độ 4 theo địa chỉ ( http://qlvt.mt.gov.vn).

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy phép liên vận Lào - Việt (bản chính);

- Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

- Đơn đề nghị gia hạn theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi phương tiện gặp sự cố;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi phương tiện gặp sự cố;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

**-** Giấy phép liên vận Việt – Lào được gia hạn.

- Hiệu lực của Giấy phép: Được gia hạn 01 lần với thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày hết hạn.

**8. Phí, lệ phí:** không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị gia hạn.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Phương tiện của Lào hết hạn giấy phép hoặc quá thời gian lưu hành tại Việt Nam nếu có lý do chính đáng (thiên tai, tai nạn, hỏng không sửa chữa kịp).

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

|  |  |
| --- | --- |
| *Mẫu:* | |
| Tên đơn vị/cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận của Lào | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  SOCIaLIST REPUBLIC OF VIET NAM |
| Company/Individual name applying for extension of Laos – Viet Nam Cross-border Transport Permit | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  Independence - Freedom – Happiness |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN LÀO - VIỆT**

**APPLICATION FOR EXTENDING OF LAOS-VIET NAM**

**CROSS- BORDER TRANSPORT PERMIT**

Kính gửi (*To*):....................................................................

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): *Name (organization or individual)…………………………..*

2. Địa chỉ: *(Address)* ……………………………………….…………………………...

3.Số điện thoại: *(Tel No.)*.......................... Số Fax: *(Fax No.):* ....................

Ngày cấp *(Date of issue) ………………...*Cơ quan cấp *(Issuing Authority)……………………….*

4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải …… ………..gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of...............to extend the validity of Laos - Viet Nam Cross- Border Transport Permit(s) for the following vehicle(s):*

- Biển số xe xin gia hạn *(Registration No.): ………………………………………………….*

- Giấy phép liên vận Lào - Việt số: …. Ngày cấp … Nơi cấp: …… Có giá trị đến: ………...

*Laos - Viet Nam Cross-Border Transport Permit No.:…Date of issue.....Issuing Authority...Date of expiry………*

- Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam: ngày ……. tháng …... năm …..

*Date of entry into Viet Nam: ... .... month ... ... year ................*

- Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm (lựa chọn 1 trong 2 nội dung sau để khai):

*Proposed extended duration (choose one of the two following options):*

*+* Gia hạn Giấy phép liên vận*: ….ngày, từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng … năm …*

*Extension for: …. ……...days, from date… ... month ..... year ... …to date ... ..month ... year .......*

*+* Gia hạn chuyến đi:………..ngày, từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng … năm *……..*

*Extension for Journey : ... ... ... …days, from date ... month ... year ... to date ... ..month ... year ...*

5. Lý do đề nghị gia hạn *(The reasons for extension):……………………..…………..*

……………………………………………………………………………..………………………….…………………………………………………………………………….

6. Chúng tôi xin cam kết *(We commit)*:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt cho phương tiện và các văn bản kèm theo *(To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the application for extending Laos-Viet Nam Cross-Border Transport Permit for vehicles and the attached documents).*

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Lào và Việt Nam. *(To comply strictly with all provisions of Vietnamese Laws as well as the provisions of the Protocol to Implement the Agreement to Facilitate Cross-border Movement of Motor vehicles between Laos and Viet Nam).*

|  |  |
| --- | --- |
|  | ....., ngày (*date*)…….tháng *(month)*…….năm *(year)*….  Đại diện đơn vị (Representative of the Company)  *Ký tên/Signature*  *Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền*  *(Driver, vehicle owner or authorized person).* |

**49. Cấp giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia – Lào – Việt Nam**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ quan cấp Giấy phép tiếp nhận kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a)Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại có mẫu kèm theo;

- Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, các nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

- Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc .

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7**. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Giấy phép liên vận Campuchia- Lào **-Việt Nam.**

**8. Lệ phí:** không có.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai**: Giấy đề nghị cấp giấy phép liên vận qua lại biên giới Campuchia- Lào -Việt Nam.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không có

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Căn cứ Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ ký ngày 17 tháng 01 năm 2013 tại Champasak, Lào;

+ Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện một số Điều của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ;

+ Thông tư 76/2004/TT-BTC ngày 29/07/2004 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị/tổ chức đề nghị cấp giấy phép -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:……………………..

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):  ..........................................................................................

2. Địa chỉ: .........................................................................................................................

3. Số điện thoại:. ……………………………………số Fax: ..........................................

4. Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số ………..ngày cấp ………..cơ quan cấp phép ………… (đối với trường hợp phương tiện vận chuyển hàng hóa, người phục vụ mục đích kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã).

5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Biển số xe | Trọng tải (ghế) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp phép | Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách) | Cửa khẩu Xuất- Nhập cảnh |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

6. Mục đích chuyến đi:

|  |  |
| --- | --- |
| a) Công vụ: □ | b) Cá nhân: □ |
| c) Phục vụ Hoạt động của doanh nghiệp, HTX: □ | d) Mục đích khác: □ |

|  |  |
| --- | --- |
|  | ……..,ngày         tháng        năm Thủ trưởng đơn vị *(Ký tên, đóng dấu)* |

**50. Cấp lại giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia – Lào – Việt Nam**

**1. Trình tự thực hiện**:

a) Nộp hồ sơ TTHC

Hết thời hạn của Giấy phép hoặc Giấy phép bị hư hỏng hoặc bị mất Giấy phép, Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ quan cấp Giấy phép tiếp nhận kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a)Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại có mẫu kèm theo;

- Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, các nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

- Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc .

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép liên vận Campuchia- Lào -Việt Nam.

**8. Lệ phí**: không có

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai**: Giấy đề nghị cấp giấy phép liên vận qua lại biên giới Campuchia- Lào -Việt Nam.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy phép cũ hoặc Giấy phép hư hỏng nộp về cơ quan cấp Giấy phép; trường hợp mất Giấy phép phải có công văn báo cáo và cam kết về việc mất Giấy phép

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Căn cứ Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ ký ngày 17 tháng 01 năm 2013 tại Champasak, Lào;

+ Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông Vận tải

hướng dẫn thực hiện một số Điều của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ;

+ Thông tư 76/2004/TT-BTC ngày 29/07/2004 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị/tổ chức đề nghị cấp giấy phép -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:……………………..

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):  .........................................................................................

2. Địa chỉ: .........................................................................................................................

3. Số điện thoại:. ……………………………………số Fax: .........................................

4. Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số ………..ngày cấp ………..cơ quan cấp phép ………… (đối với trường hợp phương tiện vận chuyển hàng hóa, người phục vụ mục đích kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã).

5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Biển số xe | Trọng tải (ghế) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp phép | Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách) | Cửa khẩu Xuất- Nhập cảnh |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

6. Mục đích chuyến đi:

|  |  |
| --- | --- |
| a) Công vụ: □ | b) Cá nhân: □ |
| c) Phục vụ Hoạt động của doanh nghiệp, HTX: □ | d) Mục đích khác: □ |

|  |  |
| --- | --- |
|  | ……..,ngày         tháng        năm Thủ trưởng đơn vị *(Ký tên, đóng dấu)* |

**51. Cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ quan cấp Giấy phép tiếp nhận kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

- Kê khai trực tuyến cấp độ 4 theo địa chỉ ( http://qlvt.mt.gov.vn).

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a)Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào quy định tại Phụ lục

- Giấy đăng ký phương tiện, trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo hợp đồng của tổ chức, cá nhân với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật;

- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

- Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào);

- Quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp đi công vụ và các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép liên vận Việt- Lào.

**8. Lệ phí:** không có.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy phép Liên vận Việt- Lào.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**:không có

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ký ngày 23 tháng 4 năm 2009;

+ Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ký ngày 15 tháng 9 năm 2010;

+ Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào;

+Thông tư 76/2004/TT-BTC ngày 29/07/2004 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tên đơn vị/tổ chức  đề nghị cấp giấy phép  -----------------*** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc -----------------------** |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO**

**Kính gửi:** ……………………………………………………..

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại: ……………………….. số Fax:

4. Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số ……….. ngày cấp ……………. cơ quan cấp phép …………………… (đối với trường hợp phương tiện vận chuyển hàng hóa, người phục vụ mục đích kinh doanh của Doanh nghiệp, Hợp tác xã)

5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận cho phương tiện vận tải sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Biển số xe | Trọng tải (ghế) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp phép | Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách) | Cửa khẩu xuất - nhập |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

6. Mục đích chuyến đi:

a) Công vụ: □ b) Cá nhân: □

c) Hoạt động kinh doanh: □ d) Mục đích khác: □

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………., Ngày tháng năm*  **Thủ trưởng đơn vị**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

**52. Cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC

Hết thời hạn của Giấy phép hoặc Giấy phép bị hư hỏng hoặc bị mất Giấy phép. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ quan cấp Giấy phép tiếp nhận kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

- Kê khai trực tuyến cấp độ 4 theo địa chỉ ( http://qlvt.mt.gov.vn).

3**. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a)Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào quy định tại Phụ lục

- Giấy đăng ký phương tiện, trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo hợp đồng của tổ chức, cá nhân với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật;

- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

- Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào);

- Quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp đi công vụ và các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Tổ chức, cá nhân.

6**. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép liên vận Việt- Lào.

**8. Lệ phí**: không có.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy phép Liên vận Việt- Lào.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**:

Giấy phép cũ hoặc Giấy phép hư hỏng nộp về cơ quan cấp Giấy phép; trường hợp mất Giấy phép phải có công văn báo cáo và cam kết về việc mất Giấy phép

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ký ngày 23 tháng 4 năm 2009;

+ Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ký ngày 15 tháng 9 năm 2010;

+ Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào;

+Thông tư 76/2004/TT-BTC ngày 29/07/2004 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tên đơn vị/tổ chức  đề nghị cấp giấy phép  -----------------*** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc -----------------------** |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO**

**Kính gửi:** ……………………………………………………..

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại: ……………………….. số Fax:

4. Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số ……….. ngày cấp ……………. cơ quan cấp phép …………………… (đối với trường hợp phương tiện vận chuyển hàng hóa, người phục vụ mục đích kinh doanh của Doanh nghiệp, Hợp tác xã)

5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận cho phương tiện vận tải sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Biển số xe | Trọng tải (ghế) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp phép | Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách) | Cửa khẩu xuất - nhập |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

6. Mục đích chuyến đi:

a) Công vụ: □ b) Cá nhân: □

c) Hoạt động kinh doanh: □ d) Mục đích khác: □

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………., Ngày tháng năm*  **Thủ trưởng đơn vị**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

**53. Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC

Phương tiện của Lào, Campuchia gặp trường hợp bất khả kháng (thiên tai, tai nạn giao thông, hỏng phương tiện không thể sửa chữa tại Việt Nam) nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ quan cấp Giấy phép tiếp nhận kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản gia hạn Giấy phép liên vận CLV và gửi cho tổ chức, cá nhân; trường hợp không gia hạn phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a)Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị gia hạn theo mẫu kèm theo;

- Giấy phép liên vận CLV;

- Giấy đăng ký phương tiện.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 01 ngày làm việc .

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bình Dương;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam**.**

**8. Lệ phí**: không có.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận CLV

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không có

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông Vận tải

hướng dẫn thực hiện một số Điều của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ;

+ Thông tư 76/2004/TT-BTC ngày 29/07/2004 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ./.

|  |  |
| --- | --- |
| Tên doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép liên vận của Lào, Campuchia  Company name applying for extension of Laos, Cambodia Cross-border Transport Permit | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** Independence - Freedom - Happiness **---------------** |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ   
GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV   
APPLICATION FOR EXTENSION OF CAMBODIA-LAOS-VIET NAM   
CROSS- BORDER TRANSPORT PERMIT**

Kính gửi *(To)*:…………………………………………………….

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): *Name (organization or individual)*…………………

2. Địa chỉ: *(Address)*  …………………………………………………………………

3. Số điện thoại: *(Tel No.)* ……………………………………Số Fax: *(Fax No.):* ……………………

4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư số *(Business Registration Certificate or Investment License No.:……………………………………………………….*

Ngày cấp *(Date of issue)*………………… Cơ quan cấp *(Issuing Authority)* …………………….

5. Đề nghị Sở GTVT ……………………….gia hạn Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of…………….to extend the validity of Cambodia - Laos - Viet Nam Cross- Border Transport Permit(s) for the following vehicle(s):*

- Biển số xe xin gia hạn *(Registration No.)*:……………………………………………………………..

- Giấy phép liên vận CLV số: .... Ngày cấp ... Nơi cấp:...... Có giá trị đến: ………………………..

*Cambodia-Laos-Viet Nam Cross-Border Transport Permit No.:... (Date of issue).... (Issuing Authority)...Date of expiry ……………….*

- Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam: ngày ........ tháng ………năm …………

*Date of entry into Viet Nam: ……………..month …………….year ………..*

- Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm (lựa chọn 1 trong 2 nội dung sau để khai):

*Proposed to extend duration (choose one of the two following options):*

+ Gia hạn giấy phép liên vận: .*...ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...*

*Extension for:……..days, from date…….. month…… year... ...to date….. month... year ......*

+ Gia hạn chuyến đi:........ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm .......

*Extension of Journey: ……….days, from date... month... year... to date .... month... year...*

7. Lý do đề nghị gia hạn *(The reasons for extension):*…………………………………

8. Chúng tôi xin cam kết *(We commit):*

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị gia hạn giấy phép liên vận Campuchia - Lào - Việt Nam cho phương tiện và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the application for extending Cambodia-Laos-Viet Nam Cross-Border Transport Permit for vehicles and the attached documents).*

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ. *(To comply strictly with all provisions of Vietnamese Laws as well as the provisions of the Memorandum of Understanding between the Governments of the Kingdom of Cambodia, the People's Democratic Republic of Laos and the Socialist Republic of Vietnam on Road of Transport).*

|  |  |
| --- | --- |
|  | ………, ngày *(Date)*……tháng *(month)*…..năm *(year)*……. Đại diện đơn vị (Representative of the Company) *Ký tên/Signature Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền* *(Driver, vehicle owner or authorized person)* |

**54. Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan cấp Giấy phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời phê duyệt Phương án kinh doanh kèm theo. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì cơ quan cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

- Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Kê khai trực tuyến cấp độ 4 theo địa chỉ ( http://qlvt.mt.gov.vn).

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu;

- Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành vận tải;

- Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;

- Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ);

- Bản đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/09/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

*Mẫu****:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị KDVT:...................** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:…………/………… | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**ĐỀ NGHỊ CẤP****GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

Kính gửi: Sở GTVT........................................................

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:............................................................................

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):...........................................................................

3. Địa chỉ trụ sở:......................................................................................................

4. Số điện thoại (Fax):.............................................................................................

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:............ do..........cấp ngày......... tháng......... năm............

6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:....................................................................

7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-...................................................................................................................

-...................................................................................................................

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu. | **Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC 3**

***(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị KD vận tải:........** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.............. /.............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**PHƯƠNG ÁN  
KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

**I. Tổ chức quản lý hoạt động vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải**

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban.

- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ, chuyên ngành.

- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (chỉ áp dụng đối với đơn vị vận tải đăng ký kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).

- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

- Các nội dung quản lý khác.

**II. Phương án kinh doanh của đơn vị vận tải**

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.

a. Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt.

- Tuyến khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.

- Phạm vi hoạt động của tuyến (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)

- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.

- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe hợp đồng và xe du lịch.

- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km).

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.

- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

c. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi:

- Màu sơn xe của đơn vị.

- Vị trí gắn hộp đèn xe taxi, nội dung thông tin ghi phía ngoài xe: Số điện thoại, tên đơn vị vận tải.

- Hệ thống điều hành: địa chỉ trung tâm điều hành, số lượng nhân viên điều hành, trang thiết bị liên lạc.

- Lái xe taxi: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.

- Đồng phục của lái xe.

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải, vận tải hàng hóa thông thường…).

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Lái xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**55*.* Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp bị hư hỏng, hết hạn, bị mất hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan cấp Giấy phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh thẩm định hồ sơ, cấp lại Giấy phép kinh doanh đồng thời phê duyệt Phương án kinh doanh kèm theo. Trường hợp không cấp lại Giấy phép kinh doanh thì cơ quan cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với trường hợp Giấy phép bị mất: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh kiểm tra, xác minh, cấp lại Giấy phép kinh doanh. Trường hợp không cấp lại Giấy phép kinh doanh thì cơ quan cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

- Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Kê khai trực tuyến cấp độ 4 theo địa chỉ ( http://qlvt.mt.gov.vn).

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với trường hợp thay đổi nội dung của Giấy phép kinh doanh, hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại theo mẫu;

+ Giấy phép kinh doanh được cấp trước đó;

+ Tài liệu chứng minh sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP (việc thay đổi liên quan đến nội dung nào thì bổ sung tài liệu về nội dung đó).

- Đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh hết hạn, hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh theo mẫu;

+ Giấy phép kinh doanh được cấp trước đó;

+ Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

- Đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị hư hỏng, hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh theo mẫu;

+ Giấy phép kinh doanh bị hư hỏng.

- Đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh theo mẫu;

+ Văn bản có xác nhận của Công an xã, phường nơi đơn vị kinh doanh vận tải trình báo mất Giấy phép kinh doanh.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

**-** Đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

- Đối với trường hợp Giấy phép bị mất: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

1. Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/09/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

*Mẫu****:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị KDVT:...................** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:…………/………… | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI  
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

Kính gửi: Sở GTVT........................................................

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:............................................................................

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):...........................................................................

3. Địa chỉ trụ sở:......................................................................................................

4. Số điện thoại (Fax):.............................................................................................

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:............ do..........cấp ngày......... tháng......... năm............

6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:....................................................................

7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-...................................................................................................................

-...................................................................................................................

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu. | **Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC 3**

***(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị KD vận tải:........** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.............. /.............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**PHƯƠNG ÁN  
KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

**I. Tổ chức quản lý hoạt động vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải**

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban.

- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ, chuyên ngành.

- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (chỉ áp dụng đối với đơn vị vận tải đăng ký kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).

- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

- Các nội dung quản lý khác.

**II. Phương án kinh doanh của đơn vị vận tải**

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.

a. Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt.

- Tuyến khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.

- Phạm vi hoạt động của tuyến (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)

- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.

- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe hợp đồng và xe du lịch.

- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km).

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.

- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

c. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi:

- Màu sơn xe của đơn vị.

- Vị trí gắn hộp đèn xe taxi, nội dung thông tin ghi phía ngoài xe: Số điện thoại, tên đơn vị vận tải.

- Hệ thống điều hành: địa chỉ trung tâm điều hành, số lượng nhân viên điều hành, trang thiết bị liên lạc.

- Lái xe taxi: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.

- Đồng phục của lái xe.

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải, vận tải hàng hóa thông thường…).

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Lái xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**56. Thủ tục hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định tại Khoản 3 Điều 4, Khoản 3 Điều 5 Quyết định số** [13/2015/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=13/2015/QĐ-TTg&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) **ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.**

**1. Trình tự thực hiện:**

+ Chủ dự án nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

+ Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của chủ dự án, Sở Giao thông vận tải kiểm tra, rà soát hồ sơ, nếu thấy hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, không đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thông báo cho chủ dự án.

+ Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của chủ dự án, Sở Giao thông vận tải chủ trì thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ, số tiền hỗ trợ và tổng hợp, lấy ý kiến của Sở Tài chính trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt về danh sách dự án được hỗ trợ, số tiền hỗ trợ, thời gian hỗ trợ cụ thể cho từng dự án.

+ Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình đề nghị của Sở Giao thông vận tải, căn cứ kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ra quyết định về danh sách dự án được hỗ trợ, số tiền hỗ trợ, thời gian hỗ trợ cụ thể cho từng dự án, gửi cho các cơ quan: Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho Bạc nhà nước và công bố công khai.

+ Căn cứ quyết định hỗ trợ chủ dự án của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính lập Lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước tỉnh, huyện.

+ Căn cứ Lệnh chi tiền của Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước thực hiện thanh toán số tiền hỗ trợ lãi suất cho chủ dự án.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3.Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt của chủ dự án có xác nhận của chính quyền địa phương nơi thực hiện dự án;

-Văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền về dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định;

- Hợp đồng tín dụng;

- Bảng kê dư nợ vay, lãi vay và chứng từ hoặc các giấy tờ tương đương có xác nhận của tổ chức tín dụng xác định chủ dự án có vay vốn tại tổ chức tín dụng, khoản nợ trong hạn và sử dụng vốn vay đúng mục đích để thực hiện dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

- Bảng kê hoặc bảng tính số tiền lãi đề nghị được hỗ trợ.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**4. Thời hạn giải quyết:** trong vòng 25 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện:** Các tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định tại Khoản 3 Điều 4, Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg.

**6. Cơ quan thực hiện:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**7. Kết quả thực hiện:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ra quyết định về danh sách dự án được hỗ trợ, số tiền hỗ trợ, thời gian hỗ trợ cụ thể cho từng dự án

**8. Lệ phí:** không có.

**9. Tên mẫu đơn:** Đơn đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện:**

+ Có dự án đầu tư phương tiện, dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật về đầu tư;

+ Có vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật về đầu tư và sử dụng vốn vay đúng mục đích;

+ Đảm bảo các quy định hiện hành trong kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Quyết định số [13/2015/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=13/2015/QĐ-TTg&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; Thông tư số [02/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=02/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 06/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định tại Khoản 3 Điều 4, Khoản 3 Điều 5 Quyết định số [13/2015/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=13/2015/QĐ-TTg&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

**Mẫu Đơn**

 (Dành cho chủ dự án là tổ chức, doanh nghiệp)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

*.................., ngày ... tháng ... năm ....*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LÃI SUẤT VAY VỐN**

**Do thực hiện dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Sở Giao thông vận tải tỉnh ... - Sở Tài chính tỉnh ........... |

**Tên đơn vị:**

**Người đại diện theo pháp luật:**

Số chứng minh nhân dân: ................ cấp ngày ............. do công an ................. cấp.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ......................................................................

Nơi ở hiện tại: ....................................................................................................

Là chủ dự án(1).................. tại(2):.................. đã được(3).................. phê duyệt dự án.

(5)......... đã vay vốn tại(4) .........số tiền là .........để thực hiện dự án(1)  ..................

Căn cứ Quyết định số [13/2015/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=13/2015/QĐ-TTg&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt,(5) .... đề nghị được hỗ trợ số tiền: ............ triệu đồng cho năm...

Tên đơn vị thụ hưởng: ...

Số tài khoản ... tại ngân hàng/Kho bạc...

(5) ...... xin cam kết đảm bảo các quy định hiện hành trong kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và cam kết nếu không tiếp tục thực hiện dự án .... (5) ...... sẽ hoàn trả lại số tiền đã nhận hỗ trợ lãi suất vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết của mình.

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA CHÍNH QUYỀN  ĐỊA PHƯƠNG** *(Chức danh, ký tên, đóng dấu)* | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(ký tên, đóng dấu)* |

**Mẫu Đơn**

 (Dành cho chủ dự án là cá nhân)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

*.................., ngày ... tháng ... năm ....*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LÃI SUẤT VAY VỐN**

**Do thực hiện dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Sở Giao thông vận tải tỉnh ... - Sở Tài chính tỉnh ........... |

**Tôi tên là:**

Số chứng minh nhân dân: ................ cấp ngày ............. do công an ................. cấp.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ......................................................................

Nơi ở hiện tại: ....................................................................................................

Là chủ dự án(1).................. tại(2):.................. đã được(3).................. phê duyệt dự án.

Tôi đã vay vốn tại(4) .........số tiền là .........để thực hiện dự án(1)  ..................

Căn cứ Quyết định số [13/2015/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=13/2015/QĐ-TTg&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt,(5) .... đề nghị được hỗ trợ số tiền: ............ triệu đồng cho năm...

Tên đơn vị thụ hưởng: ...

Số tài khoản ... tại ngân hàng/Kho bạc...

(5) ...... xin cam kết đảm bảo các quy định hiện hành trong kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và cam kết nếu không tiếp tục thực hiện dự án .... (5) ...... sẽ hoàn trả lại số tiền đã nhận hỗ trợ lãi suất vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết của mình.

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA CHÍNH QUYỀN  ĐỊA PHƯƠNG** *(Chức danh, ký tên, đóng dấu)* | **NGƯỜI LÀM ĐƠN**  *(ký tên, đóng dấu)* |

**III. LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM (01 TTHC)**

**57. Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan thẩm định thiết kế tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác);

- Cơ quan thẩm định thiết kế tiến hành thẩm định thiết kế theo quy định: Nếu thiết kế đạt yêu cầu, sau 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thiết kế, cơ quan thẩm định thiết kế cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế. Trường hợp không cấp, cơ quan thẩm định thiết kế thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan thẩm định thiết kế hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế (bản chính) theo mẫu;

- 04 bộ hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo có thành phần theo quy định của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT;

- Tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo, thay thế (bản sao có xác nhận của cơ sở thiết kế);

- Bản sao có xác nhận của cơ sở thiết kế của một trong các giấy tờ sau: Giấy Đăng ký xe ô tô; Phiếu sang tên, di chuyển (đối với trường hợp đang làm thủ tục sang tên, di chuyển); Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu hoặc giấy tờ chứng nhận đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu (đối với xe cơ giới đã qua sử dụng được phép nhập khẩu, chưa có biển số đăng ký).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong phạm vi 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thiết kế.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện thuộc Sở Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo.

**8. Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định thiết kế: 300.000 đồng/mẫu.

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo: 50.000 đồng/ 01 Giấy chứng nhận (riêng đối với xe ô tô con dưới 10 chỗ: 100.000 đồng/01 Giấy chứng nhận).

**9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 199/2016/TT- BTC ngày 08/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ mội trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

*Mẫu:*

**Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **(CƠ SỞ THIẾT KẾ)**  **Số:.............**  **V/v: thẩm định thiết kế** |  | *CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*…., ngày tháng năm . |

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam/Sở Giao thông vận tải…

Căn cứ Thông tư số ......../2014/TT-BGTVT ngày ..../......./2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

*(Cơ sơ thiết kế)* có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số … ngày …/…/… của *(cơ quan cấp)*; đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam (Sở Giao thông vận tải) thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo sau:

**- Tên thiết kế** :..............*(tên thiết kế)*.............................

**- Ký hiệu thiết kế** :.........*(ký hiệu thiết kế)*.........................

**1. Đặc điểm xe cơ giới:**

* Biển số đăng ký (nếu đã được cấp):
* Số khung:
* Số động cơ:
* Nhãn hiệu - số loại:

**2. Nội dung cải tạo chính:** *(Ghi tóm tắt đầy đủ các nội dung thiết kế cải tạo thay đổi của xe cơ giới)*

**3. Thông số kỹ thuật trước và sau cải tạo:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | **Thông số kỹ thuật** | **Đơn vị** | **Xe cơ giới trước cải tạo** | **Xe cơ giới sau**  **cải tạo** |
| 1 | Loại phương tiện |  |  |  |
| 2 | Kích thước bao ngoài  (dài x rộng x cao) | mm |  |  |
| 3 | Chiều dài cơ sở | mm |  |  |
| 4 | Vết bánh xe (trước/sau) | mm |  |  |
| 5 | Khối lượng bản thân | kg |  |  |
| 6 | Số người cho phép chở | người |  |  |
| 7 | Khối lượng hàng chuyên chở CPTGGT | kg |  |  |
| 8 | Khối lượng toàn bộ CPTGGT | kg |  |  |
| ..... | *Các thông số kỹ thuật khác của xe cơ giới có thay đổi do cải tạo* |  |  |  |

*(Cơ sơ thiết kế)* xin chịu trách nhiệm về nội dung thiết kế và hồ sơ xe cơ giới cải tạo.

**CƠ SỞ THIẾT KẾ**

*(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**IV. LĨNH VỰC QUẢN LÝ GIAO THÔNG (12 TTHC)**

**58. Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút đấu nối tạm thời có thời hạn vào quốc lộ ủy thác**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đấu nối tạm thời nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Đối với trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

 - Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh gửi văn bản đề nghị thỏa thuận điểm đấu nối tạm thời đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam kèm theo hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 28 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT. Văn bản Ủy ban nhân dân tỉnh nêu rõ lý do, vị trí, lý trình điểm đấu nối, thời gian sử dụng điểm đấu nối tạm thời và ý kiến liên quan đến hoàn trả hiện trạng ban đầu.

-Tổng cục Đường bộ Việt Nam xem xét, chấp thuận đấu nối tạm thời trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp không chấp thuận đấu nối tạm thời phải trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản trả lời chủ đầu tư dự án.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị chấp thuận đấu nối tạm thời nêu rõ lý do, vị trí, lý trình điểm đấu nối, thời gian sử dụng điểm đấu nối tạm thời;

- Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cơ quan có thẩm quyền, các tài liệu liên quan khác (nếu có);

- Văn bản của Cục Quản lý đường bộ (đối với quốc lộ được giao quản lý) về hiện trạng đoạn tuyến có điểm thỏa thuận đấu nối tạm thời, ảnh hưởng đến an toàn giao thông nếu mở điểm đấu nối tạm thời, đề xuất phương án xử lý;

- Bản vẽ bình đồ đoạn tuyến có điểm đấu nối tạm thời và phương án tổ chức giao thông của nút giao.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**:

- Tổng cục xem xét trong 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ có văn bản chấp thuận.

- Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản trả lời chủ đầu tư dự án.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh, Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Nút giao nằm trong Quy hoạch điểm đấu nối vào quốc lộ (được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt) hoặc được Bộ GTVT chấp thuận đối với trường hợp quốc lộ chưa có Quy hoạch điểm đấu nối được phê duyệt;

- Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao được UBND cấp tỉnh giao nhiệm vụ bằng văn bản (nếu quy hoạch hoặc văn bản chấp thuận đơn lẻ của Bộ GTVT chưa xác định rõ chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao);

- Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật và Phương án tổ chức giao thông của nút giao do Tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

**59. Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút đấu nối tạm thời có thời hạn vào đường tỉnh**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đấu nối tạm thời nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Đối với trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

- Sở Giao thông vận tải tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị chấp thuận đấu nối tạm thời nêu rõ lý do, vị trí, lý trình điểm đấu nối, thời gian sử dụng điểm đấu nối tạm thời;

- Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) giao tổ chức, cá nhân làm chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao;

- Bản vẽ bình đồ đoạn tuyến có điểm đấu nối tạm thời và phương án tổ chức giao thông của nút giao.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng– an toàn giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý quốc lộ, đường tỉnh theo hình thức BOT.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật nút giao đường nhánh đấu nối vào quốc lộ.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Nút giao nằm trong Quy hoạch điểm đấu nối vào quốc lộ (được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt) hoặc được Bộ GTVT chấp thuận đối với trường hợp quốc lộ chưa có Quy hoạch điểm đấu nối được phê duyệt;

- Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao được UBND cấp tỉnh giao nhiệm vụ bằng văn bản (nếu quy hoạch hoặc văn bản chấp thuận đơn lẻ của Bộ GTVT chưa xác định rõ chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao);

- Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật và Phương án tổ chức giao thông của nút giao do Tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Quyết định số 60/2013/QĐ-TTg ngày 21/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Đường bộ Việt Nam thuộc Bộ Giao thông vận tải;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

***Mẫu đơn***

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2)  **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …../….. | *…., ngày …. tháng …. năm 201….* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THI CÔNG NÚT GIAO ĐẤU NỐI VÀO QUỐC LỘ**

Gia hạn xây dựng (...3...)

- Căn cứ Nghị định số [11/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=11/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số [100/2013/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=100/2013/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số .../TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số [11/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=11/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (……..5…….)

(.. .2...) đề nghị được gia hạn xây dựng công trình, nêu rõ lý do gia hạn.

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao chụp Văn bản chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đấu nối vào quốc lộ.

- (…….6…….)

(.. .2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được gia hạn xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận gia hạn.

Địa chỉ liên hệ: ………….

Số điện thoại: ……………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ………….; - ………….; - Lưu VT. | (…2….) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**60. Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp: sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Đối với trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

- Sở Giao thông vận tải tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, có văn bản gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác. Trường hợp không gia hạn chấp thuận có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của chủ công trình theo mẫu.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư dự án công trình thiết yếu.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng– an toàn giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý quốc lộ, đường tỉnh theo hình thức BOT.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:**

- Văn bản gia hạn chấp thuận.

- Chỉ được thực hiện gia hạn 01 lần với thời gian không quá 12 tháng.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …../….. | *…., ngày …. tháng …. năm 201….* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Gia hạn xây dựng (...3...)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CPngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- (……..5…….)

(.. .2...) đề nghị được gia hạn xây dựng công trình, nêu rõ lý do gia hạn.

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao chụp Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu;

- (…….6…….)

(.. .2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được gia hạn xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận gia hạn.

Địa chỉ liên hệ: ………….

Số điện thoại: ……………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu VT. | (…2….) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

***Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Gia hạn xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL5, địa phận tỉnh Hưng Yên”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình, thiết yếu được quy định tại Điều 13 Thông tư này.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./

**61. Gia hạn chấp thuận** **thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đấu nối vào quốc lộ ủy thác và đường tỉnh**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định, Sở Giao thông vận tải hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Đối với trường hợp nộp qua hệ thống chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

- Sở Giao thông vận tải tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm: Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đấu nối vào quốc lộvà đường tỉnh.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng– an toàn giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý quốc lộ.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Văn bản gia hạn chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đấu nối vào quốc lộ.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2)  **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …../….. | *…., ngày …. tháng …. năm 201….* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THI CÔNG NÚT GIAO ĐẤU NỐI VÀO QUỐC LỘ**

Gia hạn xây dựng (...3...)

- Căn cứ Nghị định số [11/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=11/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số [100/2013/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=100/2013/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số .../TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số [11/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=11/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (……..5…….)

(.. .2...) đề nghị được gia hạn xây dựng công trình, nêu rõ lý do gia hạn.

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao chụp Văn bản chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đấu nối vào quốc lộ.

- (…….6…….)

(.. .2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được gia hạn xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận gia hạn.

Địa chỉ liên hệ: ………….

Số điện thoại: ……………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ………….; - ………….; - Lưu VT. | (…2….) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

***Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Gia hạn xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL5, địa phận tỉnh Hưng Yên”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đấu nối vào quốc lộ tại Điều 26 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./.

**62. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu (đối với xây dựng công trình thiết yếu có liên quan đến quốc lộ được giao quản lý và không thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải và Tổng cục Đường bộ Việt Nam) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường quốc lộ ủy thác đang khai thác và đường tỉnh.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp: sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Đối với trường hợp nộp gián tiếp (qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác), cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

c) Sở Giao thông vận tải tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận , phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo mẫu;

- 01 (một) bộ hồ sơ, bản vẽ thiết kế của dự án đầu tư hoặc hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công công trình có đầy đủ các thông tin sau: vị trí, lý trình đường bộ xây dựng công trình thiết yếu; kích thước công trình thiết yếu trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ; khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình thiết yếu đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ.

Đối với công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ phải có thông tin về khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu đến mặt đất, từ công trình thiết yếu đến mép ngoài dải phân cách giữa.

Công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư dự án công trình thiết yếu.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao phân cấp quản lý quốc lộ, đường tỉnh.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Áp dụng cho các trường hợp (là công trình thiết yếu), bao gồm:

+ Công trình phục vụ yêu cầu đảm bảo an ninh, quốc phòng;

+ Công trình có yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật không thể bố trí ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, bao gồm các công trình viễn thông, điện lực, công trình chiếu sáng đường bộ, cấp nước, thoát nước, xăng, dầu, khí, năng lượng, hóa chất.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2)  **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …../….. | *…., ngày …. tháng …. năm 201….* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Chấp thuận xây dựng (...3...)

Kính gửi ……………………….. (4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CPngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- (…5…..)

( …2....) đề nghị được chấp thuận xây dựng công trình (...6...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (…..7…..)

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

Hồ sơ thiết kế của (...6...);

Bản sao (...8...) Báo cáo kết quả thẩm tra Hồ sơ thiết kế của (...6...) do (...9...) thực hiện.

- (...10...)

(.. .2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ: …..

Số điện thoại: …….

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ………….; - ………….; - Lưu VT. | (…2….) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**63. Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ ủy thác và đường tỉnh**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp: sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Đối với trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

- Sở Giao thông vận tải tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp phép. Trường hợp không cấp phép, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình theo mẫu; Trường hợp chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13, đơn đề nghị theo mẫu tại Phụ lục số 1a ban hành kèm theo Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

- Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 13 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

- 02 (hai) bộ hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công và biện pháp tổ chức thi công đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (bản chính). Nội dung bản vẽ thiết kế thi công thể hiện quy mô công trình, hạng mục công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và các nội dung quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT; biện pháp tổ chức thi công thể hiện phương án thi công phương án bảo đảm an toàn trong thi công xây dựng, an toàn giao thông và tổ chức giao thông.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; thời hạn chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu không quá 10 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư dự án công trình thiết yếu.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng và An toàn giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý quốc lộ, đường tỉnh theo hình thức BOT.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình .

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.**

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2)  **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …../….. | *…., ngày …. tháng …. năm 201….* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

**Cấp phép thi công** (...3...)

Kính gửi: …………………………. (...4...)

- Căn cứ Nghị định số [11/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=11/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số [100/2013/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=100/2013/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số 50/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Căn cứ (...5..);

(....2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...)Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .. .tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính).

+ (...9...).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: ……….

Số điện thoại: ………..

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ………….; - Lưu VT. | **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**64. Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của của quốc lộ ủy thác và đường tỉnh**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp: sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Đối với trường hợp nộp gián tiếp (qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác), cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

- Sở Giao thông vận tải tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp phép. Trường hợp không cấp phép, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình biển quảng cáo tạm thời theo mẫu;

- Văn bản chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 điều 16.

- 02 bộ Hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công và biên pháp tổ chức thi công đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (bản chính). Nội dung bản vẽ thiết kế thi công thể hiện quy mô công trình, hạng mục công trình xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ và một số nội dung quy định tại điểm b khoản 4 điều 13; biện pháp tổ chức thi công thể hiện phương án thi công, phương án đảm bảo an toàn trong thi công xây dựng, an toàn giao thông và tổ chức thi công.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư dự án công trình biển quảng cáo.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng– an toàn giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý quốc lộ, đường tỉnh theo hình thức BOT.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép thi công.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …../….. | *…., ngày …. tháng …. năm 201….* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

**Cấp phép thi công** (...3...)

Kính gửi: …………………………. (...4...)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số 50/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Căn cứ (...5..);

(....2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...)Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .. .tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính).

+ (...9...).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: ……….

Số điện thoại: ………..

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu VT. | **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**65. Chấp thuận** **thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đấu nối vào quốc lộ ủy thác và đường tỉnh là đường từ cấp IV trở xuống**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Đối với trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

- Sở Giao thông vận tải tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao theo mẫu;

- Quy hoạch các điểm đấu nối vào quốc lộ đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu); hoặc văn bản thỏa thuận của Bộ Giao thông vận tải cho phép đấu nối đường nhánh vào quốc lộ đối với các trường hợp quốc lộ chưa có quy hoạch các điểm đấu nối vào quốc lộ được phê duyệt (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

- Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) giao tổ chức, cá nhân làm chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao;

- Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng– an toàn giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý quốc lộ.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật nút giao đường nhánh đấu nối vào quốc lộ.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Nút giao nằm trong Quy hoạch điểm đấu nối vào quốc lộ (được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt) hoặc được Bộ GTVT chấp thuận đối với trường hợp quốc lộ chưa có Quy hoạch điểm đấu nối được phê duyệt;

- Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao được UBND cấp tỉnh giao nhiệm vụ bằng văn bản (nếu quy hoạch hoặc văn bản chấp thuận đơn lẻ của Bộ GTVT chưa xác định rõ chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao);

- Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật và Phương án tổ chức giao thông của nút giao do Tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Quyết định số 60/2013/QĐ-TTg ngày 21/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Đường bộ Việt Nam thuộc Bộ Giao thông vận tải;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

***Mẫu:***

**(1)** CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:............/.............  ..............., *ngày*........ *tháng*........*năm 201*......

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT NÚT GIAO**

**ĐƯỜNG NHÁNH ĐẤU NỐI VÀO QUỐC LỘ**

Chấp thuận xây dựng **(**…3…)

Kính gửi: ...........................................(4)

Chấp thuận xây dựng (.. .3...)

Kính gửi: …………………………. (4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CPngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số 50/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (……..5…….)

- ( 2....) đề nghị được chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đấu nối (…..6….. .)

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

*+ Quy hoạch các điểm đấu nối vào quốc lộ đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt (bản sao có chứng thực); hoặc Văn bản chấp thuận của Bộ GTVT cho phép đấu nối đường nhánh vào quốc lộ đối với các trường hợp quốc lộ chưa có Quy hoạch các điểm đấu nối vào quốc lộ được phê duyệt (bản sao);*

*+ Văn bản của UBND cấp tỉnh (bản chính) giao tổ chức, cá nhân làm Chủ đầu tư nút giao nếu quy hoạch hoặc văn bản chấp thuận đơn lẻ của Bộ GTVT chưa xác định rõ chủ đầu tư nút giao;*

*+ Hồ sơ Thiết kế và Phương án tổ chức giao thông của nút giao (có Biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do Tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).*

*- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.*

(.. .2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình nút giao đấu nối đường nhánh vào Quốc lộ .... Tại Km../phải hoặc trái tuyến và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình nút giao đấu nối đường nhánh vào Quốc lộ .... Tại Km...+.../phải hoặc trái tuyến được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ: ……..

Số điện thoại: ………….

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ………….; - Lưu VT. | **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**66. Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào quốc lộ ủy thác và đường tỉnh**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Đối với trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

- Sở Giao thông vận tải tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp phép. Trường hợp không cấp phép, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình theo mẫu;

- Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thiết kế nút giao của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

b) Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư dự án.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng– an toàn giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý quốc lộ.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép thi công.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …../….. | *…., ngày …. tháng …. năm 201….* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

**Cấp phép thi công** (...3...)

Kính gửi: …………………………. (...4...)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số 50/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ (...5..);

(....2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...)Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .. .tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính).

+ (...9...).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: ……….

Số điện thoại: ………..

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu VT. | (…2….) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**67. Cấp phép thi công công trình đường bộ trên quốc lộ ủy thác và đường tỉnh**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ đầu tư dự án hoặc nhà thầu nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định , hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

 - Đối với trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

- Sở Giao thông vận tải tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện cấp Giấy phép thi công. Trường hợp không cấp phép, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình theo mẫu;

- Văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận thiết kế của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công công trình đường bộ.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng– an toàn giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý quốc lộ.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép thi công.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Dự án công trình đường bộ được Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với quốc lộ) hoặc Sở Giao thông vận tải (đối với đường tỉnh) xem xét chấp thuận.

- Có văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận thiết kế của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền;

- Có Biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông (được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Quyết định số 60/2013/QĐ-TTg ngày 21/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Đường bộ Việt Nam thuộc Bộ Giao thông vận tải;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …../….. | *…., ngày …. tháng …. năm 201….* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

**Cấp phép thi công** (...3...)

Kính gửi: …………………………. (...4...)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số 50/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ (...5..);

(....2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...)Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .. .tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính).

+ (...9...).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: ……….

Số điện thoại: ………..

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu VT. | (…2….) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**68. Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

# - Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp giấy phép lưu hành xe cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp chưa đủ điều kiện cấp Giấy phép lưu hành xe Sở Giao thông vận tải sẽ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

# - Trường hợp phải khảo sát đường bộ để quy định điều kiện tham gia giao thông hoặc gia cường đường bộ, trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải sẽ có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ tiến hành khảo sát hoặc gia cường đường bộ. Thời hạn xem xét cấp giấy phép lưu hành xe không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo kết quả khảo sát hoặc báo cáo kết quả hoàn thành gia cường đường bộ của tổ chức tư vấn đủ điều kiện hành nghề bảo đảm cho xe lưu hành an toàn.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ theo mẫu.

- Bản sao Giấy đăng ký xe hoặc Giấy đăng ký tạm thời đối với phương tiện mới nhận;

- Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; bản sao tính năng kỹ thuật của xe đối với phương tiện mới nhận (do nhà sản xuất gửi kèm theo xe);

- Phương án vận chuyển đối với trường hợp phải khảo sát đường bộ (nếu có), gồm các nội dung sau: thông tin về tuyến đường vận chuyển; thông tin về phương tiện vận chuyển; thông tin hàng hóa chuyên chở có xác nhận của chủ hàng, gồm các thông số kích thước về chiều dài, chiều rộng và chiều cao (D x R x C) mét; khối lượng, hình ảnh (nếu có); hợp đồng vận chuyển hoặc văn bản chỉ định đơn vị vận chuyển của chủ hàng hoặc đơn vị thuê vận chuyển.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp giấy phép lưu hành xe cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp chưa đủ điều kiện cấp Giấy phép lưu hành xe Sở Giao thông vận tải sẽ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp phải khảo sát đường bộ để quy định điều kiện tham gia giao thông hoặc gia cường đường bộ, trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải sẽ có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ tiến hành khảo sát hoặc gia cường đường bộ. Thời hạn xem xét cấp giấy phép lưu hành xe không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo kết quả khảo sát hoặc báo cáo kết quả hoàn thành gia cường đường bộ của tổ chức tư vấn đủ điều kiện hành nghề bảo đảm cho xe lưu hành an toàn.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép.

**8. Phí, lệ phí:** Lệ phí: 30.000 đồng/lần/phương tiện.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ;

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Chỉ cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng (sau đây gọi là Giấy phép lưu hành xe) trên đường bộ trong những trường hợp đặc biệt, khi không còn phương án vận chuyển nào khác hoặc không thể sử dụng chủng loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ khác phù hợp để vận chuyển trên đường bộ.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/09/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ

- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ**

**Kính gửi:** (tên Cơ quan cấp Giấy phép lưu hành xe)

- Cá nhân, tổ chức đề nghị

- Địa chỉ: ………………………………………….. Điện thoại:

Đề nghị cấp Giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn với các thông số sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Thông tin tổ hợp xe đầu kéo và sơ mi rơ moóc (SMRM) tải:** | | | | |
| Thông số kỹ thuật | | Đầu kéo hoặc xe thân liền | | Rơ moóc/ Sơmi rơ moóc RM/SMRM |
| Nhãn hiệu | |  | |  |
| Biển số | |  | |  |
| Số trục | |  | |  |
| Khối lượng bản thân (tấn) | |  | |  |
| Khối lượng hàng hóa chuyên chở cho phép tham gia giao thông (tấn) | |  | |  |
| Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông (tấn) | |  | |  |
| Khối lượng cho phép kéo theo (tấn) | |  | |  |
| Kích thước bao của tổ hợp (dài x rộng x cao) (m) | |  | | |
| **2. Thông tin hàng hóa đề nghị chuyên chở:** | | | | |
| Loại hàng: | | | | |
| Kích thước (D x R x C) m: | Tổng khối lượng (tấn): | | | |
| **3. Thông tin kích thước, khối lượng toàn bộ của tổ hợp xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:** | | | | |
| Kích thước (D x R x C) m: | Hàng vượt phía trước thùng xe: m | | | |
| Hàng vượt hai bên thùng xe: m | Hàng vượt phía sau thùng xe: m | | | |
| Tổng khối lượng:....tấn  (gồm khối lượng bản thân ô tô đầu kéo + khối lượng bản thân sơ mi rơ moóc + khối lượng số người ngồi trên xe + khối lượng hàng) | | | | |
| **4. Tải trọng lớn nhất được phân bổ lên trục xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:** | | | | |
| Trục đơn:....tấn | | | | |
| Cụm trục kép: ....tấn, khoảng cách giữa 02 tâm trục liền kề: d =….m | | | | |
| Cụm trục ba:....tấn, khoảng cách giữa 02 tâm trục liền kề: d =…m | | | | |
|  |  |  |  | |

**5. Tuyến đường và thời gian vận chuyển:**

- Tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng, đi qua đường ngang tại Km …….):

- Thời gian đề nghị lưu hành: Từ ………………đến

**6. Cam kết của chủ phương tiện:** về quyền sở hữu phương tiện và hàng hóa tại thời điểm đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe.

|  |  |
| --- | --- |
| *(Giấy đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe phải kèm theo sơ đồ xe thể hiện rõ các kích thước: Chiều dài, chiều rộng, chiều cao của xe đã xếp hàng và khoảng cách giữa các trục xe, chiều dài đuôi xe)* | *…..., ngày…. tháng… năm….* Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị ký tên, đóng dấu |

**69. Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp: sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.Đối với trường hợp nộp gián tiếp (qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác), cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

c) Sở Giao thông vận tải tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận , phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (bản chính) theo mẫu;

- 01 (một) bộ hồ sơ, bản vẽ thiết kế của dự án đầu tư hoặc hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công công trình có đầy đủ các thông tin sau: vị trí, lý trình đường bộ xây dựng công trình thiết yếu; kích thước công trình thiết yếu trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ; khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình thiết yếu đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ.

Đối với công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ phải có thông tin về khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu đến mặt đất, từ công trình thiết yếu đến mép ngoài dải phân cách giữa.

Công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế;

- Trường hợp chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu, đơn đề nghị và hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**:

- Đối với hồ sơ chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu: Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu, thời hạn giải quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư dự án công trình thiết yếu.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng– an toàn giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý quốc lộ, đường tỉnh theo hình thức BOT.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Áp dụng cho các trường hợp (là công trình thiết yếu), bao gồm:

+ Công trình phục vụ yêu cầu đảm bảo an ninh, quốc phòng;

+ Công trình có yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật không thể bố trí ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ như: viễn thông; điện lực; đường ống cấp nước, thoát nước, xăng, dầu, khí, năng lượng, hóa chất.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

***Mẫu:***

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| (1) (2) **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …./…. | *…., ngày …. tháng …. năm 20…* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN XÂY DỰNG CÙNG THỜI ĐIỂM VỚI CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

**Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công (...3...)**

Kính gửi: ……………………………….(...4...)

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 50/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 35/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;*

(....2....) đề nghị được chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công (...5...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (...6...). Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày ...tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...7...) (bản chính).

+ (...8...).

(…2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của văn bản chấp thuận xây dựng và cấp phép thi công.

(…2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...9...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: …….

Số điện thoại: ...........

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ……………; - Lưu VT. | **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**V. LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA (41 TTHC)**

**70.** **Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Cơ quan đăng ký phương tiện bao gồm:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB của tổ chức, cá nhân.

+ Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó.

+ Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

+ Cấp xã, phường, thị trấn: Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý; Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định.

+ Cơ quan đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ; cơ quan đăng ký quy định tại khoản 3 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ quan đăng ký phương tiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu;

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo mẫu này đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Giấy phép hoặc tờ khai phương tiện nhập khẩu theo quy định của pháp luật đối với phương tiện được nhập khẩu;

+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài;

+ Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.

- Trường hợp chủ phương tiện là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật khi thực hiện đăng ký không phải xuất trình  Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký phương tiện;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c)Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký phương tiện;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận.

**8. Phí, lệ phí:** 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa.

- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC: Không có.**

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.*Mẫu: Đơn đề nghị*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
----------------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ   
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện chưa khai thác, đăng ký lần đầu)*

***Kính gửi:*** ………………………………………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ………………… đại diện cho các đồng sở hữu …………

- Trụ sở chính: (1) ………………………………………………………………………

- Điện thoại: ……………………………………. Email: ……………………………

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ………………………… Ký hiệu thiết kế: ……………………

Công dụng: ……………………………………………………………………………

Năm và nơi đóng: ………………………………………………………………………

Cấp tàu: ………………………………… Vật liệu vỏ: …………………………

Chiều dài thiết kế: ……………………….. m Chiều dài lớn nhất: ………………m

Chiều rộng thiết kế: ……………………… m Chiều rộng lớn nhất: ……………m

Chiều cao mạn: …………………………. m Chiều chìm: ………………………m

Mạn khô: …………………………………. m Trọng tải toàn phần: …………... tấn

Số người được phép chở: …………. người Sức kéo, đẩy: …………………… tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: ………………………………

………………………………………………………………………………………….

Máy phụ *(nếu có)*: ………………………………………………………………………

Giấy phép nhập khẩu số *(nếu có)*: ……………..ngày ….. tháng ….. năm 20 …….

Do cơ quan …………………………………………………………………………cấp.

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số: …………………………

……………………………………………… do cơ quan …………………………cấp.

Hóa đơn nộp lệ phí trước bạ số ………. ngày ……. tháng …….. năm 20 ……….

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ……, ngày ….. tháng ….. năm 20…… **CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)** |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

***Mẫu: Bản kê khai***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----------------**

**BẢN KÊ KHAI  
ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC DIỆN ĐĂNG KIỂM**

*(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)*

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ………………… đại diện cho các đồng sở hữu …………

- Trụ sở chính: (1) ………………………………………………………………………

- Điện thoại: …………………………….. Email: ……………………………………

Loại phương tiện: ………………………………………………………………………

Vật liệu đóng phương tiện: ……………………………………………………………

Kích thước phương tiện: (Lmax x Bmax x D x d) = (……….x………x……..x……..) m

Máy (loại, công suất): …………………………………../………………………… (cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần: …………………………………. tấn.

b) Sức chở người: ……………………………………….. người.

Tình trạng thân vỏ: …………………………………………………………………….

Tình trạng hoạt động của máy: …………………………………………………………

Dụng cụ cứu sinh: số lượng ………………… (chiếc); Loại …………………………

Đèn tín hiệu: .……………………………………………………………………………

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | …………, ngày .... tháng .... năm …… **Chủ phương tiện** (2) *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**71. Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Cơ quan đăng ký phương tiện bao gồm:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB của tổ chức, cá nhân.

+ Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó.

+ Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

+ Cấp xã, phường, thị trấn: Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý; Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định.

+ Cơ quan đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ; cơ quan đăng ký quy định tại khoản 3 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ quan đăng ký phương tiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu;

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo mẫu này đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Giấy phép hoặc tờ khai phương tiện nhập khẩu theo quy định của pháp luật đối với phương tiện được nhập khẩu;

+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài;

+ Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.

- Trường hợp chủ phương tiện là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật khi thực hiện đăng ký không phải xuất trình  Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký phương tiện;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c)Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký phương tiện;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận.

**8. Phí, lệ phí:** 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa.

- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC: Không có.**

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

*Mẫu: Đơn đề nghị*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
----------------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ   
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện đang khai thác, đăng ký lần đầu)*

***Kính gửi:*** ………………………………………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ………………… đại diện cho các đồng sở hữu …………

- Trụ sở chính: (1) ………………………………………………………………………

- Điện thoại: ……………………………………. Email: ……………………………

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ………………………… Ký hiệu thiết kế: ……………………

Công dụng: ……………………………………………………………………………

Năm và nơi đóng: ………………………………………………………………………

Cấp tàu: ………………………………… Vật liệu vỏ: …………………………

Chiều dài thiết kế: ……………………….. m Chiều dài lớn nhất: ………………m

Chiều rộng thiết kế: ……………………… m Chiều rộng lớn nhất: ……………m

Chiều cao mạn: …………………………. m Chiều chìm: ………………………m

Mạn khô: …………………………………. m Trọng tải toàn phần: …………... tấn

Số người được phép chở: …………. người Sức kéo, đẩy: …………………… tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: ………………………………

………………………………………………………………………………………….

Máy phụ *(nếu có)*: ………………………………………………………………………

Giấy phép nhập khẩu số *(nếu có)*: ……………..ngày ….. tháng ….. năm 20 …….

Do cơ quan …………………………………………………………………………cấp.

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số: …………………………

……………………………………………… do cơ quan …………………………cấp.

Hóa đơn nộp lệ phí trước bạ số ………. ngày ……. tháng …….. năm 20 ……….

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ……, ngày ….. tháng ….. năm 20…… **CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)** |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

***Mẫu: Bản kê khai***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----------------**

**BẢN KÊ KHAI  
ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC DIỆN ĐĂNG KIỂM**

*(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)*

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ………………… đại diện cho các đồng sở hữu …………

- Trụ sở chính: (1) ………………………………………………………………………

- Điện thoại: …………………………….. Email: ……………………………………

Loại phương tiện: ………………………………………………………………………

Vật liệu đóng phương tiện: ……………………………………………………………

Kích thước phương tiện: (Lmax x Bmax x D x d) = (……….x………x……..x……..) m

Máy (loại, công suất): …………………………………../………………………… (cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần: …………………………………. tấn.

b) Sức chở người: ……………………………………….. người.

Tình trạng thân vỏ: …………………………………………………………………….

Tình trạng hoạt động của máy: …………………………………………………………

Dụng cụ cứu sinh: số lượng ………………… (chiếc); Loại …………………………

Đèn tín hiệu: .……………………………………………………………………………

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | …………, ngày .... tháng .... năm …… **Chủ phương tiện** (2) *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**72. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ đến cơ quan đăng ký phương tiện theo quy định, nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

- Cơ quan đăng ký phương tiện bao gồm:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB của tổ chức, cá nhân.

+ Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó.

+ Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

+ Cấp xã, phường, thị trấn: Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý; Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định.

+ Cơ quan đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ; cơ quan đăng ký quy định tại khoản 3 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu;

+ Giấy chứng nhận xóa đăng ký của cơ quan đăng ký phương tiện trước đó (bản chính) đối với phương tiện là tàu biển;

+ 02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với trường hợp chuyển quyền sở hữu và phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo mẫu đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài;

+ Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký phương tiện;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Cơ quan đăng ký phương tiện;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký phương tiện;

d) Cơ quan phối hợp: Cơ quan đăng ký phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận.

**8. Phí, lệ phí:**

- Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

**Mẫu: Đơn đề nghị**

|  |
| --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ**  **PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**  *(Dùng cho phương tiện chuyển từ cơ quan đăng ký khác*  *sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa)* |

***Kính gửi*:** .....................................................................................

- Tổ chức, cá nhân đăng ký:……..… đại diện cho các đồng sở hữu …….

- Tên cơ quan cấp đăng ký trước đây: ……………………………………

- Trụ sở chính: (1)…………………………………………………………

- Điện thoại:…………………..………..Email:…………………………

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa**

**với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: .................................. Ký hiệu thiết kế: ..................

Công dụng: ............................................................................................................

Năm và nơi đóng: ........................................................................…….….............

Cấp tàu: ................................................. Vật liệu vỏ: ..........................

Chiều dài thiết kế: ............................... m Chiều dài lớn nhất: ...........m

Chiều rộng thiết kế:............................. m Chiều rộng lớn nhất:.........m

Chiều cao mạn: ................................... m Chiều chìm: .............……m

Mạn khô: ............................................. m Trọng tải toàn phần:….tấn

Số người được phép chở: ............. người Sức kéo, đẩy: ..................tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất ):*.......................................

Máy phụ *(nếu có):* ................................................................................................

Giấy phép nhập khẩu số *(nếu có):* ..................... ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Do cơ quan ...................................................................................................cấp.

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số:.…………………

.....................................................do cơ quan ...........................……………cấp.

Hoá đơn nộp lệ phí trước bạ số ............ ngày ..... tháng ..... năm 20......

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

………, ngày……tháng……năm 20.…

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu*

**Mẫu: Bản kê khai**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI**

**ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC DIỆN ĐĂNG KIỂM**

*(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)*

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …… đại diện cho các đồng sở hữu ………

- Trụ sở chính: (1)………………………………………………………

- Điện thoại:…………………..………..Email:………………………

Loại phương tiện: ..................................................................................................

Vật liệu đóng phương tiện: ....................................................................................

Kích thước phương tiện: (Lmax x Bmax x D x d) = (.............x.........x.......x........) m

Máy (loại, công suất):........................................./............................................(cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần:.................................... tấn.

b) Sức chở người:......................................... người.

Tình trạng thân vỏ:.................................................................................................

Tình trạng hoạt động của máy: ...............................................................................

Vạch dấu mớn nước an toàn đã được sơn (kẻ) trên hai mạn và mạn khô còn:…mm

Dụng cụ cứu sinh: số lượng.............. (chiếc); Loại ..............................................

Đèn tín hiệu: ...........................................................................................................

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | .........., ngày .... tháng .... năm 20.....  **Chủ phương tiện** (2)  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**73. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Cơ quan đăng ký phương tiện bao gồm:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB của tổ chức, cá nhân.

+ Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó.

+ Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

+ Cấp xã, phường, thị trấn: Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý; Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định.

+ Cơ quan đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ; cơ quan đăng ký quy định tại khoản 3 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với phương tiện đăng ký lại do thay đổi tính năng kỹ thuật:

+ Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

* Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo mẫu;
* 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;
* Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;
* Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;
* Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo mẫu đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

+ Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện được cấp còn hiệu lực sau khi phương tiện đã thay đổi tính năng kỹ thuật đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra.

- Đối với phương tiện đăng ký lại do thay đổi tên:

* Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo mẫu;
* 02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;
* Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;
* Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo mẫu đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký phương tiện;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký phương tiện;

d) Cơ quan phối hợp: Cơ quan đăng ký phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận

**8. Phí, lệ phí:**

- Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa.

- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

**Mẫu: Đơn đề nghị**

|  |  |
| --- | --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |
| **ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI**  **PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**  *(Dùng cho phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật)* | |

***Kính gửi*:** .....................................................................................

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …… đại diện cho các đồng sở hữu ………

- Trụ sở chính: (1)………………………………………………………

- Điện thoại:…………………..………..Email:…………………………

**Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện có đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ................................. Số đăng ký: ...................................

do….............................…….................. cấp ngày ...... tháng ...... năm ....…

Công dụng: ........................................... Ký hiệu thiết kế: ............................

Năm và nơi đóng: ………………………………………………………………

Cấp tàu: ......................................……. ... Vật liệu vỏ: ....................................

Chiều dài thiết kế: ......................…….m Chiều dài lớn nhất: .......…..........m

Chiều rộng thiết kế:.........................….m Chiều rộng lớn nhất:...................m

Chiều cao mạn: ..............................…..m Chiều chìm: ................................m

Mạn khô: …....................................... m Trọng tải toàn phần:..................tấn

Số người được phép chở: ............. người Sức kéo, đẩy: ............................tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất ):* …………...............Máy phụ *(nếu có):* .........................….......................................................................

Nay đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện trên với lý do: …………………..

……………………………………………………………………………………

*(Nêu các thông số kỹ thuật thay đổi của phương tiện xin đăng ký lại)*

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

........, ngày .... tháng .... năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**Mẫu: Bản kê khai**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI**

**ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC DIỆN ĐĂNG KIỂM**

*(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)*

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …… đại diện cho các đồng sở hữu ……….

- Trụ sở chính: (1)………………………………………………………..

- Điện thoại:…………………..………..Email:………………………….

Loại phương tiện: .................................................................................................

Vật liệu đóng phương tiện: ....................................................................................

Kích thước phương tiện: (Lmax x Bmax x D x d) = (.............x.........x.......x........) m

Máy (loại, công suất):............................................./............................................(cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần:.................................... tấn.

b) Sức chở người:......................................... người.

Tình trạng thân vỏ:.................................................................................................

Tình trạng hoạt động của máy: ..............................................................................

Vạch dấu mớn nước an toàn đã được sơn (kẻ) trên hai mạn và mạn khô còn:…mm

Dụng cụ cứu sinh: số lượng.......... (chiếc); Loại ..................................................

Đèn tín hiệu: ...........................................................................................................

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | .........., ngày .... tháng .... năm 20.....  **Chủ phương tiện** (2)  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**74. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Cơ quan đăng ký phương tiện bao gồm:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB của tổ chức, cá nhân.

+ Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó.

+ Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

+ Cấp xã, phường, thị trấn: Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý; Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định.

+ Cơ quan đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo mẫu;

+ 02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.

- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam;

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký phương tiện;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký phương tiện;

d) Cơ quan phối hợp: Cơ quan đăng ký phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận

**8. Phí, lệ phí:**

- Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

**Mẫu: Đơn đề nghị**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)*

***Kính gửi:*** ………………………………………………………………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ………………… đại diện cho các đồng sở hữu - Trụ sở chính: (1) …………………………………………………………………

- Điện thoại: ……………………………………. Email: ………………..

**Đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ………………………… Số đăng ký: ……………………

Công dụng: ……………………………….. Ký hiệu thiết kế: …………………

Năm và nơi đóng: ……………………………………………………………

Cấp tàu: ………………………………… Vật liệu vỏ: ……………………

Chiều dài thiết kế: ……………………….. m Chiều dài lớn nhất: ……. m

Chiều rộng thiết kế: ……………………… m Chiều rộng lớn nhất: ……m

Chiều cao mạn: …………………………m Chiều chìm: …………m

Mạn khô: …………………………………m Trọng tải toàn phần: …...tấn

Số người được phép chở: …………. người Sức kéo, đẩy: ………………. tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: …………………………

Máy phụ *(nếu có)*: ……………………………………………………………

Phương tiện này được *(mua lại, hoặc điều chuyển …):* …………………………  
từ *(ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị)* ………………………………………………

Địa chỉ: ………………………………………………………………………

Đã đăng ký tại …………………………………………… ngày ….. tháng ….. năm...

Nay đề nghị ………………………………………. đăng ký lại phương tiện trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ……, ngày ….. tháng ….. năm 20…… **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2) |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**75. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Cơ quan đăng ký phương tiện bao gồm:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB của tổ chức, cá nhân.

+ Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó.

+ Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

+ Cấp xã, phường, thị trấn: Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý; Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định.

+ Cơ quan đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ; cơ quan đăng ký quy định tại khoản 3 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo mẫu;

+ 02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính), đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.

- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam;

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm..

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký phương tiện;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký phương tiện;

d) Cơ quan phối hợp: Cơ quan đăng ký phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận

**8. Phí, lệ phí:**

- Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)*

***Kính gửi:*** ………………………………………………………………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …………… đại diện cho các đồng sở hữu ………

- Trụ sở chính: (1) …………………………………………………………………

- Điện thoại: ……………………………………. Email: ………………………

**Đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: …………………… Số đăng ký: …………………………….

Công dụng: ……………………….. Ký hiệu thiết kế: ………………………

Năm và nơi đóng: ………………………………………………………………

Cấp tàu: ………………………………… Vật liệu vỏ: ………………………

Chiều dài thiết kế: ……………………….. m Chiều dài lớn nhất: ……. m

Chiều rộng thiết kế: ……………………… m Chiều rộng lớn nhất: ……m

Chiều cao mạn: …………………………m Chiều chìm: …………………m

Mạn khô: …………………………………m Trọng tải toàn phần: ………... tấn

Số người được phép chở: …………. người Sức kéo, đẩy: ………………. tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: …………………………

Máy phụ *(nếu có)*: ………………………………………………………………..

Phương tiện này được *(mua lại, hoặc điều chuyển …):* …………………………  
từ *(ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị)* ………………………………………………

Địa chỉ: ……………………………………………………………………………………

Đã đăng ký tại ……………………………………… ngày ….. tháng ….. năm...

Nay đề nghị ………………………………………………. đăng ký lại phương tiện trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ……, ngày ….. tháng ….. năm 20…… **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2) |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**76. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Cơ quan đăng ký phương tiện bao gồm:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB của tổ chức, cá nhân.

+ Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó.

+ Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

+ Cấp xã, phường, thị trấn: Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý; Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định.

+ Cơ quan đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ; cơ quan đăng ký quy định tại khoản 3 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo mẫu;

+ 02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó.

- Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký phương tiện;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan đăng ký phương tiện;

d) Cơ quan phối hợp: Cơ quan đăng ký phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận

**8. Phí, lệ phí:**

- Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
------------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện chỉ thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện)*

***Kính gửi:*** ………………………………………………………………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ………………… đại diện cho các đồng sở hữu

- Trụ sở chính: (1) …………………………………………………………………

- Điện thoại: ……………………………………. Email: ………………………

Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện: ……….. Số đăng ký: ……………………

do ………………………………………….. cấp ngày ….. tháng ….. năm …….

có đặc điểm cơ bản như sau:

Ký hiệu thiết kế: Cấp tàu: …………………………

Công dụng: ……………………………….. Vật liệu vỏ: ………………………

Năm và nơi đóng: ………………………………………………………………

Chiều dài thiết kế: ……………………….. m Chiều dài lớn nhất: ……. m

Chiều rộng thiết kế: ……………………… m Chiều rộng lớn nhất: ……m

Chiều cao mạn: …………………………. m Chiều chìm: ……………m

Mạn khô: …………………………………. m Trọng tải toàn phần: ….. tấn

Số người được phép chở: …………. người Sức kéo, đẩy: ………………..tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: ……………………………………………………………………………………

Máy phụ *(nếu có)*: …………………………………………………………………………

Nay đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện theo địa chỉ mới là: ………………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………………………

*(nêu lý do thay đổi địa chỉ)*

Tôi cam đoan chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

|  |  |
| --- | --- |
|  | …, ngày ….. tháng ….. năm 20…… **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2) |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**77. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Cơ quan đăng ký phương tiện bao gồm:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB của tổ chức, cá nhân.

+ Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó.

+ Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

+ Cấp xã, phường, thị trấn: Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý; Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định.

+ Cơ quan đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ; cơ quan đăng ký quy định tại khoản 3 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu;

+ 02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi.

+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp đối với trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị hỏng.

- Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký phương tiện;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký phương tiện;

d) Cơ quan phối hợp: Cơ quan đăng ký phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận

**8. Phí, lệ phí:**

- Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
----------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

***Kính gửi:*** ………………………………………………………………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …………… đại diện cho các đồng sở hữu ………

- Trụ sở chính: (1) ………………………………………………………………

- Điện thoại: …………………………………. Email: …………………………

Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện: ……………… Số đăng ký: ……………

do ………………………………………………………. cấp ngày ….. tháng ….. năm …..

Công dụng: …………………………….. Vật liệu vỏ: ………………………

Năm và nơi đóng: ………………………………………………………………

Chiều dài thiết kế: …………………….. m Chiều dài lớn nhất: …………..m

Chiều rộng thiết kế: …………………… m Chiều rộng lớn nhất: ………… m

Chiều cao mạn: ………………………. m Chiều chìm: ……………………m

Mạn khô: ………………………………. m Trọng tải toàn phần: …... tấn

Số người được phép chở: …………. người Sức kéo, đẩy: ………………. tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: …………………………………………………

Máy phụ *(nếu có)*: ……………………………………………………………………………

Nay đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với lý do:

………………………………………………………………………………………………

Tôi cam đoan lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

|  |  |
| --- | --- |
|  | …, ngày ….. tháng ….. năm 20…… **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2) |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**78. Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Cơ quan đăng ký phương tiện bao gồm:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB của tổ chức, cá nhân.

+ Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó.

+ Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

+ Cấp xã, phường, thị trấn: Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý; Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định.

+ Cơ quan đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ; cơ quan đăng ký quy định tại khoản 3 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu.

- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký phương tiện;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký phương tiện;

d) Cơ quan phối hợp: Cơ quan đăng ký phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
----------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÓA ĐĂNG KÝ  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

***Kính gửi:*** ………………………………………………………………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …………… đại diện cho các đồng sở hữu ………

- Trụ sở chính: (1) ………………………………………………………

- Điện thoại: ……………………………………. Email: ……………………

**Đề nghị cơ quan xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: …………………… Số đăng ký: …………………………….

Công dụng: ……………………….. Ký hiệu thiết kế: ………………………

Năm và nơi đóng: ………………………………………………………………

Cấp tàu: …………………………… Vật liệu vỏ: ……………………………

Chiều dài thiết kế: ………………….. m Chiều dài lớn nhất: …………..m

Chiều rộng thiết kế: ………………… m Chiều rộng lớn nhất: ………… m

Chiều cao mạn: ……………………. m Chiều chìm: ……………………m

Mạn khô: ……………………………. m Trọng tải toàn phần: ………….. tấn

Số người được phép chở: …………. người Sức kéo, đẩy: ……………….tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: ……………………………………………………………………………………

Máy phụ *(nếu có)*: ……………………………………………………………

Nay đề nghị ………………………………………………xóa đăng ký phương tiện trên.

Lý do xóa đăng ký ……………………………………………………………

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

|  |  |
| --- | --- |
|  | …., ngày ….. tháng ….. năm 20…… **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2) |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**79. Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt có văn bản gửi tổ chức, cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng theo mẫu và gửi cho tổ chức, cá nhân để thực hiện. Trường hợp không phê duyệt phương án phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do. Tổ chức, cá nhân không phải nộp phí hoặc lệ phí đối với việc phê duyệt phương án vận tải.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa theo mẫu;

- Phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng theo các nội dung theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Quyết định phê duyệt.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị;

- Phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng;

- Quyết định phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**  Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;

- Nghị định số [24/2015/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=24/2015/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 27/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Nghị định số [110/2014/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=110/2014/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 20/11/2014 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa;

- Thông tư số 61/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về vận tải hàng hóa trên đường thủy nội địa.

***Mẫu:***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

*………., ngày …. tháng …. năm 20…..*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa**

Kính gửi: ……..(tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt) ……

- Tên tổ chức, cá nhân đề nghị: .............................................................................

- Địa chỉ: ................................................................................................................

- Số điện thoại: …………………………; Fax/email: ....................................

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ………………ngày ......................

- Cơ quan cấp: .............................................................................................................

**1. Phương tiện vận chuyển**

*1.1. Phương tiện tự hành*

1. Tên phương tiện ………………………………….. số đăng ký: .....................

- Công suất máy ..................................................................... (sức ngựa)

- Chiều dài: ............................................................................................. (m)

- Chiều rộng: ........................................................................................... (m)

- Chiều cao không hạ của phương tiện: ...................................................... (m)

- Mớn nước ....................................................................................... (m)

- Trọng tải ................................................................................................ (tấn)

*1.2. Phương tiện tàu kéo, tàu đẩy*

- Tên phương tiện …………………………. số đăng ký: .............................

- Công suất .................................................................................... (sức ngựa)

- Chiều dài: ...................................................................................... (m)

- Chiều rộng: ...................................................................................... (m)

- Chiều cao không hạ của phương tiện: ........................................................... (m)

- Mớn nước ..................................................................................................... (m)

- Trọng tải ................................................................................................. (tấn)

- Tên sà lan ………………… số đăng ký: ...........................................................

- Chiều dài:................................................................................................ (m)

- Chiều rộng: .........................................................................................  (m)

- Chiều cao không hạ sà lan: ..................................................................  (m)

- Mớn nước.............................................................................................. (m)

- Trọng tải.................................................................................................... (tấn)

**2. Loại hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng vận chuyển**

- Loại hàng: ........................................................................................................

- Trọng lượng hàng xin chở............................................................................ (tấn)

- Chiều dài loại hàng vận chuyển................................................................... (m)

- Chiều rộng loại hàng vận chuyển............................................................. (m)

- Chiều cao loại hàng vận chuyển.................................................................. (m)

**3. Tuyến vận tải**

- Cảng, bến xuất phát .....................................................................................

- Địa chỉ .............................................................................................................

- Các tuyến đường thủy sẽ đi..............................................................................

- Cảng, bến đến..................................................................................................

- Địa chỉ.......................................................................................................

**4. Thời gian đề nghị thực hiện:** từ ngày …. tháng …. năm ....đến ngày …. tháng ….năm....

**5. Cam kết:** Tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải cam kết thực hiện nghiêm chỉnh Luật Giao thông đường thủy nội địa và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải** *Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu có)* |

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *………., ngày …. tháng …. năm 20…..* |

**PHƯƠNG ÁN VẬN TẢI HÀNG HÓA SIÊU TRƯỜNG, HÀNG HÓA SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

I. Tên tổ chức, cá nhân: .............................................................................................

II. Nội dung của phương án

1. Xác định chiều rộng, chiều sâu, bán kính cong của luồng; chiều cao tĩnh không của các công trình vượt sông trên tuyến dự kiến vận tải.

2. Mô tả về vị trí, địa hình nơi xếp, dỡ hàng hóa thiết bị xếp, dỡ hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng.

3. Mô tả về loại hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng cần vận chuyển; mô tả kích thước hàng hóa khi xếp xuống phương tiện thủy hoặc sà lan.

4. Hướng dẫn đảm bảo an toàn giao thông, yêu cầu hỗ trợ (nếu có).

5. Tuyến đường thủy nội địa mà phương tiện thủy nội địa vận chuyển hàng hóa.

6. Thời gian, địa điểm nghỉ trên đường hành trình.

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *………., ngày …. tháng …. năm 20…..* |

**QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN VẬN TẢI HÀNG HÓA SIÊU TRƯỜNG, HÀNG HÓA SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (1) **TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (2) -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:    /QĐ-(3) | *.... (4)...., ngày …. tháng …. năm 20...* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt phương án ……………**

**Điều 1** ……………………………………(5) ............................................................

.................................................................................................................................

**Điều 2** …………………………………………. (5) .............................................

.................................................................................................................................

**Điều 3** …………………………………………. (5) .............................................

………………………………………………………………/.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ………….; - Lưu: VT,.... (7) A.xx (8) | **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (6)** *(Chữ ký, dấu)* **Họ và tên)** |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

***Ghi chú:***

(1) Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan, tổ chức ban hành quyết định.

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức ban hành quyết định.

(4) Địa danh.

(5) Nội dung Quyết định phê duyệt (có nội dung thể hiện hiệu lực của quyết định đến ngày, tháng, năm).

(6) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký như Cục trưởng, Giám đốc Sở, nếu người ký văn bản là cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức thì ghi chữ viết tắt “KT” vào trước chức vụ của người đứng đầu, bên dưới ghi chức vụ của người ký văn bản.

(7) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu.

(8) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

**80. Cấp biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận chuyển khách du lịch nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn đơn vị kinh doanh hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp nhận qua mạng bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản gửi đơn vị kinh doanh nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản (kèm theo 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 02/2016/TTLT-BGTVT-BVHTTDL) gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) trên địa bàn để lấy ý kiến;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) có văn bản trả lời. Hết thời gian quy định trên mà không có văn bản trả lời, coi như Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) đồng ý cấp biển hiệu cho phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến, Sở Giao thông vận tải cấp biển hiệu cho phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch. Việc trả kết quả cấp biển hiệu được thực hiện trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua mạng bưu chính.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp biển hiệu phương tiện thủy theo mẫu;

- 01 bản sao (kèm bản chính để đối chiếu) hoặc 01 bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa còn hiệu lực; giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực;

- 01 bản sao (kèm bản chính để đối chiếu) hoặc 01 bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch của người điều khiển và nhân viên phục vụ trên phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch còn hiệu lực hoặc Giấy chứng nhận thuyết minh viên du lịch, Thẻ hướng dẫn viên du lịch.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) trên địa bàn để lấy ý kiến;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) có văn bản trả lời;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến, Sở Giao thông vận tải cấp biển hiệu cho phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch).

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Biển hiệu cho phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch.

- Thời hạn biển hiệu của phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch là 05 năm, kể từ ngày cấp và không quá niên hạn sử dụng của phương tiện thủy.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**  Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;

- Nghị định số [24/2015/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=24/2015/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 27/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa;

- Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 23/3/2016 Hướng dẫn về cấp biển hiệu phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch.

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *………., ngày …. tháng …. năm 20…..* |

# GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) BIỂN HIỆU PHƯƠNG TIỆN THỦY VẬN CHUYỂN KHÁCH DU LỊCH

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải…………………………

Tên tổ chức, cá nhân kinh doanh: …………………………

Tên giao dịch quốc tế (nếu có)………………………………

Trụ sở, địa chỉ:…………………………………………….

Số điện thoại (Fax): ………………………… Email: ……..

Đề nghị cấp (cấp lại) biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Tên phương tiện** | **Số đăng ký** | **Sức chở của phương tiện (người)** | **Kích thước (chiều dài, chiều rộng, chiều chìm) (m)** | **Tổng công suất máy (sức ngựa)** | **Tốc độ tối đa (km/h)** | **Năm đóng** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |

Các giấy tờ liên quan kèm theo gồm:

……………………………………………………………………………...

Lý do đề nghị: (cấp mới, cấp lại; cấp lại do mất hoặc hỏng).

Thời hạn: từ ngày …. tháng … năm …. đến ngày …. tháng … năm ….

Tổ chức (cá nhân) kinh doanh cam kết chịu trách nhiệm về nội dung giấy đề nghị và các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu. | **Người đại diện theo pháp luật**  *(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)* |

**81. Cấp lại biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch trong trường hợp biển hiệu hết hiệu lực**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trước khi biển hiệu hết hiệu lực tối thiểu 10 ngày, đơn vị kinh doanh vận chuyển khách du lịch nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn đơn vị kinh doanh hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp nhận qua mạng bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản gửi đơn vị kinh doanh nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản (kèm theo 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 02/2016/TTLT-BGTVT-BVHTTDL) gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) trên địa bàn để lấy ý kiến;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) có văn bản trả lời. Hết thời gian quy định trên mà không có văn bản trả lời, coi như Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) đồng ý cấp biển hiệu cho phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến, Sở Giao thông vận tải cấp biển hiệu cho phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch. Việc trả kết quả cấp biển hiệu được thực hiện trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua mạng bưu chính.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp biển hiệu phương tiện thủy theo mẫu;

- 01 bản sao (kèm bản chính để đối chiếu) hoặc 01 bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa còn hiệu lực; giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực;

- 01 bản sao (kèm bản chính để đối chiếu) hoặc 01 bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch của người điều khiển và nhân viên phục vụ trên phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch còn hiệu lực hoặc Giấy chứng nhận thuyết minh viên du lịch, Thẻ hướng dẫn viên du lịch.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) trên địa bàn để lấy ý kiến;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) có văn bản trả lời.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến, Sở Giao thông vận tải cấp biển hiệu cho phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch).

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Biển hiệu cho phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**  Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;

- Nghị định số [24/2015/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=24/2015/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 27/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa;

- Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 23/3/2016 Hướng dẫn về cấp biển hiệu phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch.

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TC, CN KINH DOANH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| Số: ………../................. | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *...................., ngày………. tháng..…..năm …….…* |

# GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) BIỂN HIỆU PHƯƠNG TIỆN THỦY VẬN CHUYỂN KHÁCH DU LỊCH

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải…………………………

Tên tổ chức, cá nhân kinh doanh: …………………………

Tên giao dịch quốc tế (nếu có)………………………………

Trụ sở, địa chỉ:…………………………………………….

Số điện thoại(Fax): ………………………… Email: ……..

Đề nghị cấp (cấp lại) biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Tên phương tiện** | **Số đăng ký** | **Sức chở của phương tiện (người)** | **Kích thước (chiều dài, chiều rộng, chiều chìm) (m)** | **Tổng công suất máy (sức ngựa)** | **Tốc độ tối đa (km/h)** | **Năm đóng** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |

Các giấy tờ liên quan kèm theo gồm:

……………………………………………………………………………...

Lý do đề nghị: (cấp mới, cấp lại; cấp lại do mất hoặc hỏng).

Thời hạn: từ ngày …. tháng … năm …. đến ngày …. tháng … năm ….

Tổ chức (cá nhân) kinh doanh cam kết chịu trách nhiệm về nội dung giấy đề nghị và các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu. | **Người đại diện theo pháp luật**  *(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)* |

**82. Cấp lại biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch trong trường hợp biển hiệu bị mất hoặc hỏng không sử dụng được**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận chuyển khách du lịch nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của đơn vị kinh doanh vận chuyển khách du lịch, Sở Giao thông vận tải cấp lại biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Biển hiệu cho phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch.

- Thời hạn của biển hiệu cấp lại tính theo thời hạn còn lại của biển hiệu đã bị mất hoặc hỏng

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**  Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;

- Nghị định số [24/2015/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=24/2015/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 27/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa;

- Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 23/3/2016 Hướng dẫn về cấp biển hiệu phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch.

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TC, CN KINH DOANH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| Số: ………../................. | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *...................., ngày………. tháng..…..năm …….…* |

# GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) BIỂN HIỆU PHƯƠNG TIỆN THỦY VẬN CHUYỂN KHÁCH DU LỊCH

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải…………………………

Tên tổ chức, cá nhân kinh doanh: …………………………

Tên giao dịch quốc tế (nếu có)………………………………

Trụ sở, địa chỉ:…………………………………………….

Số điện thoại (Fax): ………………………… Email: ……..

Đề nghị cấp (cấp lại) biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Tên phương tiện** | **Số đăng ký** | **Sức chở của phương tiện (người)** | **Kích thước (chiều dài, chiều rộng, chiều chìm) (m)** | **Tổng công suất máy (sức ngựa)** | **Tốc độ tối đa (km/h)** | **Năm đóng** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |

Các giấy tờ liên quan kèm theo gồm:

……………………………………………………………………………...

Lý do đề nghị: (cấp mới, cấp lại; cấp lại do mất hoặc hỏng).

Thời hạn: từ ngày …. tháng … năm …. đến ngày …. tháng … năm ….

Tổ chức (cá nhân) kinh doanh cam kết chịu trách nhiệm về nội dung giấy đề nghị và các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu. | **Người đại diện theo pháp luật**  *(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)* |

**83. Phê duyệt hồ sơ đề xuất dự án thực hiện đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Nhà đầu tư nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định, chậm nhất trong 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải phải có văn bản trả lời nhà đầu tư.

- Chậm nhất 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét về đề xuất thực hiện dự án của nhà đầu tư. Trường hợp chấp thuận, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản công bố bổ sung vào danh mục dự án. Trường hợp không chấp thuận, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đăng ký thực hiện dự án theo mẫu;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp đồng liên danh (đối với nhà đầu tư liên danh);

- Báo cáo tài chính 02 năm liền kề gần nhất được cơ quan có thẩm quyền xác nhận (cơ quan kiểm toán hoặc cơ quan thuế); báo cáo về năng lực thực hiện dự án tương tự của nhà đầu tư (nếu có); báo cáo về năng lực nhân sự của nhà đầu tư, năng lực kỹ thuật (máy móc, phương tiện, thiết bị); văn bản cam kết vốn thực hiện dự án;

- Trường hợp nhà đầu tư tham gia với tư cách nhà đầu tư liên danh: đại diện liên danh lập hồ sơ năng lực từng thành viên trong liên danh theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 69/2015/TT-BGTVT.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Chậm nhất 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét về đề xuất thực hiện dự án của nhà đầu tư.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:**

Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Văn bản công bố bổ sung vào danh mục dự án.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Văn bản đăng ký thực hiện dự án.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC**

**-** Dự án đề xuất phải đảm bảo không thuộc phạm vi các dự án cải tạo, nâng cấp luồng đường thủy nội địa đang triển khai thực hiện, trừ trường hợp được Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 69/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm.

***Mẫu:*** Văn bản đăng ký thực hiện dự án

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN NHÀ ĐẦU TƯ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số:     /….. V/v: Đăng ký thực hiện dự án.... | *…….., ngày … tháng … năm …* |

**Kính gửi:** [Cục ĐTNĐVN, Sở GTVT]

…………………………......................................(1)……………………………

…………………………......................................(2)……………………………

…………………………………………………………………………..……/

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: | **NHÀ ĐẦU TƯ** (Chữ ký, dấu) **Họ và tên** |

**Ghi chú:**

(1) Nội dung văn bản khái quát thông tin của nhà đầu tư (tên nhà đầu tư, chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ, số điện thoại...);

(2) Khái quát dự án: sự cần thiết, tên dự án, vị trí, địa điểm, phạm vi, hình thức thực hiện, thời gian dự kiến thực hiện và các nội dung khác liên quan.

**84. Công bố hoạt động cảng thủy nội địa**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

-Chủ cảng thủy nội địa nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra và xử lý như sau:

- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải ra quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa theo mẫu và gửi cho chủ cảng. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công bố cảng thủy nội địa theo mẫu;

- Bản sao chứng thực quyết định đầu tư xây dựng cảng của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chứng;

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật được duyệt; hồ sơ hoàn công;

- Biên bản nghiệm thu công trình;

- Bình đồ vùng nước của cảng;

- Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phao nổi (nếu sử dụng phao nổi thay cho cầu tàu);

- Bản sao văn bản chứng nhận an ninh đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

Quyết định công bố.

**8. Phí, lệ phí:** 100.000 đồng.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn đề nghị công bố cảng thủy nội địa.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

*……, ngày….. tháng….. năm……*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CÔNG BỐ HOẠT ĐỘNG CẢNG THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi: (1)………………………………………….

Tên tổ chức, cá nhân .........................................................................................

Địa chỉ trụ sở: ....................................................................................................

Số điện thoại: ……………………. Số FAX .......................................................

Đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa (2) .............................................

Vị trí cảng: từ km thứ ……………………………. đến km thứ ......................................

Trên bờ (phải hay trái) …………………. sông, (kênh) ........................................

Thuộc xã (phường) ………………………., huyện (quận) ..............................

Tỉnh (thành phố): ...........................................................................................

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ............................................................

Cảng thuộc loại: ...............................................................................................

Phạm vi vùng đất sử dụng: ..........................................................................

Tóm tắt quy mô về cơ sở hạ tầng (công trình cầu tàu, kho bãi): .................................................................................................................................

Phạm vi vùng nước sử dụng:.....................................................................

Vùng đón trả hoa tiêu .....................................................................................

Phương án khai thác ...........................................................................................

Cảng có khả năng tiếp nhận loại phương tiện: ..............................................

Thời gian hoạt động từ ngày ……………………………. đến ngày ..............................

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Tổ chức (cá nhân) làm đơn** Ký và đóng dấu |

***Ghi chú:***

1. Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;

2. Tên cảng thủy nội địa do chủ đầu tư đặt.

**85. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa hạng tư, chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản, chứng chỉ nghiệp vụ trong phạm vi địa phương**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức có nhu cầu nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn trong thời hạn 03 (ba) ngày phải tiến hành kiểm tra thực tế; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải phải có văn bản gửi tổ chức yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Sở Giao thông vận tải tổ chức đi kiểm tra thực tế tại cơ sở dạy nghề và lập biên bản thẩm định theo mẫu.

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở dạy nghề theo mẫu. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

 - Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận của cơ sở dạy nghề;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Bản sao Giấy chứng nhận an toàn phòng chống cháy nổ do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên trực tiếp tham gia giảng dạy theo mẫu kèm theo bản sao văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của từng cá nhân;

- Các giấy tờ về sở hữu, sử dụng hoặc hợp đồng thuê phòng học, xưởng thực tập, phương tiện, cầu cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, vùng nước để dạy thực hành; phương tiện dạy thực hành phải có đầy đủ giấy tờ về đăng ký, đăng kiểm và các trang thiết bị hàng hải, cứu sinh, cứu hỏa theo quy định..

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c)Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

**-** Giấy chứng nhận.

- Giấy chứng nhận có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

**-** Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên trực tiếp tham gia giảng dạy;

- Biên bản thẩm định cơ sở dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;

- Giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Tiêu chuẩn chung đối với phòng học

- Diện tích tối thiểu mỗi phòng học phải đạt 48 m2, định mức chung phải đạt ít nhất 1,5 m2/học sinh.

- Đủ tiêu chuẩn ánh sáng tự nhiên và có các thiết bị chiếu sáng nhân tạo.

- Có không gian thông thoáng, xa nơi có tiếng ồn và nơi môi trường bị ô nhiễm.

- Có đủ trang thiết bị kỹ thuật, mô hình học cụ, đồ dùng giảng dạy theo yêu cầu của từng môn học.

b) Tiêu chuẩn riêng đối với các phòng học chuyên môn

- Phòng học ngoại ngữ: có hệ thống loa, đài, đầu đĩa phát băng, đĩa ghi âm để học phát âm và nghe các bài khoá.

- Phòng học tin học: có ít nhất 05 máy vi tính đang hoạt động, được lắp đặt trên các bàn chuyên dùng.

- Phòng học pháp luật về giao thông đường thuỷ nội địa:

+ Có sa bàn đắp nổi hoặc sơ đồ khu vực luồng điển hình, mô hình hệ thống báo hiệu đường thuỷ nội địa phục vụ cho việc giảng dạy các tình huống khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông;

+ Có các bản vẽ về báo hiệu đường thuỷ nội địa, bản đồ hệ thống sông ngòi và các tuyến đường thuỷ nội địa Việt Nam;

+ Các thiết bị có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục I của Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT.

- Phòng học điều khiển phương tiện thuỷ nội địa:

+ Có mô phỏng hoặc tối thiểu là mô hình hệ thống điều khiển;

+ Có đồ dùng, thiết bị để giảng dạy thao tác cơ bản về hệ thống điều khiển đủ số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục II của Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT.

- Phòng học lý thuyết máy - điện:

+ Có mô hình, các bản vẽ chi tiết máy, các thiết bị đo lường về thông số máy;

+ Có bảng điện tàu thuỷ, các thiết bị đo điện;

+ Các thiết bị có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục III và Phụ lục IV của Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT.

- Phòng học thủy nghiệp cơ bản: các thiết bị, hiện vật phục vụ giảng dạy, học tập có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục V của Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT.

c) Tiêu chuẩn đối với xưởng thực hành

- Xưởng thực hành nguội:

+ Diện tích từ 60 m2 trở lên;

+ Các thiết bị được bố trí khoa học, hợp lý, đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc giảng dạy và học tập, có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục VI của Thông tư này.

- Xưởng thực hành máy - điện - cơ khí:

+ Diện tích từ 60 m2 trở lên, các thiết bị được bố trí khoa học, hợp lý, đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc giảng dạy và học tập;

+ Có các loại máy tàu thuỷ theo hạng bằng được đào tạo, bổ túc;

+ Có sơ đồ, mô hình hệ thống điện máy tàu và mạng điện trên phương tiện, các thiết bị điện cần thiết trên phương tiện;

+ Thiết bị phục vụ sửa chữa máy tàu thuỷ có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục VII của Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT.

d) Tiêu chuẩn đối với khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy

- Có vùng nước để dạy thực hành lái và vận hành máy phương tiện thuỷ nội địa được Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Sở Giao thông vận tải đồng ý, có khu vực luồng chạy tàu thuyền được lắp đặt những báo hiệu cần thiết để người học thực hành.

- Có cầu tàu cố định để dạy nghề thuyền trưởng từ hạng nhì trở lên hoặc lắp đặt tối thiểu cầu tạm để dạy nghề thuyền trưởng hạng ba, thuyền trưởng hạng tư và chứng chỉ chuyên môn; có báo hiệu giới hạn vùng nước để các phương tiện thực hành ra vào bến trong các tình huống, có đủ loại cọc bích và đệm chống va phục vụ thực hiện các thao tác nghề nghiệp của thuyền viên.

- Có đủ phương tiện thực hành theo hạng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn (sau đây viết tắt là GCNKNCM, CCCM). Trong khi thực hành, phương tiện phải treo biển "Phương tiện huấn luyện".

- Các thiết bị có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục VIII của Thông tư 57/2014/TT-BGTVT.

- Có địa điểm để người học ngồi quan sát, chờ thực hành.

đ) Tài liệu phục vụ giảng dạy

- Có chương trình, giáo trình đào tạo do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, có hệ thống các tài liệu tham khảo chuyên ngành.

- Có đủ giáo án, bài giảng của từng môn học được phê duyệt theo quy định.

- Có đủ sổ sách, biểu mẫu phục vụ công tác quản lý giảng dạy, theo dõi học tập và được ghi chép đầy đủ theo quy định.

e) Đội ngũ giáo viên

- Bao gồm giáo viên cơ hữu, giáo viên thỉnh giảng.

- Cơ sở dạy nghề phải đảm bảo đủ giáo viên để giảng dạy các môn học theo đúng chương trình quy định, có phân công và công bố lịch lên lớp theo từng học kỳ (đối với chương trình đào tạo) hoặc toàn khoá học (đối với chương trình bổ túc, bồi dưỡng).

- Số giáo viên thỉnh giảng không vượt quá 50% số giáo viên tham gia giảng dạy từng chương trình.

g) Tiêu chuẩn chung đối với giáo viên

- Đạt trình độ chuẩn của giáo viên dạy nghề theo quy định của Luật Dạy nghề.

- Có phẩm chất, đạo đức tốt.

- Đủ sức khoẻ theo yêu cầu nghề nghiệp.

- Lý lịch bản thân rõ ràng.

h) Tiêu chuẩn riêng đối với giáo viên

- Giáo viên dạy lý thuyết:

+ Phải có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng nghề trở lên đúng chuyên ngành hoặc tương đương chuyên ngành được phân công giảng dạy;

+ Ngoại ngữ trình độ A tiếng Anh trở lên;

+ Tin học trình độ A trở lên.

+ Giáo viên dạy tiếng Anh phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng ngoại ngữ tiếng Anh trở lên.

- Giáo viên dạy thực hành:

+ Giáo viên dạy thực hành thuyền trưởng, máy trưởng phải có GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng cao hơn ít nhất 01 hạng so với hạng GCNKNCM được phân công giảng dạy;

+ Giáo viên dạy thực hành thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất phải có GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất và có thời gian đảm nhiệm chức danh GCNKNCM hạng nhất từ 36 tháng trở lên.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông Đường thủy nội địa năm 2004;

- Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở dạy nghề và chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thuỷ nội địa.

***Mẫu: Danh sách trích ngang***

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ SƠ DẠY NGHỀ --------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **HỌ VÀ TÊN** | **NĂM SINH** | **TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO** | | | | | **HÌNH THỨC TUYỂN DỤNG** | | **GHI CHÚ** |
| **Văn bằng** | **Chuyên môn** | **Sư phạm** | **Tin học** | **Ngoại ngữ** | **Cơ hữu** | **Thỉnh giảng** |
| **1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **6** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **7** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **8** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **9** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **10** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **11** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **12** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **...** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | .........., ngày........tháng.........năm........  **NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ SỞ DẠY NGHỀ**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

# Mẫu: biên bản thẩm định

# CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc --------------------

**BIÊN BẢN  
THẨM ĐỊNH CƠ SỞ DẠY NGHỀ THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Căn cứ Thông tư số.........../20.../TT-BGTVT ngày............./............./20… của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở dạy nghề, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thuỷ nội địa.

Hôm nay, ngày.........tháng.........năm............................................................

Địa điểm thẩm định:......................................................................................

**Đại diện cơ quan có thẩm quyền cấp:**............................................................................

**Đại diện cơ sở dạy nghề:**................................................................................................

##### *NỘI DUNG*

**THẨM ĐỊNH CƠ SỞ DẠY NGHỀ THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**1. Về tổ chức:**

Tên cơ sở dạy nghề:......................................................................................

Cơ quan chủ quản:.........................................................................................

Địa chỉ:.............................................................

Điện thoại:………………….Fax:..……….…….….Emai…..

**2. Cơ sở dạy nghề tự đánh giá, phân loại:**

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật:………………………………...

- Về tài liệu giảng dạy:……………………………………………………..

- Về đội ngũ giáo viên:……………………………………………………..

**3. Thẩm định thực tế:**

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật:………………………………...

- Về tài liệu giảng dạy:……………………………………………………..

- Về đội ngũ giáo viên:……………………………………………………..

# KẾT LUẬN

**1. Yêu cầu bổ sung, hoàn thiện đối với cơ sở dạy nghề:**

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật:………………………………...

- Về tài liệu giảng dạy:……………………………………………………..

- Về đội ngũ giáo viên:……………………………………………………..

**2. Đánh giá đối với cơ sở dạy nghề:**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| Đạt | Không đạt |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN CƠ SỞ DẠY NGHỀ**  *(Ký tên, đóng dấu)* | ....., ngày..........tháng...........năm............  **ĐẠI DIỆN ĐOÀN THẨM ĐỊNH**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

***Mẫu: Giấy chứng nhận***

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP --------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.........../20........./GCN | *.......,ngày......tháng.......năm 20…...* |

## GIẤY CHỨNG NHẬN

**CƠ SỞ DẠY NGHỀ THUYỀN VIÊN,   
NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

1. Tên cơ sở dạy nghề:........................................................................................

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):........................................................

3. Địa chỉ:............................................................................................

4. Điện thoại:…….…….Fax:..…..…….…….….Email:…………………...

Được:

- ………………..........................................................................................................

- ………………..........................................................................................................

5. Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến hết ngày...................../.

|  |  |
| --- | --- |
|  | THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP **(Ký tên, đóng dấu)** |

**86. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa hạng tư, chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản, chứng chỉ nghiệp vụ trong phạm vi địa phương**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trước khi Giấy chứng nhận hết thời hạn 60 ngày, nếu tổ chức có nhu cầu tiếp tục hoạt động đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thuỷ nội địa nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn trong thời hạn 03 (ba) ngày phải tiến hành kiểm tra thực tế; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức hoàn thiện lại hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải phải có văn bản gửi tổ chức yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Sở Giao thông vận tải tổ chức đi kiểm tra thực tế tại cơ sở dạy nghề và lập biên bản thẩm định theo mẫu.

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở dạy nghề theo mẫu. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

 - Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận của cơ sở dạy nghề;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Bản sao Giấy chứng nhận an toàn phòng chống cháy nổ do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên trực tiếp tham gia giảng dạy theo mẫu kèm theo bản sao văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của từng cá nhân;

- Các giấy tờ về sở hữu, sử dụng hoặc hợp đồng thuê phòng học, xưởng thực tập, phương tiện, cầu cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, vùng nước để dạy thực hành; phương tiện dạy thực hành phải có đầy đủ giấy tờ về đăng ký, đăng kiểm và các trang thiết bị hàng hải, cứu sinh, cứu hỏa theo quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c)Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

**-** Giấy chứng nhận.

- Giấy chứng nhận có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

**-** Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên trực tiếp tham gia giảng dạy.

- Biên bản thẩm định cơ sở dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;

- Giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Tiêu chuẩn chung đối với phòng học

- Diện tích tối thiểu mỗi phòng học phải đạt 48 m2, định mức chung phải đạt ít nhất 1,5 m2/học sinh.

- Đủ tiêu chuẩn ánh sáng tự nhiên và có các thiết bị chiếu sáng nhân tạo.

- Có không gian thông thoáng, xa nơi có tiếng ồn và nơi môi trường bị ô nhiễm.

- Có đủ trang thiết bị kỹ thuật, mô hình học cụ, đồ dùng giảng dạy theo yêu cầu của từng môn học.

b) Tiêu chuẩn riêng đối với các phòng học chuyên môn

- Phòng học ngoại ngữ: có hệ thống loa, đài, đầu đĩa phát băng, đĩa ghi âm để học phát âm và nghe các bài khoá.

- Phòng học tin học: có ít nhất 05 máy vi tính đang hoạt động, được lắp đặt trên các bàn chuyên dùng.

- Phòng học pháp luật về giao thông đường thuỷ nội địa:

+ Có sa bàn đắp nổi hoặc sơ đồ khu vực luồng điển hình, mô hình hệ thống báo hiệu đường thuỷ nội địa phục vụ cho việc giảng dạy các tình huống khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông;

+ Có các bản vẽ về báo hiệu đường thuỷ nội địa, bản đồ hệ thống sông ngòi và các tuyến đường thuỷ nội địa Việt Nam;

+ Các thiết bị có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục I của Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT.

- Phòng học điều khiển phương tiện thuỷ nội địa:

+ Có mô phỏng hoặc tối thiểu là mô hình hệ thống điều khiển;

+ Có đồ dùng, thiết bị để giảng dạy thao tác cơ bản về hệ thống điều khiển đủ số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục II của Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT.

- Phòng học lý thuyết máy - điện:

+ Có mô hình, các bản vẽ chi tiết máy, các thiết bị đo lường về thông số máy;

+ Có bảng điện tàu thuỷ, các thiết bị đo điện;

+ Các thiết bị có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục III và Phụ lục IV của Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT.

- Phòng học thủy nghiệp cơ bản: các thiết bị, hiện vật phục vụ giảng dạy, học tập có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục V của Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT.

c) Tiêu chuẩn đối với xưởng thực hành

- Xưởng thực hành nguội:

+ Diện tích từ 60 m2 trở lên;

+ Các thiết bị được bố trí khoa học, hợp lý, đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc giảng dạy và học tập, có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục VI của Thông tư này.

- Xưởng thực hành máy - điện - cơ khí:

+ Diện tích từ 60 m2 trở lên, các thiết bị được bố trí khoa học, hợp lý, đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc giảng dạy và học tập;

+ Có các loại máy tàu thuỷ theo hạng bằng được đào tạo, bổ túc;

+ Có sơ đồ, mô hình hệ thống điện máy tàu và mạng điện trên phương tiện, các thiết bị điện cần thiết trên phương tiện;

+ Thiết bị phục vụ sửa chữa máy tàu thuỷ có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục VII của Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT.

d) Tiêu chuẩn đối với khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy

- Có vùng nước để dạy thực hành lái và vận hành máy phương tiện thuỷ nội địa được Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Sở Giao thông vận tải đồng ý, có khu vực luồng chạy tàu thuyền được lắp đặt những báo hiệu cần thiết để người học thực hành.

- Có cầu tàu cố định để dạy nghề thuyền trưởng từ hạng nhì trở lên hoặc lắp đặt tối thiểu cầu tạm để dạy nghề thuyền trưởng hạng ba, thuyền trưởng hạng tư và chứng chỉ chuyên môn; có báo hiệu giới hạn vùng nước để các phương tiện thực hành ra vào bến trong các tình huống, có đủ loại cọc bích và đệm chống va phục vụ thực hiện các thao tác nghề nghiệp của thuyền viên.

- Có đủ phương tiện thực hành theo hạng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn (sau đây viết tắt là GCNKNCM, CCCM). Trong khi thực hành, phương tiện phải treo biển "Phương tiện huấn luyện".

- Các thiết bị có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục VIII của Thông tư 57/2014/TT-BGTVT.

- Có địa điểm để người học ngồi quan sát, chờ thực hành.

đ) Tài liệu phục vụ giảng dạy

- Có chương trình, giáo trình đào tạo do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, có hệ thống các tài liệu tham khảo chuyên ngành.

- Có đủ giáo án, bài giảng của từng môn học được phê duyệt theo quy định.

- Có đủ sổ sách, biểu mẫu phục vụ công tác quản lý giảng dạy, theo dõi học tập và được ghi chép đầy đủ theo quy định.

e) Đội ngũ giáo viên

- Bao gồm giáo viên cơ hữu, giáo viên thỉnh giảng.

- Cơ sở dạy nghề phải đảm bảo đủ giáo viên để giảng dạy các môn học theo đúng chương trình quy định, có phân công và công bố lịch lên lớp theo từng học kỳ (đối với chương trình đào tạo) hoặc toàn khoá học (đối với chương trình bổ túc, bồi dưỡng).

- Số giáo viên thỉnh giảng không vượt quá 50% số giáo viên tham gia giảng dạy từng chương trình.

g) Tiêu chuẩn chung đối với giáo viên

- Đạt trình độ chuẩn của giáo viên dạy nghề theo quy định của Luật Dạy nghề.

- Có phẩm chất, đạo đức tốt.

- Đủ sức khoẻ theo yêu cầu nghề nghiệp.

- Lý lịch bản thân rõ ràng.

h) Tiêu chuẩn riêng đối với giáo viên

- Giáo viên dạy lý thuyết:

+ Phải có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng nghề trở lên đúng chuyên ngành hoặc tương đương chuyên ngành được phân công giảng dạy;

+ Ngoại ngữ trình độ A tiếng Anh trở lên;

+ Tin học trình độ A trở lên.

+ Giáo viên dạy tiếng Anh phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng ngoại ngữ tiếng Anh trở lên.

- Giáo viên dạy thực hành:

+ Giáo viên dạy thực hành thuyền trưởng, máy trưởng phải có GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng cao hơn ít nhất 01 hạng so với hạng GCNKNCM được phân công giảng dạy;

+ Giáo viên dạy thực hành thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất phải có GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất và có thời gian đảm nhiệm chức danh GCNKNCM hạng nhất từ 36 tháng trở lên.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông Đường thủy nội địa năm 2004;

- Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở dạy nghề và chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thuỷ nội địa.

***Mẫu: Danh sách trích ngang***

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ SƠ DẠY NGHỀ --------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **HỌ VÀ TÊN** | **NĂM SINH** | **TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO** | | | | | **HÌNH THỨC TUYỂN DỤNG** | | **GHI CHÚ** |
| **Văn bằng** | **Chuyên môn** | **Sư phạm** | **Tin học** | **Ngoại ngữ** | **Cơ hữu** | **Thỉnh giảng** |
| **1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **6** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **7** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **8** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **9** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **10** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **11** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **12** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **...** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | .........., ngày........tháng.........năm........  **NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ SỞ DẠY NGHỀ**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

# Mẫu biên bản thẩm định

# CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc --------------------

**BIÊN BẢN  
THẨM ĐỊNH CƠ SỞ DẠY NGHỀ THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Căn cứ Thông tư số.........../20.../TT-BGTVT ngày............./............./20… của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở dạy nghề, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thuỷ nội địa.

Hôm nay, ngày.........tháng.........năm............................................................

Địa điểm thẩm định:......................................................................................

**Đại diện cơ quan có thẩm quyền cấp:……………………………..**

**Đại diện cơ sở dạy nghề:**.........................................................

##### *NỘI DUNG*

**THẨM ĐỊNH CƠ SỞ DẠY NGHỀ THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**1. Về tổ chức:**

Tên cơ sở dạy nghề:......................................................................................

Cơ quan chủ quản:.........................................................................................

Địa chỉ:..........................................................................................................

Điện thoại:………………….Fax:..……….…….….Email:……………....

**2. Cơ sở dạy nghề tự đánh giá, phân loại:**

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật:………………………………...

- Về tài liệu giảng dạy:……………………………………………………..

- Về đội ngũ giáo viên:……………………………………………………..

**3. Thẩm định thực tế:**

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật:………………………………...

- Về tài liệu giảng dạy:……………………………………………………..

- Về đội ngũ giáo viên:……………………………………………………..

# KẾT LUẬN

**1. Yêu cầu bổ sung, hoàn thiện đối với cơ sở dạy nghề:**

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật:………………………………...

- Về tài liệu giảng dạy:……………………………………………………..

- Về đội ngũ giáo viên:……………………………………………………..

**2. Đánh giá đối với cơ sở dạy nghề:**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Đạt | | Không đạt | |
| **ĐẠI DIỆN CƠ SỞ DẠY NGHỀ**  *(Ký tên, đóng dấu)* | ....., ngày..........tháng...........năm............  **ĐẠI DIỆN ĐOÀN THẨM ĐỊNH**  *(Ký tên, đóng dấu)* | |

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP --------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.........../20........./GCN | *.......,ngày......tháng.......năm 20…...* |

## GIẤY CHỨNG NHẬN

**CƠ SỞ DẠY NGHỀ THUYỀN VIÊN,   
NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

1. Tên cơ sở dạy nghề:................................................................................................

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):...............................................................................

3. Địa chỉ:....................................................................................................................

4. Điện thoại:……………..…….Fax:..…..…….…….….Email:…………………...

Được:

- ………………..........................................................................................................

- ………………..........................................................................................................

5. Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến hết ngày...................../.

|  |  |
| --- | --- |
|  | THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP **(Ký tên, đóng dấu)** |

**87. Dự thi, kiểm tra lấy giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba, chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề) và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc Sở Giao thông vận tải**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cá nhân có nhu cầu dự học, thi lấy GCNKNCM, kiểm tra lấy CCCM nộp hồ sơ đến cơ sở dạy nghề hoặc đến Sở Giao thông vận tải nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ sở dạy nghề hoặc Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn làm thủ tục dự học, thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ sở dạy nghề hoặc Sở Giao thông vận tải phải có văn bản gửi cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ sở dạy nghề hoặc Sở Giao thông vận tải gửi giấy hẹn làm thủ tục dự học, thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM;

- Sở Giao thông vận tải tổ chức thi, kiểm tra, ra quyết định công nhận kết quả, cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, CCCM nghiệp vụ và chứng chỉ an toàn cơ bản cho thí sinh đạt yêu cầu kỳ thi, kiểm tra.

- Cá nhân khi dự thi, dự kiểm tra, nhận hoặc người có giấy ủy quyền nhận GCNKNCM, CCCM phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu..

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo mẫu;

- 02 (hai) ảnh màu cỡ 2x3 cm, ảnh chụp không quá 06 tháng;

- Giấy chứng nhận sức khoẻ do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu (trong trường hợp gửi trực tiếp) hoặc bản sao chứng thực của các loại bằng, GCNKNCM, chứng chỉ liên quan hoặc bản dịch công chứng sang tiếng Việt (đối với bằng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp) để chứng minh đủ điều kiện dự thi, kiểm tra tương ứng với loại GCNKNCM, CCCM theo quy định tại Điều 5, Điều 6 của Thông tư 56/2014/TT-BGTVT.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải, cơ sở dạy nghề;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận

**8. Phí, lệ phí:**

**-** Phí sát hạch và thi cấp bằng thuyền trưởng Hạng ba: 170.000 đồng/lần

- Phí sát hạch và thi cấp bằng máy trưởng hạng ba: 140.000 đồng/lần

- Lệ phí: 50.000 đồng.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:**

a) Điều kiện chung:

- Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc làm việc hợp pháp tại Việt Nam.

- Hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghề tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM, CCCM (trừ các trường hợp cụ thể quy định tại các khoản 9, 11 và khoản 13 Điều 6 của Thông tư 56/2014/TT-BGTVT).

- Đủ tuổi, đủ thời gian nghiệp vụ, thời gian tập sự tính đến thời điểm ra quyết định thành lập hội đồng thi, kiểm tra tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM, CCCM quy định tại Điều 6 của Thông tư 56/2014/TT-BGTVT.

- Có giấy chứng nhận sức khoẻ do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp.

b) Điều kiện cụ thể

- Điều kiện dự kiểm tra lấy chứng chỉ thuỷ thủ hạng nhất, hạng nhì; chứng chỉ thợ máy hạng nhất, hạng nhì: đủ 16 tuổi trở lên.

- Điều kiện dự kiểm tra lấy chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất, hạng nhì: đủ 18 tuổi trở lên.

- Điều kiện dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư: có chứng chỉ thủy thủ hoặc chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất hoặc hạng nhì, có thời gian nghiệp vụ đủ 18 tháng trở lên. Đối với người đã có thời gian thực tế làm công việc của thuỷ thủ hoặc lái phương tiện hạng nhất hoặc hạng nhì đủ 30 tháng trở lên được quy đổi tương đương với thời gian nghiệp vụ để dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư.

- Điều kiện dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba:

+ Có chứng chỉ thủy thủ hoặc chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất hoặc bằng thuyền trưởng hạng ba chương trình hạn chế hoặc GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư, có thời gian nghiệp vụ đủ 18 tháng trở lên. Đối với người đã có thời gian thực tế làm công việc của thủy thủ hoặc lái phương tiện hạng nhất đủ 30 tháng trở lên được quy đổi tương đương với thời gian nghiệp vụ để dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba;

+ Đối với người đã có chứng chỉ sơ cấp nghề được đào tạo nghề điều khiển tàu thuỷ, nghề thuỷ thủ, hoàn thành thời gian tập sự đủ 06 tháng trở lên được dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba, không phải dự học chương trình tương ứng.

- Điều kiện dự thi lấy GCNKNCM máy trưởng hạng ba:

+ Có chứng chỉ thợ máy hạng nhất hoặc hạng nhì, có thời gian nghiệp vụ đủ 18 tháng trở lên. Đối với người đã có thời gian thực tế làm công việc của thợ máy hạng nhất hoặc hạng nhì đủ 30 tháng trở lên được quy đổi tương đương với thời gian nghiệp vụ để dự thi lấy GCNKNCM máy trưởng hạng ba;

+ Đối với người đã có chứng chỉ sơ cấp nghề được đào tạo theo nghề máy tàu thuỷ, nghề thợ máy, hoàn thành thời gian tập sự đủ 06 tháng trở lên được dự thi lấy GCNKNCM máy trưởng hạng ba, không phải dự học chương trình tương ứng.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy đường thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy đường thủy nội địa;

- Thông tư số 02/2017/TT-BGTVT ngày 20/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy đường thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy đường thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**DỰ HỌC, THI, KIỂM TRA, CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM**

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền cấp)………........…...…

Ảnh màu

cỡ 2x3 cm,

ảnh chụp không quá

06 tháng(**\*)**

Tên tôi là:………………..………; Quốc tịch…….……..……; Nam (Nữ)

Sinh gày…….tháng…….năm…………………………….....…………….

Nơi cư trú:…………………………………………………………....……

Điện thoại:..............................................; Email:.........................................

Số CMND (hoặc Hộ chiếu):…………………...do……………….....…….

cấp ngày…….tháng……..năm………………………………………………........

Tôi đã tốt nghiệp ngành học:…………...…, khóa:…., Trường:……......…,

đã được cấp bằng, GCNKNCM, CCCM số:………..ngày…...tháng.....năm……..

theo Quyết định số:…………., ngày….….tháng.…....năm….....của……………..

Quá trình làm việc trên phương tiện thủy nội địa:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TỪ.............ĐẾN.............. | CHỨC DANH | NƠI LÀM VIỆC | SỐ PTTNĐ | GHI CHÚ |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

Đối chiếu với tiêu chuẩn, điều kiện dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM, tôi thấy đủ điều kiện:

|  |  |
| --- | --- |
| + Dự học để thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Dự thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Cấp GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Cấp lại GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Chuyển đổi GCNKNCM, CCCM: |  |

Đề nghị (cơ quan có thẩm quyền cấp)…......................…cho tôi được dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi:……........................………………….

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | ………, ngày……..tháng…..năm….  **Người đề nghị**  *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

**88. Chấp thuận vận tải hành khách ngang sông**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

2. Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản gửi tổ chức, cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải lấy ý kiến Cảng vụ Hàng hải liên quan trong trường hợp phương tiện hành trình qua vùng nước hàng hải, ý kiến của Chi cục Đường thủy nội địa khu vực trong trường hợp phương tiện hành trình trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia liên quan;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được ý kiến của Cảng vụ Hàng hải hoặc Chi cục Đường thủy nội địa khu vực, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận theo mẫu cho tổ chức, cá nhân vận tải hành khách ngang sông. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách ngang sông theo mẫu;

- Văn bản hoặc hợp đồng với tổ chức khai thác bến khách ngang sông đồng ý cho phương tiện vào đón, trả hành khách;

- Bản sao chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh có ngành nghề vận tải hành khách đường thủy nội địa; Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (nếu có); Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải lấy ý kiến của các cơ quan liên quan.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Cảng vụ Hàng hải liên quan, Chi cục Đường thủy nội địa khu vực.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách ngang sông.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Thông tư quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa.

**Mẫu: Bản đăng ký**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

*……., ngày …. tháng …. năm 20….*

**BẢN ĐĂNG KÝ**

**Hoạt động kinh doanh vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa**

Kính gửi:…………………………………………………..

- Tên tổ chức, cá nhân kinh doanh: ...........................................................................

- Địa chỉ giao dịch: .....................................................................................................

- Số điện thoại: …………………………………….; Fax/email: ....................................

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:……………………………. ngày ..............

- Cơ quan cấp: ...........................................................................................................

**Đăng ký hoạt động vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa**

**1. Các tuyến hoạt động:**

- Tuyến 1: từ ……………………………..đến ..............................................................

*(Các tuyến khác ghi tương tự*)

**2. Số lượng phương tiện hoạt động trên mỗi tuyến vận tải:**

Tuyến 1: Phương tiện 1 (tên phương tiện, số đăng ký) ………, trọng tải: ……….(ghế)

(*Các phương tiện khác ghi tương tự*)

**3. Lịch chạy tàu trên mỗi tuyến vận tải:**

- Tuyến 1: + Có …………………chuyến/ngày (tuần); xuất phát tại: …………………………………………… vào các giờ (hoặc vào ngày nào trong tuần):

+ Các cảng, bến đón, trả hành khách trên tuyến: ………………………………………

*(Các tuyến khác ghi tương tự)*

**4. Giá vé hành khách trên mỗi tuyến vận tải:**

.......................................................................................................................................

**5. Thời hạn hoạt động:**

.......................................................................................................................................

**6. Cam kết:** Tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải cam kết thực hiện nghiêm chỉnh Luật Giao thông đường thủy nội địa và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tả**i *Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu có)* |

**89.** **Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định bằng tàu khách cao tốc**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản gửi tổ chức, cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải lấy ý kiến Cảng vụ Hàng hải (nơi có cảng, bến tiếp nhận tàu hoặc trong trường hợp tàu hành trình qua vùng nước hàng hải liên quan), ý kiến của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (trong trường hợp tàu hành trình trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ Hàng hải hoặc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có văn bản trả lời;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn lấy ý kiến các cơ quan liên quan, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận cho tổ chức, cá nhân vận tải hành khách, hành lý, bao gửi và hàng hóa theo tuyến cố định bằng tàu cao tốc.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu theo tuyến cố định theo mẫu;

- Văn bản hoặc hợp đồng với tổ chức khai thác cảng, bến thủy nội địa đồng ý cho tàu cao tốc vào đón, trả hành khách còn hiệu lực;

- Bản sao chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) các giấy tờ sau còn hiệu lực: Giấy chứng nhận đăng ký của tàu, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của tàu, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

- Bản đăng ký chất lượng dịch vụ theo mẫu;

- Bản quy trình khai thác tàu khách cao tốc của tổ chức, cá nhân, trong đó có các nội dung chủ yếu sau: Số lượng tàu khai thác, thời gian khai thác, thời gian bảo dưỡng, sửa chữa, lên đà, số lượng thuyền viên vận hành, quy trình xử lý tình huống trong trường hợp tàu gặp sự cố khi đang khai thác.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

**-** Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải lấy ý kiến Cảng vụ Hàng hải (nơi có cảng, bến tiếp nhận tàu hoặc trong trường hợp tàu hành trình qua vùng nước hàng hải liên quan), ý kiến của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (trong trường hợp tàu hành trình trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ Hàng hải hoặc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có văn bản trả lời;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn lấy ý kiến của các cơ quan liên quan, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Cảng vụ Hàng hải liên quan, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định bằng tàu khách cao tốc.

- Bản đăng ký chất lượng dịch vụ.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 20/2016/TT-BGTVT ngày 20/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2014/TT-BGTVT ngày 12/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc giữa cảng, bến, vùng nước thuộc nội thủy Việt Nam và qua biên giới.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

…………….Ngày…..tháng…..năm

**Bản đăng ký vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc theo tuyến cố định (qua biên giới)**

Kính gửi……………………………………………

- Tên doanh nghiệp (hộ gia đình hoặc cá nhân kinh doanh)……………

- Địa chỉ giao dịch………………………………………………………

- Số điện thoại…………………………Fax/email…………………………

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số……………………..ngày……..

- Cơ quan cấp……………………………………………………………….

**Đăng ký vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc**

**theo tuyến cố định với các nội dung sau:**

**1.Các tuyến hoạt động:**

- Tuyến 1: từ………………………………..đến……………………………….

(các tuyến khác ghi tương tự)

**2.Số lượng tàu hoạt động trên mỗi tuyến vận tải:**

- Tuyến 1: Phương tiện 1 (tên phương tiện, số đăng ký)…………., trọng tải:……ghế

(các phương tiện khác ghi tương tự)

**3.Lịch chạy tàu trên mỗi tuyến vận tải**

- Tuyến 1: Có…….chuyến/ngày (tuần); Xuất phát tại……………….vào các giờ (hoặc ngày nào trong tuần)………………………………

- Các cảng, bến đón, trả khách trên tuyến…………………………………..

(các tuyến khác ghi tương tự)

**4. Giá vé hành khách trên mỗi tuyến vận tải…………………………**

**5. Thời gian hoạt động………………………………………………….**

**6. Cam kết:** Doanh nghiệp (hộ hoặc cá nhân kinh doanh) cam kết thực hiện nghiêm chỉnh Luật Giao thông đường thủy nội địa, Bộ luật Hàng hải Việt Nam và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

**Đại diện doanh nghiệp**

**(hộ gia đình hoặc cá nhân kinh doanh)**

**Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)**

**90. Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ đầu tư nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác: nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản yêu cầu chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận xây dựng bến thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương và gửi cho chủ đầu tư. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

+ Đối với bến thủy trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, trước khi có văn bản chấp thuận, Sở Giao thông vận tải phải lấy ý kiến của Chi Cục Đường thủy nội địa về vị trí và ảnh hưởng của bến đối với luồng và phạm vi bảo vệ các công trình khác ở khu vực. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị của Sở Giao thông vận tải kèm hồ sơ theo quy định, Chi Cục Đường thủy nội địa có văn bản trả lời.

+ Đối với bến thủy nội địa nằm trong vùng nước cảng biển, trước khi chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa, Sở Giao thông vận tải phải lấy ý kiến bằng văn bản của Cảng vụ Hàng hải khu vực. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị của Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ Hàng hải khu vực có văn bản trả lời.

+ Đối với bến khách ngang sông, trước khi có văn bản chấp thuận, Sở Giao thông vận tải phải lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến xây dựng bến. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị của Sở Giao thông vận tải kèm hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản trả lời.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa hoặc Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến khách ngang sông theo mẫu;

- Bình đồ vị trí công trình cảng dự kiến xây dựng, mặt bằng cảng, vùng nước trước cảng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Chi Cục Đường thủy nội địa, Cảng vụ Hàng hải khu vực, Ủy ban nhân dân cấp xã.

**7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

**-** Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa;

- Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến khách ngang sông.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

*……, ngày….. tháng….. năm……*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CHẤP THUẬN CHỦ TRƯƠNG XÂY DỰNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi: (1)………………………………………………………………………….

Tên tổ chức, cá nhân ..........................................................................................

Địa chỉ trụ sở: ..................................................................................................

Số điện thoại: …………………………………. Số FAX .................................

Đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa (2) ...........................

Vị trí dự kiến xây dựng, từ km thứ …………………. đến km thứ ............

bờ (phải hay trái) ……………. sông, (kênh) ……………………… thuộc xã (phường) …………………………, huyện (quận)…………………………. tỉnh (thành phố): ............

Quy mô dự kiến xây dựng: ...........................................................................

Bến được sử dụng vào mục đích: ....................................................................

Phạm vi vùng đất sử dụng: ...............................................................................

Phạm vi vùng nước sử dụng:

- Chiều dài: ……………..mét, dọc theo bờ;

- Chiều rộng……………..mét, từ mép cầu bến trở ra.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Tổ chức (cá nhân) làm đơn** Ký và đóng dấu |

***Ghi chú:***

1. Tên Sở Giao thông vận tải;

2. Tên bến thủy nội địa do chủ đầu tư đặt.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

*……, ngày….. tháng….. năm……*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CHẤP THUẬN CHỦ TRƯƠNG XÂY DỰNG BẾN KHÁCH NGANG SÔNG**

Kính gửi: (1)…………………………………………………………………….

Tên tổ chức, cá nhân .....................................................................................

Địa chỉ: ...........................................................................................................

Làm đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến khách ngang sông:

Tên bến ..................................................................................................................

Vị trí dự kiến mở bến: Từ km thứ ……………. đến km thứ ……………. Bên bờ (phải/trái) ……………. của sông (kênh) ……….............................................

Thuộc xã (phường) …………………… huyện (quận) ......................................

tỉnh (thành phố) ................................................................................................

Quy mô dự kiến xây dựng: ............................................................................

Phạm vi vùng đất sử dụng: ..................................................................................

Phạm vi vùng nước sử dụng: ...........................................................................

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
| **Ý kiến của UBND cấp xã**  (2) | **Người làm đơn** Ký tên |

***Ghi chú:***

(1). Tên Sở Giao thông vận tải;

(2) Nội dung UBND cấp xã nơi mở bến xác nhận người làm đơn hiện đang cư trú tại địa phương có đủ điều kiện đầu tư xây dựng bến và tổ chức quản lý khai thác hoạt động bến khách ngang sông theo quy định

**91. Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ bến thủy nội địa nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ bến hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản yêu cầu chủ bến bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa, giấy phép hoạt động bến khách ngang sông. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

- Đối với bến khách ngang sông, trường hợp bến ở hai bên bờ đều do một chủ khai thác và thuộc thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động của một cơ quan thì chủ khai thác bến khách ngang sông làm đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông theo mẫu, Cơ quan có thẩm quyền cấp một giấy phép hoạt động bến khách ngang sông cho cả hai đầu bến.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa hoặc Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông theo mẫu;

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được duyệt; hồ sơ hoàn công;

- Biên bản nghiệm thu công trình;

- Sơ đồ vùng nước trước bến và luồng vào bến (nếu có) do chủ bến lập;

- Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phao nổi (nếu sử dụng phao nổi làm cầu bến);

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận cho sử dụng tạm thời đối với trường hợp bến nằm trong hành lang bảo vệ các công trình theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy phép.

- Thời hạn hiệu lực của giấy phép hoạt động bến thủy nội địa bằng thời hạn sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền cấp cho chủ bến hoặc theo đề nghị của chủ bến.

Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu mở bến hoạt động tạm thời để bốc xếp vật tư, thiết bị, vật liệu phục vụ xây dựng công trình, nhà máy, khu công nghiệp thì thời hạn hiệu lực của giấy phép hoạt động của bến bằng thời gian thực hiện xây dựng công trình, nhà máy, khu công nghiệp.

**8. Phí, lệ phí:** 100.000 đồng/Giấy phép.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa;

- Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*……, ngày….. tháng….. năm……*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi: (1)…………………………………………………………………….

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ trụ sở:

Số điện thoại: ……………………………. Số FAX

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số …… ngày …… tháng …… Năm

do cơ quan …………………………………………………………cấp

Làm đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa

Vị trí bến: từ km thứ ……………………………… đến km thứ

bờ (phải hay trái) …………………… sông (kênh)

thuộc xã (phường) ……………, huyện (quận) ……………… tỉnh (thành phố):

Kết cấu, quy mô của bến:

Phương án khai thác:

Bến được sử dụng để:

Phạm vi vùng đất sử dụng

Phạm vi vùng nước sử dụng

- Chiều dài: ………………mét, dọc theo bờ;

- Chiều rộng ………………mét, từ mép ngoài cầu bến trở ra sông.

Bến có khả năng tiếp nhận loại phương tiện thủy lớn nhất có kích thước

Thời hạn xin hoạt động từ ngày ………………………………… đến ngày

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|  | Người làm đơn **Ký tên** |

***Ghi chú:*** 1. Tên Sở Giao thông vận tải

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

*……, ngày….. tháng….. năm……*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BẾN KHÁCH NGANG SÔNG**

Kính gửi: (1)…………………………………………………………………….

Tên tổ chức, cá nhân …

Địa chỉ: …

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số………………………… ngày …

do cơ quan: ……………………………………………………………………cấp

Làm đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông:

Tên bến …

Vị trí bến: …

- Từ km thứ ……… đến km thứ ……… Bên bờ (phải, trái) ……………… của sông

………………, thuộc xã, huyện, tỉnh (phường, quận, thành phố) …

Vùng đất sử dụng: …

Vùng nước xin phép sử dụng: …

+ Chiều dài: ………m đọc theo bờ sông;

+ Chiều rộng: ………m tính từ mép ngoài cầu bến trở ra sông.

Phương án khai thác và bảo đảm an toàn khi hoạt động: …

…

Đề nghị được hoạt động từ ngày …. tháng …. năm …. đến ngày …. tháng …năm…

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|  | Người làm đơn **Ký tên** |

***Ghi chú:*** (1) Tên Sở Giao thông vận tải.

**92. Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ bến thủy nội địa nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Bến thủy nội địa phải được cấp lại giấy phép hoạt động trong các trường hợp sau:

+ Giấy phép hoạt động hết hiệu lực;

+ Thay đổi chủ sở hữu;

+ Thay đổi vùng đất, vùng nước, công dụng của bến.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra và xử lý như sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ bến hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản yêu cầu chủ bến bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa gửi chủ bến, giấy phép hoạt động bến khách ngang sông theo mẫu.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa theo mẫu;

- Đối với trường hợp cấp lại giấy phép do thay đổi chủ sở hữu nhưng không thay đổi các nội dung của giấy phép đã được cấp, chủ bến phải gửi kèm theo đơn đề nghị văn bản hợp pháp về chuyển nhượng bến và hồ sơ liên quan đến việc bàn giao chủ sở hữu trong trường hợp có sự thay đổi chủ sở hữu bến hoặc văn bản hợp pháp về phân chia hoặc sáp nhập (nếu có);

- Trường hợp do thay đổi vùng đất, vùng nước, công dụng của bến, chủ bến phải gửi kèm theo đơn đề nghị các giấy tờ pháp lý chứng minh các sự thay đổi nêu trên;

- Đối với bến thủy nội địa do xây dựng mở rộng hoặc nâng cấp để nâng cao năng lực của bến, hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa theo Mẫu số 6 và Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông theo Mẫu số 7 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

+ Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được duyệt; hồ sơ hoàn công;

+ Biên bản nghiệm thu công trình;

+ Sơ đồ vùng nước trước bến và luồng vào bến (nếu có) do chủ bến lập;

+ Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phao nổi (nếu sử dụng phao nổi làm cầu bến);

+ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận cho sử dụng tạm thời đối với trường hợp bến nằm trong hành lang bảo vệ các công trình theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

- Đối với bến thủy nội địa được cấp giấy phép hoạt động trước ngày 01 tháng 01 năm 2005 mà bị thất lạc hồ sơ thì chủ bến phải kèm theo đơn đề nghị bản vẽ mặt bằng công trình bến, sơ đồ vùng nước, vùng đất của bến.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy phép.

**8. Phí, lệ phí:** 100.000 đồng/Giấy chứng nhận

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

**Mẫu: Đơn đề nghị**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

*……, ngày….. tháng….. năm……*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa**

Kính gửi: (1)…………………………………………………………………….

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ trụ sở:

Số điện thoại: ……………………….. Số FAX

Làm đơn đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa

Vị trí bến: từ km thứ ………………………… đến km thứ …………………………. trên bờ (phải hay trái) …………………. sông (kênh) ……………….. thuộc xã (phường)………….., huyện (quận) ………………….………… tỉnh (thành phố):

Kết cấu, quy mô công trình bến:

Phương án khai thác

Bến được sử dụng để:

Phạm vi vùng đất sử dụng:

Phạm vi vùng nước sử dụng:

- Chiều dài: ………………. mét, dọc theo bờ;

- Chiều rộng ………………. mét, từ mép ngoài cầu bến trở ra sông.

Bến có khả năng tiếp nhận loại phương tiện thủy lớn nhất có kích thước

Lý do đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động:

Thời hạn xin hoạt động từ ngày ………………………………. đến ngày

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|  | Người làm đơn **(Ký tên)** |

***Ghi chú:*** (1) Tên Sở Giao thông vận tải;

**93. Công bố mở luồng, tuyến đường thuỷ nội địa đối với đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

- Tổ chức, cá nhân có đường thủy nội địa chuyên dùng nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn bằng văn bản để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu chính thì phải hướng dẫn bằng văn bản;

+ Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng;

+ Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Sở Giao thông vận tải trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa.

**2.  Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa (bản chính) theo mẫu;

- Quyết định phê duyệt dự án (bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Hồ sơ hoàn công công trình (bản sao);

- Bình đố khào sát hiện trạng luồng, tuyến đường thủy nội địa đề nghị công bố. Trên bình đồ thể hiện vị trí báo hiệu, các công trình hiện hữu trên luồng, tuyến đường thủy nội địa.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

+ Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng;

+ Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Sở Giao thông vận tải trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Quyết định.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn đề nghị công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa**.**

**10. Yêu cầu, điều kiện TTHC: Không có.**

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý đường thủy nội địa.

Mẫu: Đơn

TÊN TỔ CHỨC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số……/ĐĐN-(1) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Bình Dương, ngày tháng năm 20*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Về công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa…(2)

Kính gửi: ………………(3)……………………...

1.Căn cứ pháp lý

Căn cứ Thông tư số……/2016/TT-BGTVT ngày…..tháng…..năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý đường thủy nội địa

Căn cứ……………(4)……………………………………………

2.Nội dung đề xuất

a. Chiều dài luồng, tuyến đường thủy nội địa……Km (từ …đến…);

b. Cấp kỹ thuật của luồng, tuyến đường thủy nội địa……;

c. Thời gian bắt đầu thực hiện khai thác trên luồng, tuyến đường thủy nội địa;

d. Các nội dung khác………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………..

…(5)…….Kính đề nghị………..(3)……..xem xét, công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa…….(2)…………………..

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận: THỦ TRƯỞNG (6)

- Như trên;

- Lưu:VT,….(7)..

Ghi chú:

(1) Ký hiệu viết tắt của cơ quan, tổ chức (đơn vị, doanh nghiệp);

(2) Nêu tên đường thủy nội địa

(3) Nêu tên cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư;

(4) Nêu QĐ phê duyệt, hồ sơ hoàn công, biên bản hoàn thành dự án, công trình;

(5) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân;

(6) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân;

(7) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần)

**94. Công bố đóng luồng, tuyến đường thuỷ nội địa đối với đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận thẩm định hồ sơ đề nghị của tổ chức, cá nhân sử dụng đường thủy nội địa chuyên dùng, trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn để tổ chức, cá nhân hoàn thiện. Thời hạn xem xét và yêu cầu bổ sung hồ sơ không quá 02 ngày làm việc;

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Sở Giao thông vận tải trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa

**2. Cách thức thực hiện**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

-Đơn đề nghị đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Chậm nhất là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ .

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Quyết định.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn đề nghị công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa**.**

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.**

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý đường thủy nội địa.

Mẫu đơn

TÊN TỔ CHỨC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số……/ĐĐN-(1) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Bình Dương, ngày tháng năm 20*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Về công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa…(2)

Kính gửi: ………………(3)……………………...

1.Căn cứ pháp lý

Căn cứ Thông tư số……/2016/TT-BGTVT ngày…..tháng…..năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý đường thủy nội địa

Căn cứ……………(4)……………………………………………

2.Nội dung đề xuất

a.Lý do của việc đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa;

b. Địa danh;

c. Chiều dài luồng, tuyến đường thủy nội địa;

d. Thời gian bắt đầu đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa;

đ. Các nội dung khác………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………..

…(5)…….Kính đề nghị………..(3)……..xem xét, công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa…….(2)…………………..

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận: THỦ TRƯỞNG (6)

- Như trên;

- Lưu:VT,….(7)..

Ghi chú:

(1) Ký hiệu viết tắt của cơ quan, tổ chức (đơn vị, doanh nghiệp);

(2) Nêu tên đường thủy nội địa

(3) Nêu tên cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư;

(4) Nêu QĐ phê duyệt, hồ sơ hoàn công, biên bản hoàn thành dự án, công trình;

(5) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân;

(6) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân;

(7) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần)

**95. Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình bảo đảm an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

**- Trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng các công trình liên quan đến giao thông đường thủy nội địa, ngoài việc thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, chủ đầu tư** nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương**.**

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu chính thì phải hướng dẫn bằng văn bản. Thời hạn xem xét và yêu cầu bổ sung hồ sơ không quá 02 ngày làm việc;

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải có kết quả thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến trả lời bằng văn bản;

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Sở Giao thông vận tải trình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản thỏa thuận.

**2.  Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị theo mẫu. Nội dung văn bản phải ghi rõ vị trí, quy mô công trình, tình hình thủy văn và các kết cấu chính của công trình.

- Bình đồ khu vực xây dựng công trình hoặc bản đồ thể hiện vị trí công trình với hệ tọa độ, mốc cao độ liên hệ với hệ mốc quốc gia. Trên bình đồ thể hiện cao độ tự nhiên mặt cắt ngang theo phạm vi dọc tuyến đường thủy nội địa đối với khu vực xây dựng công trình.

- Ngoài hai thành phần hồ sơ nói trên, hồ sơ phải có các tài liệu cho từng trường hợp cụ thể sau đây:

+ Đối với công trình xây dựng cầu vĩnh cửu, cầu tạm, âu tàu: Dữ liệu về khoang thông thuyền (vị trí, khẩu độ cầu, chiều cao tỉnh không); Mặt cắt dọc công trình thể hiện trên mặt cắt ngang sông;

+ Đối với cầu quay, cầu cất, cầu nâng hạ, cầu phao, âu tàu, đập, thủy điện, thủy lợi, công trình thủy điện, thủy lợi kết hợp giao thông: Dữ liệu về khoang thông thuyền (vị trí, chiều rộng) thể hiện rõ phương án và công nghệ đóng, mở, bản vẽ thiết kế vùng nước dự kiến bố trí cho phương tiện thủy neo đậu khi chờ đợi, độ sâu tại khoan thông thuyền công trình thủy lợi kết hợp giao thông;

+ Đối với công trình đường ống, đường dây vượt qua luồng trên không: Bản vẽ, các số liệu về khoan thông thuyền,thể hiện rõ điểm thấp nhất của đường dây, đường ống (điểm thấp nhất của đường dây điện tính cả hành lang an toàn lưới điện);

+ Đối với công trình cảng cá; cảng làm nhiệm vụ an ninh, quốc phòng, công trình phong điện, nhiệt điện; cảng, bến thủy nội địa, bến phà; kè: Bản vẽ thể hiện mặt bằng khu vực cảng, bến, kè, công trình chỉnh trị khác và các công trình phụ trợ, vùng nước cần thiết cho hoạt động của cảng, bến, công trình phong điện, nhiệt điện ;

+ Đối với công trình ngầm, đường dây, đường ống dưới đáy luồng: Bản vẽ thể hiện khoảng cách, cao trình đỉnh công trình đến cao độ tự nhiên đáy luồng, phạm vi luồng và hành lang luồng đường thủy nội địa;

+ Đối với khai thác tài nguyên, nạo vét: bản vẽ các mặt cắt ngang và hồ sơ mốc để xác định vị trí nạo vét, đổ đất hoặc khai thác tài nguyên.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải có kết quả thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Sở Giao thông vận tải trình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản thỏa thuận.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Văn bản thỏa thuận.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Văn bản đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho ý kiến thỏa thuận**.**

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.**

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý đường thủy nội địa.

***Mẫu: Công văn***

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN TỔ CHỨC**…… -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  --------------** |
| Số:      /..(1)..-(2) V/v………….(3) | *………., ngày  tháng  năm* |

  Kính gửi: ……………(4)…………….

………………………..(5) ………………………………………………………

…………………………………………….………………………………………

…………………………………………….………………………………………

…………………………………………….………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: VT, ...(6). | **THỦ TRƯỞNG  (Ký tên, đóng dấu, họ và tên)** |

**Ghi chú:**

*(1) Tên tổ chức gửi văn bản.*

*(2) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo công văn.*

*(3) Nêu trích yếu nội dung văn bản đề nghị ( ngắn gọn, rõ ràng).*

*(4) Cơ quan được quy định tại Điều 12 của Thông tư.*

*(5) Nội dung văn bản.*

*(6) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).*

**96. Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

**- Trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng các công trình liên quan đến giao thông đường thủy nội địa theo quy định, ngoài việc thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, chủ đầu tư** nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương**.**

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu chính thì phải hướng dẫn bằng văn bản. Thời hạn xem xét và yêu cầu bổ sung hồ sơ không quá 02 ngày làm việc;

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải có ý kiến trả lời bằng văn bản. Trường hợp cần kéo dài thời gian xem xét, Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do và thời gian cần kéo dài thêm.

**2.  Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho ý kiến thỏa thuận theo mẫu. Nội dung văn bản phải ghi rõ vị trí, quy mô công trình, tình hình thủy văn và các kết cấu chính của công trình.

- Bình đồ khu vực xây dựng công trình hoặc bản đồ thể hiện vị trí công trình với hệ tọa độ, mốc cao độ liên hệ với hệ mốc quốc gia. Trên bình đồ thể hiện cao độ tự nhiên mặt cắt ngang theo phạm vi dọc tuyến đường thủy nội địa đối với khu vực xây dựng công trình.

- Ngoài hai thành phần hồ sơ nói trên, hồ sơ phải có các tài liệu cho từng trường hợp cụ thể sau đây:

+ Đối với công trình xây dựng cầu vĩnh cửu, cầu tạm, âu tàu: Dữ liệu về khoang thông thuyền (vị trí, khẩu độ cầu, chiều cao tỉnh không); Mặt cắt dọc công trình thể hiện trên mặt cắt ngang sông;

+ Đối với cầu quay, cầu cất, cầu nâng hạ, cầu phao, âu tàu, đập, thủy điện, thủy lợi, công trình thủy điện, thủy lợi kết hợp giao thông: Dữ liệu về khoang thông thuyền (vị trí, chiều rộng) thể hiện rõ phương án và công nghệ đóng, mở, bản vẽ thiết kế vùng nước dự kiến bố trí cho phương tiện thủy neo đậu khi chờ đợi, độ sâu tại khoan thông thuyền công trình thủy lợi kết hợp giao thông;

+ Đối với công trình đường ống, đường dây vượt qua luồng trên không: Bản vẽ, các số liệu về khoan thông thuyền,thể hiện rõ điểm thấp nhất của đường dây, đường ống (điểm thấp nhất của đường dây điện tính cả hành lang an toàn lưới điện);

+ Đối với công trình cảng cá; cảng làm nhiệm vụ an ninh, quốc phòng, công trình phong điện, nhiệt điện; cảng, bến thủy nội địa, bến phà; kè: Bản vẽ thể hiện mặt bằng khu vực cảng, bến, kè, công trình chỉnh trị khác và các công trình phụ trợ, vùng nước cần thiết cho hoạt động của cảng, bến, công trình phong điện, nhiệt điện ;

+ Đối với công trình ngầm, đường dây, đường ống dưới đáy luồng: Bản vẽ thể hiện khoảng cách, cao trình đỉnh công trình đến cao độ tự nhiên đáy luồng, phạm vi luồng và hành lang luồng đường thủy nội địa;

+ Đối với khai thác tài nguyên, nạo vét: bản vẽ các mặt cắt ngang và hồ sơ mốc để xác định vị trí nạo vét, đổ đất hoặc khai thác tài nguyên.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Văn bản thỏa thuận.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Văn bản đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho ý kiến thỏa thuận**.**

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.**

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý đường thủy nội địa.

***Mẫu: Công văn***

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN TRÌNH**…… -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:      /..(1)..-(2) V/v………….(3) | *……….,ngày  tháng  năm* |

Kính gửi: ……………(4)…………….

………………………..(5) ………………………………………………………

…………………………………………….………………………………………

…………………………………………….………………………………………

…………………………………………….………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: VT, ...(6). | **THỦ TRƯỞNG  (Ký tên, đóng dấu, họ và tên)** |

**Ghi chú:**

*(1) Tên cơ quan, tổ chức ban hành công văn.*

*(2) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo công văn.*

*(3) Nêu trích yếu nội dung Tờ trình ngắn gọn, rõ ràng.*

*(4) Cơ quan được quy định tại Điều 12 của Thông tư.*

*(5) Nội dung văn bản.*

*(6) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).*

**97. Chấp thuận điều chỉnh phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với thi công công trình liên quan đến đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

**-** Trước khi thi công công trình liên quan đến giao thông đường thủy nội địa, chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân thi công dự án phải nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương**.**

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu chính thì phải hướng dẫn bằng văn bản. Thời hạn xem xét và yêu cầu bổ sung hồ sơ không quá 02 ngày làm việc;

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông hoặc cần kéo dài thời gian xem xét, Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do và thời gian cần kéo dài thêm;

- Chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân thi công công trình và Sở Giao thông vận tải thống nhất xác định vùng nước và hiện trạng luồng trong phạm vi thi công công trình.

**2.  Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị chấp thuận phương án điều chỉnh bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa theo mẫu.

- Phương án thi công công trình.

- Phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa khu vực thi công công trình, bao gồm:

+ Thuyết minh chung về phương án;

+ Bản vẽ mặt bằng tổng thể thể hiện phương án bố trí báo hiệu bảo đảm an toàn giao thông, vị trí các trạm điều tiết khống chế, bố trí phương tiện điều tiết khống chế;

+ Phương án bố trí nhân lực;

+ Quy chế hướng dẫn phương tiện qua khu vực thi công;

+ Thời gian thực hiện phương án.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Văn bản đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa**.**

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.**

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý đường thủy nội địa.

***Mẫu: Công văn***

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN TRÌNH**…… -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:      /..(1)..-(2) V/v………….(3) | *………., ngày  tháng  năm* |

Kính gửi: ……………(4)…………….

………………………..(5) ………………………………………………………

…………………………………………….………………………………………

…………………………………………….………………………………………

…………………………………………….………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: VT, ...(6). | **THỦ TRƯỞNG  (Ký tên, đóng dấu, họ và tên)** |

**Ghi chú:**

*(1) Tên cơ quan, tổ chức ban hành công văn.*

*(2) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo công văn.*

*(3) Nêu trích yếu nội dung Tờ trình ngắn gọn, rõ ràng.*

*(4) Cơ quan được quy định tại Điều 12 của Thông tư.*

*(5) Nội dung văn bản .*

*(6) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).*

**98. Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với thi công công trình liên quan đến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

**-** Trước khi thi công công trình liên quan đến giao thông đường thủy nội địa, chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân thi công dự án nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương**.**

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu chính thì phải hướng dẫn bằng văn bản. Thời hạn xem xét và yêu cầu bổ sung hồ sơ không quá 02 ngày làm việc;

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông hoặc cần kéo dài thời gian xem xét, Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do và thời gian cần kéo dài thêm;

- Chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân thi công công trình và Sở Giao thông vận tải thống nhất xác định vùng nước và hiện trạng luồng trong phạm vi thi công công trình.

**2.  Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa theo mẫu.

- Phương án thi công công trình.

- Phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa khu vực thi công công trình, bao gồm:

+ Thuyết minh chung về phương án;

+ Bản vẽ mặt bằng tổng thể thể hiện phương án bố trí báo hiệu bảo đảm an toàn giao thông, vị trí các trạm điều tiết khống chế, bố trí phương tiện điều tiết khống chế;

+ Phương án bố trí nhân lực;

+ Quy chế hướng dẫn phương tiện qua khu vực thi công;

+ Thời gian thực hiện phương án.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Văn bản đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa**.**

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.**

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý đường thủy nội địa.

***Mẫu: Công văn***

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN TRÌNH**…… -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:      /..(1)..-(2) V/v………….(3) | *………., ngày  tháng  năm* |

Kính gửi: ……………(4)…………….

………………………..(5) ………………………………………………………

…………………………………………….………………………………………

…………………………………………….………………………………………

…………………………………………….………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: VT, ...(6). | **THỦ TRƯỞNG  (Ký tên, đóng dấu, họ và tên)** |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Ghi chú:**

*(1) Tên cơ quan, tổ chức ban hành công văn.*

*(2) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo công văn.*

*(3) Nêu trích yếu nội dung Tờ trình ngắn gọn, rõ ràng.*

*(4) Cơ quan được quy định tại Điều 12 của Thông tư.*

*(5) Nội dung văn bản .*

*(6) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).*

**99. Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp thi công công trình trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

**-** Trước khi thi công công trình tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương**.**

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn xem xét và yêu cầu bổ sung hồ sơ không quá 02 ngày làm việc;

- Chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thực hiện việc công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa.

**2.  Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa theo mẫu.

- Phương án thi công công trình.

- Phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa khu vực thi công công trình, bao gồm:

+ Thuyết minh chung về phương án;

+ Bản vẽ mặt bằng tổng thể thể hiện phương án bố trí báo hiệu bảo đảm an toàn giao thông, vị trí các trạm điều tiết khống chế, bố trí phương tiện điều tiết khống chế;

+ Phương án bố trí nhân lực;

+ Quy chế hướng dẫn phương tiện qua khu vực thi công;

+ Thời gian thực hiện phương án..

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC**: Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC**:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC**:

- Văn bản công bố hạn chế giao thông.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Văn bản đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa**.**

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.**

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý đường thủy nội địa.

*Mẫu: Công văn*

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN TRÌNH …… ------- | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  --------------- |
| Số:      /..(1)..-(2) V/v………….(3) | *………., ngày  tháng  năm* |

Kính gửi: ……………(4)…………….

………………………..(5) ………………………………………………………

…………………………………………….………………………………………

…………………………………………….………………………………………

…………………………………………….………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:* - Như trên; - Lưu: VT, ...(6). | THỦ TRƯỞNG  (Ký tên, đóng dấu, họ và tên) |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ghi chú:

*(1) Tên cơ quan, tổ chức ban hành công văn.*

*(2) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo công văn.*

*(3) Nêu trích yếu nội dung Tờ trình ngắn gọn, rõ ràng.*

*(4) Cơ quan được quy định tại Điều 12 của Thông tư.*

*(5) Nội dung văn bản.*

*(6) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).*

**100. Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

**-** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương**.**

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải xem xét, xác định biện pháp bảo đảm an toàn giao thông để có văn bản trả lời trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và thực hiện việc công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa. Văn bản trả lời phải nêu rõ yêu cầu về biện pháp bảo đảm an toàn giao thông..

**2.  Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị (nêu rõ địa điểm, thời gian, phạm vi, quy mô tổ chức hoạt động và các văn bản pháp lý kèm theo).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**:

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC**: Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC**:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC**:

- Văn bản công bố hạn chế giao thông.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không có.**

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.**

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý đường thủy nội địa.

**101. Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Thẩm quyền chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa như sau:

+ Sở Giao thông vận tải chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia ủy quyền quản lý, đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương và bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển thuộc phạm vi địa giới hành chính địa phương.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác: nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản yêu cầu chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, trình Bộ Giao thông vận tải kết quả thẩm định, kèm theo 01 bộ hồ sơ do chủ đầu tư nộp trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa gửi chủ đầu tư. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận xây dựng cảng thủy nội địa gửi cho chủ đầu tư. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Đối với cảng thủy nội địa nằm trong vùng nước cảng biển, trước khi chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa, Sở Giao thông vận tải phải lấy ý kiến bằng văn bản của Cảng vụ Hàng hải khu vực. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị của Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ Hàng hải khu vực có văn bản trả lời.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa theo mẫu;

- Bình đồ vị trí công trình cảng dự kiến xây dựng, mặt bằng cảng, vùng nước trước cảng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

**-** Đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, trình Bộ Giao thông vận tải kết quả thẩm định, kèm theo 01 bộ hồ sơ do chủ đầu tư nộp.

- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Cảng Vụ đường thủy địa phương.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

C**ỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

*……, ngày….. tháng….. năm……*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CHẤP THUẬN CHỦ TRƯƠNG XÂY DỰNG CẢNG THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi: (1)…………………………………………………………………….

Tên tổ chức, cá nhân .........................................................................................................

Địa chỉ trụ sở: ...................................................................................................................

Số điện thoại: …………………………………. Số fax ...............................................

Đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa (2) .....................................

Vị trí dự kiến xây dựng, từ km thứ …………………………… đến km thứ ..................

Trên bờ (phải hay trái) ……………. sông, (kênh) ..........................................................

Thuộc địa phận: xã (phường) …………………………, huyện (quận) ...........................

Tỉnh (thành phố): .............................................................................................................

Quy mô dự kiến xây dựng: ..............................................................................................

Mục đích sử dụng: ...........................................................................................................

Phạm vi vùng đất sử dụng: ...............................................................................................

Phạm vi vùng nước sử dụng .............................................................................................

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Tổ chức (cá nhân) làm đơn** Ký và đóng dấu |

***Ghi chú:***

1. Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;

2. Tên cảng do chủ đầu tư đặt.

**102. Công bố lại cảng thủy nội địa**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ cảng thủy nội địa nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

- Cảng thủy nội địa phải công bố lại trong các trường hợp sau:

+ Khi thay đổi chủ sở hữu;

+ Quyết định công bố hoạt động hết hiệu lực;

+ Thay đổi kết cấu công trình cảng, vùng đất, vùng nước hoặc thay đổi công dụng của cảng.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra và xử lý như sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ cảng hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản yêu cầu chủ cảng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

+ Trong phạm vi trách nhiệm của mình, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, trình Bộ Giao thông vận tải kết quả thẩm định, kèm theo 01 bộ hồ sơ đề nghị công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa do chủ cảng nộp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

+ Bộ Giao thông vận tải ra quyết định công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa theo mẫu và gửi cho chủ cảng trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình thẩm định hồ sơ đề nghị công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải ra quyết định công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa theo mẫu và gửi cho chủ cảng. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công bố lại cảng thủy nội địa theo mẫu;

- Đối với trường hợp do thay đổi chủ sở hữu nhưng không thay đổi các nội dung đã công bố, chủ cảng phải gửi kèm theo đơn đề nghị văn bản hợp pháp về chuyển nhượng cảng và hồ sơ liên quan đến việc bàn giao chủ sở hữu hoặc văn bản hợp pháp về phân chia hoặc sáp nhập (nếu có);

- Đối với trường hợp công bố lại do có sự thay đổi về kết cấu công trình cảng, vùng nước, vùng đất, công dụng của cảng, chủ cảng phải gửi kèm theo đơn đề nghị bản sao chứng thực giấy tờ chứng minh các nội dung thay đổi;

- Đối với trường hợp công bố lại do xây dựng mở rộng hoặc nâng cấp để nâng cao năng lực thông qua cảng, thực hiện theo quy định về công bố hoạt động cảng thủy nội địa đối với phần xây dựng mở rộng hoặc nâng cấp;

- Đối với cảng thủy nội địa được công bố hoạt động trước ngày 01 tháng 01 năm 2005 do thất lạc hồ sơ, chủ cảng phải gửi kèm theo đơn đề nghị bản vẽ mặt bằng công trình cảng, bình đồ vùng nước, vùng đất của cảng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Giao thông vận tải hoặc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

Quyết định công bố.

**8. Phí, lệ phí:** 100.000 đồng /GP.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị công bố lại cảng thủy nội địa theo mẫu.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

*……, ngày….. tháng….. năm……*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ LẠI CẢNG THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi: (1)…………………………………………………………………….

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ trụ sở:

Số điện thoại: ……………………………….Số FAX

Đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa (2)

Vị trí cảng: từ km thứ ………………………………. đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) ……………………. sông, (kênh)

Thuộc xã (phường) …………………………., huyện (quận)

Tỉnh (thành phố):

Cảng thuộc loại:

Phạm vi vùng đất sử dụng:

Tóm tắt quy mô về cơ sở hạ tầng (công trình cầu tàu, kho bãi.):

Phạm vi vùng nước sử dụng:

Vùng đón trả hoa tiêu (nếu có)

Phương án khai thác:

Loại phương tiện cảng có khả năng tiếp nhận:

Lý do đề nghị công bố lại:

Thời hạn xin hoạt động từ ngày ...../ ...../ ..... đến hết ngày . ...../ ...../

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định, của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|  | Tổ chức (cá nhân) làm đơn **Ký tên và đóng dấu** |

***Ghi chú:***

1. Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;

2. Tên cảng do chủ đầu tư đặt.

**103. Cấp Giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam – Campuchia cho phương tiện**

**1.** **Trình tự thực hiện**:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bình Dương tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp Giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam - Campuchia cho phương tiện thuộc quyền quản lý của địa phương đi một chuyến.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trong thời gian 01 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép phải hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp phép thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam - Campuchia . Trường hợp không cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2.** **Cách thức thực hiện**:

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3.** **Thành phần, số lượng hồ sơ**:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép vận tải thủy qua biên giới cho phương tiện theo mẫu;

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện;

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

- Bản sao Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của người kinh doanh vận tải hàng hóa dễ cháy, dễ nổ đối với người thứ ba; bản sao Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của người kinh doanh vận tải hành khách đối với hành khách.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4.** **Thời hạn giải quyết:**

**-** 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5.** **Đối tượng thực hiện TTHC**: Tổ chức, cá nhân.

**6.** **Cơ quan thực hiện TTHC**:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

- Sở Giao thông vận tải (đối với trường hợp đề nghị cấp phép cho phương tiện đi một chuyến).

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

- Sở Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7.** **Kết quả của việc thực hiện TTHC**:

- Giấy phép.

- Thời hạn của Giấy phép:

+ Thời hạn tối đa là 12 tháng, đối với Giấy phép cấp cho phương tiện đi lại nhiều lần;

+ Thời hạn tối đa là 60 ngày, đối với Giấy phép cấp cho phương tiện đi một chuyến và Giấy phép cấp cho phương tiện chở hàng nguy hiểm.

**8.** **Phí, lệ phí**: Không có.

**9.** **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính**:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép vận tải thủy qua biên giới.

**10.** **Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC**: Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC.**

- Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải thủy ký ngày 17/12/2009;

- Thông tư số 08/2012/TT- BGTVT ngày 23/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải thủy;

- Thông tư số 03/2013/TT-BGTVT ngày 29/3/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2012/TT–BGTVT ngày 23/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải thủy.

*Mẫu*

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2012/TT-BGTVT ngày 23 tháng 03 năm 2012)*

|  |  |
| --- | --- |
| Tên doanh nghiệp, HTX  đề nghị cấp giấy phép | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ----------------------** |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI THỦY QUA BIÊN GIỚI**

Kính gửi: …………………………….

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):.............. .....................................................................

2. Địa chỉ : ..................................................................................................................

3. Số điện thoại:.............................................số Fax: ................................................

4. Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số……………………......................

Ngày cấp ………........Cơ quan cấp phép…………..(đối với trường hợp phương tiện vận tải phục vụ mục đích kinh doanh)

5. Đề nghị Cục Đường thủy Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép vận tải thủy qua biên giới cho phương tiện vận tải sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Tên phương tiện | Chủng loại (mục đích) | Số đăng ký | Trọng tải | Kích thước (Chiều rộng và mớn tối đa) | Năm sản xuất | Loại máy và Số máy | Tốc độ tối đa | HP/kW | Cửa khẩu Xuất - nhập |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

6. Đề nghị cấp Giấy phép (đề nghị ghi rõ Nhóm 1, Nhóm 2 hay Nhóm đặc biệt):…

7. Mục đích chuyến đi:

a) Công vụ : b) Cá nhân :

c) Hoạt động kinh doanh: d) Mục đích khác :

8. Dự kiến hành trình chuyến đi:..............................................................................

9. Thời hạn đề nghị cấp phép: ..................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
|  | ........., Ngày tháng năm  Thủ trưởng đơn vị/cá nhân  *(Ký tên/ đóng dấu )* Ký tên (đóng dấu) |

**104. Chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa hết tuổi thọ thiết kế**

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa đến Sở Giao thông vận tải tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính ỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Thẩm quyền chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa:

Sở Giao thông vận tải chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia ủy quyền quản lý, đường thủy nội địa địa phương;

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác: nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản yêu cầu chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận xây dựng cảng thủy nội địa gửi cho chủ đầu tư. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện**:

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa theo mẫu;

- Bình đồ vị trí công trình cảng dự kiến xây dựng, mặt bằng cảng, vùng nước trước cảng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**:

- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC**: Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC**:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: không.

7**. Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính**: Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC**: Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC**:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

*……, ngày….. tháng….. năm……*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CHẤP THUẬN CHỦ TRƯƠNG XÂY DỰNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi: (1)………………………………………………………………………….

Tên tổ chức, cá nhân ..............................................................................................

Địa chỉ trụ sở: ....................................................................................................

Số điện thoại: …………………………………. Số FAX ....................................

Đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa (2) .............................

Vị trí dự kiến xây dựng, từ km thứ …………………………. đến km thứ ......

bờ (phải hay trái) ……………. sông, (kênh) …………………………… thuộc xã (phường) …………………………, huyện (quận)…………………………. tỉnh (thành phố): ............

Quy mô dự kiến xây dựng: .....................................................................................

Bến được sử dụng vào mục đích: ...........................................................................

Phạm vi vùng đất sử dụng: ....................................................................................

Phạm vi vùng nước sử dụng:

- Chiều dài: ……………..mét, dọc theo bờ;

- Chiều rộng……………..mét, từ mép cầu bến trở ra.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Tổ chức (cá nhân) làm đơn** Ký và đóng dấu |

***Ghi chú:***

1. Tên Sở Giao thông vận tải;

2. Tên bến thủy nội địa do chủ đầu tư đặt.

**105. Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề), chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cá nhân có nhu cầu cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (GCNKNCM), chứng chỉ chuyên môn (CCCM) nộp hồ sơ đến đến Sở Giao thông vận tải tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết và làm thủ tục cấp, cấp lại, chuyển đổi; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản gửi cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo mẫu;

- 02 ảnh màu cỡ 2x3 cm, ảnh chụp không quá 06 tháng;

- Giấy chứng nhận sức khoẻ do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu (trong trường hợp gửi trực tiếp) hoặc bản sao chứng thực của các loại bằng, Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ liên quan hoặc bản dịch công chứng sang tiếng Việt (đối với bằng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp) để chứng minh đủ điều kiện cấp, cấp lại, chuyển đổi tương ứng với loại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn theo quy định tại các Điều 17, 18, 19 và Điều 20 của Thông tư 56/2014/TT-BGTVT.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn.

**8. Phí, lệ phí:**

- Lệ phí cấp, đổi GCNKNCM: 50.000 đồng/lần;

- Lệ phí cấp, chứng chỉ chuyên môn: 20.000 đồng/lần.

**9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

a) Cấp GCNKNCM:

- Cấp chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản:

+ Hoàn thành một trong các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghề theo quy định tại Thông tư 56/2014/TT-BGTVT.

+ Người có bằng, chứng chỉ nghiệp vụ được cấp trước ngày 01/01/2015, có tên trong sổ cấp bằng, chứng chỉ nghiệp vụ của cơ quan cấp bằng, chứng chỉ nghiệp vụ, được cấp chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản tại các cơ sở dạy nghề

- Cấp GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba, máy trưởng hạng ba:

+ Có chứng chỉ sơ cấp nghề thuyền trưởng hạng ba, máy trưởng hạng ba hoặc có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp được đào tạo theo nghề điều khiển tàu thủy, nghề máy tàu thủy;

+ Hoàn thành thời gian tập sự theo chức danh thuyền trưởng hạng ba, máy trưởng hạng ba đủ 06 tháng trở lên.

b) Cấp lại giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn

- Người có GCNKNCM, CCCM bị hỏng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM, CCCM của cơ quan cấp GCNKNCM, CCCM, được cấp lại GCNKNCM, CCCM.

- Bằng thuyền trưởng, máy trưởng:

+ Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng quá thời hạn sử dụng 12 tháng, kể từ ngày 31/12/2019, có tên trong sổ cấp bằng của cơ quan cấp bằng, được dự thi lại lý thuyết để cấp lại GCNKNCM;

+ Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng quá thời hạn sử dụng trên 12 tháng đến dưới 24 tháng, kể từ ngày 31/12/2019, có tên trong sổ cấp bằng của cơ quan cấp bằng, được dự thi lại cả lý thuyết và thực hành để cấp lại GCNKNCM;

+ Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng quá thời hạn sử dụng từ 24 tháng trở lên, kể từ ngày 31/12/2019, có tên trong sổ cấp bằng của cơ quan cấp bằng, được dự học, thi lấy GCNKNCM tương ứng với từng loại, hạng bằng đã được cấp.

- Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn:

+ Người có GCNKNCM trong thời hạn 03 tháng trước khi GCNKNCM hết hạn hoặc quá thời hạn sử dụng 03 tháng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, được cấp lại GCNKNCM;

+ Người có GCNKNCM quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng đến dưới 06 tháng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, được dự thi lại lý thuyết để cấp lại GCNKNCM;

+ Người có GCNKNCM quá thời hạn sử dụng từ 06 tháng đến dưới 12 tháng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, được dự thi lại cả lý thuyết và thực hành để cấp lại GCNKNCM;

+ Người có GCNKNCM quá thời hạn sử dụng từ 12 tháng trở lên, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, được dự học, thi lấy GCNKNCM tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM đã được cấp.

- Người có GCNKNCM còn hạn sử dụng bị mất, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, không bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, được cấp lại GCNKNCM.

- Người có GCNKNCM quá hạn sử dụng bị mất, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, không bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý thì được dự học, thi lấy GCNKNCM tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM đã được cấp.

- GCNKNCM, CCCM bị mất khi cấp lại vẫn giữ nguyên số cũ, đồng thời cơ quan cấp phải gửi thông báo hủy GCNKNCM, CCCM cũ tới các cơ quan liên quan.

- Người có GCNKNCM thuyền trưởng từ hạng tư trở lên có nhu cầu, được cấp chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất.

c)  Bằng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn đã cấp

- Người có bằng thuyền trưởng, bằng máy trưởng được cấp trước ngày 01/01/2015 thì tiếp tục được sử dụng đến hết ngày 31/12/2019, có tên trong sổ cấp bằng của cơ quan cấp bằng, được cấp lại GCNKNCM, CCCM.

- Bằng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn đã cấp được cấp lại như sau:

+ Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất được cấp lại GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất;

+ Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì được cấp lại GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì;

+ Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba được cấp lại GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba;

+ Người có bằng thuyền trưởng hạng ba hạn chế được cấp lại GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư;

+ Người có chứng chỉ thủy thủ được cấp lại chứng chỉ thủy thủ hạng nhất;

+ Người có chứng chỉ thủy thủ chương trình hạn chế được cấp lại chứng chỉ thủy thủ hạng nhì;

+ Người có chứng chỉ thợ máy được cấp lại chứng chỉ thợ máy hạng nhất;

+ Người có chứng chỉ thợ máy chương trình hạn chế được cấp lại chứng chỉ thợ máy hạng nhì;

+ Người có chứng chỉ lái phương tiện được cấp lại chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất;

+ Người có chứng chỉ lái phương tiện chương trình hạn chế được cấp lại chứng chỉ lái phương tiện hạng nhì.

d) Chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn

- Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hoặc chứng chỉ về thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp; người nước ngoài hoặc người Việt Nam cư trú ở nước ngoài có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hoặc chứng chỉ về thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, nếu có nhu cầu làm việc trên các phương tiện thủy nội địa thì phải làm thủ tục chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thủy nội địa tương ứng theo quy định tại Thông tư 56/2014/TT-BGTVT.

- Đối với chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn tàu cá:

+ Người có chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng tư từ 400 cv trở lên, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng tư đủ 18 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghề tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì, dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng năm từ 90 cv đến dưới 400 cv, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng năm đủ 18 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghề tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba, dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá hạng nhỏ từ 20 cv đến dưới 90 cv, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng tàu cá hạng nhỏ đủ 18 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghề tương ứng với thuyền trưởng hạng tư, dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng hạng tư và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ máy trưởng tàu cá hạng nhỏ từ 20 cv đến dưới 90 cv, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh máy trưởng tàu cá hạng nhỏ đủ 18 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM máy trưởng hạng ba phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghề tương ứng với máy trưởng hạng ba và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thủy thủ, thợ máy tàu cá được chuyển đổi tương ứng sang chứng chỉ thủy thủ, thợ máy hạng nhất phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình đào tạo nghề tương ứng với thủy thủ, thợ máy hạng nhất, dự kiểm tra các môn kiểm tra tương ứng với thủy thủ, thợ máy hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá từ hạng nhỏ trở lên, đủ sức khỏe theo quy định, được chuyển đổi sang chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất không hoạt động kinh doanh vận tải nhưng phải hoàn thành chương trình đào tạo nghề tương ứng với lái phương tiện hạng nhất, dự kiểm tra các môn kiểm tra tương ứng với lái phương tiện hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định.

- Đối với GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM tàu biển:

+ Người có bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề hoặc cao đẳng trở lên được đào tạo nghề điều khiển tàu biển hoặc nghề máy tàu biển, có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển từ 500 GT trở lên hoặc có GCNKNCM máy trưởng tàu biển từ 750 kW trở lên, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi các môn thi lý thuyết tổng hợp tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề hoặc trung cấp được đào tạo nghề điều khiển tàu biển hoặc nghề máy tàu biển, có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển từ 50 GT đến dưới 500 GT hoặc có GCNKNCM máy trưởng tàu biển từ 75 kW đến dưới 750 kW, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi các môn thi lý thuyết tổng hợp tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển dưới 50 GT hoặc có GCNKNCM máy trưởng tàu biển dưới 75 kW, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi các môn thi lý thuyết tổng hợp tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển dưới 50 GT, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi môn thi lý thuyết tổng hợp tương ứng với thuyền trưởng hạng tư và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thủy thủ, thợ máy tàu biển được chuyển đổi tương ứng sang chứng chỉ thủy thủ, thợ máy hạng nhất phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự kiểm tra các môn kiểm tra lý thuyết tổng hợp tương ứng với chứng chỉ thủy thủ, thợ máy hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển từ 50 GT trở lên, đủ sức khỏe theo quy định, được chuyển đổi sang chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất phương tiện thủy nội địa không hoạt động kinh doanh vận tải nhưng phải dự kiểm tra môn kiểm tra lý thuyết tổng hợp tương ứng với loại chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển đã chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhất, nhì, ba phương tiện thủy nội địa theo quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản này, được cấp chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển, chứng chỉ điều khiển phương tiện đi ven biển;

+ Người có GCNKNCM máy trưởng tàu biển đã chuyển đổi sang GCNKNCM máy trưởng hạng nhất, nhì, ba phương tiện thủy nội địa theo quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản này, được cấp chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy đường thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy đường thủy nội địa;

- Thông tư số 02/2017/TT-BGTVT ngày 20/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy đường thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy đường thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**DỰ HỌC, THI, KIỂM TRA, CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM**

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền cấp)………........…...…

Ảnh màu

cỡ 2x3 cm,

ảnh chụp không quá

06 tháng(**\*)**

Tên tôi là:………………..………; Quốc tịch…….……..……; Nam (Nữ)

Sinh gày…….tháng…….năm…………………………….....…………….

Nơi cư trú:…………………………………………………………....……

Điện thoại:..............................................; Email:.........................................

Số CMND (hoặc Hộ chiếu):…………………...do……………….....…….

cấp ngày…….tháng……..năm………………………………………………........

Tôi đã tốt nghiệp ngành học:…………...…, khóa:…., Trường:……......…,

đã được cấp bằng, GCNKNCM, CCCM số:………..ngày…...tháng.....năm……..

theo Quyết định số:…………., ngày….….tháng.…....năm….....của……………..

Quá trình làm việc trên phương tiện thủy nội địa:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TỪ.............ĐẾN.............. | CHỨC DANH | NƠI LÀM VIỆC | SỐ PTTNĐ | GHI CHÚ |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

Đối chiếu với tiêu chuẩn, điều kiện dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM, tôi thấy đủ điều kiện:

|  |  |
| --- | --- |
| + Dự học để thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Dự thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Cấp GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Cấp lại GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Chuyển đổi GCNKNCM, CCCM: |  |

Đề nghị (cơ quan có thẩm quyền cấp)…......................…cho tôi được dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi:……........................………………….

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | ………, ngày……..tháng…..năm….  **Người đề nghị**  *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

***(\*)*** *02 ảnh màu cỡ 2x3 cm,ảnh chụp không quá 06 tháng.*

**106. Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp đảm bảo an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trước khi thi công công trình tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị công bố hạn chế giao thông đến Sở Giao thông vận tải tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn xem xét và yêu cầu bổ sung hồ sơ không quá 02 ngày làm việc;

- Chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thực hiện việc công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

+ Thuyết minh chung về phương án;

+ Bản vẽ mặt bằng tổng thể thể hiện phương án bố trí báo hiệu bảo đảm an toàn giao thông, vị trí các trạm điều tiết khống chế, bố trí phương tiện điều tiết khống chế;

+ Phương án bố trí nhân lực;

+ Quy chế hướng dẫn phương tiện qua khu vực hoặc phương án phân luồng phương tiện theo tuyến khác đối với trường hợp vấm luồng;

+ Thời gian thực hiện phương án hạn chế giao thông.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC**: Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC**:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC**:

- Văn bản công bố hạn chế giao thông.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Văn bản đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**: Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý đường thủy nội địa.

Mẫu: Đơn

TÊN CƠ QUAN TRÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số……/(1) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v…(2)..  *Bình Dương, ngày tháng năm 20*

Kính gửi: ………………(3)……………………...

Căn cứ Thông tư số……/2016/TT-BGTVT ngày…..tháng…..năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về khảo sát luồng phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa.

Căn cứ hồ sơ khảo sát luồng…….do……..lập tháng……năm…..

………………………………………………………..(4)………………………

…………………………………………………………………………………….

Đề nghị………..(3)……..xem xét, công bố thông báo luồng …………./.

Nơi nhận: THỦ TRƯỞNG (5)

- Như trên; (Ký, đóng dấu, họ và tên)

- Lưu:VT,….(6)..

Ghi chú:

(1) Chữ viết tắt của đơn vị soạn thảo công văn;

(2) Nêu trích yếu nội dung đề nghị;

(3) Nêu tên cơ quan quy định tại Điều 12 Thông tư này;

(4) Nội dung văn bản đề nghị công bố thông báo luồng;

(5) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức;

(6) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần)

**107 . Thông báo lần đầu, định kỳ** **luồng đường thuỷ nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương**

**1. Trình tự thực hiện**:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân có đường thủy nội địa chuyên dùng gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị công bố thông báo lần đầu, định kỳ luồng đường thuỷ nội địa chuyên dùng đến Sở Giao thông vận tải tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định, chậm nhất 02 ngày làm việc phải có văn bản trả lời hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ;

+ Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải thực hiện việc công bố thông báo luồng đường thủy nội địa.

**2. Cách thức thực hiện**:

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ**:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công bố thông báo luồng đường thủy nội địa theo mẫu;

- Biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát;

- Quyết định mở tuyến đường thủy nội địa của cơ quan có thẩm quyền (đối với công bố luồng lần đầu);

- Bình đố khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**:

+ Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải công bố thông báo luồng đường thủy nội địa. Trường hợp không chấp thuận, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC**: Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC**:

- Quyết định.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn đề nghị công bố thông báo luồng đường thủy nội địa.

**10. Yêu cầu, điều kiện TTHC**: Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 19/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về khảo sát luồng phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa.

Mẫu: Đơn

TÊN CƠ QUAN TRÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số……/(1) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v…(2)..  *Bình Dương, ngày tháng năm 20*

Kính gửi: ………………(3)……………………...

Căn cứ Thông tư số……/2016/TT-BGTVT ngày…..tháng…..năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về khảo sát luồng phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa.

Căn cứ hồ sơ khảo sát luồng…….do……..lập tháng……năm…..

………………………………………………………..(4)………………………

…………………………………………………………………………………….

Đề nghị………..(3)……..xem xét, công bố thông báo luồng …………./.

Nơi nhận: THỦ TRƯỞNG (5)

- Như trên; (Ký, đóng dấu, họ và tên)

- Lưu:VT,….(6)..

Ghi chú:

(1) Chữ viết tắt của đơn vị soạn thảo công văn;

(2) Nêu trích yếu nội dung đề nghị;

(3) Nêu tên cơ quan quy định tại Điều 12 Thông tư này;

(4) Nội dung văn bản đề nghị công bố thông báo luồng;

(5) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức;

(6) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần)

**108. Thông báo thường xuyên, đột xuất luồng đường thuỷ nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân có đường thủy nội địa chuyên dùng gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị công bố thông báo thường xuyên, đột xuất luồng đường thuỷ nội địa chuyên dùng đến Sở Giao thông vận tải tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú,TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định, chậm nhất 02 ngày làm việc phải có văn bản trả lời hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ;

+ Chậm nhất là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải thực hiện việc công bố thông báo luồng đường thủy nội địa.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công bố thông báo luồng đường thủy nội địa theo mẫu;

- Kết quả khảo sát luồng;

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

+ Chậm nhất là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải công bố thông báo luồng đường thủy nội địa. Trường hợp không chấp thuận, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC**: Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC**:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Quyết định.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn đề nghị công bố thông báo luồng đường thủy nội địa.

**10. Yêu cầu, điều kiện TTHC**: Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 19/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về khảo sát luồng phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa.

Mẫu: Đơn

TÊN CƠ QUAN TRÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số……/(1) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v…(2).. *Bình Dương, ngày tháng năm 20*

Kính gửi: ………………(3)……………………...

Căn cứ Thông tư số……/2016/TT-BGTVT ngày…..tháng…..năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về khảo sát luồng phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa.

Căn cứ hồ sơ khảo sát luồng…….do……..lập tháng……năm…..

………………………………………………………..(4)………………………

…………………………………………………………………………………….

Đề nghị………..(3)……..xem xét, công bố thông báo luồng …………./.

Nơi nhận: THỦ TRƯỞNG (5)

- Như trên; (Ký, đóng dấu, họ và tên)

- Lưu:VT,….(6)..

Ghi chú:

(1) Chữ viết tắt của đơn vị soạn thảo công văn;

(2) Nêu trích yếu nội dung đề nghị;

(3) Nêu tên cơ quan quy định tại Điều 12 Thông tư này;

(4) Nội dung văn bản đề nghị công bố thông báo luồng;

(5) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức;

(6) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần)

**109. Chấp thuận nhà đầu tư thực hiện các dự án thực hiện đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày danh mục dự án được công bố nhà đầu tư gửi hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đến Sở Giao thông vận tải tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong Tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ đăng ký thực hiện dự án. Trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải phải có văn bản trả lời nhà đầu tư.

- Nhà đầu tư hoặc thành viên đứng đầu liên danh (đối với trường hợp Nhà đầu tư liên danh) thực hiện dự án phải là chủ sở hữu các thiết bị thi công chủ yếu để thi công công trình mới được xem xét thẩm định lựa chọn thực hiện dự án.

- Nội dung thẩm định lựa chọn nhà đầu tư

+ Việc thẩm định được thực hiện theo phương pháp chấm điểm (thang điểm 100). Nhà đầu tư được lựa chọn phải đạt số điểm tối thiểu 70 điểm trong tổng số điểm quy định, đồng thời số điểm của từng nội dung phải đạt tối thiểu lớn hơn hoặc bằng 50% điểm tối đa trong các tiêu chí theo mẫu;

+ Trường hợp các nhà đầu tư có số điểm chấm bằng nhau, thì ưu tiên lựa chọn Nhà đầu tư có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền tại địa phương có dự án đi qua cấp.

- Chậm nhất 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ đề xuất thực hiện dự án theo mẫu gửi Bộ Giao thông vận tải hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án.

- Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản chấp thuận gửi Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải và nhà đầu tư. Trường hợp không chấp thuận, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đăng ký thực hiện dự án theo mẫu;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp đồng liên danh (đối với nhà đầu tư liên danh);

- Báo cáo tài chính 02 năm liền kề gần nhất được cơ quan có thẩm quyền xác nhận (cơ quan kiểm toán hoặc cơ quan thuế); báo cáo về năng lực thực hiện dự án tương tự của nhà đầu tư (nếu có); báo cáo về năng lực nhân sự của nhà đầu tư, năng lực kỹ thuật (máy móc, phương tiện, thiết bị); văn bản cam kết vốn thực hiện dự án;

- Trường hợp nhà đầu tư tham gia với tư cách nhà đầu tư liên danh: đại diện liên danh lập hồ sơ năng lực từng thành viên trong liên danh theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 69/2015/TT-BGTVT.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:**

Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Văn bản đăng ký thực hiện dự án;

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**  Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 69/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm.

Mẫu: Văn bản đăng ký thực hiện dự án

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN NHÀ ĐẦU TƯ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số:     /….. V/v: Đăng ký thực hiện dự án.... | *…….., ngày … tháng … năm …* |

**Kính gửi:** [Cục ĐTNĐVN, Sở GTVT]

…………………………......................................(1)………………………………

…………………………......................................(2)…………………………

|  |  |
| --- | --- |
| ………………………………………………………………………………… ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: | **NHÀ ĐẦU TƯ** (Chữ ký, dấu) **Họ và tên** |

**Ghi chú:**

(1) Nội dung văn bản khái quát thông tin của nhà đầu tư (tên nhà đầu tư, chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ, số điện thoại...);

(2) Khái quát dự án: sự cần thiết, tên dự án, vị trí, địa điểm, phạm vi, hình thức thực hiện, thời gian dự kiến thực hiện và các nội dung khác liên quan.

*Mẫu: Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ đề xuất*

|  |  |
| --- | --- |
| **Cục ĐTNĐVN, Sở GTVT -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ---------------** |
| Số:     /….. | *……, ngày … tháng … năm …* |

**BÁO CÁO**

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ ĐỀ XUẤT**

**Dự án nạo vét luồng đường thủy quốc gia, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm, sông.... từ km.... đến ....**

Kính gửi: \_\_\_\_ [Bộ Giao thông vận tải, UBND cấp tỉnh]

Căn cứ Thông tư số …../2015/TT-BGTVT ngày   tháng   năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm.

Xét văn bản số \_\_\_ [Ghi số hiệu văn bản trình] ngày \_\_\_ [Ghi thời gian văn bản trình] của \_\_\_ [Ghi nhà đầu tư] về việc …… [Ghi trích yếu văn bản], .... [Cục ĐTNĐVN, Sở GTVT] kính trình [Bộ Giao thông vận tải, UBND cấp tỉnh] báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ đề xuất thực hiện dự án xã hội hóa nạo vét luồng đường thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước như sau:

**I. Thông tin chung về nhà đầu tư.**

1. Tên nhà đầu tư:...................................................................................................

2. Người đại diện theo pháp luật:...........................................................................

3. Địa chỉ:................................................................................................................

4. Giấy chứng nhận ĐKDN:...................................................................................

5. Vốn điều lệ:........................................................................................................

6. Ngành nghề kinh doanh:.....................................................................................

**II. Đánh giá sự cần thiết thực hiện dự án** (trong đó nêu rõ sự cần thiết nạo vét; sự phù hợp của dự án với quy hoạch phát triển đường thủy...).

**III. Bảng kết quả thẩm định hồ sơ năng lực của nhà đầu tư**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | | **Kết quả** | | **Ghi chú** | |
| **Có** | **Không** |  | |
| **I** | **Tiêu chí tiên quyết** | |  |  |  | |
| 1 | Văn bản đăng ký theo mẫu | |  |  |  | |
| 2 | Hồ sơ pháp lý của nhà đầu tư | |  |  |  | |
| 3 | Năng lực tài chính | |  |  |  | |
| 4 | Năng lực kỹ thuật | |  |  | Theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này | |
| 5 | Năng lực nhân sự | |  |  |  | |
| 6 | Kinh nghiệm của nhà đầu tư | |  |  |  | |
| **II** | **Tiêu chí lựa chọn** | | **Điểm đánh giá** | **Điểm tối đa** |  | |
| 1 | Dự án đăng ký | |  | 15 | Điểm đánh giá được xác định một trong hai tiêu chí | |
| a | Trong danh mục dự án đã được Bộ GTVT/UBND tỉnh phê duyệt | |  | 15 |  | |
| b | Ngoài danh mục dự án nhưng được Bộ GTVT/UBND cấp tỉnh chấp thuận công bố bổ sung | |  | 10 |  | |
| 2 | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư | |  | 10 |  | |
| 3 | Báo cáo tài chính 02 năm liền kề gần nhất được cơ quan kiểm toán hoặc cơ quan thuế xác nhận. | |  | 15 |  | |
| 4 | Năng lực kỹ thuật | |  | 20 | Điểm đánh giá được xác định một trong ba tiêu chí | |
| a | Máy móc thiết bị nạo vét, vận chuyển của nhà đầu tư (tàu cuốc hoặc đào gầu dây, tàu hút, sàlan) | |  | 20 |  | |
| b | Máy móc thiết bị nạo vét, vận chuyển của nhà đầu tư kết hợp đi thuê và liên doanh | |  | 18 |  | |
| c | Máy móc thiết bị hợp đồng hợp tác của đối tác liên doanh | |  | 15 |  | |
| 5 | Năng lực nhân sự | |  | 20 | Điểm đánh giá tổng hợp của ba tiêu chí. | |
| a | Cán bộ quản lý | |  | 7 |  | |
| b | Cán bộ kỹ thuật | |  | 7 |  | |
| c | Công nhân viên | |  | 6 |  | |
| 6 | Kinh nghiệm của nhà đầu tư | |  | 20 | Điểm đánh giá tổng hợp của hai tiêu chí | |
| a | Số năm kinh nghiệm | |  | 5 |  | |
| b | Quyết định giao thực hiện nạo vét duy tu hoặc Hợp đồng nạo vét duy tu đường thủy; Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm nạo vét; Hợp đồng hợp tác khác có liên quan đến nạo vét | |  | 15 |  | |
|  | | **Lãnh đạo [Cục ĐTNĐVN, Sở GTVT]** (Chữ ký, dấu) **Họ và tên** | | | |

**110. Chấp thuận đơn vị tư vấn giám sát dự án thực hiện đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Nhà đầu tư gửi hồ sơ năng lực của đơn vị tư vấn giám sát đủ điều kiện đến Sở Giao thông vận tải tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong Tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh Phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ năng lực của đơn vị tư vấn giám sát do nhà đầu tư gửi, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận đơn vị tư vấn giám sát. Trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do và có văn bản trả lời Nhà đầu tư.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh;

- Nộp qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đăng ký thực hiện chức năng giám sát dự án;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chứng chỉ hành nghề;

- Báo cáo tài chính; các thiết bị, máy móc phục vụ giám sát (nếu có); năng lực nhân sự; hợp đồng tham gia giám sát dự án, công trình tương tự.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Chậm nhất là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ năng lực của đơn vị tư vấn giám sát do nhà đầu tư gửi.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC**: Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Văn bản đăng ký thực hiện chức năng giám sát dự án.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 69/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm.

Mẫu: Văn bản đăng ký thực hiện dự án

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN NHÀ ĐẦU TƯ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số:     /….. V/v: Đăng ký thực hiện dự án.... | *…….., ngày … tháng … năm …* |

**Kính gửi:** [Cục ĐTNĐVN, Sở GTVT]

…………………………......................................(1)………………………………

…………………………......................................(2)…………………………

|  |  |
| --- | --- |
| ………………………………………………………………………………… ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: | **NHÀ ĐẦU TƯ** (Chữ ký, dấu) **Họ và tên** |

**Ghi chú:**

(1) Nội dung văn bản khái quát thông tin của nhà đầu tư (tên nhà đầu tư, chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ, số điện thoại...);

(2) Khái quát dự án: sự cần thiết, tên dự án, vị trí, địa điểm, phạm vi, hình thức thực hiện, thời gian dự kiến thực hiện và các nội dung khác liên quan.

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**

**I. LĨNH VỰC QUẢN LÝ GIAO THÔNG (10 TTHC)**

**111. Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút đấu nối tạm thời có thời hạn vào đường huyện, đường đô thị (do UBND cấp huyện quản lý).**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đấu nối tạm thời gửi hồ sơ đề nghị Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút đấu nối tạm thời có thời hạn vào đường tỉnh tại bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ UBND cấp huyện.

b) Giải quyết TTHC:

- UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Đối với trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

- UBND cấp huyện tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại UBND cấp huyện hoặc hệ thống bưu chính.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị chấp thuận đấu nối tạm thời nêu rõ lý do, vị trí, lý trình điểm đấu nối, thời gian sử dụng điểm đấu nối tạm thời;

- Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) giao tổ chức, cá nhân làm chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao;

- Bản vẽ bình đồ đoạn tuyến có điểm đấu nối tạm thời và phương án tổ chức giao thông của nút giao.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý đô thị thuộc UBND cấp huyện;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý đường.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật nút giao đường nhánh đấu nối vào quốc lộ.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Nút giao nằm trong Quy hoạch điểm đấu nối vào quốc lộ (được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt) hoặc được Bộ GTVT chấp thuận đối với trường hợp quốc lộ chưa có Quy hoạch điểm đấu nối được phê duyệt;

- Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao được UBND cấp tỉnh giao nhiệm vụ bằng văn bản (nếu quy hoạch hoặc văn bản chấp thuận đơn lẻ của Bộ GTVT chưa xác định rõ chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao);

- Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật và Phương án tổ chức giao thông của nút giao do Tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Quyết định số 60/2013/QĐ-TTg ngày 21/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Đường bộ Việt Nam thuộc Bộ Giao thông vận tải;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2)  **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …../….. | *…., ngày …. tháng …. năm 201….* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THI CÔNG NÚT GIAO ĐẤU NỐI VÀO QUỐC LỘ**

Gia hạn xây dựng (...3...)

- Căn cứ Nghị định số [11/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=11/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số [100/2013/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=100/2013/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số .../TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số [11/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=11/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (……..5…….)

(.. .2...) đề nghị được gia hạn xây dựng công trình, nêu rõ lý do gia hạn.

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao chụp Văn bản chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đấu nối vào quốc lộ.

- (…….6…….)

(.. .2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được gia hạn xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận gia hạn.

Địa chỉ liên hệ: ………….

Số điện thoại: ……………

|  |  |
| --- | --- |
|  | (…2….) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

***Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Gia hạn xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL5, địa phận tỉnh Hưng Yên”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đấu nối vào quốc lộ tại Điều 26 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./.

**112. Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị (do UBND cấp huyện quản lý) đang khai thác.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị (do UBND cấp huyện quản lý) đang khai thác tại bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ UBND cấp huyện.

b) Giải quyết TTHC:

- UBND cấp huyện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp: sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Đối với trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

- UBND cấp huyện tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, có văn bản gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác. Trường hợp không gia hạn chấp thuận có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại UBND cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của chủ công trình theo mẫu.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư dự án công trình thiết yếu.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý đô thị thuộc UBND cấp huyện;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý đường.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:**

- Văn bản gia hạn chấp thuận.

- Chỉ được thực hiện gia hạn 01 lần với thời gian không quá 12 tháng.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …../….. | *…., ngày …. tháng …. năm 201….* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Gia hạn xây dựng (...3...)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CPngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

- (……..5…….)

(.. .2...) đề nghị được gia hạn xây dựng công trình, nêu rõ lý do gia hạn.

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao chụp Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu;

- (…….6…….)

(.. .2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được gia hạn xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận gia hạn.

Địa chỉ liên hệ: ………….

Số điện thoại: ……………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu VT. | (…2….) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**113. Gia hạn Chấp thuận** **thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đấu nối vào đường huyện, đường đô thị (do UBND cấp huyện quản lý).**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ UBND cấp huyện.

b) Giải quyết TTHC:

- Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định, UBND cấp huyện hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Đối với trường hợp nộp qua hệ thống chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

- UBND cấp huyện tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại UBND cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm: Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đấu nối vào đường huyện, đường đô thị.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý đô thị thuộc UBND cấp huyện;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý đường.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Văn bản gia hạn chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đấu nối vào đường huyện, đường đô thị.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2)  **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …../….. | *…., ngày …. tháng …. năm 201….* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THI CÔNG NÚT GIAO ĐẤU NỐI VÀO QUỐC LỘ**

Gia hạn xây dựng (...3...)

- Căn cứ Nghị định số [11/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=11/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số [100/2013/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=100/2013/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số .../TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số [11/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=11/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (……..5…….)

(.. .2...) đề nghị được gia hạn xây dựng công trình, nêu rõ lý do gia hạn.

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao chụp Văn bản chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đấu nối vào quốc lộ.

- (…….6…….)

(.. .2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được gia hạn xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận gia hạn.

Địa chỉ liên hệ: ………….

Số điện thoại: ……………

|  |  |
| --- | --- |
|  | (…2….) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

***Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Gia hạn xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL5, địa phận tỉnh Hưng Yên”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đấu nối vào quốc lộ tại Điều 26 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./.

**114. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị (thuộc UBND cấp huyện quản lý)**.

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tại bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ UBND cấp huyện.

b) Giải quyết TTHC:

- UBND cấp huyện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp: sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Đối với trường hợp nộp gián tiếp (qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác), cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

- UBND cấp huyện tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận , phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo mẫu;

- 01 (một) bộ hồ sơ, bản vẽ thiết kế của dự án đầu tư hoặc hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công công trình có đầy đủ các thông tin sau: vị trí, lý trình đường bộ xây dựng công trình thiết yếu; kích thước công trình thiết yếu trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ; khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình thiết yếu đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ.

Đối với công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ phải có thông tin về khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu đến mặt đất, từ công trình thiết yếu đến mép ngoài dải phân cách giữa.

Công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư dự án công trình thiết yếu.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp huyện;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý đường.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Áp dụng cho các trường hợp (là công trình thiết yếu), bao gồm:

+ Công trình phục vụ yêu cầu đảm bảo an ninh, quốc phòng;

+ Công trình có yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật không thể bố trí ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, bao gồm các công trình viễn thông, điện lực, công trình chiếu sáng đường bộ, cấp nước, thoát nước, xăng, dầu, khí, năng lượng, hóa chất.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2)  **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …../….. | *…., ngày …. tháng …. năm 201….* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Chấp thuận xây dựng (...3...)

Kính gửi ……………………….. (4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CPngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ,

- (…5…..)

( …2....) đề nghị được chấp thuận xây dựng công trình (...6...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (…..7…..)

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

Hồ sơ thiết kế của (...6...);

Bản sao (...8...) Báo cáo kết quả thẩm tra Hồ sơ thiết kế của (...6...) do (...9...) thực hiện.

- (...10...)

(.. .2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ: …..

Số điện thoại: …….

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ………….; - ………….; - Lưu VT. | (…2….) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**115. Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường huyện, đường đô thị (do UBND cấp huyện quản lý)**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ đề nghị Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác tại bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ UBND cấp huyện.

b) Giải quyết TTHC:

- UBND cấp huyện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp: sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Đối với trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

- UBND cấp huyện tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp phép. Trường hợp không cấp phép, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình theo mẫu; Trường hợp chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13, đơn đề nghị theo mẫu tại Phụ lục số 1a ban hành kèm theo Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

- Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 13 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

- 02 (hai) bộ hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công và biện pháp tổ chức thi công đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (bản chính). Nội dung bản vẽ thiết kế thi công thể hiện quy mô công trình, hạng mục công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và các nội dung quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT; biện pháp tổ chức thi công thể hiện phương án thi công phương án bảo đảm an toàn trong thi công xây dựng, an toàn giao thông và tổ chức giao thông.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư dự án công trình thiết yếu.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý đô thị thuộc UBND cấp huyện;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý đường.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình .

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.**

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2)  **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …../….. | *…., ngày …. tháng …. năm 201….* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

**Cấp phép thi công** (...3...)

Kính gửi: …………………………. (...4...)

- Căn cứ Nghị định số [11/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=11/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số [100/2013/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=100/2013/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số 50/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

- Căn cứ (...5..);

(....2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...)Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .. .tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính).

+ (...9...).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: ……….

Số điện thoại: ………..

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ………….; - Lưu VT. | (…2….) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

***Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL39, địa phận tỉnh Hưng Yên”.

(4) Tên cơ quan cấp phép thi công;

(5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

(6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.

(7) Ghi đầy rõ lý trình, tên quốc lộ, thuộc địa phận tỉnh nào.

(8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(9) Các tài liệu khác nếu (..2..) thấy cần thiết.

(10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

**Ghi chú:**

*Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp./.*

**116. Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của đường huyện, đường đô thị (do UBND cấp huyện quản lý).**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ UBND cấp huyện.

b) Giải quyết TTHC:

- UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Đối với trường hợp nộp gián tiếp (qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác), cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

- UBND cấp huyện tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp phép. Trường hợp không cấp phép, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình biển quảng cáo tạm thời theo mẫu;

- Văn bản chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 điều 16.

- 02 bộ Hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công và biên pháp tổ chức thi công đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (bản chính). Nội dung bản vẽ thiết kế thi công thể hiện quy mô công trình, hạng mục công trình xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ và một số nội dung quy định tại điểm b khoản 4 điều 13; biện pháp tổ chức thi công thể hiện phương án thi công, phương án đảm bảo an toàn trong thi công xây dựng, an toàn giao thông và tổ chức thi công.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư dự án công trình biển quảng cáo.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý đô thị thuộc UBND cấp huyện;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý đường.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép thi công.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …../….. | *…., ngày …. tháng …. năm 201….* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

**Cấp phép thi công** (...3...)

Kính gửi: …………………………. (...4...)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số 50/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ (...5..);

(....2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...)Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .. .tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính).

+ (...9...).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: ……….

Số điện thoại: ………..

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu VT. | **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**117. Chấp thuận** **thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đấu nối vào đường huyện, đường đô thị (do UBND cấp huyện quản lý).**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ UBND cấp huyện.

b) Giải quyết TTHC:

- UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Đối với trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

- UBND cấp huyện tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại UBND cấp huyện hoặc hệ thống bưu chính.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao theo mẫu;

- Quy hoạch các điểm đấu nối vào quốc lộ đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu); hoặc văn bản thỏa thuận của Bộ Giao thông vận tải cho phép đấu nối đường nhánh vào quốc lộ đối với các trường hợp quốc lộ chưa có quy hoạch các điểm đấu nối vào quốc lộ được phê duyệt (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

- Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) giao tổ chức, cá nhân làm chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao;

- Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý đô thị thuộc UBND cấp huyện;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý đường.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật nút giao đường nhánh đấu nối vào quốc lộ, đường tỉnh.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Nút giao nằm trong Quy hoạch điểm đấu nối vào quốc lộ (được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt) hoặc được Bộ GTVT chấp thuận đối với trường hợp quốc lộ chưa có Quy hoạch điểm đấu nối được phê duyệt;

- Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao được UBND cấp tỉnh giao nhiệm vụ bằng văn bản (nếu quy hoạch hoặc văn bản chấp thuận đơn lẻ của Bộ GTVT chưa xác định rõ chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao);

- Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật và Phương án tổ chức giao thông của nút giao do Tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Quyết định số 60/2013/QĐ-TTg ngày 21/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Đường bộ Việt Nam thuộc Bộ Giao thông vận tải;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

***Mẫu:***

# (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:............/.............  ..............., *ngày*........ *tháng*........*năm 201*......

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT NÚT GIAO**

**ĐƯỜNG NHÁNH ĐẤU NỐI VÀO QUỐC LỘ**

Chấp thuận xây dựng **(**…3…)

Kính gửi: ...........................................(4)

Chấp thuận xây dựng (.. .3...)

Kính gửi: …………………………. (4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CPngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số 50/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (……..5…….)

- ( 2....) đề nghị được chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đấu nối (…..6….. .)

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

*+ Quy hoạch các điểm đấu nối vào quốc lộ đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt (bản sao có chứng thực); hoặc Văn bản chấp thuận của Bộ GTVT cho phép đấu nối đường nhánh vào quốc lộ đối với các trường hợp quốc lộ chưa có Quy hoạch các điểm đấu nối vào quốc lộ được phê duyệt (bản sao);*

*+ Văn bản của UBND cấp tỉnh (bản chính) giao tổ chức, cá nhân làm Chủ đầu tư nút giao nếu quy hoạch hoặc văn bản chấp thuận đơn lẻ của Bộ GTVT chưa xác định rõ chủ đầu tư nút giao;*

*+ Hồ sơ Thiết kế và Phương án tổ chức giao thông của nút giao (có Biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do Tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).*

*- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.*

(.. .2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình nút giao đấu nối đường nhánh vào Quốc lộ .... Tại Km../phải hoặc trái tuyến và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình nút giao đấu nối đường nhánh vào Quốc lộ .... Tại Km...+.../phải hoặc trái tuyến được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ: ……..

Số điện thoại: ………….

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ………….; - Lưu VT. | **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**118. Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường huyện, đường đô thị (do UBND cấp huyện quản lý).**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ đề nghị Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào quốc lộtại bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ UBND cấp huyện.

b) Giải quyết TTHC:

- UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Đối với trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

- UBND cấp huyện tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp phép. Trường hợp không cấp phép, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại UBND cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình theo mẫu;

- Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thiết kế nút giao của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

b) Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư dự án.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý đô thị thuộc UBND cấp huyện;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý đường.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép thi công.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …../….. | *…., ngày …. tháng …. năm 201….* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

**Cấp phép thi công** (...3...)

Kính gửi: …………………………. (...4...)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số 50/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ (...5..);

(....2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...)Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .. .tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính).

+ (...9...).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: ……….

Số điện thoại: ………..

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** -Nhưtrên; - Lưu VT. | (…2….) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**119. Cấp phép thi công công trình đường bộ trên đường huyện, đường đô thị (do UBND cấp huyện quản lý).**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ đầu tư dự án hoặc nhà thầu nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ UBND cấp huyện.

b) Giải quyết TTHC:

- Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định , hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

 - Đối với trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

- UBND cấp huyện tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện cấp Giấy phép thi công. Trường hợp không cấp phép, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại UBND cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình theo mẫu;

- Văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận thiết kế của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công công trình đường bộ.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý đô thị thuộc UBND cấp huyện;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý đường.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép thi công.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Dự án công trình đường bộ được UBND cấp huyện xem xét chấp thuận.

- Có văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận thiết kế của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền;

- Có Biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông (được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Quyết định số 60/2013/QĐ-TTg ngày 21/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Đường bộ Việt Nam thuộc Bộ Giao thông vận tải;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …../….. | *…., ngày …. tháng …. năm 201….* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

**Cấp phép thi công** (...3...)

Kính gửi: …………………………. (...4...)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số 50/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ (...5..);

(....2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...)Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .. .tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính).

+ (...9...).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: ……….

Số điện thoại: ………..

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơinhận:*** - Như trên; - Lưu VT. | (…2….) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**120. Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường huyện, đường đô thị (do UBND cấp huyện quản lý)**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ đề nghị Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thấc tại bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ UBND cấp huyện.

b) Giải quyết TTHC:

UBND cấp huyện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp: sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Đối với trường hợp nộp gián tiếp (qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác), cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

c) UBND cấp huyện tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận , phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (bản chính) theo mẫu;

- 01 (một) bộ hồ sơ, bản vẽ thiết kế của dự án đầu tư hoặc hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công công trình có đầy đủ các thông tin sau: vị trí, lý trình đường bộ xây dựng công trình thiết yếu; kích thước công trình thiết yếu trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ; khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình thiết yếu đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ.

Đối với công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ phải có thông tin về khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu đến mặt đất, từ công trình thiết yếu đến mép ngoài dải phân cách giữa.

Công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế;

- Trường hợp chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu, đơn đề nghị và hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**:

- Đối với hồ sơ chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu: Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu, thời hạn giải quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư dự án công trình thiết yếu.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý đô thị thuộc UBND cấp huyện;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý đường.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Áp dụng cho các trường hợp (là công trình thiết yếu), bao gồm:

+ Công trình phục vụ yêu cầu đảm bảo an ninh, quốc phòng;

+ Công trình có yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật không thể bố trí ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ như: viễn thông; điện lực; đường ống cấp nước, thoát nước, xăng, dầu, khí, năng lượng, hóa chất.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

***Mẫu:***

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| (1) (2) **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …./…. | *…., ngày …. tháng …. năm 20…* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN XÂY DỰNG CÙNG THỜI ĐIỂM VỚI CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

**Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công (...3...)**

Kính gửi: ……………………………….(...4...)

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 50/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 35/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;*

(....2....) đề nghị được chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công (...5...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (...6...). Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày ...tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...7...) (bản chính).

+ (...8...).

(…2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của văn bản chấp thuận xây dựng và cấp phép thi công.

(…2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...9...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: …….

Số điện thoại: ...........

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ……………; - Lưu VT. | **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**

**I. LĨNH VỰC QUẢN LÝ GIAO THÔNG ( 11 TTHC)**

**121. Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút đấu nối tạm thời có thời hạn vào đường xã, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý).**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đấu nối tạm thời gửi hồ sơ đề nghị Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút đấu nối tạm thời có thời hạn vào đường tỉnh tại bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ UBND cấp xã.

b) Giải quyết TTHC:

- UBND cấp xãtiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Đối với trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

- UBND cấp xã tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại UBND cấp xãhoặc hệ thống bưu chính.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị chấp thuận đấu nối tạm thời nêu rõ lý do, vị trí, lý trình điểm đấu nối, thời gian sử dụng điểm đấu nối tạm thời;

- Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) giao tổ chức, cá nhân làm chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao;

- Bản vẽ bình đồ đoạn tuyến có điểm đấu nối tạm thời và phương án tổ chức giao thông của nút giao.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp xã;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý đường.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật nút giao đường nhánh đấu nối vào quốc lộ.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Nút giao nằm trong Quy hoạch điểm đấu nối vào quốc lộ (được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt) hoặc được Bộ GTVT chấp thuận đối với trường hợp quốc lộ chưa có Quy hoạch điểm đấu nối được phê duyệt;

- Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao được UBND cấp tỉnh giao nhiệm vụ bằng văn bản (nếu quy hoạch hoặc văn bản chấp thuận đơn lẻ của Bộ GTVT chưa xác định rõ chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao);

- Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật và Phương án tổ chức giao thông của nút giao do Tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Quyết định số 60/2013/QĐ-TTg ngày 21/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Đường bộ Việt Nam thuộc Bộ Giao thông vận tải;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …../….. | *…., ngày …. tháng …. năm 201….* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Gia hạn xây dựng (...3...)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CPngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

- (……..5…….)

(.. .2...) đề nghị được gia hạn xây dựng công trình, nêu rõ lý do gia hạn.

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao chụp Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu;

- (…….6…….)

(.. .2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được gia hạn xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận gia hạn.

Địa chỉ liên hệ: ………….

Số điện thoại: ……………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu VT. | (…2….) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**122. Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường xã, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý) đang khai thác.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ UBND cấp xã.

b) Giải quyết TTHC:

- UBND cấp xã tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp: sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Đối với trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

- UBND cấp xã tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, có văn bản gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác. Trường hợp không gia hạn chấp thuận có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp xã hoặc qua hệ thống bưu chính**.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của chủ công trình theo mẫu.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư dự án công trình thiết yếu.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp xã;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý đường.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:**

- Văn bản gia hạn chấp thuận.

- Chỉ được thực hiện gia hạn 01 lần với thời gian không quá 12 tháng.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …../….. | *…., ngày …. tháng …. năm 201….* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Gia hạn xây dựng (...3...)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CPngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

- (……..5…….)

(.. .2...) đề nghị được gia hạn xây dựng công trình, nêu rõ lý do gia hạn.

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao chụp Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu;

- (…….6…….)

(.. .2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được gia hạn xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận gia hạn.

Địa chỉ liên hệ: ………….

Số điện thoại: ……………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu VT. | (…2….) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**123. Gia hạn Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đấu nối vào đường xã, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý).**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ UBND cấp xã.

b) Giải quyết TTHC:

- Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định, UBND cấp xã hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Đối với trường hợp nộp qua hệ thống chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, UBND cấp xã tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

- UBND cấp huyện tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại UBND cấp xã hoặc qua hệ thống bưu chính.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm: Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đấu nối vào đường huyện, đường đô thị.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp xã;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý đường.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Văn bản gia hạn chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đấu nối vào đường huyện, đường đô thị.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2)  **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …../….. | *…., ngày …. tháng …. năm 201….* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THI CÔNG NÚT GIAO ĐẤU NỐI VÀO QUỐC LỘ**

Gia hạn xây dựng (...3...)

- Căn cứ Nghị định số [11/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=11/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số [100/2013/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=100/2013/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số .../TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số [11/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=11/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (……..5…….)

(.. .2...) đề nghị được gia hạn xây dựng công trình, nêu rõ lý do gia hạn.

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao chụp Văn bản chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đấu nối vào quốc lộ.

- (…….6…….)

(.. .2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được gia hạn xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận gia hạn.

Địa chỉ liên hệ: ………….

Số điện thoại: ……………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ………….; - ………….; - Lưu VT. | (…2….) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

***Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Gia hạn xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL5, địa phận tỉnh Hưng Yên”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đấu nối vào quốc lộ tại Điều 26 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./.

**124. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường xã, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý).**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tại bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ UBND cấp xã.

b) Giải quyết TTHC:

- UBND cấp xã tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp: sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Đối với trường hợp nộp gián tiếp (qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác), cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

- UBND cấp xã tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận , phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp xã hoặc qua hệ thống bưu chính.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo mẫu;

- 01 (một) bộ hồ sơ, bản vẽ thiết kế của dự án đầu tư hoặc hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công công trình có đầy đủ các thông tin sau: vị trí, lý trình đường bộ xây dựng công trình thiết yếu; kích thước công trình thiết yếu trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ; khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình thiết yếu đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ.

Đối với công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ phải có thông tin về khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu đến mặt đất, từ công trình thiết yếu đến mép ngoài dải phân cách giữa.

Công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư dự án công trình thiết yếu.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp xã;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý đường.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Áp dụng cho các trường hợp (là công trình thiết yếu), bao gồm:

+ Công trình phục vụ yêu cầu đảm bảo an ninh, quốc phòng;

+ Công trình có yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật không thể bố trí ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, bao gồm các công trình viễn thông, điện lực, công trình chiếu sáng đường bộ, cấp nước, thoát nước, xăng, dầu, khí, năng lượng, hóa chất.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2)  **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …../….. | *…., ngày …. tháng …. năm 201….* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Chấp thuận xây dựng (...3...)

Kính gửi ……………………….. (4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CPngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ,

- (…5…..)

( …2....) đề nghị được chấp thuận xây dựng công trình (...6...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (…..7…..)

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

Hồ sơ thiết kế của (...6...);

Bản sao (...8...) Báo cáo kết quả thẩm tra Hồ sơ thiết kế của (...6...) do (...9...) thực hiện.

- (...10...)

(.. .2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ: …..

Số điện thoại: …….

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ………….; - ………….; - Lưu VT. | (…2….) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**125. Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường xã, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý)**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ đề nghị Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác tại bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ UBND cấp xã.

b) Giải quyết TTHC:

- UBND cấp xã tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp: sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Đối với trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

- UBND cấp xã tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp phép. Trường hợp không cấp phép, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp xã hoặc qua hệ thống bưu chính.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình theo mẫu; Trường hợp chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13, đơn đề nghị theo mẫu tại Phụ lục số 1a ban hành kèm theo Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

- Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 13 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

- 02 (hai) bộ hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công và biện pháp tổ chức thi công đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (bản chính). Nội dung bản vẽ thiết kế thi công thể hiện quy mô công trình, hạng mục công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và các nội dung quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT; biện pháp tổ chức thi công thể hiện phương án thi công phương án bảo đảm an toàn trong thi công xây dựng, an toàn giao thông và tổ chức giao thông.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư dự án công trình thiết yếu.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp xã;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý đường.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình .

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.**

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2)  **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …../….. | *…., ngày …. tháng …. năm 201….* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

**Cấp phép thi công** (...3...)

Kính gửi: …………………………. (...4...)

- Căn cứ Nghị định số [11/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=11/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số [100/2013/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=100/2013/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số 50/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

- Căn cứ (...5..);

(....2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...)Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .. .tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính).

+ (...9...).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: ……….

Số điện thoại: ………..

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ………….; - Lưu VT. | **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**126. Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của đường xã, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý).**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ UBND cấp xã.

b) Giải quyết TTHC:

- UBND cấp xã tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Đối với trường hợp nộp gián tiếp (qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác), cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

- UBND cấp xã tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp phép. Trường hợp không cấp phép, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình biển quảng cáo tạm thời theo mẫu;

- Văn bản chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 điều 16.

- 02 bộ Hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công và biên pháp tổ chức thi công đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (bản chính). Nội dung bản vẽ thiết kế thi công thể hiện quy mô công trình, hạng mục công trình xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ và một số nội dung quy định tại điểm b khoản 4 điều 13; biện pháp tổ chức thi công thể hiện phương án thi công, phương án đảm bảo an toàn trong thi công xây dựng, an toàn giao thông và tổ chức thi công.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư dự án công trình biển quảng cáo.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp xã;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý đường.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép thi công.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …../….. | *…., ngày …. tháng …. năm 201….* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

**Cấp phép thi công** (...3...)

Kính gửi: …………………………. (...4...)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số 50/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ (...5..);

(....2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...)Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .. .tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính).

+ (...9...).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: ……….

Số điện thoại: ………..

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu VT. | (…2….) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**127. Chấp thuận** **thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đấu nối vào đường xã, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý).**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ UBND cấp xã.

b) Giải quyết TTHC:

- UBND cấp xã tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Đối với trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

- UBND cấp xã tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại UBND cấp xã hoặc hệ thống bưu chính.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao theo mẫu;

- Quy hoạch các điểm đấu nối vào quốc lộ đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu); hoặc văn bản thỏa thuận của Bộ Giao thông vận tải cho phép đấu nối đường nhánh vào quốc lộ đối với các trường hợp quốc lộ chưa có quy hoạch các điểm đấu nối vào quốc lộ được phê duyệt (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

- Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) giao tổ chức, cá nhân làm chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao;

- Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp xã;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý đường.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật nút giao đường nhánh đấu nối vào quốc lộ, đường tỉnh.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Nút giao nằm trong Quy hoạch điểm đấu nối vào quốc lộ (được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt) hoặc được Bộ GTVT chấp thuận đối với trường hợp quốc lộ chưa có Quy hoạch điểm đấu nối được phê duyệt;

- Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao được UBND cấp tỉnh giao nhiệm vụ bằng văn bản (nếu quy hoạch hoặc văn bản chấp thuận đơn lẻ của Bộ GTVT chưa xác định rõ chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao);

- Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật và Phương án tổ chức giao thông của nút giao do Tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Quyết định số 60/2013/QĐ-TTg ngày 21/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Đường bộ Việt Nam thuộc Bộ Giao thông vận tải;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

***Mẫu:***

**(1)** CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:............/............. ..............., *ngày*........ *tháng*........*năm 201*......

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT NÚT GIAO**

**ĐƯỜNG NHÁNH ĐẤU NỐI VÀO QUỐC LỘ**

Chấp thuận xây dựng **(**…3…)

Kính gửi: ...........................................(4)

Chấp thuận xây dựng (.. .3...)

Kính gửi: …………………………. (4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CPngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số 50/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (……..5…….)

- ( 2....) đề nghị được chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đấu nối (…..6….. .)

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

*+ Quy hoạch các điểm đấu nối vào quốc lộ đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt (bản sao có chứng thực); hoặc Văn bản chấp thuận của Bộ GTVT cho phép đấu nối đường nhánh vào quốc lộ đối với các trường hợp quốc lộ chưa có Quy hoạch các điểm đấu nối vào quốc lộ được phê duyệt (bản sao);*

*+ Văn bản của UBND cấp tỉnh (bản chính) giao tổ chức, cá nhân làm Chủ đầu tư nút giao nếu quy hoạch hoặc văn bản chấp thuận đơn lẻ của Bộ GTVT chưa xác định rõ chủ đầu tư nút giao;*

*+ Hồ sơ Thiết kế và Phương án tổ chức giao thông của nút giao (có Biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do Tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).*

*- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.*

(.. .2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình nút giao đấu nối đường nhánh vào Quốc lộ .... Tại Km../phải hoặc trái tuyến và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình nút giao đấu nối đường nhánh vào Quốc lộ .... Tại Km...+.../phải hoặc trái tuyến được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ: ……..

Số điện thoại: ………….

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu VT. | **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**128. Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường xã, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý).**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ đề nghị Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào quốc lộtại bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ UBND cấp xã.

b) Giải quyết TTHC:

- UBND cấp xã tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Đối với trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

- UBND cấp xã tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp phép. Trường hợp không cấp phép, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại UBND cấp xã hoặc qua hệ thống bưu chính.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình theo mẫu;

- Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thiết kế nút giao của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

b) Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư dự án.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp xã;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý đường.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép thi công.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …../….. | *…., ngày …. tháng …. năm 201….* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

**Cấp phép thi công** (...3...)

Kính gửi: …………………………. (...4...)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số 50/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ (...5..);

(....2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...)Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .. .tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính).

+ (...9...).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: ……….

Số điện thoại: ………..

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu VT. | (…2….) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**129. Cấp phép thi công công trình đường bộ trên đường xã, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý).**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ đầu tư dự án hoặc nhà thầu nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ UBND cấp xã.

b) Giải quyết TTHC:

- Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì UBND cấp xã tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định , hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

 - Đối với trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, UBND cấp xã tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

- UBND cấp xã tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện cấp Giấy phép thi công. Trường hợp không cấp phép, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại UBND cấp xã hoặc qua hệ thống bưu chính.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình theo mẫu;

- Văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận thiết kế của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công công trình đường bộ.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp xã;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý đường.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép thi công.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Dự án công trình đường bộ được UBND cấp xã xem xét chấp thuận.

- Có văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận thiết kế của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền;

- Có Biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông (được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Quyết định số 60/2013/QĐ-TTg ngày 21/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Đường bộ Việt Nam thuộc Bộ Giao thông vận tải;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …../….. | *…., ngày …. tháng …. năm 201….* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

**Cấp phép thi công** (...3...)

Kính gửi: …………………………. (...4...)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số 50/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ (...5..);

(....2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...)Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .. .tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính).

+ (...9...).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: ……….

Số điện thoại: ………..

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu VT. | (…2….) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**130. Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của UBND xã khai thác**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường tại bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ UBND cấp xã.

b) Giải quyết TTHC:

UBND cấp xã tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp: sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.Đối với trường hợp nộp gián tiếp (qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác), cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

c) UBND cấp xã tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận , phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (bản chính) theo mẫu;

- 01 (một) bộ hồ sơ, bản vẽ thiết kế của dự án đầu tư hoặc hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công công trình có đầy đủ các thông tin sau: vị trí, lý trình đường bộ xây dựng công trình thiết yếu; kích thước công trình thiết yếu trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ; khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình thiết yếu đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ.

Đối với công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ phải có thông tin về khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu đến mặt đất, từ công trình thiết yếu đến mép ngoài dải phân cách giữa.

Công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế;

- Trường hợp chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu, đơn đề nghị và hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**:

- Đối với hồ sơ chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu: Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu, thời hạn giải quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư dự án công trình thiết yếu.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng– an toàn giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý đường.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Áp dụng cho các trường hợp (là công trình thiết yếu), bao gồm:

+ Công trình phục vụ yêu cầu đảm bảo an ninh, quốc phòng;

+ Công trình có yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật không thể bố trí ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ như: viễn thông; điện lực; đường ống cấp nước, thoát nước, xăng, dầu, khí, năng lượng, hóa chất.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

***Mẫu:***

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| (1) (2) **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …./…. | *…., ngày …. tháng …. năm 20…* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN XÂY DỰNG CÙNG THỜI ĐIỂM VỚI CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

**Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công (...3...)**

Kính gửi: ……………………………….(...4...)

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 50/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 35/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;*

(....2....) đề nghị được chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công (...5...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (...6...). Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày ...tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...7...) (bản chính).

+ (...8...).

(…2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của văn bản chấp thuận xây dựng và cấp phép thi công.

(…2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...9...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: …….

Số điện thoại: ...........

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ……………; - Lưu VT. | **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**131. Xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện hoặc người được thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện ủy quyền nộp trình báo đường thủy nội địa cho Cảng vụ đường thủy nội địa, đơn vị quản lý đường thủy nội địa, Cảnh sát đường thủy hoặc Ủy ban nhân dân gần nhất nơi xảy ra tai nạn, sự cố.

b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất không quá 02 giờ làm việc đối với Cảng vụ đường thủy nội địa và 03 giờ làm việc đối với các cơ quan có thẩm quyền khác kể từ khi nhận được giấy tờ hợp lệ theo quy định.

**2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp trình báo đường thủy nội địa cho Cảng vụ đường thủy nội địa trong thời hạn không quá 48 giờ sau khi xảy ra tai nạn, sự cố và các cơ quan có thẩm quyền khác không quá 03 ngày làm việc kể từ khi xảy ra tai nạn, sự cố, hoặc phương tiện ghé vào cảng, bến thủy nội địa đầu tiên sau khi xảy ra tai nạn, sự cố.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Trình báo đường thủy nội địa theo mẫu (02 bản);

- Bản sao tự họa có mô tả sơ đồ vị trí xảy ra tai nạn, sự cố và kèm theo hình ảnh (nếu có), (02 bản).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Không quá 02 giờ làm việc đối với Cảng vụ đường thủy nội địa và 03 giờ làm việc đối với các cơ quan có thẩm quyền khác kể từ khi nhận được giấy tờ hợp lệ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện hoặc người được thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện ủy quyền.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Cảng vụ đường thủy nội địa, đơn vị quản lý đường thủy nội địa, Cảnh sát đường thủy hoặc Ủy ban nhân dân gần nhất.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cảng vụ đường thủy nội địa, đơn vị quản lý đường thủy nội địa, Cảnh sát đường thủy hoặc Ủy ban nhân dân gần.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Trình báo đường thủy nội địa.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 69/2014/TT-BGTVT ngày 27/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định thủ tục việc trình báo đường thủy nội địa.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**………………………………**

**TRÌNH BÁO ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi:……………………………………………………………….

1. Họ và tên thuyền trưởng (người lái phương tiện)………………………………….

- Số Giấy chứng minh nhân dân (hộ chiếu)………………………………………….

- Chức danh……………………………………………………………………………..

- Ngày, tháng, năm sinh……………………………………………………………….

2. Thời gian xảy ra tai nạn, sự cố………………………………………………………

3. Địa điểm xảy ra tai nạn, sự cố………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………

4. Tên, số đăng ký, số đăng kiểm của phương tiện thủy nội địa (tàu biển, tàu cá) bị tai nạn sự cố…………………………………………………………………………………

5. Hoàn cảnh phương tiện thủy nội địa (tàu biển, tàu cá) gặp phải……………………...

…………………………………………………………………………………………

6. Thiệt hại do tai nạn, sự cố gây ra……………………………………………………..

7. Những biện pháp đã áp dụng để khắc phục hoàn cảnh, hạn chế tổ thất do tai nạn, sự cố gây ra…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………..

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin đã nêu trên đây

………….Ngày…..tháng…..năm….

**Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền Thuyền trưởng (người lái phương tiện)**

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

**Chữ ký của máy trưởng hoặc 01 thủy thủ**

**D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC ĐƠN VỊ KHÁC**

**I. LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM (05 TTHC)**

**132. Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

 Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ nghiệm thu, cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo đến Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc đơn vị đăng kiểm xe cơ giới (cơ quan nghiệm thu cải tạo).

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan nghiệm thu tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: Nếu thành phần hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác);

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cơ quan nghiệm thu tiến hành nghiệm thu xe cơ giới cải tạo. Nếu kết quả nghiệm thu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc nghiệm thu. Trường hợp không cấp, cơ quan nghiệm thu thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả nghiệm thu.

**2.** **Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị nghiệm thu xe cơ giới cải tạo theo mẫu;

- Thiết kế đã được thẩm định. Đối với trường hợp miễn thiết kế phải có bản vẽ tổng thể xe cơ giới sau cải tạo do cơ sở cải tạo lập *(Đối với các xe cơ giới cải tạo có cùng nhãn hiệu, số loại, thông số kỹ thuật và do cùng một cơ sở cải tạo thi công thì được sử dụng cùng một thiết kế, việc nghiệm thu do cùng một cơ quan nghiệm thu thực hiện thì không phải nộp thành phần hồ sơ này).*

- Ảnh tổng thể chụp góc khoảng 45 độ phía trước và phía sau góc đối diện của xe cơ giới sau cải tạo; ảnh chụp chi tiết các hệ thống, tổng thành cải tạo;

- Biên bản nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo;

- Bảng kê các tổng thành, hệ thống thay thế mới theo mẫu;

- Bản sao có xác nhận của cơ sở cải tạo các tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo, thay thế và tài liệu xác nhận nguồn gốc của các hệ thống, tổng thành cải tạo;

- Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với cần cẩu, xi téc chở hàng nguy hiểm, xi téc chở khí nén, khí hóa lỏng và các thiết bị chuyên dùng theo quy định (*(Đối với các xe cơ giới cải tạo có cùng nhãn hiệu, số loại, thông số kỹ thuật và do cùng một cơ sở cải tạo thi công thì được sử dụng cùng một thiết kế, việc nghiệm thu do cùng một cơ quan nghiệm thu thực hiện thì không phải nộp thành phần hồ sơ này).*

- Văn bản của cơ quan thẩm định thiết kế về việc đồng ý cho sử dụng thiết kế đã được thẩm định để thi công cải tạo *(đối với các xe cơ giới cải tạo có cùng nhãn hiệu, số loại, thông số kỹ thuật và do cùng một cơ sở cải tạo thi công thì được sử dụng cùng một thiết kế, việc nghiệm thu do cùng một cơ quan nghiệm thu thực hiện).*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong phạm vi 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc nghiệm thu đạt yêu cầu.

**5.** **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc các Đơn vị đăng kiểm.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc các Đơn vị đăng kiểm;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo.

**8. Phí, lệ phí:**

- Phí nghiệm thu: 560.000 đồng (Phí nghiệm thu đối với cải tạo thay đổi công dụng của xe cơ giới là: 910.000 đồng);

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 50.000 đồng/01 Giấy chứng nhận (Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với ô tô con dưới 10 chỗ: 100.000 đồng/01 Giấy chứng nhận).

**9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Văn bản đề nghị nghiệm thu xe cơ giới cải tạo;

- Bảng kê các tổng thành, hệ thống thay thế mới.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 199/2016/TT- BTC ngày 08/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ mội trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

*Mẫu:* **Văn bản đề nghị nghiệm thu xe cơ giới cải tạo**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **(CƠ SỞ CẢI TẠO)**  Số:............. |  | *CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc* *…., ngày tháng năm .* |

# VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ NGHIỆM THU XE CƠ GIỚI CẢI TẠO

*(Cơ sở cải tạo)* đề nghị *(cơ quan nghiệm thu .....)* kiểm tra chất lượng xe cơ giới cải tạo như sau:

1. Đặc điểm xe cơ giới cải tạo:

* Biển số đăng ký (nếu đã được cấp):
* Số khung:
* Số động cơ:
* Nhãn hiệu - số loại:

2. Căn cứ thi công cải tạo: Thiết kế có ký hiệu ........................ của (Cơ sở thiết kế) đã được Cục Đăng kiểm Việt Nam/Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo số ............ ngày…/…/...

3. Nội dung thi công cải tạo:

*(Ghi tóm tắt đầy đủ các nội dung thiết kế cải tạo thay đổi của xe cơ giới)*

*(Cơ sở cải tạo)* xin chịu trách nhiệm về các nội dung đã được thi công trên xe cơ giới cải tạo.

**CƠ SỞ CẢI TẠO**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

*Mẫu****:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **(CƠ SỞ CẢI TẠO)**  Số:............. |  | *CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**…., ngày tháng năm* |

**BẢNG KÊ CÁC HỆ THỐNG, TỔNG THÀNH THAY THẾ MỚI**

Biển số đăng ký: Nhãn hiệu - số loại:

Số khung: Số động cơ:

Ký hiệu thiết kế: …………………

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tổng thành, hệ thống** | **Nguồn gốc** | | | **Nơi sản xuất (2)** | **Số Giấy chứng nhận(3)** |
| **Nhập khẩu** | **Tự sản xuất** | **Mua trong nước(1)** |
| 1. Động cơ | |  |  |  |  |  |
| 1.1 | … |  |  |  |  |  |
| 2. Hệ thống lái | |  |  |  |  |  |
| 3. Hệ thống phanh | |  |  |  |  |  |
| 3.1 | Bình khí nén |  |  |  |  |  |
| 3.2 | … |  |  |  |  |  |
| 4. Hệ thống điện, đèn chiếu sáng và tín hiệu | |  |  |  |  |  |
| 4.1 | Đèn chiếu sáng phía trước |  |  |  |  |  |
| 4.2 | …… |  |  |  |  |  |
| …. | |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:***

*(1) Đối với trường hợp sử dụng lại động cơ của xe cơ giới đã qua sử dụng thì ghi rõ biển số/số khung của xe tháo động cơ để sử dụng.*

*(2) Phụ tùng nhập khẩu ghi nước sản xuất; phụ tùng mua trong nước ghi rõ tên và địa chỉ Cơ sở sản xuất.*

*(3) Áp dụng với chi tiết, hệ thống, tổng thành phải có Giấy chứng nhận.*

**133. Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong kiểm tra lưu hành xe chở người bốn bánh có gắn động cơ**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ xe hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ kiểm tra lưu hành nộp đến Đơn vị đăng kiểm tại địa phương.

b) Giải quyết TTHC:

- Đơn vị đăng kiểm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nếu không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện lại ngay trong ngày làm việc. Nếu đầy đủ, hợp lệ thì hẹn ngày kiểm tra theo địa điểm chủ xe đăng ký.

- Đơn vị đăng kiểm thực hiện kiểm tra: Xe kiểm tra đạt yêu cầu, Đơn vị đăng kiểm cấp Giấy chứng nhận lưu hành và Tem lưu hành sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu. Xe kiểm tra có kết quả không đạt, Đơn vị đăng kiểm thông báo hạng mục kiểm tra không đạt của Xe cho chủ xe biết để sửa chữa, khắc phục và kiểm tra lại.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác.

**3. Thành phần số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Các giấy tờ phải nộp:

+ Văn bản đề nghị kiểm tra của tổ chức, cá nhân theo mẫu quy định đối với trường hợp không đưa được xe đến Đơn vị đăng kiểm;

+ Bản sao Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với trường hợp xe sản xuất, lắp ráp trong nước kiểm tra lưu hành lần đầu của các xe có đăng ký lần đầu sau ngày Thông tư này có hiệu lực).

- Các giấy tờ phải xuất trình:

+ Bản chính Giấy đăng ký xe hoặc bản sao Giấy đăng ký xe có xác nhận của ngân hàng đang giữ Bản chính Giấy đăng ký xe đó hoặc bản sao Giấy đăng ký xe có xác nhận của cơ quan cho thuê tài chính đang giữ Bản chính Giấy đăng ký xe đó;

+ Bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự còn hiệu lực;

+ Văn bản chấp thuận của cơ quan địa phương có thẩm quyền về khu vực cho phép xe của tổ chức cá nhân hoạt động còn hiệu lực.

**b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong phạm vi 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân**.**

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Các Đơn vị đăng kiểm;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Các Đơn vị đăng kiểm;

d) Cơ quan phối hợp: Không có**.**

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận lưu hành và Tem lưu hành.

**8. Phí, lệ phí:**

- Phí kiểm tra xe: 180.000 đồng/1 lượt kiểm định.

- Lệ phí: 50.000 đồng/01 Giấy chứng nhận.

**9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Văn bản đề nghị kiểm tra cấp Giấy chứng nhận lưu hành xe chở người bốn bánh có gắn động cơ.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Thỏa mãn yêu cầu quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong lưu hành xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ theo Phụ lục VIII của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế;

- Thông tư số 199/2016/TT- BTC ngày 08/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ mội trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

*Mẫu:*

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH**

**XE CHỞ NGƯỜI BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên tổ chức, cá nhân**  Số: ……… / ………..  Vv đề nghị kiểm tra cấp giấy chứng nhận lưu hành cho xe bốn bánh chở người | *CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM* **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *…….., ngày tháng năm* |

Kính gửi: Đơn vị đăng kiểm ………………

Căn cứ Thông tư số /2014/TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế;

Tên tổ chức, cá nhân .………………………….………………………………...

Địa chỉ:………………………………….…………………….............................

Hiện tại (tổ chức, cá nhân) .................................. có số lượng Xe là:

Danh sách Xe

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Biển số | Số khung | Số máy (nếu có) | Ngày hết hạn |
| 1 | 29HC-12345 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |

Đề nghị Đơn vị đăng kiểm…………………đến địa điểm:...............................từ ngày…/…./… đến ngày…./…./….để kiểm tra Xe cho (tổ chức, cá nhân)… ………………………………………………………………………………………..

|  |  |
| --- | --- |
|  | Tổ chức, cá nhân  (*Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu*) |

**134. Cấp Giấy chứng nhận lưu hành, tem lưu hành cho xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ xe hoặc người đưa xe đến kiểm tra lưu hành (sau đây gọi tắt là chủ xe) đưa Xe và hồ sơ này đến Đơn vị đăng kiểm tại địa phương mà xe được đăng ký và cấp biển số để kiểm tra lưu hành.

b) Giải quyết TTHC:

- Đơn vị đăng kiểm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nếu không đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện lại; nếu đầy đủ, hợp lệ thì thu phí, chụp ảnh phương tiện và tiến hành kiểm tra các hạng mục theo phương pháp kiểm tra được quy định.

- Đối với trường hợp kiểm tra lần đầu, Đơn vị đăng kiểm kiểm tra và lập Biên bản kiểm tra lần đầu xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ theo quy định.

- Xe kiểm tra đạt tiêu chuẩn, Đơn vị đăng kiểm thu lệ phí, trả hóa đơn thu lệ phí và cấp Giấy chứng nhận lưu hành, Tem lưu hành theo quy định. Trường hợp xe có kết quả không đạt, Đơn vị đăng kiểm thông báo hạng mục kiểm tra không đạt của xe cho chủ xe biết để sửa chữa, khắc phục để kiểm tra lại, đồng thời thông báo xe không đạt lên mạng kiểm định.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Hồ sơ xuất trình:

+ Bản chính Giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau: Bản sao Giấy đăng ký xe có xác nhận của ngân hàng đang giữ Bản chính giấy đăng ký xe đó; Bản sao Giấy đăng ký xe có xác nhận của cơ quan cho thuê tài chính đang giữ Bản chính giấy đăng ký xe đó;

+ Bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự còn hiệu lực.

- Hồ sơ phải nộp:

+ Bản sao chụp Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với trường hợp kiểm tra lưu hành lần đầu của các Xe có đăng ký lần đầu sau ngày thông tư này có hiệu lực);

+ Giấy chứng nhận lưu hành của lần kiểm tra trước (đối với trường hợp kiểm tra lưu hành các lần tiếp theo).

**b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

**4. Thời hạn giải quyết:** Cấp ngay sau khi kiểm tra đạt yêu cầu.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Đơn vị đăng kiểm;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Đơn vị đăng kiểm;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận lưu hành, tem lưu hành.

**8. Phí, lệ phí:**

- Phí kiểm định: 180000 đồng/xe.

- Lệ phí: 50000 đồng/01 Giấy chứng nhận.

**9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Không có.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT ngày 13/5/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về điều kiện đối với xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 199/2016/TT- BTC ngày 08/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ mội trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

**135. Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đối với kiểm định tại đơn vị đăng kiểm:

Tổ chức, cá nhân đưa phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi tắt là xe cơ giới) và các giấy tờ cần thiết đến bất kỳ đơn vị đăng kiểm xe cơ giới (sau đây gọi tắt là đơn vị đăng kiểm) nào trong cả nước đã được Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp Giấy chứng nhận hoạt động kiểm định xe cơ giới.

- Đối với kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm:

Tổ chức, cá nhân có văn bản đề nghị nêu rõ lý do, địa điểm kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm kèm theo danh sách xe cơ giới đề nghị kiểm định đến đơn vị đăng kiểm.

b) Giải quyết TTHC:

- Đối với kiểm định tại đơn vị đăng kiểm:

+ Đơn vị đăng kiểm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đầy đủ thì tiến hành kiểm tra, đánh giá tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới.

+ Đơn vị đăng kiểm cấp Tem kiểm định, Giấy chứng nhận kiểm định cho xe cơ giới đạt tiêu chuẩn hoặc thông báo cho tổ chức, cá nhân các hạng mục khiếm khuyết, hư hỏng của xe cơ giới.

- Đối với kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm:

+ Đơn vị đăng kiểm kiểm tra, xem xét theo đề nghị của chủ xe, nếu đúng đối tượng và đủ điều kiện đường thử thì trong vòng 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ xe, đơn vị đăng kiểm có văn bản gửi Cục Đăng kiểm Việt Nam đề nghị kiểm định ngoài Đơn vị đăng kiểm kèm theo danh sách xe cơ giới, các loại thiết bị cần để kiểm tra; văn bản đề nghị có thể gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác. Trường hợp không đủ điều kiện đường thử thì có văn bản thông báo cho chủ xe và nêu rõ lý do.

+ Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra, xem xét hồ sơ, trong vòng 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị có văn bản trả lời gửi đơn vị đăng kiểm.

+ Chủ xe đưa xe đến địa điểm kiểm tra, đơn vị đăng kiểm tiến hành kiểm định xe cơ giới theo hồ sơ, trình tự và cách thức thực hiện theo quy định như đối với kiểm định tại đơn vị đăng kiểm. Trường hợp không có kết quả kiểm tra bằng thiết bị thì để trống trên Phiếu kiểm định. Trường hợp đạt thì cấp Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.

**2. Cách thức thực hiện:**

**-** Đối với kiểm định tại đơn vị đăng kiểm: Nộp hồ sơ trực tiếp tại các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới.

- Đối với kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Lập Hồ sơ phương tiện:

Việc lập Hồ sơ phương tiện được thực hiện trước khi xe cơ giới kiểm định lần đầu để tham gia giao thông. Khi đưa xe cơ giới đến đơn vị đăng kiểm để lập Hồ sơ phương tiện, tổ chức, cá nhân cần xuất trình, nộp các giấy tờ sau:

+ Xuất trình bản chính giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau: Bản sao giấy đăng ký xe có xác nhận của ngân hàng đang cầm giữ; Bản sao giấy đăng ký xe có xác nhận của tổ chức cho thuê tài chính; Giấy hẹn cấp giấy đăng ký xe.

+ Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực.

+ Nộp giấy tờ chứng minh nguồn gốc phương tiện, gồm một trong các giấy tờ sau: Bản sao Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đối với xe cơ giới sản xuất, lắp ráp trong nước; Bản sao có chứng thực quyết định tịch thu bán đấu giá của cấp có thẩm quyền đối với xe cơ giới bị tịch thu bán đấu giá; Bản sao có chứng thực quyết định thanh lý đối với xe cơ giới của lực lượng quốc phòng, công an; Bản sao có chứng thực quyết định bán xe dự trữ Quốc gia.

+ Nộp bản chính Giấy chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT xe cơ giới cải tạo (đối với xe cơ giới mới cải tạo).

- Kiểm định tại đơn vị đăng kiểm:

Khi đưa xe cơ giới đến đơn vị đăng kiểm để kiểm định, tổ chức, cá nhân cần xuất trình, nộp các giấy tờ và cung cấp các thông tin sau:

+ Xuất trình bản chính giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau: Bản sao giấy đăng ký xe có xác nhận của ngân hàng đang cầm giữ; Bản sao giấy đăng ký xe có xác nhận của tổ chức cho thuê tài chính; Giấy hẹn cấp giấy đăng ký xe.

+ Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực.

+ Nộp bản chính Giấy chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT xe cơ giới cải tạo (đối với xe cơ giới mới cải tạo).

+ Thông tin về tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và địa chỉ trang WEB quản lý thiết bị giám sát hành trình đối với xe cơ giới thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình.

- Kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm:

+ Văn bản đề nghị nêu rõ lý do, địa điểm kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm kèm theo danh sách xe cơ giới đề nghị kiểm định.

Khi đưa xe cơ giới đến đơn vị đăng kiểm để kiểm định, tổ chức, cá nhân cần xuất trình, nộp các giấy tờ và cung cấp các thông tin sau:

+ Xuất trình bản chính giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau: Bản sao giấy đăng ký xe có xác nhận của ngân hàng đang cầm giữ; Bản sao giấy đăng ký xe có xác nhận của tổ chức cho thuê tài chính; Giấy hẹn cấp giấy đăng ký xe.

+ Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực.

+ Nộp bản chính Giấy chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT xe cơ giới cải tạo (đối với xe cơ giới mới cải tạo).

+ Thông tin về tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và địa chỉ trang WEB quản lý thiết bị giám sát hành trình đối với xe cơ giới thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong ngày làm việc.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới**.**

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

- Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới.

**8. Phí, lệ phí:**

- Phí kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới đang lưu hành tính theo biểu phí quy định tại Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

- Lệ phí: 50.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 100.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định quy định tại Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2008.

**9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Không có

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Đáp ứng yêu cầu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 70/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 70/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 199/2016/TT- BTC ngày 08/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ mội trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

**136. Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho tất cả các loại phương tiện thủy nội địa**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ phương tiện hoặc cơ sở đóng mới, sửa chữa phục hồi phương tiện nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa đến đơn vị đăng kiểm, cụ thể:

- Các đơn vị đăng kiểm trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện việc kiểm tra, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thuỷ nội địa đối với:

+ Tất cả các loại phương tiện hoạt động ven biển, từ bờ ra đảo, giữa các đảo.

+ Các phương tiện chở hàng nguy hiểm;

+ Các loại phà chở khách, bao gồm cả phương tiện lai nếu có.

+ Tàu thuyền thể thao vui chơi giải trí.

+ Các phương tiện có lắp đặt thiết bị nâng.

+ Các phương tiện của nước ngoài hoặc của doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài tham gia giao thông đường thuỷ nội địa.

+ Các phương tiện hoạt động trên sông, kênh, rạch, hồ, đầm, và vịnh: Phương tiện có sức chở người từ 50 người trở lên; Phương tiện không có động cơ có trọng tải toàn phần từ 200 tấn trở lên; Phương tiện có động cơ có tổng công suất máy chính từ 135 mã lực trở lên; Phương tiện chuyên dùng như: ụ nổi, bến nổi, thiết bị thi công nổi, nhà nổi, khách sạn nổi, tàu cuốc, tàu hút…. có chiều dài đường nước thiết kế từ 10m trở lên.

- Các đơn vị đăng kiểm trực thuộc Sở Giao thông vận tải, thực hiện việc kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thuỷ nội địa cho các phương tiện hoạt động trên sông, kênh, rạch, hồ, đầm và vịnh do địa phương trực tiếp quản lý, bao gồm:

+ Các ph­ương tiện có sức chở người d­ưới 50 người;

+ Các ph­ương tiện không động cơ có trọng tải toàn phần d­ưới 200 tấn;

+ Các ph­ương tiện có động cơ có tổng công suất dư­ới 135 mã lực;

+ Các ph­ương tiện chuyên dùng như: ụ nổi, bến nổi, thiết bị thi công nổi, nhà nổi, tàu cuốc, tàu hút ... có chiều dài thiết kế nhỏ hơn 10m.

b) Giải quyết TTHC:

- Nếu hồ sơ không đầy đủ thì đơn vị đăng kiểm hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện, nếu hồ sơ đã đầy đủ thì hẹn thời gian, địa điểm kiểm tra.  
- Kết quả kiểm tra mà phương tiện và trang thiết bị lắp trên phương tiện thỏa mãn các quy định của quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật và bảo vệ môi trường thì đơn vị đăng kiểm cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện chậm nhất 01 ngày làm việc sau khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường.  
**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại trụ sở Đơn vị đăng kiểm hoặc **q**ua hệ thống bưu chính.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị kiểm tra (bản chính) theo mẫu; Trường hợp đề nghị kiểm tra bằng hình thức mời trực tiếp, gọi điện thoại hay bản fax thì không phải nộp Giấy đề nghị kiểm tra;

- Hồ sơ kỹ thuật phương tiện (bản chính):

+ Phương tiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi thì trình hồ sơ thiết kế được duyệt (bản chính);

+ Phương tiện đang khai thác thì trình giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cùng với Sổ kiểm tra kỹ thuật của phương tiện (bản chính);

+ Phương tiện nhập khẩu thì nộp: 01 bản sao chụp tờ khai hàng hoá nhập khẩu đã làm thủ tục Hải quan (có bản chính để đối chiếu); 01 hồ sơ thiết kế được Cục Đăng kiểm Việt Nam duyệt (bản chính) và các tài liệu kỹ thuật của tổ chức nước ngoài cấp cho phương tiện (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 01 ngày làm việc sau khi kiểm tra tại hiện trường đạt yêu cầu.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân, tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Sở GTVT;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Các đơn vị đăng kiểm trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam và trực thuộc Sở GTVT;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

**8. Phí, lệ phí:**

- Phí kiểm định tính theo biểu phí tại Thông tư số 123/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Lệ phí: 20.000 đồng/01 Giấy chứng nhận.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

**Giấy đề nghị kiểm tra** an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường**.**

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Thỏa mãn các quy phạm, quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng: QCVN01:2008/BGTVT; QCVN17:2011/BGTVT; QCVN25:2010/BGTVT; QCVN50:2012/BGTVT; QCVN51:2012/BGTVT; QCVN 54:2013/BGTVT; QCVN55:2013/BGTVT; QCVN56:2013/BGTVT; QCVN 72:2013/BGTVT; QCVN84:2014/BGTVT; QCVN 85:2014/BGTVT.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thuỷ nội địa ngày năm 2004;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về đăng kiểm phương tiện thuỷ nội địa;

- Thông tư số 102/2008/TT-BTC ngày 11/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm an toàn chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải;

- Thông tư số 123/2013/TT-BTC ngày 28/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng phương tiện thủy nội địa.

*Mẫu:*

**ĐƠN VỊ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

………………………….……..  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:……………..…… *……,ngày………tháng………năm…….*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA**

Kính gửi: …………………………………….…………………………..

Đơn vị: ………………………………………………………………………………

Địa chỉ: …………………………………….…………....................................................

Số điện thoại:……………………………………….Số fax: …………………………

Đề nghị Cơ quan Đăng kiểm kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thuỷ nội địa sau:

Tên tàu/ ký hiệu thiết kế:*………………………..……../……………………………………*

Số ĐKHC/ Số Đăng kiểm (\*):*…………….…….…………../………………………..………*

Nội dung kiểm tra: …….…..…….. Kích thước cơ bản phương tiện: …………..

Chiều dài (Lmax/L): ………………..(m); Chiều rộng: (Bmax/B): ………….……..(m);

Chiều cao mạn (D):…………………… (m); Chiều chìm (d):………………………(m);

Tổng dung tích (GT):………..……; Trọng tải TP/Lượng hàng:……………………(tấn);

Số lượng thuyền viên:……………(người); Số lượng hành khách:……………(người);

Máy chính *(số lượng, kiểu, công suất)*:…………………………………………..…;

Kiểu và công dụng của phương tiện:……………………………………………….

**Đơn vị đề nghị**

*(Ký tên & đóng dấu)*

(\*) *Áp dụng cho phương tiện đang khai thác*

**II. LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA (02 TTHC)**

**137. Cấp, cấp lại, chuyển đổi chứng chỉ nghiệp vụ và chứng chỉ huấn luyện**

**an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Cơ sở dạy nghề**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cá nhân có nhu cầu cấp, cấp lại, chuyển đổi chứng chỉ chuyên môn (CCCM) nộp hồ sơ đến Cơ sở dạy nghề.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ sở dạy nghề tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết và làm thủ tục cấp, cấp lại, chuyển đổi; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ sở dạy nghề có văn bản gửi cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cơ sở dạy nghề cấp, cấp lại, chuyển đổi CCCM.

**2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính .

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo mẫu;

- 02 ảnh màu cỡ 2x3 cm, ảnh chụp không quá 06 tháng;

- Giấy chứng nhận sức khoẻ do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu (trong trường hợp gửi trực tiếp) hoặc bản sao chứng thực của các loại bằng, Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ liên quan hoặc bản dịch công chứng sang tiếng Việt (đối với bằng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp) để chứng minh đủ điều kiện cấp, cấp lại, chuyển đổi tương ứng với loại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn theo quy định tại các Điều 17, 18, 19 và Điều 20 của Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ sở dạy nghề;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở dạy nghề;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Chứng chỉ chuyên môn.

**8. Phí, lệ phí:**

- Lệ phí: 20.000 đồng/lần.

**9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

a) Cấp CCCM:

- Cấp chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản:

+ Hoàn thành một trong các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghề theo quy định tại Thông tư 56/2014/TT-BGTVT.

+ Người có bằng, chứng chỉ nghiệp vụ được cấp trước ngày 01/01/2015, có tên trong sổ cấp bằng, chứng chỉ nghiệp vụ của cơ quan cấp bằng, chứng chỉ nghiệp vụ, được cấp chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản tại các cơ sở dạy nghề

b) Cấp lại chứng chỉ chuyên môn

- Người có GCNKNCM, CCCM bị hỏng, có tên trong sổ cấp CCCM của cơ quan cấp CCCM được cấp lại CCCM.

- CCCM bị mất khi cấp lại vẫn giữ nguyên số cũ, đồng thời cơ quan cấp phải gửi thông báo hủy CCCM cũ tới các cơ quan liên quan.

- Người có GCNKNCM thuyền trưởng từ hạng tư trở lên có nhu cầu, được cấp chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất.

c) Chứng chỉ chuyên môn đã cấp

- Người có chứng chỉ thủy thủ được cấp lại chứng chỉ thủy thủ hạng nhất;

- Người có chứng chỉ thủy thủ chương trình hạn chế được cấp lại chứng chỉ thủy thủ hạng nhì;

- Người có chứng chỉ thợ máy được cấp lại chứng chỉ thợ máy hạng nhất;

- Người có chứng chỉ thợ máy chương trình hạn chế được cấp lại chứng chỉ thợ máy hạng nhì;

- Người có chứng chỉ lái phương tiện được cấp lại chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất;

- Người có chứng chỉ lái phương tiện chương trình hạn chế được cấp lại chứng chỉ lái phương tiện hạng nhì.

d) Chuyển đổi chứng chỉ chuyên môn

- Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hoặc chứng chỉ về thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp; người nước ngoài hoặc người Việt Nam cư trú ở nước ngoài có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hoặc chứng chỉ về thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, nếu có nhu cầu làm việc trên các phương tiện thủy nội địa thì phải làm thủ tục chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thủy nội địa tương ứng theo quy định tại Thông tư 56/2014/TT-BGTVT.

- Đối với chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn tàu cá:

+ Người có chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng tư từ 400 cv trở lên, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng tư đủ 18 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghề tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì, dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng năm từ 90 cv đến dưới 400 cv, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng năm đủ 18 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghề tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba, dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá hạng nhỏ từ 20 cv đến dưới 90 cv, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng tàu cá hạng nhỏ đủ 18 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghề tương ứng với thuyền trưởng hạng tư, dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng hạng tư và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ máy trưởng tàu cá hạng nhỏ từ 20 cv đến dưới 90 cv, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh máy trưởng tàu cá hạng nhỏ đủ 18 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM máy trưởng hạng ba phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghề tương ứng với máy trưởng hạng ba và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thủy thủ, thợ máy tàu cá được chuyển đổi tương ứng sang chứng chỉ thủy thủ, thợ máy hạng nhất phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình đào tạo nghề tương ứng với thủy thủ, thợ máy hạng nhất, dự kiểm tra các môn kiểm tra tương ứng với thủy thủ, thợ máy hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá từ hạng nhỏ trở lên, đủ sức khỏe theo quy định, được chuyển đổi sang chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất không hoạt động kinh doanh vận tải nhưng phải hoàn thành chương trình đào tạo nghề tương ứng với lái phương tiện hạng nhất, dự kiểm tra các môn kiểm tra tương ứng với lái phương tiện hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định.

- Đối với GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM tàu biển:

+ Người có bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề hoặc cao đẳng trở lên được đào tạo nghề điều khiển tàu biển hoặc nghề máy tàu biển, có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển từ 500 GT trở lên hoặc có GCNKNCM máy trưởng tàu biển từ 750 kW trở lên, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi các môn thi lý thuyết tổng hợp tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề hoặc trung cấp được đào tạo nghề điều khiển tàu biển hoặc nghề máy tàu biển, có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển từ 50 GT đến dưới 500 GT hoặc có GCNKNCM máy trưởng tàu biển từ 75 kW đến dưới 750 kW, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi các môn thi lý thuyết tổng hợp tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển dưới 50 GT hoặc có GCNKNCM máy trưởng tàu biển dưới 75 kW, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi các môn thi lý thuyết tổng hợp tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển dưới 50 GT, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi môn thi lý thuyết tổng hợp tương ứng với thuyền trưởng hạng tư và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thủy thủ, thợ máy tàu biển được chuyển đổi tương ứng sang chứng chỉ thủy thủ, thợ máy hạng nhất phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự kiểm tra các môn kiểm tra lý thuyết tổng hợp tương ứng với chứng chỉ thủy thủ, thợ máy hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển từ 50 GT trở lên, đủ sức khỏe theo quy định, được chuyển đổi sang chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất phương tiện thủy nội địa không hoạt động kinh doanh vận tải nhưng phải dự kiểm tra môn kiểm tra lý thuyết tổng hợp tương ứng với loại chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển đã chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhất, nhì, ba phương tiện thủy nội địa theo quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản này, được cấp chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển, chứng chỉ điều khiển phương tiện đi ven biển;

+ Người có GCNKNCM máy trưởng tàu biển đã chuyển đổi sang GCNKNCM máy trưởng hạng nhất, nhì, ba phương tiện thủy nội địa theo quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản này, được cấp chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy đường thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy đường thủy nội địa;

- Thông tư số 02/2017/TT-BGTVT ngày 20/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy đường thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy đường thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**DỰ HỌC, THI, KIỂM TRA, CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM**

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền cấp)………........…...…

Ảnh màu

cỡ 2x3 cm,

ảnh chụp không quá

06 tháng(**\*)**

Tên tôi là:………………..………; Quốc tịch…….……..……; Nam (Nữ)

Sinh gày…….tháng…….năm…………………………….....…………….

Nơi cư trú:…………………………………………………………....……

Điện thoại:..............................................; Email:.........................................

Số CMND (hoặc Hộ chiếu):…………………...do……………….....…….

cấp ngày…….tháng……..năm………………………………………………........

Tôi đã tốt nghiệp ngành học:…………...…, khóa:…., Trường:……......…,

đã được cấp bằng, GCNKNCM, CCCM số:………..ngày…...tháng.....năm……..

theo Quyết định số:…………., ngày….….tháng.…....năm….....của……………..

Quá trình làm việc trên phương tiện thủy nội địa:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TỪ.............ĐẾN.............. | CHỨC DANH | NƠI LÀM VIỆC | SỐ PTTNĐ | GHI CHÚ |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

Đối chiếu với tiêu chuẩn, điều kiện dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM, tôi thấy đủ điều kiện:

|  |  |
| --- | --- |
| + Dự học để thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Dự thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Cấp GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Cấp lại GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Chuyển đổi GCNKNCM, CCCM: |  |

Đề nghị (cơ quan có thẩm quyền cấp)…......................…cho tôi được dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi:……........................………………….

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | ………, ngày……..tháng…..năm….  **Người đề nghị**  *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

***(\*)*** *02 ảnh màu cỡ 2x3 cm,ảnh chụp không quá 06 tháng.*

**138. Dự kiểm tra lấy chứng chỉ nghiệp vụ và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cá nhân có nhu cầu dự học kiểm tra lấy CCCM nộp hồ sơ đến cơ sở dạy nghề.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ sở dạy nghề tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn làm thủ tục dự học, kiểm tra lấy CCCM; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ sở dạy nghề phải có văn bản gửi cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ sở dạy nghề gửi giấy hẹn làm thủ tục dự học, kiểm tra lấy CCCM;

- Cơ sở dạy nghề tổ chức kiểm tra và cấp CCCM cho thí sinh đạt yêu cầu kỳ kiểm tra.

- Cá nhân khi dự kiểm tra, nhận hoặc người có giấy ủy quyền nhận CCCM phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu.

**2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo mẫu;

- 02 ảnh màu cỡ 2x3 cm, ảnh chụp không quá 06 tháng;

- Giấy chứng nhận sức khoẻ do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu (trong trường hợp gửi trực tiếp) hoặc bản sao chứng thực của các loại bằng, GCNKNCM, chứng chỉ liên quan hoặc bản dịch công chứng sang tiếng Việt (đối với bằng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp) để chứng minh đủ điều kiện kiểm tra tương ứng với loại CCCM theo quy định tại Điều 5, Điều 6 của Thông tư 56/2014/TT-BGTVT.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ sở dạy nghề;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ sở dạy nghề;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận

**8. Phí, lệ phí:**

- Lệ phí cấp chứng chỉ chuyên môn: 20.000 đồng.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:**

a) Điều kiện chung:

- Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc làm việc hợp pháp tại Việt Nam.

- Hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghề tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM, CCCM (trừ các trường hợp cụ thể quy định tại các khoản 9, 11 và khoản 13 Điều 6 của Thông tư 56/2014/TT-BGTVT).

- Đủ tuổi, đủ thời gian nghiệp vụ, thời gian tập sự tính đến thời điểm ra quyết định thành lập hội đồng thi, kiểm tra tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM, CCCM quy định tại Điều 6 của Thông tư 56/2014/TT-BGTVT.

- Có giấy chứng nhận sức khoẻ do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp.

b) Điều kiện cụ thể

- Điều kiện dự kiểm tra lấy chứng chỉ thuỷ thủ hạng nhất, hạng nhì; chứng chỉ thợ máy hạng nhất, hạng nhì: đủ 16 tuổi trở lên.

- Điều kiện dự kiểm tra lấy chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất, hạng nhì: đủ 18 tuổi trở lên.

- Điều kiện dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư: có chứng chỉ thủy thủ hoặc chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất hoặc hạng nhì, có thời gian nghiệp vụ đủ 18 tháng trở lên. Đối với người đã có thời gian thực tế làm công việc của thuỷ thủ hoặc lái phương tiện hạng nhất hoặc hạng nhì đủ 30 tháng trở lên được quy đổi tương đương với thời gian nghiệp vụ để dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư.

- Điều kiện dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba:

+ Có chứng chỉ thủy thủ hoặc chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất hoặc bằng thuyền trưởng hạng ba chương trình hạn chế hoặc GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư, có thời gian nghiệp vụ đủ 18 tháng trở lên. Đối với người đã có thời gian thực tế làm công việc của thủy thủ hoặc lái phương tiện hạng nhất đủ 30 tháng trở lên được quy đổi tương đương với thời gian nghiệp vụ để dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba;

+ Đối với người đã có chứng chỉ sơ cấp nghề được đào tạo nghề điều khiển tàu thuỷ, nghề thuỷ thủ, hoàn thành thời gian tập sự đủ 06 tháng trở lên được dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba, không phải dự học chương trình tương ứng.

- Điều kiện dự thi lấy GCNKNCM máy trưởng hạng ba:

+ Có chứng chỉ thợ máy hạng nhất hoặc hạng nhì, có thời gian nghiệp vụ đủ 18 tháng trở lên. Đối với người đã có thời gian thực tế làm công việc của thợ máy hạng nhất hoặc hạng nhì đủ 30 tháng trở lên được quy đổi tương đương với thời gian nghiệp vụ để dự thi lấy GCNKNCM máy trưởng hạng ba;

+ Đối với người đã có chứng chỉ sơ cấp nghề được đào tạo theo nghề máy tàu thuỷ, nghề thợ máy, hoàn thành thời gian tập sự đủ 06 tháng trở lên được dự thi lấy GCNKNCM máy trưởng hạng ba, không phải dự học chương trình tương ứng.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy đường thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy đường thủy nội địa;

- Thông tư số 02/2017/TT-BGTVT ngày 20/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy đường thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy đường thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**DỰ HỌC, THI, KIỂM TRA, CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM**

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền cấp)………........…...…

Ảnh màu

cỡ 2x3 cm,

ảnh chụp không quá

06 tháng(**\*)**

Tên tôi là:………………..………; Quốc tịch…….……..……; Nam (Nữ)

Sinh gày…….tháng…….năm…………………………….....…………….

Nơi cư trú:…………………………………………………………....……

Điện thoại:..............................................; Email:.........................................

Số CMND (hoặc Hộ chiếu):…………………...do……………….....…….

cấp ngày…….tháng……..năm………………………………………………........

Tôi đã tốt nghiệp ngành học:…………...…, khóa:…., Trường:……......…,

đã được cấp bằng, GCNKNCM, CCCM số:………..ngày…...tháng.....năm……..

theo Quyết định số:…………., ngày….….tháng.…....năm….....của……………..

Quá trình làm việc trên phương tiện thủy nội địa:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TỪ.............ĐẾN.............. | CHỨC DANH | NƠI LÀM VIỆC | SỐ PTTNĐ | GHI CHÚ |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

Đối chiếu với tiêu chuẩn, điều kiện dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM, tôi thấy đủ điều kiện:

|  |  |
| --- | --- |
| + Dự học để thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Dự thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Cấp GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Cấp lại GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Chuyển đổi GCNKNCM, CCCM: |  |

Đề nghị (cơ quan có thẩm quyền cấp)…......................…cho tôi được dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi:……........................………………….

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | ………, ngày……..tháng…..năm….  **Người đề nghị**  *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |